

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	29/05/96	7553	D3	2	6.25	9.00	5.00	30.17	996		
2	Đình Diệu	Hương	17/06/95	8494	D1	2	7.25	7.25	7.00	29.67	3545		
3	Trần Quốc	Vương	24/10/96	45073	D1	2	6.25	7.00	4.00	25.17	3176		
4	Nguyễn Hồng	Ngọc	15/04/96	71024	D1	2NT	5.50	6.00	5.00	23.83	12501		
5	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	09/03/96	69360	D1	2	4.75	6.50	5.25	23.67	1186		
6	Hoàng Thị Mai	Anh	08/01/95	70692	D1	1	5.00	5.50	5.50	23.50	2022		
7	Nguyễn Thị Hoàng	Nguyên	12/12/96	41930	D1	2	6.50	5.50	5.00	23.17	11311		
8	Dương Nữ Kiều	Oanh	02/10/96	76596	D1	2	3.50	5.50	8.00	23.17	3454		
9	Nguyễn Như	Quỳnh	09/07/96	42919	D1	2	6.50	5.00	5.50	22.67	3049		
10	Trần Thị ánh	Trâm	20/12/96	44311	D1	2NT 06	6.50	4.50	4.50	22.67	3460		
11	Trương Phương	Uyên	06/10/96	44848	D1	2	2.50	5.75	6.75	21.67	3743		
12	Trần Thị Hoài	Vân	04/04/96	71335	D1	2NT	5.50	4.50	5.00	20.83	774		
13	Nguyễn Thị Y	Nga	10/10/96	69500	D1	2NT	5.00	5.75	3.00	20.83	11905		
14	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/02/96	43788	D1	2NT	3.50	5.00	6.00	20.83	3275		
15	Phạm Bích	Phương	17/09/95	25659	D1	2	5.00	4.50	5.75	20.67	2903		
16	Võ Nguyễn Thị Mỹ	Liên	20/12/94	72129	D1	2	5.50	4.25	5.75	20.67	3220		
17	Hồ Đắc Thái	Son	27/08/96	72700	D1	2	6.25	5.00	3.75	20.67	3737		
18	Đặng Thị Nhị	Trang	01/12/96	73020	D1	1	4.00	5.00	4.50	20.50	1157		
19	Hà Nữ Nhân Thiên	Thanh	10/07/96	22987	D1	1	6.50	4.50	2.75	20.50	13520		
20	Nguyễn ái	Linh	20/03/96	41120	D1	2NT	5.25	4.50	4.75	20.33	12918		
21	Nguyễn Thị Trà	Giang	27/03/96	70793	D1	2NT	5.25	4.00	5.75	20.33	3012		
22	Nguyễn Thị Tường	Vy	01/01/95	71346	D1	2	6.75	4.50	3.75	20.17	319		

(DHF.D140233) - Ngành: Sư phạm Tiếng Pháp. Điểm sàn nộp hồ sơ D1, 3: 17,5

Chỉ tiêu: 6

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
23	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	30/12/96	40574	D1	2NT 06	4.25	4.00	5.25	20.17	11710		
24	Nguyễn Ngọc Uyên	Phương	30/08/95	74212	D1	2	5.50	4.25	5.00	19.67	3387		
25	Lê Thư	Hiên	23/01/96	71866	D1	2	3.25	4.50	6.75	19.67	3662		
26	Đoàn Thị Tú	Trinh	28/02/95	76873	D1	1	4.75	3.50	5.50	19.50	2866		
27	Nguyễn Thị Tú	Anh	01/01/96	70700	D1	3	6.75	4.50	3.75	19.50	3070		
28	Nguyễn Thị Tố	Như	14/09/96	71087	D1	1	3.50	3.50	6.75	19.50	12391		
29	Đoàn Thị Ngọc	Giao	09/05/96	39812	D1	2NT	6.00	3.75	4.25	19.33	2097		
30	Nguyễn Thị Thúy	An	06/12/96	70689	D1	2NT	3.00	5.50	4.00	19.33	3215		
31	Phùng Thị Diễm	Tuyết	18/08/95	44642	D1	2	5.00	5.00	3.50	19.17	1071		
32	Ngô Thị Trà	Mi	19/09/95	72249	D1	2	3.25	5.00	5.00	19.17	1855		
33	Nguyễn Thị Diệu	Vy	14/10/95	71345	D1	2	4.00	4.50	5.50	19.17	2752		
34	Lê Thị Thu	Hương	26/10/96	40695	D1	1	2.50	4.75	4.75	19.00	13250		
35	Nguyễn Thị Kim	Chi	03/03/96	73929	D1	2	5.50	4.25	4.00	18.67	814		
36	Nguyễn Minh	Khôi	20/09/96	40801	D1	3	5.25	5.00	3.00	18.50	13518		
37	Lê Phước Bích	Thuận	03/04/95	72861	D1	2	4.00	4.50	4.50	18.17	1346		
38	Trần Thị Huyền	Trâm	16/05/95	69636	D1	2	4.00	5.00	3.50	18.17	13078		
39	Nguyễn Phước Tâm	Nguyên	02/04/96	74137	D1	2	4.25	4.50	4.25	18.17	3707		
40	Phạm Hoàng	Dinh	20/01/95	39371	D1	3	3.75	4.75	4.50	18.00	13519		
41	Trần Thị	Phượng	10/05/94	76638	D1	2	3.00	4.00	6.00	17.67	1132		
42	Lê Thị Hoài	Ân	02/06/96	39019	D1	1	3.50	3.50	5.00	17.50	11785		

(DHF.D140234) - Ngành: Sư phạm Tiếng Trung Quốc. Điểm sàn nộp hồ sơ D1, 2, 3, 4: 17,5

Chỉ tiêu: 10

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Vũ Thanh	Phúc	15/05/96	4166	D1	2NT	6.25	7.25	5.50	27.83	13208		
2	Lê Thị Hồng	Sâm	19/09/96	6880	D3	2	3.75	8.75	5.50	27.67	11154		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
3	Lại Thị Bích	Hạnh	06/01/96	1552	D1	2NT	6.75	5.50	7.50	26.83	11499		
4	Lê Thị Ngọc	Hồng	10/11/96	8061	D1	2NT	6.75	5.50	7.50	26.83	12404		
5	Đặng Hồng	Trinh	20/07/96	7194	D1	2	5.50	7.75	4.75	26.67	3352		
6	Nguyễn Hải Hoài	My	23/04/96	8952	D1	2	4.75	7.75	5.00	26.17	11054		
7	Nguyễn Thị Thảo	Anh	01/05/93	22650	D1	2	5.75	7.25	5.00	26.17	11059		
8	Trần Sỹ	Anh	10/02/96	446	D1	2NT	6.50	5.50	6.50	25.33	12953		
9	Lê Thị ánh	Hồng	02/03/96	40457	D1	2NT	5.75	6.25	5.50	25.33	12729		
10	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	01/07/96	41853	D1	2	5.50	6.50	6.00	25.17	11073		
11	Nguyễn Thị Hải	Nhi	07/06/96	8677	D1	2	6.25	5.75	6.75	25.17	13475		
12	Dương Thị Hà	Giang	06/06/95	7047	D1	1	6.25	5.25	6.00	25.00	11167		
13	Nguyễn Ngô Lan	Nhi	02/11/96	5324	D1	3	5.25	7.25	5.00	25.00	11460		
14	Nguyễn Thị	Hiền	10/08/95	25174	D1	1 06	5.50	5.25	5.50	24.83	12454		
15	Phan Thị	Thúy	10/02/95	43651	D1	2NT	6.50	6.50	3.75	24.83	13375		
16	Đỗ Thị Thanh	Thùy	10/09/96	15692	D1	2	6.25	5.75	6.00	24.67	12952		
17	Vũ Trần Tùng	Linh	13/05/96	41076	D1	3	6.75	6.25	5.25	24.50	11280		
18	Võ Thị Kim	Oanh	08/02/96	4432	D1	2	5.50	6.00	6.00	24.17	11415		
19	Phan Thị Nhật	Linh	02/02/96	9617	D1	2	6.50	5.75	5.50	24.17	2006		
20	Hoàng Quỳnh	Anh	08/05/95	38915	D1	2	7.00	5.75	4.75	24.17	10039		
21	Nguyễn Thị Bích	Ngân	16/04/96	41705	D1	1	5.25	4.25	8.00	24.00	13019		
22	Nguyễn Phúc Linh	Phụng	30/05/96	10065	D1	3	6.25	5.50	6.75	24.00	3389		
23	Nguyễn Thị Cẩm	Lai	08/08/95	76361	D1	1	6.00	6.00	4.00	24.00	13407		
24	Phạm Bích	Ngọc	07/04/96	9300	D1	2NT	4.50	6.00	6.00	23.83	11108		
25	Trương Chúc	Quỳnh	01/05/96	1509	D1	2NT	7.00	4.50	6.50	23.83	12954		
26	Trần Thị	Liên	18/08/95	40988	D1	2NT	5.25	5.50	6.00	23.83	13316		
27	Nguyễn Thị Hoài	Linh	14/10/96	41115	D1	2	4.50	5.50	7.25	23.67	11578		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
28	Lê Thị Thanh	Trang	28/05/96	71254	D1	2	5.75	5.00	7.00	23.67	2620		
29	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	21/03/96	40621	D1	1	4.25	6.00	5.00	23.50	2004		
30	Trần Thị Minh	Lành	07/01/95	70920	D1	1	5.25	5.00	6.25	23.50	11571		
31	Nguyễn Thị	Hiệp	26/09/96	22957	D1	2NT	5.50	5.00	6.50	23.33	11320		
32	Phạm Thị Mạnh	Cường	20/07/96	39237	D1	2NT	5.00	5.50	5.75	23.33	11352		
33	Lê Thị	Vân	06/04/96	4539	D1	2NT	6.00	4.50	7.00	23.33	12787		
34	Trần Thị	Phượng	15/10/96	42691	D1	2NT	7.25	5.75	3.00	23.33	12358		
35	Nguyễn Phạm Kiều	Oanh	04/09/96	42422	D1	2	6.25	5.50	5.25	23.17	11585		
36	Nguyễn Ngọc	Thái	26/09/96	43187	D1	2	6.00	6.50	3.50	23.17	12242		
37	Trần Thị Lan	Thảo	14/09/96	43357	D1	3	5.75	7.25	2.50	23.00	11174		
38	Huỳnh Trọng	Nghĩa	13/03/96	41774	D1	3	4.75	7.00	4.00	23.00	11738		
39	Trương Thị Thanh	Thảo	17/09/96	43419	D1	1	5.50	5.50	4.25	23.00	12121		
40	Trần Mỹ	ánh	30/06/96	39007	D1	1	6.75	4.00	6.25	23.00	12410		
41	Nguyễn Thị Như	Ngọc	13/12/95	76509	D1	1	4.25	5.75	5.00	23.00	13077		
42	Phan Thị Kim	Xuân	31/03/96	45215	D1	2NT	6.00	5.50	4.50	22.83	12059		
43	Nguyễn Ngọc	Hải	10/02/95	11252	D1	1 06	6.75	3.75	5.25	22.83	3519		
44	Nguyễn Như	Quỳnh	09/07/96	42919	D1	2	6.50	5.00	5.50	22.67	11425		
45	Trần Thị	Phượng	07/06/96	42676	D1	2	4.25	6.25	5.00	22.67	2851		
46	Nguyễn Thị Thùy	Dương	24/09/96	13235	D1	1	5.50	4.00	7.00	22.50	11605		
47	Nguyễn Thảo	Nhi	16/08/96	42157	D1	1	4.25	5.00	6.00	22.50	12136		
48	Phạm Miên	Trân	23/08/96	44365	D1	3	6.25	5.75	4.75	22.50	12718		
49	Bùi Thị	Sâm	24/07/96	42962	D1	1	5.00	4.25	7.00	22.50	13018		
50	Nguyễn Thị Thu	Phương	04/08/96	14284	D1	1	4.00	5.25	6.00	22.50	13057		
51	Lê Thị Thu	Thảo	04/06/96	43339	D1	2NT	5.75	5.25	4.50	22.33	1590		
52	Nguyễn Thị Tố	Uyên	14/09/93	71326	D1	2NT	3.25	6.00	5.50	22.33	12834		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
53	Hồ Thị	Hà	10/06/96	70794	D1	2NT	4.75	5.50	5.00	22.33	13212		
54	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	02/03/96	40181	D1	2	4.75	6.25	4.00	22.17	11298		
55	Lê Đan	Thanh	12/07/96	69576	D1	2	6.00	5.00	5.25	22.17	2247		
56	Phạm Thị Thảo	Dung	11/12/96	70764	D1	2	6.00	4.50	6.25	22.17	11627		
57	Võ Mỹ	Linh	27/12/96	41113	D1	2	3.25	7.00	4.00	22.17	12403		
58	Trần Thị	Thôi	18/03/95	43578	D1	2	6.75	5.25	4.00	22.17	13112		
59	Trần Thị Yến	Nhi	24/02/95	42049	D1	2	5.50	6.00	4.00	22.17	3493		
60	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	12/03/96	40972	D1	3	5.50	4.75	6.75	22.00	1115		
61	Huỳnh Thị Trà	Linh	12/02/96	69446	D1	1	5.75	4.50	5.00	22.00	12161		
62	Phạm Thị	Linh	04/02/96	41116	D1	1	5.25	5.00	4.75	22.00	12406		
63	Nguyễn Thị Kim	Vy	15/02/96	45112	D1	3	6.25	6.00	3.50	22.00	13050		
64	Nguyễn Thị	Hàng	25/06/94	40069	D1	1	6.25	5.00	3.75	22.00	13364		
65	Lâm Khánh	Trần	16/02/96	44375	D1	3 06	6.75	4.50	4.50	21.83	2284		
66	Huỳnh Thị Thủy	Hồng	10/02/93	32390	D1	2NT	3.50	6.00	4.75	21.83	12629		
67	Nguyễn Thị	Loan	19/06/96	41214	D1	2NT	4.50	4.50	6.75	21.83	12482		
68	Hồ Thị Kim	Cương	23/05/96	70740	D1	2NT	5.00	5.00	5.50	21.83	13095		
69	Trương Thị Ngọc	Huyền	01/03/96	70884	D1	2	5.75	4.75	5.50	21.67	11357		
70	Phạm Thị Ngọc	Hiền	01/07/96	76256	D1	2	6.25	5.00	4.50	21.67	2856		
71	Lê Thị	Hiền	08/06/95	19089	D1	2	6.25	5.75	3.00	21.67	12491		
72	Lương Thị	Hàng	16/09/96	40100	D1	1	3.25	5.00	6.00	21.50	11756		
73	Đặng Thị	Tiến	20/12/96	44004	D1	1	6.25	4.50	4.25	21.50	12173		
74	Nguyễn Thị ánh	Triết	22/03/96	44385	D1	2NT	6.25	5.00	3.50	21.33	11189		
75	Huỳnh Thị Phương	Hàng	02/11/95	40124	D1	2NT	5.00	4.50	5.75	21.33	2771		
76	Lê Thị	Hậu	18/08/95	11646	D1	2NT	4.75	4.00	7.00	21.33	12243		
77	Phạm Thị	Uyên	10/10/96	8957	D1	2NT	6.50	3.75	5.75	21.33	13413		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
78	Hoàng Ngọc	Nữ	02/07/96	71103	D1	2	4.00	6.00	4.50	21.17	913		
79	Nguyễn Thị Hồng	Tình	15/03/96	71245	D1	2	5.25	5.00	5.00	21.17	11798		04/09/14
80	Nguyễn Thị Tú	Oanh	09/08/96	5393	D1	2	5.25	4.25	6.50	21.17	11529		
81	Đỗ Thị Tường	Vi	10/05/95	44952	D1	2	6.75	5.50	2.75	21.17	11910		
82	Trần Thị	Tú	10/07/96	44716	D1	2	6.25	6.00	2.00	21.17	2852		
83	Dương Tuyết	Anh	20/12/95	19004	D1	1	6.00	4.75	3.50	21.00	1513		
84	Huỳnh Thị	Hiên	30/08/95	40298	D1	1	4.50	5.00	4.25	21.00	12401		
85	Nguyễn Thị	Yến	18/01/96	45274	D1	1	3.50	4.75	6.00	21.00	13202		
86	Phan Ngọc	Tình	20/08/96	44029	D1	1	3.75	5.00	5.00	21.00	12248		
87	Võ Thị Thu	Hoài	03/03/96	2014	D1	2NT	5.25	5.50	3.00	20.83	12		
88	Bạch Thị Kiều	Nga	18/07/95	72312	D1	2NT	1.50	6.00	6.00	20.83	379		
89	Phan Thị Thảo	Trang	10/10/95	73004	D1	2NT	4.00	5.50	4.25	20.83	2570		
90	Thi Minh	Hữu	07/09/94	40747	D1	2NT	6.25	5.50	2.25	20.83	12307		
91	Lê Thị Hồng	Nhi	16/01/96	72426	D1	2	3.00	5.50	6.00	20.67	242		
92	Trương Thị Khánh	Ly	08/01/96	72228	D1	2	5.00	4.00	7.00	20.67	1526		
93	Mai Thị	Vỹ	10/05/96	72287	D1	2	4.75	4.50	6.25	20.67	1785		
94	Phan Thị	Ly	20/11/95	41331	D1	2	4.50	5.50	4.50	20.67	11403		
95	Hoàng Thị Thu	Sương	03/02/96	42992	D1	2	6.25	4.00	5.50	20.67	11795		
96	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	26/04/96	42460	D1	2	5.00	4.75	5.50	20.67	11807		
97	Hoàng Thị Thu	Sương	03/02/96	42992	D1	2	6.25	4.00	5.50	20.67	12246		
98	Hoàng Kỳ	Thư	25/08/96	12508	D1	1	5.50	4.50	4.00	20.50	16		
99	Trần Thị Trà	My	20/08/95	69491	D1	1	5.00	4.00	5.50	20.50	48		
100	Trần Thị Kim	Phụng	01/08/96	71121	D1	1	6.75	3.50	4.50	20.50	1727		
101	Phạm Thảo	Uyên	01/04/95	44763	D1	3	6.75	4.50	4.50	20.50	11406		
102	Nguyễn Thị Phương	Liên	28/08/95	40991	D1	3	4.00	6.00	4.50	20.50	2475		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
103	Phan Trần Bá	Hưng	19/03/96	40641	D1	3	5.75	6.50	1.75	20.50	10009		04/09/14
104	Trần Thị	Hoa	01/08/95	71925	D1	1	3.25	5.00	5.25	20.50	2583		
105	Nguyễn Phú	Sĩ	25/07/95	5557	D1	1	6.25	4.25	3.75	20.50	13219		
106	Phan Trần Bá	Hưng	19/03/96	40641	D1	3	5.75	6.50	1.75	20.50	13291		
107	Ngô Thị Thu	Nga	07/10/95	41658	D1	3	3.25	5.75	5.50	20.50	13445		
108	Trần Thị Thu	Giang	10/01/96	39803	D1	2NT	5.00	4.00	5.75	20.33	11221		
109	Nguyễn Thị	Hòa	14/01/96	40430	D1	2NT	6.00	5.00	3.00	20.33	12530		
110	Trần Thị Thu	Giang	10/01/96	39803	D1	2NT	5.00	4.00	5.75	20.33	12966		
111	Trương Thị Trúc	La	19/01/95	40858	D1	2NT	4.50	4.75	5.00	20.33	12999		
112	Lê Thị Ngọc	Trâm	28/02/96	44329	D1	2NT	4.50	4.00	6.25	20.33	12758		
113	Nguyễn ái	Linh	20/03/96	41120	D1	2NT	5.25	4.50	4.75	20.33	13261		
114	Đỗ Thị	Thanh	06/10/96	72758	D1	2	3.25	5.00	6.00	20.17	911		
115	Nguyễn Thị	Liên	30/09/96	72125	D1	2	5.50	3.50	6.75	20.17	11741		
116	Hoàng Thị Hồng	Hà	19/09/96	39862	D1	2	4.75	4.00	6.50	20.17	2966		10/09/14
117	Phan Thị Tú	Trinh	27/01/94	44401	D1	3	4.50	5.50	4.50	20.00	1507		
118	Hồ Thị Cát	Tường	03/02/96	44745	D1	3	6.00	4.50	4.75	20.00	12747		
119	Nguyễn Thị	Huyền	21/01/96	71996	D1	1	5.75	3.50	5.00	20.00	12396		
120	Nguyễn Thị Thúy	Lam	16/09/96	40867	D1	2NT	5.25	4.00	5.25	19.83	1287		
121	Châu Thị Phương	Thúy	24/03/96	43684	D1	2NT	2.00	5.00	6.25	19.83	11225		
122	Trần Thị	Lượng	02/01/96	74095	D1	2NT	5.00	3.50	6.50	19.83	2458		
123	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	14/02/95	72372	D1	2NT	3.75	5.00	4.75	19.83	2630		
124	Nguyễn Công	Hạnh	09/02/96	28555	D1	2NT	3.75	4.75	5.00	19.83	13325		
125	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	21/04/95	76772	D1	2	5.00	4.25	5.25	19.67	30		
126	Huỳnh Thị Thu	Nga	29/08/96	72315	D1	2	4.75	5.00	4.25	19.67	146		
127	Nguyễn Thị Vân	Nhi	23/11/96	74157	D1	2	5.00	4.50	5.00	19.67	184		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
128	Châu Thị Đông	09/06/96	76166	D1	2	3.50 4.50 6.25	19.67	791		
129	Huỳnh Nguyễn Huyền Thi	25/05/96	74270	D1	2	4.25 4.00 6.50	19.67	1595		
130	Đỗ Hoàng Diệu	26/12/96	39576	D1	2	6.75 4.00 4.00	19.67	1999		
131	Đỗ Thị Thu	26/06/96	72042	D1	2	6.00 4.00 4.75	19.67	11628		
132	Hoàng Ngọc Giáng My	15/01/96	74108	D1	2	4.75 5.50 3.25	19.67	3466		
133	Trần Thị Quỳnh	11/06/96	76175	D1	1	4.75 3.00 6.50	19.50	12686		
134	Trần Quốc Bình	07/10/96	39088	D1	1	5.00 4.00 4.50	19.50	12987		
135	Nguyễn Thị Thảo	13/10/96	72784	D1	1	7.00 2.75 5.00	19.50	13241		
136	Trương Thị Ngân	20/02/96	41760	D1	1	6.25 3.75 3.75	19.50	12293		
137	Phạm Thị Thời	07/07/95	43597	D1	1	6.75 3.25 4.00	19.50	13365		
138	Đoàn Thị Ngọc Giao	09/05/96	39812	D1	2NT	6.00 3.75 4.25	19.33	2096		
139	Đình Thị Kim Thảo	12/11/96	76730	D1	2NT	5.25 4.00 4.50	19.33	11965		
140	Phạm Thị Như Quỳnh	08/06/95	73699	D1	2NT	6.25 3.00 5.50	19.33	2612		
141	Hoàng Thị Cúc	20/11/96	39223	D1	2NT	5.00 4.25 4.25	19.33	12935		
142	Tăng Thị Hoài Thương	10/04/96	43903	D1	2NT	5.50 4.50 3.25	19.33	12737		
143	Lê Thị Ngân	27/02/96	41752	D1	2NT	6.00 3.50 4.75	19.33	13138		
144	Phan Thị Như Quỳnh	24/03/96	74232	D1	2NT	6.25 4.50 2.50	19.33	3276		
145	Phùng Thị Ngọc	27/02/96	41834	D1	2NT	5.75 4.00 4.00	19.33	13335		
146	Nguyễn Thị Vân Thanh	18/06/96	72751	D1	2	5.00 5.25 3.00	19.17	173		
147	Trần Thị Thu Phượng	03/05/95	71141	D1	2	4.75 4.00 5.50	19.17	1389		
148	Văn Thị Mỹ Duyên	06/03/96	73946	D1	2	3.75 4.50 5.50	19.17	1850		
149	Trương Thị Tâm	01/08/96	2110	D1	2	5.00 4.25 4.75	19.17	1962		
150	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17/08/96	44712	D1	2	6.50 3.50 5.00	19.17	11375		
151	Nguyễn Thị Diệu Vy	14/10/95	71345	D1	2	4.00 4.50 5.50	19.17	2753		
152	Hoàng Ngọc Minh Trung	20/06/96	73848	D1	2	6.00 3.75 4.75	19.17	2558		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
153	Đặng Võ Như	Thủy	06/07/95	43665	D1	2	4.75	4.75	4.00	19.17	12810		
154	Võ Thị Thủy	Tiên	31/01/96	72957	D1	2	3.25	5.50	4.00	19.17	3655		
155	Nguyễn Thị Thu	Thủy	02/10/96	73796	D1	1	4.50	4.00	4.50	19.00	961		
156	Võ Thị Phương	Duyên	10/04/96	17413	D1	1	3.50	4.50	4.50	19.00	11291		
157	Lâm Thị	Phương	17/09/96	73673	D1	1	4.75	4.00	4.25	19.00	12683		
158	Đặng Tâm	Thơ	17/08/95	73768	D1	2NT	4.00	4.00	5.25	18.83	953		
159	Nguyễn Thị	Thảo	20/09/96	73748	D1	2NT	4.25	4.50	4.00	18.83	1623		
160	Đỗ Thị Hồng	Nhung	16/06/96	4630	D1	2NT	5.00	2.50	7.25	18.83	11026		
161	Lê Thị Kim	ánh	05/11/96	10977	D1	2NT	5.75	4.25	3.25	18.83	11448		
162	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/03/96	44152	D1	2NT	5.50	4.00	4.00	18.83	11711		
163	Hoàng Thị	Hằng	16/05/96	73427	D1	2NT	3.50	4.25	5.50	18.83	11876		
164	Lê Kim	Danh	24/02/96	71603	D1	2NT	3.75	5.00	3.50	18.83	2688		
165	Dương Quang	Trường	18/01/96	14902	D1	2NT	2.50	4.75	5.50	18.83	12562		
166	Đào Phương	Linh	17/01/95	72180	D1	2NT	5.00	4.50	3.50	18.83	12845		
167	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/07/95	73749	D1	2NT	4.00	4.00	5.50	18.83	13213		
168	Trịnh Thị Thanh	Nga	08/11/96	73605	D1	2NT	4.75	3.25	6.00	18.83	12217		
169	Đặng Thị Phúc	Trang	10/01/96	71266	D1	2NT	6.00	3.50	4.50	18.83	12373		
170	Nguyễn Ngọc ý	Nhi	13/08/96	72434	D1	2	4.00	4.75	4.50	18.67	436		
171	Nguyễn Thị Phương	Trinh	05/02/96	74331	D1	2	4.75	3.75	5.75	18.67	699		
172	Lê Thị Bảo	Uyên	08/12/96	44822	D1	2	4.50	3.75	5.75	18.67	11684		
173	Nguyễn Thị Hà	Vy	14/09/96	45145	D1	3	4.50	4.25	5.25	18.50	11631		
174	Đào Thị Kim	Liên	17/10/94	73530	D1	2 06	6.00	2.00	6.50	18.50	10016		
175	Võ Thị Ngọc	Duyên	05/12/96	39560	D1	1	3.00	4.50	4.50	18.50	2826		
176	Hoàng Thị Biên	Thùy	03/04/95	73782	D1	1	3.25	4.00	5.25	18.50	12856		
177	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	08/09/96	41846	D1	3	5.50	5.00	3.00	18.50	13136		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
178	Trần Phan Tú	Anh	16/07/96	77037	D1	3	4.50	5.00	4.00	18.50	12320		
179	Hoàng Thị Tố	Uyên	01/09/96	73865	D1	1	5.25	2.50	6.00	18.50	12395		
180	Nguyễn Hoàng Phương	Tuyền	05/07/96	44677	D1	3	2.75	5.25	5.00	18.50	13485		
181	Trần Thị Thùy	Nga	29/06/94	74121	D1	2NT	5.00	3.50	5.00	18.33	1323		
182	Đỗ Thị	Duyên	26/03/96	73385	D1	2NT	3.25	5.00	3.75	18.33	1533		
183	Trần Thị Hồng	Trinh	12/11/95	44426	D1	2NT	5.25	3.00	5.75	18.33	11180		
184	Phan Thị Nhã	Phương	25/06/95	73679	D1	2NT	3.75	4.00	5.00	18.33	2270		
185	Phan Thị Trà	My	30/06/96	69490	D1	2NT	4.50	4.00	4.50	18.33	12438		
186	Nguyễn Thị	Linh	04/02/96	72156	D1	2NT	5.50	4.00	3.50	18.33	13194		
187	Đặng Thị	Vân	10/12/95	44890	D1	2NT	5.50	3.50	4.25	18.33	13322		
188	Nguyễn Thị	Linh	05/02/95	17815	D1	2NT	4.75	3.75	4.50	18.33	13534		
189	Lâm Hạnh	Quyên	09/04/96	76646	D1	2	4.50	4.00	5.00	18.17	769		
190	Trần Thị Quỳnh	Như	01/04/96	73652	D1	2	5.25	3.50	5.00	18.17	11648		
191	Hồng ái	Liên	26/10/96	73529	D1	2	5.00	2.75	7.00	18.17	11838		
192	Đặng Thị	Hoa	05/03/95	70858	D1	2	4.50	4.50	3.75	18.17	12141		
193	Phạm Hoàng	Dinh	20/01/95	39371	D1	3	3.75	4.75	4.50	18.00	11207		
194	Phạm Thị	Hoa	13/09/96	71921	D1	1	5.25	3.75	3.25	18.00	12475		
195	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	04/11/96	45359	D4	3	6.25	2.50	6.75	18.00	3291		
196	Phan Thị	Thảo	10/09/96	73752	D1	2NT	4.50	3.50	4.75	17.83	11725		
197	Lê Thị	Thảo	15/03/96	23684	D1	2NT	5.75	3.00	4.75	17.83	11734		
198	Lê Thị Ngọc	Linh	24/03/96	77076	D1	2NT	3.50	2.75	7.50	17.83	11877		
199	Trần Thị	Mùi	25/09/96	73581	D1	2NT	3.75	3.75	5.00	17.83	11895		
200	Nguyễn Thị	Hà	20/04/96	71751	D1	2NT	4.50	3.50	5.00	17.83	12515		
201	Lê Hoài	Yến	25/05/96	45240	D1	2NT	5.25	3.00	5.00	17.83	12536		
202	Lê Thị Diệu	Linh	04/04/96	41103	D1	2	3.50	4.25	4.75	17.67	11637		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
203	Văn Thị Tố	Yên	30/04/96	35831	D1	3	5.25	4.00	4.00	17.50	793		
204	Phạm Lê Kỳ	Duyên	23/09/96	39535	D1	3	5.75	3.50	4.50	17.50	11431		
205	Lê Thị Hoài	Ân	02/06/96	39019	D1	1	3.50	3.50	5.00	17.50	11772		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị	Nguyệt	15/01/96	2199	D1	1	5.00	5.25	7.00	24.50	12405		
2	Nguyễn Thị	Thắm	18/10/96	71197	D1	1	5.75	5.25	5.25	23.50	12463		
3	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	21/03/96	40621	D1	1	4.25	6.00	5.00	23.50	12378		
4	Hoàng Thị Thanh	Xuân	26/08/96	71352	D1	2NT	5.25	6.00	4.75	23.33	13144		
5	Nguyễn Thị Hoàng	Nguyên	12/12/96	41930	D1	2	6.50	5.50	5.00	23.17	11299		
6	Phạm Phương	Trình	01/01/96	69639	D1	3	5.50	5.75	6.00	23.00	3501		
7	Lê Thị	Nhung	11/09/96	14359	D1	2NT	5.75	4.25	7.00	22.83	11824		
8	Phạm Thị Hồng	Diễm	06/08/96	39314	D1	2NT	5.25	5.50	5.25	22.83	13448		
9	Đinh Thị Mỹ	Ngọc	07/04/96	41833	D1	2	5.75	6.00	4.00	22.67	12773		
10	Lê Thuỳ	Vân	21/01/96	69859	D1	2	6.25	5.00	5.75	22.67	2978		
11	Trần Thị Thái	Uyển	13/01/95	44859	D1	2	3.25	6.50	5.50	22.67	3482		
12	Phan Bá	Thảo	27/04/96	23702	D1	2	6.25	7.00	1.50	22.67	13476		
13	Nguyễn	Hân	20/11/96	40030	D1	1	5.00	5.50	4.25	22.50	11601		04/09/14
14	Bùi Thị Mỹ	Duyên	02/04/96	39578	D1	1	6.50	5.00	4.00	22.50	11793		04/09/14
15	Võ Thị	Linh	09/09/96	70948	D1	1	5.75	5.00	4.50	22.50	12709		
16	Lê Thị Như	Ngọc	30/07/96	71021	D1	2NT	5.00	5.00	5.75	22.33	1860		
17	Nguyễn Thị	Luyến	28/12/96	29936	D1	2NT	6.75	4.50	5.25	22.33	11783		
18	Lê Thị Huyền	My	20/03/96	41511	D1	2NT	6.75	4.50	5.00	22.33	12057		
19	Lê Thị Thanh	Thuận	23/11/96	3311	D1	2NT	5.00	4.75	6.50	22.33	12527		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
20	Bùi Thị Thùy	Dung	19/12/96	39437	D1	2NT	5.75	5.00	5.25	22.33	12759		
21	Bạch Thị Thanh	Phương	14/03/96	71122	D1	1	6.75	5.00	3.25	22.00	1487		
22	Lê Thị Phương	Thảo	29/10/95	43229	D1	3	5.00	6.00	4.75	22.00	1546		
23	Nguyễn Thị	Lam	28/02/96	28823	D1	2NT	5.00	4.25	7.00	21.83	13277		
24	Đặng Thị	Bé	16/06/96	22907	D1	2NT	5.25	4.50	6.00	21.83	13434		
25	Hoàng Thành	Phương	06/08/96	42597	D1	2NT	5.25	4.00	7.00	21.83	13355		
26	Trần Thị Minh	Tâm	11/12/96	1538	D1	2	4.25	6.00	4.50	21.67	2469		
27	Bùi Thị Việt	Tiết	30/08/95	5846	D1	2	4.75	6.25	3.50	21.67	12024		
28	Trương Thị Thảo	Tâm	09/04/95	10637	D1	2	6.00	5.25	4.25	21.67	2741		
29	Nguyễn Hồng	Hạnh	30/06/96	11571	D1	3	5.75	4.50	6.50	21.50	11053		
30	Phan Bá	Thảo	18/04/96	43286	D1	3	6.75	6.00	2.50	21.50	11102		
31	Nguyễn Lê Phương	Ngọc	12/11/96	69785	D1	1	4.50	4.75	5.25	21.50	12111		
32	Nguyễn Thị	Hương	16/11/96	13703	D1	1	4.25	4.75	5.50	21.50	13161		
33	Lê Minh	Tâm	26/01/96	69814	D1	1	4.50	5.25	4.25	21.50	3205		
34	Lê Thị	Trang	08/02/96	3123	D1	2NT	5.75	3.50	7.00	21.33	11532		
35	Đinh Thị Lan	Tuyết	26/03/96	44656	D1	2NT	3.75	5.50	5.00	21.33	2575		
36	Lê Thị	Phượng	29/09/96	42699	D1	2NT	5.50	5.00	4.50	21.33	13323		
37	Nguyễn Thanh	Tuyền	17/04/96	6055	D1	2NT	6.00	4.25	5.25	21.33	3555		
38	Hoàng Ngọc	Nữ	02/07/96	71103	D1	2	4.00	6.00	4.50	21.17	915		
39	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/11/96	39866	D1	2	3.00	6.25	5.00	21.17	12962		
40	Nguyễn Thị Hồng	Tĩnh	15/03/96	71245	D1	2	5.25	5.00	5.00	21.17	3077		
41	Trương Như	Long	01/04/96	41253	D1	3	4.75	6.00	4.00	21.00	1107		
42	Phan Ngọc	Tĩnh	20/08/96	44029	D1	1	3.75	5.00	5.00	21.00	12260		
43	Bạch Thị Kiều	Nga	18/07/95	72312	D1	2NT	1.50	6.00	6.00	20.83	378		
44	Nguyễn Thị Thu	Thùy	20/02/96	43788	D1	2NT	3.50	5.00	6.00	20.83	11810		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
45	Nguyễn Thị Cẩm		04/07/96	39116	D1	2NT	5.00	5.00	4.50	20.83	12102		
46	Bùi Thị Nga		25/07/95	72313	D1	2NT	5.25	4.50	5.00	20.83	3167		
47	Thị Minh Hữu		07/09/94	40747	D1	2NT	6.25	5.50	2.25	20.83	12306		
48	Trần Xuân Nhật		04/02/96	72610	D1	2	5.50	6.25	1.75	20.67	125		
49	Lê Thị Hồng		16/01/96	72426	D1	2	3.00	5.50	6.00	20.67	241		
50	Huỳnh Quang Minh		15/01/96	72252	D1	2	3.75	5.50	5.00	20.67	311		
51	Nguyễn Thị Tú		08/01/96	72162	D1	2	4.00	5.50	5.00	20.67	2018		
52	Dương Thị Uyển		24/11/96	41440	D1	2	6.25	4.00	5.50	20.67	11675		
53	Võ Nguyễn Thị Mỹ		20/12/94	72129	D1	2	5.50	4.25	5.75	20.67	2440		
54	Nguyễn Thị Diễm		25/08/95	72272	D1	2	3.50	5.50	5.25	20.67	2905		
55	Nguyễn Thị Hà		06/01/96	69555	D1	2	3.75	5.25	5.75	20.67	13157		
56	Nguyễn Thị Kiều		06/01/96	72542	D1	2	4.25	5.25	5.25	20.67	3303		
57	Hồ Đắc Thái		27/08/96	72700	D1	2	6.25	5.00	3.75	20.67	3738		
58	Phạm Thảo Uyên		01/04/95	44763	D1	3	6.75	4.50	4.50	20.50	11372		
59	Lê Nguyễn Cát		05/07/96	44774	D1	3	5.75	4.50	5.50	20.50	2874		04/09/14
60	Trần Thị Thắm		10/02/96	72819	D1	1	5.25	4.25	4.50	20.50	2525		
61	Đặng Thị Thanh		20/01/96	73094	D1	1	6.75	3.75	4.25	20.50	12521		
62	Trịnh Thị Ngọc		28/02/96	72820	D1	1	4.00	4.50	5.50	20.50	12740		
63	Nguyễn Thị Yến		05/01/96	9650	D1	1	5.50	3.50	6.00	20.50	12207		
64	Ngô Thị ý		06/09/96	72449	D1	2NT	5.25	4.00	5.75	20.33	1799		
65	Ngô Thị Lành		14/08/96	2246	D1	2NT	3.50	4.75	5.75	20.33	11168		
66	Trần Thị Hà		02/08/96	41516	D1	2NT	3.75	5.75	3.50	20.33	11243		
67	Nguyễn Xuân Vinh		26/08/95	77156	D1	2NT	2.50	6.00	4.50	20.33	2073		
68	Trần Văn Quốc		26/08/95	72647	D1	2NT	4.75	5.00	4.25	20.33	2077		
69	Trần Thị Dui		20/10/96	39374	D1	2NT	5.75	4.00	5.00	20.33	12056		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
70	Trần Thị Sinh	05/02/96	7531	D1	2NT	4.25 4.00 6.75	20.33	12572		
71	Đàn Thị Cơ	06/05/95	4499	D1	2NT	5.50 4.25 5.00	20.33	12820		
72	Tôn Thất Bảo	22/12/96	71989	D1	2	4.75 4.75 5.00	20.17	260		
73	Võ Thị Mỹ	18/08/96	71813	D1	2	5.00 4.75 5.00	20.17	637		
74	Hồ Nguyên Hoài	01/01/96	72534	D1	2	5.25 4.50 5.00	20.17	872		
75	Đỗ Thị Thanh	06/10/96	72758	D1	2	3.25 5.00 6.00	20.17	910		
76	Lê Trần Thuý	02/08/96	69671	D1	2	4.25 4.25 6.50	20.17	1995		
77	Phạm Thùy Dương	20/09/96	69349	D1	2	2.50 5.25 6.25	20.17	11378		
78	Nguyễn Thị Lan Hương	06/10/96	76331	D1	2	4.25 4.00 7.00	20.17	11451		
79	Nguyễn Thị Lệ Huyền	30/12/96	40574	D1	2NT 06	4.25 4.00 5.25	20.17	11716		
80	Lê Thị Khánh Huyền	17/10/96	70876	D1	2	3.00 4.50 7.50	20.17	11559		
81	Phan Thị Như Thùy	06/09/95	43746	D1	2	6.00 4.50 4.50	20.17	2770		
82	Lê Thị Cẩm Lai	12/11/95	72078	D1	2	3.75 5.00 5.75	20.17	2873		
83	Đình Thị Lương Duyên	01/01/96	39554	D1	2	5.00 5.00 4.50	20.17	12652		
84	Phan Thị Mai	19/05/95	41412	D1	2	5.25 5.50 3.00	20.17	12741		
85	Trần Dương Hoài Phương	05/04/96	74217	D1	2	6.50 3.75 5.50	20.17	3130		
86	Phan Thị Thanh Diệp	01/11/95	71618	D1	2	4.00 5.00 5.25	20.17	3320		
87	Hoàng Thị Thanh Nhân	28/02/96	75127	D1	2	6.50 3.75 5.25	20.17	3423		
88	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	06/09/96	73906	D1	2	6.25 5.00 3.00	20.17	3497		
89	Hoàng Thị Hồng Hà	19/09/96	39862	D1	2	4.75 4.00 6.50	20.17	3648		
90	Đoàn Hải Uyên	30/12/95	44787	D1	3	7.25 4.00 4.50	20.00	1522		
91	Nguyễn Thị Thùy Diễm	09/10/96	17118	D1	1	3.75 4.50 5.25	20.00	11289		
92	Phạm Thị Lâm	20/04/96	40948	D1	1	6.25 4.00 3.50	20.00	11936		
93	Trần Thị Mỹ Lệ	17/06/94	72121	D1	1	4.75 4.50 4.25	20.00	2692		
94	Đào Thị Vân	06/04/96	73151	D1	1	3.25 5.00 4.75	20.00	13029		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
95	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	14/02/95	72372	D1	2NT	3.75	5.00	4.75	19.83	942		
96	Lê Thị Ngọc	Ly	22/11/96	72223	D1	2NT	6.00	4.75	3.00	19.83	1016		
97	Tôn Nữ Thuý	Vi	25/11/95	74366	D1	2NT	3.75	4.50	5.75	19.83	1137		
98	Nguyễn Thị Thúy	Lam	16/09/96	40867	D1	2NT	5.25	4.00	5.25	19.83	1381		
99	Nguyễn Thị Bảo	Châu	31/10/96	39151	D1	2NT	3.50	5.50	3.75	19.83	1637		
100	Nguyễn Thị Bích	Thi	15/05/96	43516	D1	2NT	4.25	4.50	5.00	19.83	11519		
101	Nguyễn Thị	Hàng	03/01/96	73987	D1	1 06	6.00	2.50	5.25	19.83	13264		
102	Đỗ Thị Thu	Hương	26/06/96	72042	D1	2	6.00	4.00	4.75	19.67	11598		
103	Đặng Thị Thu	Hà	22/10/95	71775	D1	2	4.25	4.25	6.25	19.67	3107		
104	Đinh Như Hồng	Đức	01/01/96	71710	D1	2	6.00	4.00	4.75	19.67	3418		
105	Lê Anh	Phương	17/04/96	34728	D1	2	4.00	5.00	5.00	19.67	13509		
106	Hà Thị Hoài	Thi	13/11/96	74272	D1	1	3.50	4.25	5.25	19.50	2150		
107	Dương Thảo	Hân	30/11/96	40026	D1	3	6.00	5.00	3.25	19.50	11548		
108	Nguyễn Hoài	Vân	29/02/96	44915	D1	1	5.25	4.00	4.00	19.50	11937		
109	Võ Thị	Hiên	29/03/94	33763	D1	1	3.75	3.75	6.00	19.50	13186		
110	Nguyễn Thị Diễm	My	20/12/96	41522	D1	3	6.00	4.75	3.75	19.50	13311		
111	Trần Thị Thanh	Nga	30/06/96	72330	D1	2NT	3.75	4.50	5.00	19.33	1454		
112	Tăng Thị Thuỳ	Dung	20/10/96	30744	D1	2NT	4.50	4.00	5.25	19.33	11001		
113	Hồ Thị Kim	Huệ	24/05/96	13051	D1	2NT	5.25	4.00	4.50	19.33	11078		
114	Võ Thị	Hà	13/07/96	13343	D1	2NT	4.25	4.50	4.75	19.33	11257		
115	Hoàng Thị Minh	An	18/10/96	71454	D1	2NT	6.00	4.00	4.00	19.33	2349		29/08/14
116	Đinh Thị Kim	Thảo	12/11/96	76730	D1	2NT	5.25	4.00	4.50	19.33	11966		
117	Trần Thị Hoài	Thương	25/05/96	43934	D1	2NT	3.50	5.00	4.50	19.33	12691		
118	Nguyễn Giang	Quỳnh	08/10/96	72664	D1	2NT	3.75	4.50	5.00	19.33	3231		
119	Phan Thị Kim	Oanh	25/07/95	73666	D1	2NT	5.25	4.00	4.75	19.33	3279		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
120	Huỳnh Thị Thuỷ	Tiên	17/12/95	72940	D1	2	6.25	4.00	4.25	19.17	263		
121	Trần Thị Mỹ	Hải	10/10/96	71784	D1	2	5.50	4.25	4.50	19.17	521		
122	Văn Thị Mỹ	Duyên	06/03/96	73946	D1	2	3.75	4.50	5.50	19.17	1837		
123	Hà Thị	Liên	15/06/96	74063	D1	2	2.00	4.50	7.50	19.17	2048		
124	Lê Thị Hồng	Thuý	20/09/95	72866	D1	2	5.50	4.00	5.00	19.17	12599		
125	Võ Văn	Phước	22/07/94	72618	D1	2	5.75	5.00	2.75	19.17	2914		
126	Đặng Thị Thanh	Nga	16/10/96	72338	D1	1	3.50	4.50	4.50	19.00	642		
127	Phan Thị Lê	Nhơn	17/06/95	72474	D1	1	3.50	4.00	5.50	19.00	966		
128	Huỳnh Thị Thu	Nga	22/09/96	41656	D1	3	2.25	5.75	5.00	19.00	1106		
129	Nguyễn Ngọc Như	ý	19/09/96	73219	D1	1	5.50	3.00	5.25	19.00	1502		
130	Đinh Thị Đăng	Hồng	01/02/95	77064	D1	1	3.75	3.50	6.25	19.00	1676		
131	Trần Thị Thiên	Lý	02/09/96	13367	D1	1	4.00	4.00	4.75	19.00	11237		
132	Võ Thị Phương	Duyên	10/04/96	17413	D1	1	3.50	4.50	4.50	19.00	11290		
133	Đào Thị Mỹ	Nhung	28/02/96	74183	D1	1	4.25	3.75	5.00	19.00	2488		
134	Lê Thị Kim	Anh	16/10/96	38906	D1	1	5.25	4.50	2.75	19.00	12905		
135	Võ Quý	Thiện	08/02/96	43534	D1	1	4.50	4.25	4.00	19.00	13192		
136	Phan Thị	Oanh	10/01/96	72546	D1	1	0.75	5.00	6.00	19.00	12309		
137	Châu Thị Cảo	Thơm	06/12/96	77133	D1	1	4.75	3.75	4.50	19.00	13332		
138	Nguyễn Thị	Thảo	20/09/96	73748	D1	2NT	4.25	4.50	4.00	18.83	1624		
139	Lê Minh	Hiếu	27/03/96	33716	D1	2NT	5.50	4.25	3.50	18.83	11191		
140	Phạm Thị Ngọc	Luyến	31/05/96	72210	D1	2NT	5.75	3.50	4.75	18.83	1827		
141	Nguyễn Thị Ngọc	ái	02/09/96	73911	D1	2NT	3.50	4.00	5.75	18.83	1845		
142	Trần Thị	Nga	26/03/96	41637	D1	2NT	3.25	4.00	6.00	18.83	11743		
143	Nguyễn Thị Khánh	Hoà	02/01/96	71929	D1	2NT	5.25	4.00	4.00	18.83	2347		
144	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	16/06/96	42301	D1	2NT	6.25	4.00	3.25	18.83	11841		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
145	Phạm Thị Kim	Tuyền	10/08/94	69857	D1	2NT	2.25	4.00	7.00	18.83	2751		
146	Nguyễn Thị	Huyền	27/07/96	40576	D1	2NT	3.25	4.50	5.00	18.83	12328		
147	Chu Thị Thanh	Nhàn	12/09/96	2974	D1	2NT	3.75	3.25	7.00	18.83	13343		
148	Lê Văn	Huy	26/04/96	74650	D1	2	4.25	4.00	5.50	18.67	100		
149	Huỳnh Thị Bảo	Khanh	10/03/95	72047	D1	2	1.75	5.50	5.00	18.67	266		
150	Nguyễn Ngọc ý	Nhi	13/08/96	72434	D1	2	4.00	4.75	4.50	18.67	435		
151	Lê Thị Uyên	Thi	24/07/96	72833	D1	2	4.75	5.00	3.00	18.67	570		
152	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	01/03/96	76055	D1	2	4.50	4.50	4.50	18.67	647		
153	Trần Thị Tuyết	Nhung	07/03/96	72498	D1	2	3.75	4.50	5.25	18.67	757		
154	Lê Thị Đoan	Trang	17/05/96	77141	D1	2	6.25	4.25	3.25	18.67	957		
155	Lê Ngọc Huyền	Oanh	27/12/94	69541	D1	2	6.25	4.00	3.50	18.67	1041		
156	Trần Thị Thúy	Ngân	03/01/96	74731	D1	2	6.00	4.00	3.75	18.67	2131		
157	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	28/02/95	72322	D1	2	4.00	5.00	4.00	18.67	3005		
158	Nguyễn Bá Quỳnh	Nhi	12/03/95	45328	D3	2	3.00	5.00	5.00	18.67	2502		
159	Nguyễn Thị	Lệ	11/11/96	72115	D1	1	5.75	3.00	4.50	18.50	1575		
160	Nguyễn Thị Hà	Vy	14/09/96	45145	D1	3	4.50	4.25	5.25	18.50	11572		
161	Phan Thị	Lanh	27/01/96	23142	D1	1	2.25	4.00	6.00	18.50	3296		
162	Phan Văn	Tường	12/07/96	71321	D1	1	3.50	4.50	4.00	18.50	12220		
163	Lê Thị	Yến	03/10/95	3406	D1	2NT	5.25	2.75	6.00	18.33	11040		
164	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	22/05/96	73394	D1	2NT	3.25	4.50	4.50	18.33	11621		
165	Bùi Thị	Hằng	18/03/96	40133	D1	2NT	6.00	3.75	3.50	18.33	12081		
166	Phan Thị Hồng	Vân	24/10/96	73146	D1	2NT	4.75	4.00	4.25	18.33	12459		
167	Bùi Minh	Quốc	22/04/96	42759	D1	2NT	4.50	4.00	4.50	18.33	13171		
168	Nguyễn Thị	Linh	04/02/96	72156	D1	2NT	5.50	4.00	3.50	18.33	13211		
169	Phan Thuỳ	Linh	25/08/96	9592	D1	2NT	4.75	3.00	6.00	18.33	13421		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
170	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/96	76785	D1	2	4.50	4.00	5.00	18.17	1331		
171	Khuong Thị Ngọc	ánh	05/03/96	77040	D1	2	4.75	3.75	5.25	18.17	1667		
172	Đặng Thị	Hiền	13/04/96	70432	D1	2	5.00	3.50	5.25	18.17	1775		
173	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	14/06/96	75265	D1	2	3.75	4.50	4.50	18.17	1923		
174	Nguyễn Thị Diệu	Trang	26/11/96	73821	D1	1	3.25	4.00	4.50	18.00	1475		
175	Nguyễn Thị Tố	Quyên	25/12/95	74225	D1	1	4.25	3.50	4.50	18.00	2092		
176	Lê Thanh	Hùng	11/04/94	40626	D1	3	4.50	5.00	3.50	18.00	11667		
177	Cao Thị Hoài	Tâm	30/08/96	43051	D1	1	4.00	4.00	4.00	18.00	12301		
178	Trần Thị	Thu	09/03/96	35120	D1	1	4.00	3.00	6.00	18.00	12308		
179	Trần Thị Hoài	Thương	29/10/95	72934	D1	2NT	3.50	4.00	5.00	17.83	11022		
180	Đỗ Phương	Duyên	02/04/96	1088	D1	2NT	5.00	3.25	5.00	17.83	11234		
181	Nguyễn Đăng	Vĩ	20/10/96	45032	D1	2NT	4.75	4.00	3.50	17.83	11462		
182	Huỳnh Thị Hà	Nhi	11/01/96	42170	D1	2NT	3.75	3.50	5.75	17.83	11909		
183	Võ Phú	Tiên	12/10/96	25912	D1	2NT	5.75	3.75	3.25	17.83	12739		
184	Lê Thị	Trang	27/07/96	70298	D1	2NT	1.50	4.50	6.00	17.83	13081		
185	Hồ Thị Cẩm	Tiên	25/10/96	43955	D1	2NT	5.50	3.75	3.25	17.83	12325		
186	Hồ Thị Thuý	Hà	28/09/95	75321	D1	2	5.25	4.00	3.50	17.67	36		
187	Trần Phan Kiều	My	10/10/95	72281	D1	2	3.75	4.75	3.75	17.67	158		
188	Huỳnh Thị Phương	Ngân	27/03/96	77096	D1	2	3.25	3.50	6.50	17.67	238		
189	Hồ Thị Thanh	Trúc	14/11/96	76880	D1	2	4.75	3.50	5.00	17.67	742		
190	Lê Minh	Thư	14/11/96	43865	D1	2	4.75	4.00	4.25	17.67	744		
191	Phan Thị Thanh	Tuyền	24/04/96	75282	D1	2	4.75	3.50	5.25	17.67	936		
192	Hồ Khánh	Hà	06/06/95	74593	D1	2	4.25	3.50	5.50	17.67	2160		
193	Trần Thị Kiều	Oanh	03/10/96	71112	D1	2	5.50	3.50	4.50	17.67	2196		
194	Lê Văn	Tú	03/08/95	73859	D1	2	6.00	3.25	4.50	17.67	11829		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
195	Đặng Thị ái	Sương	16/07/96	71166	D1	2	3.25	4.50	4.50	17.67	2683		
196	Mai Thị Hồng	Thắm	06/12/96	23242	D1	2	4.50	4.50	3.50	17.67	12608		
197	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/09/96	73696	D1	2NT 06	3.00	3.50	5.00	17.67	12858		
198	Lê Thị Hương	Thủy	10/10/96	43755	D1	3	3.00	4.00	6.25	17.50	11023		
199	Hồ Trương Hạ	Nhi	04/05/96	42068	D1	3	6.00	3.50	4.50	17.50	1975		
200	Nguyễn Thanh	Huyền	21/10/96	69740	D1	1	5.75	2.50	4.50	17.50	2086		
201	Ngô Thị Thu	Thảo	10/10/96	43404	D1	1	3.00	4.00	4.50	17.50	11757		
202	Nguyễn Hoàng	Việt	02/10/96	24090	D1	3	6.50	4.50	2.00	17.50	2541		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	29/05/96	7553	D3	2	6.25	9.00	5.00	30.17	997		
2	Đinh Diệu	Hương	17/06/95	8494	D1	2	7.25	7.25	7.00	29.67	2834		
3	Trần Thị Tố	Nga	20/03/95	29047	D1	2	6.00	7.25	7.50	28.67	13153		
4	Nguyễn Thị Minh	Hàng	17/04/96	7646	D3	2	6.50	7.75	5.25	28.17	11493		
5	Phan Nhật	Lệ	20/11/96	7426	D1	1	7.25	5.75	7.00	28.00	11775		
6	Lê Thị Hồng	Sâm	19/09/96	6880	D3	2	3.75	8.75	5.50	27.67	11153		
7	Trần Hạnh	Đức	14/01/96	7644	D3	2	5.75	7.25	5.50	26.67	11778		
8	Trương Đắc	Mạnh	25/10/96	7655	D3	2	7.00	6.25	6.50	26.67	13340		
9	Nguyễn Hải Hoài	My	23/04/96	8952	D1	2	4.75	7.75	5.00	26.17	13073		
10	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16/12/96	2731	D1	1	6.25	5.75	6.00	26.00	11006		
11	Nguyễn Ngọc Hà	Thanh	05/06/96	2655	D1	1	4.50	6.75	6.00	26.00	11143		
12	Huỳnh Thị Thu	Thanh	26/06/96	43164	D1	2	6.75	6.75	4.75	25.67	12418		
13	Trần Thị	Phượng	05/05/96	42715	D1	1	6.25	5.75	5.75	25.50	12509		
14	Trần Thị	Yến	08/06/96	45243	D1	2	6.50	6.00	6.00	25.17	11668		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
15	Trần Quốc	Vương	24/10/96	45073	D1	2	6.25	7.00	4.00	25.17	3175		
16	Vũ Thị	Hương	23/08/96	2607	D1	2NT	6.25	5.25	6.50	24.83	81		
17	Trần Thị Thu	Hương	04/08/96	40687	D1	2NT	6.75	5.75	5.00	24.83	11432		
18	Đặng Thị	Mận	20/08/96	18276	D1	2NT	4.25	6.25	6.75	24.83	11510		
19	Nguyễn Dương Phương	Trang	14/09/96	9574	D1	2	6.25	6.00	5.50	24.67	46		
20	Hoàng Thị Minh	Thúy	05/12/96	19300	D1	2	5.25	6.00	6.50	24.67	11084		
21	Phan Vũ Trà	Giang	05/09/95	39753	D1	2	5.75	6.00	6.00	24.67	13497		
22	Trịnh Thị Ngọc	My	26/10/95	41524	D1	1	6.25	6.00	4.25	24.50	1949		
23	Phan Thị Nhật	Linh	02/02/96	9617	D1	2	6.50	5.75	5.50	24.17	2041		
24	Trần Thị Kim	Cúc	25/03/96	39226	D1	2	5.00	6.75	5.00	24.17	2531		
25	Hoàng Đông	Nhi	17/11/96	11319	D3	2	3.25	7.00	6.25	24.17	116		
26	Nguyễn Nam	Phương	19/06/96	10143	D1	1	5.75	5.50	5.25	24.00	11187		
27	Lê Thị Châu	Giang	20/05/96	10208	D1	2 06	6.25	5.25	5.00	24.00	13038		
28	Hoàng Thị Hải	Yến	18/08/95	26166	D1	2NT	5.25	6.00	5.00	23.83	12387		
29	Trần Thị Diệu	Ngọc	19/02/96	71030	D1	2	6.50	5.50	5.50	23.67	174		
30	Lê Thị Thanh	Trang	28/05/96	71254	D1	2	5.75	5.00	7.00	23.67	1653		
31	Nguyễn Văn	Nhật	12/12/96	71053	D1	2	6.25	5.50	5.50	23.67	11426		
32	Nguyễn Thị Hoài	Linh	14/10/96	41115	D1	2	4.50	5.50	7.25	23.67	11516		
33	Trần Thị Thu	Trâm	20/10/95	11902	D1	2	7.25	5.25	5.00	23.67	13251		
34	Hoàng Thị Mai	Anh	08/01/95	70692	D1	1	5.00	5.50	5.50	23.50	2021		
35	Tôn Nữ Thảo	Như	28/07/96	2219	D1	3	6.00	5.50	6.25	23.50	13103		
36	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	05/05/96	42911	D1	1	3.50	6.00	5.75	23.50	13214		
37	Phạm Thị Hà	Giang	20/01/96	69707	D1	2NT	4.50	6.00	5.50	23.33	12098		
38	Hoàng Thị Thanh	Xuân	26/08/96	71352	D1	2NT	5.25	6.00	4.75	23.33	13143		
39	Dương Nữ Kiều	Oanh	02/10/96	76596	D1	2	3.50	5.50	8.00	23.17	482		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
40	Trần Thị Quỳnh	Nga	11/08/95	71009	D1	2	6.50	5.50	4.75	23.17	2362		
41	Lê Hoài	Phương	26/03/96	10111	D1	2 06	4.25	5.25	6.25	23.00	11314		
42	Lê Khánh	Hương	07/07/95	40671	D1	3	5.75	6.50	4.25	23.00	12069		
43	Trần Mỹ	ánh	30/06/96	39007	D1	1	6.75	4.00	6.25	23.00	13396		
44	Hồ Thị Thu	Diễn	20/10/96	39333	D1	2NT	5.25	5.50	5.00	22.83	11436		
45	Lê Viễn	Nhi	19/10/96	42103	D1	2	5.75	5.00	6.00	22.67	11050		
46	Hồ Tiến	Đạt	24/10/95	7040	D1	2	4.75	6.25	4.50	22.67	11097		
47	Trần Thị ánh	Trâm	20/12/96	44311	D1	2NT 06	6.50	4.50	4.50	22.67	1879		
48	Nguyễn Như	Quỳnh	09/07/96	42919	D1	2	6.50	5.00	5.50	22.67	11317		
49	Nguyễn Thị	Hàng	03/07/96	29922	D1	2	5.00	5.25	6.50	22.67	12755		
50	Đình Thị Mỹ	Ngọc	07/04/96	41833	D1	2	5.75	6.00	4.00	22.67	12772		
51	Trần Thị ánh	Tuyết	10/06/96	44670	D1	2	6.00	5.75	4.25	22.67	12774		
52	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/06/96	43330	D1	2	7.25	5.25	4.25	22.67	3109		
53	Trần Thị Thái	Uyển	13/01/95	44859	D1	2	3.25	6.50	5.50	22.67	3481		
54	Nguyễn Cao Phương	Thảo	23/06/96	43247	D1	3	4.25	6.00	6.25	22.50	11271		
55	Trần Đình	Hậu	10/09/95	40058	D1	1	5.50	5.50	3.75	22.50	11318		
56	Nguyễn	Hân	20/11/96	40030	D1	1	5.00	5.50	4.25	22.50	11538		
57	Phạm Thị Thi	Hiểu	11/04/96	76263	D1	1	4.25	5.75	4.75	22.50	12927		
58	Trương Phước Như	Sơn	23/04/96	23628	D1	3	4.25	7.50	3.25	22.50	3032		
59	Đình Thị Thanh	Hoà	22/07/96	40355	D1	3	6.75	6.00	3.75	22.50	3526		
60	Trương Thị Khánh	Quỳnh	21/06/96	42894	D1	2NT	5.25	5.00	5.75	22.33	803		
61	Nguyễn Lê Bảo	Châu	12/09/96	39138	D1	3 06	4.75	5.50	5.00	22.33	1064		
62	Lê Thị Như	Ngọc	30/07/96	71021	D1	2NT	5.00	5.00	5.75	22.33	1859		
63	Phan Khánh	Thảo	25/01/95	43390	D1	2NT	5.75	5.00	5.25	22.33	13237		
64	Nguyễn Thị	Duyên	18/11/96	70769	D1	2NT	6.50	4.00	6.50	22.33	13414		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
65	Nguyễn Thành Thiện	Mỹ	02/04/96	76472	D1	2	4.75	4.50	7.50	22.17	607		
66	Nguyễn Thị Thu	Vy	03/05/96	45137	D1	2	6.00	5.50	4.50	22.17	719		
67	Đặng Thị Kim	Anh	12/04/96	75457	D1	2	6.25	4.50	6.00	22.17	11463		
68	Lê Đan	Thanh	12/07/96	69576	D1	2	6.00	5.00	5.25	22.17	2248		
69	Trần Thị Thanh	Quyên	16/04/96	42785	D1	2	5.75	5.75	4.00	22.17	12047		
70	Phùng Thị Xuân	Lành	02/02/95	40928	D1	2	5.75	5.50	4.50	22.17	12590		
71	Phạm Thái Việt	Hòa	12/07/96	76282	D1	2	4.00	5.25	7.00	22.17	12649		
72	Trần Thị Yến	Nhi	24/02/95	42049	D1	2	5.50	6.00	4.00	22.17	3491		
73	Nguyễn Thị	Quỳnh	25/04/96	10363	D1	2	6.25	5.00	5.00	22.17	3731		
74	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	12/03/96	40972	D1	3	5.50	4.75	6.75	22.00	1116		
75	Lê Thị Tố	Trinh	28/09/96	71288	D1	1	5.00	5.00	4.75	22.00	2815		
76	Huỳnh Thị Trà	Linh	12/02/96	69446	D1	1	5.75	4.50	5.00	22.00	12138		04/09/14
77	Phạm Thị	Linh	04/02/96	41116	D1	1	5.25	5.00	4.75	22.00	12432		
78	Hoàng Thị Kim	Dung	22/12/94	76128	D1	2NT	6.50	4.00	5.75	21.83	262		
79	Nguyễn Thị	Thanh	18/08/96	5647	D1	2NT	7.25	4.00	5.25	21.83	834		
80	Phạm Khánh	Ly	30/09/96	3477	D1	2NT	5.50	3.50	8.00	21.83	11774		
81	Phan Trần Huyền	Trân	08/06/96	44382	D1	2NT	5.75	5.50	3.50	21.83	12682		
82	Hồ Thị Kim	Cương	23/05/96	70740	D1	2NT	5.00	5.00	5.50	21.83	13099		
83	Lê Thị Thảo	Trang	04/03/95	76834	D1	2	5.25	4.50	6.50	21.67	137		
84	Lê Thị Minh	Thùy	20/11/95	75228	D1	2	3.25	5.75	6.00	21.67	293		
85	Trương Thị Thảo	Tâm	09/04/95	10637	D1	2	6.00	5.25	4.25	21.67	2743		
86	Đặng Thị	Nguyệt	05/06/96	41961	D1	2NT 06	4.25	4.50	5.50	21.67	12376		
87	Lê Thị	Vương	24/08/95	71342	D1	1	5.75	4.25	5.00	21.50	60		
88	Trần Thị Mỹ	Trinh	09/04/96	75752	D1	2 06	3.75	4.50	6.50	21.50	249		
89	Lê Minh	Tâm	26/01/96	69814	D1	1	4.50	5.25	4.25	21.50	1159		04/09/14

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
90	Nguyễn Trần Quỳnh	Hương	05/04/96	40663	D1	3	5.00	5.00	6.50	21.50	11007		
91	Phan Bá	Thảo	18/04/96	43286	D1	3	6.75	6.00	2.50	21.50	11101		
92	Nguyễn Hà Như	Hậu	20/11/96	40041	D1	3	5.50	5.00	6.00	21.50	11393		
93	Phan Thị Luy	Uyên	22/06/96	44823	D1	1	5.25	4.00	6.00	21.50	2239		
94	Mai Thị Hữu	Nghĩa	10/07/96	41777	D1	1	4.50	5.00	4.75	21.50	11962		
95	Nguyễn Thị Thanh	Hoàng	08/04/96	40380	D1	1	5.25	5.00	4.00	21.50	13185		
96	Nguyễn Thị	Hạnh	14/04/96	28546	D1	1	5.50	4.00	6.00	21.50	13540		
97	Nguyễn Thanh	Tuyền	17/04/96	6055	D1	2NT	6.00	4.25	5.25	21.33	1648		
98	Phan Thị Thủy	Tiên	19/08/96	71240	D1	2NT	5.25	4.25	6.00	21.33	1929		
99	Trần Thị Mỹ	Kiều	17/08/95	2745	D1	2NT	6.00	4.25	5.25	21.33	1948		
100	Võ Thị Quỳnh	Như	03/09/96	42320	D1	2NT	6.25	4.00	5.50	21.33	11397		
101	Hoàng Thị Tường	Vy	01/01/95	45149	D1	2NT	1.50	7.00	4.25	21.33	11531		
102	Nguyễn Thị Thu	Thảo	23/12/96	25802	D1	1 06	2.75	5.50	4.00	21.33	12110		
103	Nguyễn Đình	Tùng	20/08/96	19365	D1	2NT	3.00	6.00	5.00	21.33	13087		
104	Hà Công	Thành	24/01/96	8537	D1	2NT	4.50	4.25	7.00	21.33	13216		
105	Nguyễn Lưu Minh	Hạnh	14/11/94	39970	D1	2	6.00	5.50	3.25	21.17	538		
106	Nguyễn Thị Hồng	Tĩnh	15/03/96	71245	D1	2	5.25	5.00	5.00	21.17	11697		04/09/14
107	Nguyễn Mai Hạnh	Nguyên	28/07/96	41917	D1	3	5.75	5.00	5.00	21.00	11061		
108	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/10/94	43213	D1	3	6.00	5.00	5.00	21.00	11273		
109	Lê Tấn	Huấn	19/01/95	40476	D1	1	4.25	5.00	4.50	21.00	2354		
110	Võ Thị Thu	Hoài	03/03/96	2014	D1	2NT	5.25	5.50	3.00	20.83	11		
111	Bạch Thị Kiều	Nga	18/07/95	72312	D1	2NT	1.50	6.00	6.00	20.83	479		
112	Trần Thị Thùy	Dung	17/08/96	39417	D1	2NT	4.50	4.25	6.50	20.83	1500		
113	Lê Thị	Anh	09/07/96	19007	D1	2NT	6.00	4.25	5.00	20.83	11254		
114	Nguyễn Thị Thanh	Hàng	18/05/96	40136	D1	2NT	4.00	4.50	6.25	20.83	11323		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
115	Nguyễn Thị Ngọc ánh	04/09/96	71522	D1	2NT	5.50 4.00 6.00	20.83	2183		
116	Nguyễn Kim Ngọc	01/01/96	41831	D1	2NT	4.50 4.75 5.50	20.83	11768		
117	Nguyễn Thị Y Nga	10/10/96	69500	D1	2NT	5.00 5.75 3.00	20.83	11906		
118	Phan Thị Thảo Trang	10/10/95	73004	D1	2NT	4.00 5.50 4.25	20.83	2571		
119	Đào Thị Tuyết	10/05/95	44666	D1	2NT	3.75 5.00 5.50	20.83	12978		
120	Võ Thị Mỹ Tranh	28/08/95	44245	D1	2NT	4.00 5.75 4.00	20.83	13048		
121	Nguyễn Trần Bảo Uyên	27/08/96	73125	D1	2	6.50 5.50 2.50	20.67	623		
122	Trương Thị Khánh Ly	08/01/96	72228	D1	2	5.00 4.00 7.00	20.67	1525		
123	Lê Hồng Ngọc	19/12/96	75625	D1	2	5.75 4.50 5.00	20.67	1702		
124	Mai Thị Vỹ	10/05/96	72287	D1	2	4.75 4.50 6.25	20.67	1786		
125	Nguyễn Thị Yến Nhi	06/07/96	42100	D1	2	4.00 4.75 6.50	20.67	11428		
126	Nguyễn Thị Tú Linh	08/01/96	72162	D1	2	4.00 5.50 5.00	20.67	2019		
127	Mai Thị Thùy Thanh	29/06/96	76695	D1	2	5.75 4.50 5.00	20.67	2118		
128	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	21/10/96	39983	D1	2	6.00 4.25 5.50	20.67	2228		
129	Võ Nguyễn Thị Mỹ Liên	20/12/94	72129	D1	2	5.50 4.25 5.75	20.67	2442		04/09/14
130	Nguyễn Thị Thanh Hương	02/02/96	72030	D1	2	4.75 5.00 5.00	20.67	2660		
131	Nguyễn Thị Kiều Oanh	06/01/96	72542	D1	2	4.25 5.25 5.25	20.67	12968		04/09/14
132	Hoàng Kỳ Thư	25/08/96	12508	D1	1	5.50 4.50 4.00	20.50	15		
133	Đặng Thị Nhị Trang	01/12/96	73020	D1	1	4.00 5.00 4.50	20.50	1158		
134	Phạm Thảo Uyên	01/04/95	44763	D1	3	6.75 4.50 4.50	20.50	11410		
135	Huỳnh Thị Thanh Mỹ	12/10/95	41584	D1	3	6.25 4.25 5.50	20.50	11442		
136	Nguyễn Thị Phương Liên	28/08/95	40991	D1	3	4.00 6.00 4.50	20.50	2476		
137	Phan Trần Bá Hưng	19/03/96	40641	D1	3	5.75 6.50 1.75	20.50	10004		
138	Trần Thị Hoa	01/08/95	71925	D1	1	3.25 5.00 5.25	20.50	2584		
139	Vũ Thị Quỳnh Như	06/06/96	42335	D1	1	0.75 6.00 5.50	20.50	12633		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
140	Dương Thị Thương	Thương	22/02/96	72925	D1	1	3.75	4.50	5.50	20.50	12890		
141	Nguyễn Thị	Huyền	06/03/96	40578	D1	1	3.75	4.50	5.50	20.50	12374		
142	Phan Thị Thuý	Ngọc	25/07/96	72373	D1	2NT	3.00	6.25	3.25	20.33	1678		
143	Trần Hoàng	Oanh	01/09/96	42415	D1	2NT	5.75	3.50	6.00	20.33	11322		
144	Trần Văn	Quốc	26/08/95	72647	D1	2NT	4.75	5.00	4.25	20.33	2076		
145	Trương Thị Xuân	Thắm	01/07/96	72818	D1	2NT	5.75	4.00	5.25	20.33	2227		
146	Phạm Thị Ti	Ti	09/01/96	43946	D1	2NT	5.25	5.00	3.50	20.33	12994		
147	Đàn Thị	Cơ	06/05/95	4499	D1	2NT	5.50	4.25	5.00	20.33	12819		
148	Nguyễn ái	Linh	20/03/96	41120	D1	2NT	5.25	4.50	4.75	20.33	13262		
149	Nguyễn Ngọc Tuấn	Anh	06/09/96	73906	D1	2	6.25	5.00	3.00	20.17	282		
150	Trần Nguyễn Quỳnh	Trâm	06/02/96	73039	D1	2	6.75	4.25	4.00	20.17	453		
151	Nguyễn Thị	Hàng	23/10/96	71829	D1	2	5.50	5.00	4.00	20.17	456		
152	Võ Thị Mỹ	Hạnh	18/08/96	71813	D1	2	5.00	4.75	5.00	20.17	636		
153	Lương Thị Hồng	Liên	08/01/96	72124	D1	2	3.50	5.50	5.00	20.17	779		
154	Hồ Nguyên Hoài	Oanh	01/01/96	72534	D1	2	5.25	4.50	5.00	20.17	874		
155	Tống Thanh	Thanh	11/01/95	75202	D1	2	2.75	4.50	7.75	20.17	1239		
156	Hoàng Thị Linh	Sương	01/10/96	22666	D1	2	6.75	4.00	4.50	20.17	11120		
157	Trần Thị Thu	Hiền	20/03/96	71895	D1	2	3.50	5.25	5.50	20.17	1818		
158	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/06/96	75259	D1	2	6.25	3.50	6.00	20.17	1942		
159	Lê Trần Thuý	Vy	02/08/96	69671	D1	2	4.25	4.25	6.50	20.17	1996		
160	Phạm Thị ái	Tín	15/12/96	72964	D1	2	5.50	4.50	4.75	20.17	2299		
161	Trần Dương Hoài	Phương	05/04/96	74217	D1	2	6.50	3.75	5.50	20.17	2637		
162	Đinh Thị Lương	Duyên	01/01/96	39554	D1	2	5.00	5.00	4.50	20.17	12651		
163	Đỗ Lê Phước	Duy	24/09/96	6805	D1	3	3.75	6.00	4.00	20.00	59		
164	Hoàng Thị	Thiết	29/04/94	15426	D1	1	4.75	2.50	8.00	20.00	977		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
165	Phan Thị	Phương	01/06/96	72603	D1	1	5.00	3.00	7.00	20.00	1275		
166	Phan Thị Thanh	Toàn	17/09/95	72967	D1	1	4.25	3.50	6.50	20.00	1373		
167	Trần Thị Mỹ	Lệ	17/06/94	72121	D1	1	4.75	4.50	4.25	20.00	1458		
168	Phan Thị Tú	Trinh	27/01/94	44401	D1	3	4.50	5.50	4.50	20.00	1515		
169	Lê Thị	Đào	11/08/95	71677	D1	1	4.50	4.50	4.50	20.00	1537		
170	Lê Thị	Hương	26/06/96	18997	D1	1	5.25	4.00	4.50	20.00	11000		
171	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	01/01/96	43038	D1	3	5.75	5.25	3.75	20.00	11465		
172	Hồ Thị Cát	Tường	03/02/96	44745	D1	3	6.00	4.50	4.75	20.00	11574		
173	Lê Thị Kim	Chi	15/05/96	39191	D1	1	4.25	3.75	6.00	20.00	2492		
174	Nguyễn Thảo	Uyên	18/11/96	44804	D1	3	4.75	6.00	3.00	20.00	11970		
175	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	09/08/96	72484	D1	1	4.75	4.25	4.50	20.00	12097		
176	Nguyễn Thị	Dung	23/05/95	39386	D1	3	5.50	5.00	4.25	20.00	12556		
177	Nguyễn Thị Đoan	Trang	24/06/96	44238	D1	1	3.00	5.00	5.00	20.00	12561		
178	Lê Thị Ngọc	Ly	22/11/96	72223	D1	2NT	6.00	4.75	3.00	19.83	1017		
179	Châu Thị Phương	Thúy	24/03/96	43684	D1	2NT	2.00	5.00	6.25	19.83	11218		
180	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	20/08/96	41471	D1	2NT	5.25	4.00	5.25	19.83	11223		
181	Lê Thị	Huyền	12/08/94	69406	D1	2NT	5.75	3.50	5.50	19.83	11663		
182	Trần Thị	Lượng	02/01/96	74095	D1	2NT	5.00	3.50	6.50	19.83	2459		
183	Nguyễn Thị Phương	Trinh	21/06/95	44451	D1	2NT	3.00	5.25	5.00	19.83	11945		
184	Nguyễn Thị	Hàng	03/01/96	73987	D1	1 06	6.00	2.50	5.25	19.83	13263		
185	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	21/04/95	76772	D1	2	5.00	4.25	5.25	19.67	31		
186	Trần Nguyễn ý	Nhi	22/08/96	72460	D1	2	4.50	4.50	5.25	19.67	227		
187	Huỳnh Nguyễn Huyền	Thi	25/05/96	74270	D1	2	4.25	4.00	6.50	19.67	561		
188	Tôn Nữ Mỹ	Trinh	19/04/96	73069	D1	2	3.75	5.00	5.00	19.67	1366		
189	Đỗ Hoàng Diệu	Duyên	26/12/96	39576	D1	2	6.75	4.00	4.00	19.67	2000		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
190	Trần Quang Bảo	Khánh	10/05/96	8578	D1	2	2.50	4.50	7.50	19.67	11500		
191	Nguyễn Lâm Nhật	Châu	03/05/96	71560	D1	2	4.00	5.25	4.25	19.67	3225		
192	Hồ Thị	Bích	06/09/96	71546	D1	1	5.50	3.75	4.25	19.50	614		
193	Dương Thảo	Hân	30/11/96	40026	D1	3	6.00	5.00	3.25	19.50	749		
194	Nguyễn Thị Linh	Sang	29/01/96	72694	D1	1	5.00	4.50	3.25	19.50	1051		
195	Võ Đỗ Lan	Hương	03/10/96	40717	D1	3	4.50	5.75	3.50	19.50	11151		03/09/14
196	Tạ Hoàng	Kim	07/01/96	40832	D1	3	2.50	6.00	4.75	19.50	11163		
197	Phan Phụng	Xuân	13/11/95	45202	D1	3	6.25	5.25	2.75	19.50	11790		
198	Nguyễn Đoàn Đức	Vũ	02/04/96	45064	D1	1	5.75	3.50	4.50	19.50	12005		
199	Trần Thị Quỳnh	Giang	11/06/96	76175	D1	1	4.75	3.00	6.50	19.50	12584		
200	Trần Quốc	Bình	07/10/96	39088	D1	1	5.00	4.00	4.50	19.50	12486		
201	Hồ Nguyễn Trúc	Hân	10/08/96	40021	D1	3	5.00	5.25	3.75	19.50	12970		
202	Nguyễn Thị Tú	Anh	01/01/96	70700	D1	3	6.75	4.50	3.75	19.50	3071		
203	Nguyễn Thị Tố	Như	14/09/96	71087	D1	1	3.50	3.50	6.75	19.50	12390		
204	Lê Thị	Hiền	12/05/96	73991	D1	2NT	3.25	4.50	5.75	19.33	1101		
205	Trần Thị Thanh	Nga	30/06/96	72330	D1	2NT	3.75	4.50	5.00	19.33	1455		
206	Trần Thị Kiều	Nguyên	06/01/95	74138	D1	2NT	4.00	5.00	4.00	19.33	1591		
207	Nguyễn Thị Phương	Huy	01/12/96	40527	D1	2NT	4.00	4.50	4.75	19.33	11327		
208	Đoàn Thị Ngọc	Giao	09/05/96	39812	D1	2NT	6.00	3.75	4.25	19.33	2095		
209	Nguyễn Thị Thanh	Vân	02/06/96	73878	D1	2NT	4.25	5.00	3.50	19.33	2281		
210	Nguyễn Thị Khánh	Ly	21/08/96	41333	D1	2NT	5.75	3.50	5.00	19.33	11746		
211	Hoàng Thị Minh	An	18/10/96	71454	D1	2NT	6.00	4.00	4.00	19.33	2602		
212	Trần Nhật	Linh	05/06/95	9570	D1	2NT	5.50	5.00	2.25	19.33	12192		
213	Nguyễn Quốc	Phú	05/05/96	18688	D1	2NT	6.00	3.75	4.50	19.33	13179		
214	Ngô Vũ Xuân	Quỳnh	17/06/96	42920	D1	2NT	6.25	4.00	3.50	19.33	3388		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
215	Phùng Thị Ngọc	27/02/96	41834	D1	2NT	5.75 4.00 4.00	19.33	13306		
216	Huỳnh Thị Thuỷ	17/12/95	72940	D1	2	6.25 4.00 4.25	19.17	264		
217	Nguyễn Thị Thúy	22/05/96	71486	D1	2	5.25 5.00 3.00	19.17	450		
218	Trần Thị Mỹ	10/10/96	71784	D1	2	5.50 4.25 4.50	19.17	522		
219	Phùng Thị Diễm	18/08/95	44642	D1	2	5.00 5.00 3.50	19.17	1070		
220	Văn Thị Kim	24/02/96	74384	D1	2	5.50 4.00 5.00	19.17	1284		
221	Trần Thị Thu	03/05/95	71141	D1	2	4.75 4.00 5.50	19.17	1443		
222	Trương Thị Tâm	01/08/96	2110	D1	2	5.00 4.25 4.75	19.17	1959		
223	Đặng Thị Tùng	27/07/96	72105	D1	2	5.50 3.75 5.25	19.17	11456		
224	Hồ Thị Kim	01/01/96	9817	D1	2	6.25 3.75 4.75	19.17	2204		
225	Nguyễn Thị Phương	10/11/96	44455	D1	2	5.25 5.00 3.00	19.17	11604		
226	Nguyễn Thị Ngọc	13/09/96	9595	D1	2	4.25 4.50 5.00	19.17	12077		
227	Lê Thị Yến	01/01/96	41966	D1	2	3.25 4.75 5.75	19.17	12119		
228	Lê Thị Tuyết	13/05/96	44466	D1	2	6.25 4.50 3.00	19.17	12148		
229	Nguyễn Văn Tây	26/05/96	8768	D1	2	5.75 3.50 5.50	19.17	12226		
230	Võ Thị Thủy	31/01/96	72957	D1	2	3.25 5.50 4.00	19.17	3653		
231	Lê Hoàng Bảo	28/02/96	73925	D1	2	5.50 4.00 5.00	19.17	3751		
232	Đào Thị Mỹ	28/02/96	74183	D1	1	4.25 3.75 5.00	19.00	55		
233	Đặng Thị Thanh	16/10/96	72338	D1	1	3.50 4.50 4.50	19.00	641		
234	Lục Phan Thu	10/07/96	43279	D1	3	4.75 4.00 6.25	19.00	728		
235	Nguyễn Thị Thu	02/10/96	73796	D1	1	4.50 4.00 4.50	19.00	963		
236	Huỳnh Thị Thu	22/09/96	41656	D1	3	2.25 5.75 5.00	19.00	1098		
237	Lê Thị Thu	26/10/96	40695	D1	1	2.50 4.75 4.75	19.00	11220		
238	Trần Hồng	14/11/96	42499	D1	3	5.50 4.50 4.50	19.00	11276		
239	Phạm Đình Hồ Đoàn	04/03/96	42876	D1	3	3.50 6.00 3.25	19.00	11409		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
240	Trần Thị ánh	Hồng	10/06/96	33849	D1	1	4.00	3.50	6.00	19.00	11681		
241	Lê Uyên	Phương	31/07/96	42534	D1	3	6.00	4.75	3.50	19.00	12068		
242	Trần Thị	Trinh	24/02/96	44496	D1	1	3.50	4.50	4.50	19.00	12549		
243	Đình Kỳ	Bảo	01/01/94	71535	D1	1	3.75	5.00	3.00	19.00	12114		
244	Đặng Thị Minh	Tâm	20/11/96	43050	D1	1	2.75	5.00	4.00	19.00	12473		
245	Nguyễn Thị Hương	Sen	20/02/96	73710	D1	1	2.25	4.25	6.00	19.00	12705		
246	Nguyễn Thị Tuyết	Hoàn	16/03/96	10515	D1	1	2.50	4.50	5.50	19.00	12760		
247	Huỳnh Anh	Khoa	03/01/96	72056	D1	3	5.00	5.50	3.00	19.00	13178		
248	Đào Thị	Xuân	07/10/96	74377	D1	2NT	4.00	3.50	6.50	18.83	313		
249	Hoàng Bảo	Trần	18/04/96	73040	D1	2NT	5.50	3.75	4.50	18.83	402		
250	Hồ Thị Hồng	Hải	09/10/96	71779	D1	2NT	4.25	4.50	4.25	18.83	615		
251	Đặng Tâm	Thơ	17/08/95	73768	D1	2NT	4.00	4.00	5.25	18.83	954		
252	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	26/12/96	69578	D1	2NT	4.25	4.50	4.00	18.83	1305		
253	Nguyễn Thị	Thảo	20/09/96	73748	D1	2NT	4.25	4.50	4.00	18.83	1622		
254	Trần Thị	Diễm	25/12/96	39317	D1	2NT	5.50	4.50	2.75	18.83	11312		
255	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	15/09/96	71561	D1	2NT	5.25	4.00	4.00	18.83	2226		
256	Trương Thị Cẩm	Giang	10/01/96	71731	D1	2NT	3.50	4.50	4.75	18.83	2725		
257	Nguyễn Thị Khánh	Hoà	02/01/96	71929	D1	2NT	5.25	4.00	4.00	18.83	2582		
258	Lê Thị ánh	Tuyết	24/06/96	71310	D1	2NT	5.00	4.00	4.50	18.83	12917		
259	Nguyễn Thị	Huế	13/02/96	74016	D1	2NT	1.75	4.50	6.50	18.83	12879		
260	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/03/96	44152	D1	2NT	5.50	4.00	4.00	18.83	13123		
261	Nguyễn Thị	Huệ	01/09/96	40488	D1	2NT	3.25	4.00	6.00	18.83	13052		
262	Nguyễn Thị	Huyền	27/07/96	40576	D1	2NT	3.25	4.50	5.00	18.83	12333		
263	Hà Thị Thuỳ	Uyên	16/01/95	73866	D1	2NT	5.25	3.75	4.75	18.83	3668		
264	Huỳnh Thị Bảo	Khanh	10/03/95	72047	D1	2	1.75	5.50	5.00	18.67	267		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
265	Đặng Minh	Lập	14/06/94	70922	D1	2	5.75	3.50	5.00	18.67	444		
266	Nguyễn Thị Phương	Trinh	05/02/96	74331	D1	2	4.75	3.75	5.75	18.67	698		
267	Nguyễn Thị Kim	Chi	03/03/96	73929	D1	2	5.50	4.25	4.00	18.67	813		
268	Lê Thị Đoan	Trang	17/05/96	77141	D1	2	6.25	4.25	3.25	18.67	958		
269	Trần Thị Thanh	Thảo	20/08/95	71193	D1	2	3.75	5.00	4.00	18.67	1238		
270	Nguyễn Thị Cửu	Trinh	11/05/96	75750	D1	2	5.25	3.50	5.50	18.67	1584		
271	Nguyễn Thị Thùy	Linh	23/03/96	75087	D1	2	3.50	4.50	5.25	18.67	1606		
272	Nguyễn Nhật	Tài	02/01/96	18917	D1	2	4.00	4.50	5.00	18.67	11066		
273	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/09/96	73751	D1	2	6.25	2.50	6.50	18.67	11404		
274	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	08/01/96	70939	D1	2NT 06	6.75	3.50	2.25	18.67	2146		
275	Lê Thị	Vui	29/09/95	74368	D1	2	6.25	4.00	3.50	18.67	2659		
276	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	28/02/95	72322	D1	2	4.00	5.00	4.00	18.67	3004		
277	Nguyễn Bá Quỳnh	Nhi	12/03/95	45328	D3	2	3.00	5.00	5.00	18.67	2503		
278	Nguyễn Thị	Lệ	11/11/96	72115	D1	1	5.75	3.00	4.50	18.50	1574		
279	Thái Thị Ngọc	Bích	04/03/95	11361	D1	1	4.75	3.75	4.00	18.50	11085		
280	Trần Thị Hương	Giang	03/08/96	71732	D1	1	2.25	4.50	5.25	18.50	2806		
281	Hoàng Văn	Trọng	08/01/95	74338	D1	1	5.75	3.00	4.75	18.50	2892		
282	Lê Thị Thu	Hường	08/02/96	73505	D1	1	3.00	4.00	5.25	18.50	12695		
283	Lê Thị	Đức	08/09/96	71701	D1	1	4.25	3.50	5.25	18.50	12698		
284	Bùi Thị Hoàng	Hân	01/01/96	73436	D1	1	3.75	3.50	5.50	18.50	12194		
285	Nguyễn Thị Nam	Phương	04/01/96	42547	D1	3	4.50	5.00	4.00	18.50	12322		
286	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	24/02/96	73100	D1	2NT	4.25	4.25	4.25	18.33	879		
287	Trần Thị Thùy	Nga	29/06/94	74121	D1	2NT	5.00	3.50	5.00	18.33	1324		
288	Đỗ Thị	Duyên	26/03/96	73385	D1	2NT	3.25	5.00	3.75	18.33	1534		
289	Lê Thị	Yến	03/10/95	3406	D1	2NT	5.25	2.75	6.00	18.33	11046		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
290	Đặng Thị	Lành	03/12/96	73521	D1	2NT	3.50	4.00	5.50	18.33	2023		
291	Phan Thị Nhã	Phương	25/06/95	73679	D1	2NT	3.75	4.00	5.00	18.33	2269		
292	Trần Thị Cẩm	Giang	20/05/96	39787	D1	2NT	3.75	4.00	5.25	18.33	11644		
293	Phạm Văn	Phương	22/07/95	42564	D1	2NT	4.25	4.50	3.50	18.33	2676		
294	Phạm Thị	Trinh	28/09/96	73845	D1	2NT	3.00	4.00	6.00	18.33	12451		
295	Nguyễn Thị	Liên	12/06/96	74064	D1	2NT	2.25	3.50	7.50	18.33	12877		
296	Nguyễn Ngọc An	Khương	08/11/96	72063	D1	2	4.00	4.00	5.25	18.17	240		
297	Văn Thị	Tý	01/03/96	74352	D1	2	5.50	3.50	5.00	18.17	250		
298	Lâm Hạnh	Quyên	09/04/96	76646	D1	2	4.50	4.00	5.00	18.17	768		
299	Lê Phước Bích	Thuận	03/04/95	72861	D1	2	4.00	4.50	4.50	18.17	1345		
300	Cao Thị Thuỳ	Trâm	05/09/96	75264	D1	2	5.50	4.50	3.00	18.17	1489		
301	Khương Thị Ngọc	ánh	05/03/96	77040	D1	2	4.75	3.75	5.25	18.17	1666		
302	Ngô Huỳnh	Như	22/10/96	42323	D1	2	5.25	4.00	4.00	18.17	11386		
303	Nguyễn Thu	Thảo	21/01/95	43432	D1	2	4.50	4.50	4.00	18.17	12742		
304	Hoàng Minh	Thành	07/04/96	74253	D1	2	5.00	5.00	2.50	18.17	3494		
305	Bùi Lê Thanh	Vân	01/12/95	44872	D1	2	3.25	4.50	5.00	18.17	13384		
306	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	04/04/95	43790	D1	3	3.50	4.50	5.50	18.00	1007		
307	Nguyễn Thị Diệu	Trang	26/11/96	73821	D1	1	3.25	4.00	4.50	18.00	1474		
308	Đỗ Thị Mỹ	Linh	01/03/96	37790	D1	1	3.25	3.25	6.25	18.00	1726		
309	Nguyễn Thị	Phượng	13/03/96	42684	D1	1	2.75	4.00	5.00	18.00	1823		
310	Hoàng Thị	Thủy	20/05/95	43761	D1	1	3.75	3.25	5.50	18.00	13299		
311	Nguyễn Thị	Liễu	03/07/96	74068	D1	2NT	4.25	3.00	6.25	17.83	1027		03/09/14
312	Lê Văn	Đức	13/07/95	39724	D1	2NT	4.25	4.00	4.25	17.83	11407		
313	Phan Thị	Thảo	10/09/96	73752	D1	2NT	4.50	3.50	4.75	17.83	11727		
314	Lê Thị	Nhi	16/04/95	72425	D1	2NT	5.00	4.00	3.50	17.83	3548		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
315	Hồ Thị Hà	Trang	07/07/95	74310	D1	2	3.00	3.75	6.50	17.67	1658		
316	Lê Ngọc Uyên	Thi	12/08/95	43515	D1	2	3.00	4.75	4.50	17.67	11245		
317	Lê Thị Mỹ	Tho	19/07/96	72843	D1	2	4.00	4.75	3.50	17.67	3131		
318	Lê Văn	Tú	03/08/95	73859	D1	2	6.00	3.25	4.50	17.67	12227		
319	Trương Thị Phương	Thảo	30/04/96	43382	D1	2NT 06	4.75	3.75	2.50	17.67	13411		
320	Hồ Hải	Hưng	01/11/96	40634	D1	3	5.00	4.50	3.25	17.50	1521		
321	Hồ Trương Hạ	Nhi	04/05/96	42068	D1	3	6.00	3.50	4.50	17.50	1974		
322	Mai Thụy	Luận	20/01/96	41284	D1	3	5.00	3.50	5.25	17.50	11615		
323	Hoàng Thy	Thảo	02/11/96	43257	D1	3	4.50	4.00	4.75	17.50	11661		
324	Lê Thị Hương	Giang	11/06/96	71717	D1	1	5.25	4.00	2.25	17.50	11589		
325	Hồ Thu	Ngân	28/05/96	41690	D1	3	5.00	4.50	3.50	17.50	12770		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1			22/03/96	7526	D1	1	6.00	7.00	6.00	28.00	2959		
2	Phạm Minh	Tâm	26/01/96	43060	D1	3 06	5.00	7.50	4.00	25.33	3024		
3	Phan Thị Thảo	Phương	04/06/96	25643	D1	2NT	6.75	6.50	4.25	25.33	13145		
4	Hà Thị	Thảo	19/12/96	43331	D1	2NT	5.25	6.00	6.50	25.33	12294		
5	Đào Thị Kim	Anh	26/07/96	8838	D1	2NT	5.00	6.75	5.50	25.33	13357		
6	Phan Thị Mai	Lan	06/06/96	11262	D1	1	6.75	5.25	5.50	25.00	12497		
7	Nguyễn Thị Vân	Nghĩa	12/11/95	41772	D1	1	5.75	5.75	5.50	25.00	13209		
8	Trương Thị Thu	Trang	06/07/96	44213	D1	2NT	5.50	7.50	3.00	24.83	11275		
9	Lê Thị Thanh	Tâm	15/11/96	43077	D1	2NT	5.50	6.75	4.25	24.83	11399		
10	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	07/07/96	42865	D1	2NT	2.50	8.00	5.00	24.83	12642		
11	Trần Thị Thúy	Vi	08/12/96	44964	D1	2NT	5.75	7.00	3.75	24.83	12135		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
12	Mai Thanh	Hùng	20/11/96	40632	D1	2NT	3.25	8.00	4.00	24.83	3010		
13	Trần Kiều	Giang	10/05/96	751	D1	2	7.25	4.50	7.50	24.67	11272		
14	Trịnh Thị Ngọc	My	26/10/95	41524	D1	1	6.25	6.00	4.25	24.50	1954		
15	Võ Thị	Cúc	10/05/96	39230	D1	1	6.25	6.00	4.25	24.50	3145		
16	Huỳnh Bảo	Trang	05/01/96	19404	D1	2NT	5.75	5.50	6.00	24.33	11065		
17	Bùi Thị	Thùy	15/10/94	5461	D1	2NT	6.75	6.00	4.00	24.33	13433		
18	Lê Thị Phương	Thanh	30/06/96	43167	D1	2	5.75	6.00	5.50	24.17	11047		
19	Trần Thị Kim	Cúc	25/03/96	39226	D1	2	5.00	6.75	5.00	24.17	2530		
20	Nguyễn Thanh Thùy	Nhi	15/10/95	11549	D1	2	6.25	5.75	5.50	24.17	3263		
21	Lê Huyền	Trang	30/08/96	2666	D1	1	5.75	6.00	4.00	24.00	11704		
22	Đặng Thị Kim	Phượng	02/12/96	18769	D1	1	4.75	5.50	6.25	24.00	12186		
23	Nguyễn Thị	Phượng	20/03/96	42692	D1	1	5.75	6.00	4.00	24.00	3146		
24	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	30/10/95	6678	D1	2NT	4.75	5.25	7.00	23.83	1585		
25	Nguyễn Thị	Vân	25/08/96	2025	D1	2NT	4.75	5.75	6.00	23.83	11255		
26	Nguyễn Thị	Ngọc	06/06/96	20881	D1	2NT	6.00	5.50	5.50	23.83	3147		
27	Nguyễn Thị Diệu	Mỹ	20/08/95	70995	D1	2	3.25	7.00	5.50	23.67	823		
28	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	29/05/96	71169	D1	2	6.00	6.00	4.75	23.67	11700		29/08/14
29	Trần Thị Ngọc	Cẩm	11/07/96	39122	D1	1	5.50	5.50	5.00	23.50	11762		
30	Lê Thị Hồng	Thuyết	11/09/95	3701	D1	1	5.00	5.50	5.50	23.50	13001		
31	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/09/96	5793	D1	2NT	4.75	5.25	6.50	23.33	924		
32	Trần Thị Thu	Thủy	13/07/95	71229	D1	2NT	6.25	5.25	5.25	23.33	11941		
33	Hường Thị Linh	Giang	27/05/96	8998	D1	2	6.25	5.25	5.75	23.17	11134		
34	Nguyễn Thị Đào	Nhi	15/08/96	23445	D1	2	6.25	4.50	7.00	23.17	2333		
35	Võ Thị Quỳnh	Nhi	25/12/96	71071	D1	2	6.25	5.50	5.25	23.17	3048		
36	Võ Thị Quỳnh	Nhi	25/12/96	71071	D1	2	6.25	5.50	5.25	23.17	10053		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
37	Đặng Thị	Đâm	19/03/96	21654	D1	1	6.00	5.50	3.75	23.00	278		
38	Lê Thị	Yến	10/05/96	7633	D1	1	6.50	3.50	7.50	23.00	12568		
39	Phan Thị Mỹ	Duyên	19/03/96	39497	D1	2NT	6.25	5.25	4.50	22.83	11709		
40	Trần Thị	Thoa	04/10/96	43566	D1	2NT	6.00	5.50	4.50	22.83	12054		
41	Nguyễn Thị Hoài	Mơ	15/05/96	41484	D1	2NT	6.25	5.00	5.00	22.83	13026		
42	Nguyễn Minh	Thư	22/07/96	6379	D1	2NT	5.50	6.00	3.75	22.83	13270		
43	Lê Thị ánh	Dương	12/08/96	69347	D1	2NT	5.25	5.75	4.75	22.83	12346		
44	Phạm Thị Hồng	Diễm	06/08/96	39314	D1	2NT	5.25	5.50	5.25	22.83	13447		
45	Nguyễn Ngọc	Hải	10/02/95	11252	D1	1 06	6.75	3.75	5.25	22.83	3521		
46	Đặng Thị Thu	Hàng	07/06/91	70835	D1	2	1.00	7.25	6.50	22.67	96		
47	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/06/96	43330	D1	2	7.25	5.25	4.25	22.67	1337		
48	Lê Thị Thùy	Dương	10/10/96	6961	D1	2	6.00	4.75	6.50	22.67	11188		
49	Nguyễn Thị Diễm	Sương	12/04/95	43008	D1	2	5.75	5.75	4.75	22.67	11258		
50	Phan Bá	Thảo	27/04/96	23702	D1	2	6.25	7.00	1.50	22.67	11292		
51	Trần Thị ánh	Trâm	20/12/96	44311	D1	2NT 06	6.50	4.50	4.50	22.67	1888		04/09/14
52	Hoàng Mỹ	Linh	30/05/96	13087	D1	2	6.50	6.25	3.00	22.67	2136		
53	Đỗ Hồng	Quyên	04/06/96	42792	D1	2	5.50	5.50	5.25	22.67	11620		
54	Hoàng Thị Minh	Hương	20/02/96	40715	D1	2	2.00	7.50	5.00	22.67	11789		04/09/14
55	Lê Quang	Minh	14/08/96	70980	D1	2	6.00	5.50	5.00	22.67	2549		
56	Nguyễn Thị	Hàng	03/07/96	29922	D1	2	5.00	5.25	6.50	22.67	12756		
57	Trần Đình	Hậu	10/09/95	40058	D1	1	5.50	5.50	3.75	22.50	11316		04/09/14
58	Bùi Thị Mỹ	Duyên	02/04/96	39578	D1	1	6.50	5.00	4.00	22.50	11794		
59	Ngô Thị Thanh	Hàng	13/06/96	40148	D1	1	6.00	5.00	4.50	22.50	12602		
60	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22/06/96	42886	D1	1	5.75	5.00	4.75	22.50	12989		
61	Võ Thị	Linh	09/09/96	70948	D1	1	5.75	5.00	4.50	22.50	12706		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
62	Phan Giao Nhật	Kha	20/06/95	40750	D1	3	5.25	6.25	4.50	22.50	12816		
63	Trương Phước Như	Sơn	23/04/96	23628	D1	3	4.25	7.50	3.25	22.50	3031		
64	Võ Thành	Nhân	14/11/96	71051	D1	2NT	5.75	5.00	5.00	22.33	1225		
65	Bùi Thị Xuân	Diệu	01/11/96	70749	D1	2NT	3.00	7.00	4.00	22.33	12495		
66	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	02/03/96	40181	D1	2	4.75	6.25	4.00	22.17	11297		
67	Lê Thị Yến	Nhi	27/02/96	42143	D1	2	5.50	5.00	6.00	22.17	11411		
68	Trần Minh Nhật	Thi	28/09/96	75703	D1	2	5.25	5.25	5.50	22.17	2479		
69	Trần Thị	Thôi	18/03/95	43578	D1	2	6.75	5.25	4.00	22.17	13110		
70	Trần Thị Yến	Nhi	24/02/95	42049	D1	2	5.50	6.00	4.00	22.17	3492		
71	Đặng Thị Hoài	Nhân	09/08/96	25530	D1	2	6.25	5.25	4.50	22.17	13354		
72	Bạch Thị Thanh	Phương	14/03/96	71122	D1	1	6.75	5.00	3.25	22.00	1459		
73	Nguyễn Thị Diễm	Thu	05/03/95	43618	D1	1	5.00	5.00	5.00	22.00	11164		
74	Nguyễn Thị	Mai	20/05/96	19187	D1	1	6.75	4.00	5.00	22.00	11613		
75	Nguyễn Hoàng Tú	Nhi	10/01/96	23455	D1	1	6.25	3.50	6.50	22.00	11920		
76	Lương Thị Thu	Mai	05/06/96	70977	D1	1	6.00	4.50	4.75	22.00	12487		
77	Huỳnh Thị Trà	Linh	12/02/96	69446	D1	1	5.75	4.50	5.00	22.00	13111		
78	Đinh Thị Thúy	Nga	02/11/95	71010	D1	1	6.25	4.50	4.50	22.00	13121		
79	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	12/11/95	69610	D1	2 06	5.50	5.00	4.50	22.00	3496		
80	Nguyễn Thị Diễm	Thu	05/03/95	43618	D1	1	5.00	5.00	5.00	22.00	13259		
81	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/02/96	44147	D1	1	3.75	5.25	5.50	22.00	13437		
82	Hoàng Trung	Mạnh	18/11/96	28982	D1	1	5.00	5.25	4.50	22.00	13392		
83	Lê Thị	Yến	16/06/96	15048	D1	1	5.75	4.50	5.00	22.00	13506		
84	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	10/06/96	44651	D1	2NT	6.00	5.00	4.25	21.83	11332		
85	Phạm Khánh	Ly	30/09/96	3477	D1	2NT	5.50	3.50	8.00	21.83	11786		
86	Nguyễn Diệu	Trinh	11/11/96	44482	D1	2NT	5.75	4.50	5.50	21.83	11577		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
87	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21/12/96	22980	D1	2	5.50	6.25	3.00	21.67	11016		
88	Trần Linh	Giang	05/06/96	39783	D1	2	5.25	4.00	7.50	21.67	11358		
89	Nguyễn Thị Thới	Xương	11/10/96	19787	D1	2	5.50	4.75	6.00	21.67	11381		
90	Trương Hoài	Nhi	16/11/96	75644	D1	2	5.25	5.00	5.50	21.67	11595		
91	Trương Thị Thảo	Tâm	09/04/95	10637	D1	2	6.00	5.25	4.25	21.67	2742		
92	Đặng Thị	Ngoan	03/02/96	41781	D1	2	2.00	5.50	8.00	21.67	12988		
93	Lê Thị	Vương	24/08/95	71342	D1	1	5.75	4.25	5.00	21.50	61		
94	Phạm Thị	Liên	02/08/95	75566	D1	1	6.00	4.50	4.25	21.50	710		
95	Phan Bá	Thảo	18/04/96	43286	D1	3	6.75	6.00	2.50	21.50	11103		
96	Phan Thị Luy	Uyên	22/06/96	44823	D1	1	5.25	4.00	6.00	21.50	2240		
97	Võ Thị Như	Lệ	15/08/96	70926	D1	2 06	7.25	4.00	4.00	21.50	2257		
98	Mai Thị Hữu	Nghĩa	10/07/96	41777	D1	1	4.50	5.00	4.75	21.50	12085		
99	Nguyễn Lê Phương	Ngọc	12/11/96	69785	D1	1	4.50	4.75	5.25	21.50	12115		
100	Huỳnh Thị Phương	Hàng	02/11/95	40124	D1	2NT	5.00	4.50	5.75	21.33	2772		
101	Hoàng Thị	Oanh	27/03/96	14237	D1	2NT	3.75	4.25	7.75	21.33	3666		
102	Nguyễn Phú	Nghĩa	20/07/96	71018	D1	2	6.75	4.75	4.00	21.17	11362		
103	Nguyễn Thị Hồng	Tĩnh	15/03/96	71245	D1	2	5.25	5.00	5.00	21.17	11696		04/09/14
104	Nguyễn Thị Như	Ngọc	12/01/96	9807	D1	2	5.75	4.50	5.50	21.17	11534		
105	Đỗ Thị Tường	Vi	10/05/95	44952	D1	2	6.75	5.50	2.75	21.17	11911		
106	Nguyễn Trọng	Nghĩa	01/11/96	23345	D1	2	2.00	6.00	6.25	21.17	12314		
107	Trương Như	Long	01/04/96	41253	D1	3	4.75	6.00	4.00	21.00	1095		
108	Lê Tấn	Huấn	19/01/95	40476	D1	1	4.25	5.00	4.50	21.00	2353		04/09/14
109	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/10/94	43213	D1	3	6.00	5.00	5.00	21.00	11973		
110	Đỗ Thị Lệ	Thu	20/05/95	10340	D1	1	4.00	5.75	3.50	21.00	12151		
111	Phan Ngọc	Tĩnh	20/08/96	44029	D1	1	3.75	5.00	5.00	21.00	12253		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
112	Nguyễn Thị Phương	20/09/96	3794	D1	1	4.50 4.50 5.50	21.00	12367		
113	Trần Thị Thùy	17/08/96	39417	D1	2NT	4.50 4.25 6.50	20.83	1499		
114	Nguyễn Thị Thu	20/02/96	43788	D1	2NT	3.50 5.00 6.00	20.83	11809		04/09/14
115	Lê Thị Nhân	22/10/95	72396	D1	2NT	3.00 6.00 4.50	20.83	11940		
116	Lương Hứa Thị Diệu	17/03/96	41166	D1	2NT	5.00 5.25 3.75	20.83	2704		
117	Vương Thị Tường	05/09/96	44986	D1	2NT	5.25 4.50 5.00	20.83	13002		
118	Trần Xuân Nhật	04/02/96	72610	D1	2	5.50 6.25 1.75	20.67	126		
119	Huỳnh Quang	15/01/96	72252	D1	2	3.75 5.50 5.00	20.67	594		
120	Võ Thị Lan	09/08/96	72037	D1	2	1.75 6.00 6.00	20.67	658		
121	Nguyễn Hà Lệ	18/05/96	72665	D1	2	5.50 4.50 5.50	20.67	1327		
122	Phạm Thị Thuý	17/06/96	69719	D1	2	5.50 4.00 6.50	20.67	1765		
123	Hoàng Thị Hồng	22/06/96	9793	D1	2	4.75 4.50 6.00	20.67	11045		
124	Phan Thị Ly	20/11/95	41331	D1	2	4.50 5.50 4.50	20.67	11368		
125	Nguyễn Thị Diễm	25/08/95	72272	D1	2	3.50 5.50 5.25	20.67	2017		
126	Nguyễn Thị Tú	08/01/96	72162	D1	2	4.00 5.50 5.00	20.67	2020		03/09/14
127	Dương Thị Uyên	24/11/96	41440	D1	2	6.25 4.00 5.50	20.67	11799		
128	Nguyễn Thị Hà	06/01/96	69555	D1	2	3.75 5.25 5.75	20.67	12083		
129	Nguyễn Thị Thanh	02/02/96	72030	D1	2	4.75 5.00 5.00	20.67	2661		
130	Hoàng Thị Anh	14/07/96	73105	D1	2	4.75 6.50 2.00	20.67	12426		
131	Nguyễn Thị Kiều	06/01/96	72542	D1	2	4.25 5.25 5.25	20.67	12948		04/09/14
132	Nguyễn Thị Quỳnh	28/06/96	41646	D1	1	4.75 3.25 7.25	20.50	12002		
133	Phạm Ngọc Mỹ	25/10/96	39571	D1	1	4.50 4.25 5.50	20.50	13197		
134	Nguyễn Thị Hồng	25/04/96	73982	D1	2NT	5.25 5.00 3.75	20.33	12906		
135	Ngô Thị Bích	20/10/96	72602	D1	2NT	0.25 7.00 4.75	20.33	3547		
136	Hồ Ngọc Mỹ	12/11/96	74620	D1	2	3.50 5.50 4.75	20.17	344		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
137	Trần Nguyễn Quỳnh	Trâm	06/02/96	73039	D1	2	6.75	4.25	4.00	20.17	454		
138	Võ Thị Mỹ	Hạnh	18/08/96	71813	D1	2	5.00	4.75	5.00	20.17	635		
139	Hồ Nguyên Hoài	Oanh	01/01/96	72534	D1	2	5.25	4.50	5.00	20.17	873		
140	Đỗ Thị	Thanh	06/10/96	72758	D1	2	3.25	5.00	6.00	20.17	909		
141	Lê Thị Cẩm	Lai	12/11/95	72078	D1	2	3.75	5.00	5.75	20.17	1528		
142	Trần Thị Thu	Hiền	20/03/96	71895	D1	2	3.50	5.25	5.50	20.17	1817		
143	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/06/96	75259	D1	2	6.25	3.50	6.00	20.17	1943		
144	Lê Trần Thuý	Vy	02/08/96	69671	D1	2	4.25	4.25	6.50	20.17	1997		
145	Lê Thị Vũ	Hảo	25/07/96	76199	D1	2	4.50	4.25	6.50	20.17	11383		
146	Lê Thị Khánh	Huyền	17/10/96	70876	D1	2	3.00	4.50	7.50	20.17	11560		
147	Trần Dương Hoài	Phương	05/04/96	74217	D1	2	6.50	3.75	5.50	20.17	2639		04/09/14
148	Nguyễn Thị	Anh	08/02/96	38952	D1	2	6.25	4.50	4.00	20.17	12600		
149	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	28/02/96	75127	D1	2	6.50	3.75	5.25	20.17	3422		
150	Bùi Thị Lan	Hương	09/09/96	19135	D1	1	6.75	4.00	3.00	20.00	11655		
151	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	02/10/96	75036	D1	1	6.00	4.25	3.25	20.00	2432		
152	Phạm Lê Minh	ý	02/11/90	45290	D1	3	4.50	6.00	3.50	20.00	11961		
153	Nguyễn Đặng Thu	Hà	21/01/96	39872	D1	1	3.75	5.00	4.00	20.00	12164		
154	Đào Thị	Vân	06/04/96	73151	D1	1	3.25	5.00	4.75	20.00	13028		
155	Lê Thị Ngọc	Ly	22/11/96	72223	D1	2NT	6.00	4.75	3.00	19.83	1018		
156	Tôn Nữ Thuý	Vi	25/11/95	74366	D1	2NT	3.75	4.50	5.75	19.83	1138		
157	Nguyễn Thị Bảo	Châu	31/10/96	39151	D1	2NT	3.50	5.50	3.75	19.83	1636		
158	Châu Thị Phương	Thúy	24/03/96	43684	D1	2NT	2.00	5.00	6.25	19.83	11219		
159	Nguyễn Quang	Trung	10/07/95	12127	D1	2NT	4.00	5.00	4.50	19.83	11956		
160	Phạm Thị Hải	Cơ	23/09/96	71588	D1	2NT	3.00	5.25	5.00	19.83	12726		
161	Trần Thị Linh	Giang	22/09/95	39771	D1	1 06	3.00	3.75	6.00	19.83	12746		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
162	Nguyễn Thị	Thảo	13/10/95	74262	D1	2NT	5.25	4.25	4.75	19.83	12870		
163	Nguyễn Thị	Hoa	14/12/96	40343	D1	2NT	4.75	4.25	5.25	19.83	13195		
164	Phạm Thị	Việt	10/10/96	73169	D1	2NT	5.25	3.50	6.25	19.83	13207		
165	Lê Văn	Duy	26/10/94	674	D1	2NT	6.00	4.75	3.00	19.83	13516		
166	Trương Tiểu	Quyên	25/11/96	69561	D1	2	4.50	4.50	5.25	19.67	258		
167	Huỳnh Thị Kim	Khánh	07/05/96	70905	D1	2	3.50	5.50	4.25	19.67	276		
168	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	20/03/96	72596	D1	2	5.75	4.00	5.25	19.67	587		
169	Vũ Thị Thuỳ	Trang	06/01/96	73016	D1	2	5.75	4.50	4.00	19.67	1379		
170	Võ Thị	Thế	11/02/95	43489	D1	2	5.00	4.50	5.00	19.67	11278		
171	Nguyễn Thị Anh	Trang	24/03/95	75258	D1	2	5.50	3.75	6.00	19.67	1936		
172	Trần Thị Lan	Phương	16/08/96	42572	D1	2	5.25	4.25	5.00	19.67	11420		
173	Trần Nguyễn Thanh	Thúy	09/02/95	43804	D1	2	5.50	5.50	2.50	19.67	12643		
174	Trương Thị Ngọc	Thương	19/06/96	43911	D1	2NT 06	3.25	4.00	5.50	19.67	12160		
175	Đình Như Hồng	Đức	01/01/96	71710	D1	2	6.00	4.00	4.75	19.67	3419		
176	Phạm Thị Hoài	My	08/09/96	41492	D1	3	6.25	5.00	3.00	19.50	1112		
177	Lê Thị	Thảo	20/07/96	14480	D1	1	5.00	4.25	4.00	19.50	12510		
178	Hồ Thị Ngọc	Mẫu	12/07/96	77085	D1	1	3.50	4.00	5.75	19.50	12183		
179	Trần Quốc	Bình	07/10/96	39088	D1	1	5.00	4.00	4.50	19.50	12485		
180	Nguyễn Thị Diễm	My	20/12/96	41522	D1	3	6.00	4.75	3.75	19.50	13302		
181	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	10/12/95	43715	D1	1	3.25	4.25	5.50	19.50	3506		
182	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	10/12/95	43715	D1	1	3.25	4.25	5.50	19.50	13529		
183	Tô Trường	Phú	17/07/96	42481	D1	3	5.00	5.00	4.50	19.50	3761		
184	Nguyễn Giang	Quỳnh	08/10/96	72664	D1	2NT	3.75	4.50	5.00	19.33	1055		
185	Lê Thị	Hiên	12/05/96	73991	D1	2NT	3.25	4.50	5.75	19.33	1099		
186	Phạm Thị Thu	Hà	30/05/95	39886	D1	2NT	4.25	4.00	5.75	19.33	11457		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
187	Nguyễn Thị Thanh	Vân	02/06/96	73878	D1	2NT	4.25	5.00	3.50	19.33	2280		
188	Nguyễn Thị Khánh	Ly	21/08/96	41333	D1	2NT	5.75	3.50	5.00	19.33	12711		
189	Nguyễn Thị Kim	Tiền	04/08/96	19330	D1	1 06	4.50	4.00	3.25	19.33	13091		
190	Phùng Thị	Ngọc	27/02/96	41834	D1	2NT	5.75	4.00	4.00	19.33	13315		
191	Nguyễn Thị Thu	Hà	16/08/95	39877	D1	2NT	4.50	5.50	2.25	19.33	13386		
192	Phan Minh	Hải	22/12/96	73973	D1	2	5.00	5.50	2.50	19.17	133		
193	Nguyễn Thị	Tuyền	26/09/96	75756	D1	2	5.50	4.00	5.00	19.17	142		
194	Ngô Thị Trà	Mi	19/09/95	72249	D1	2	3.25	5.00	5.00	19.17	192		
195	Huỳnh Thị Thuỷ	Tiền	17/12/95	72940	D1	2	6.25	4.00	4.25	19.17	265		
196	Nguyễn Thị Phương	Uyên	01/12/95	73124	D1	2	2.75	4.75	6.00	19.17	303		
197	Trần Thị Mỹ	Hải	10/10/96	71784	D1	2	5.50	4.25	4.50	19.17	523		
198	Trần Thị Cẩm	Nhung	08/10/96	72495	D1	2	4.75	4.50	4.50	19.17	939		
199	Trần Nguyễn Thanh	Sang	29/10/96	71161	D1	2	5.00	4.00	5.50	19.17	1831		
200	Dương Thị Xuân	Diệu	12/04/96	33351	D1	2	5.75	4.50	3.75	19.17	11419		
201	Đặng Võ Như	Thuỷ	06/07/95	43665	D1	2	4.75	4.75	4.00	19.17	12807		
202	Văn Thị Kim	Yến	24/02/96	74384	D1	2	5.50	4.00	5.00	19.17	3188		
203	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	13/09/96	71482	D1	2	6.00	4.50	3.50	19.17	13279		
204	Võ Thị Thủy	Tiền	31/01/96	72957	D1	2	3.25	5.50	4.00	19.17	3654		
205	Lục Phan Thu	Thảo	10/07/96	43279	D1	3	4.75	4.00	6.25	19.00	727		
206	Phan Thị Lê	Nhơn	17/06/95	72474	D1	1	3.50	4.00	5.50	19.00	967		
207	Trần Thị Mỹ	Thiện	24/06/96	5811	D1	1	5.50	3.00	5.25	19.00	11137		
208	Trịnh Bảo	Uyên	09/11/96	35655	D1	3	6.25	5.00	2.75	19.00	11296		
209	Nguyễn Đăng	Khoa	29/10/96	40795	D1	3	5.75	4.00	5.00	19.00	1932		
210	Huỳnh Thị Bảo	Mi	09/10/95	34304	D1	3	6.00	4.25	4.50	19.00	11569		
211	Nguyễn Thị Thanh	Vân	10/08/96	24063	D1	1	5.50	4.25	3.00	19.00	11964		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
212	Nguyễn Trọng	Hiếu	14/02/96	40184	D1	3	4.50	5.50	3.25	19.00	13020		
213	Đào Thị	Xuân	07/10/96	74377	D1	2NT	4.00	3.50	6.50	18.83	314		
214	Hoàng Bảo	Trần	18/04/96	73040	D1	2NT	5.50	3.75	4.50	18.83	403		
215	Hồ Thị Hồng	Hải	09/10/96	71779	D1	2NT	4.25	4.50	4.25	18.83	629		
216	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	26/12/96	69578	D1	2NT	4.25	4.50	4.00	18.83	1304		
217	Phạm Thị Ngọc	Luyến	31/05/96	72210	D1	2NT	5.75	3.50	4.75	18.83	1826		03/09/14
218	Trần Thị	Nga	26/03/96	41637	D1	2NT	3.25	4.00	6.00	18.83	11742		
219	Nguyễn Thị	Huế	13/02/96	74016	D1	2NT	1.75	4.50	6.50	18.83	12880		
220	Lê Thị Kiều	Oanh	31/10/96	71108	D1	2NT	6.00	3.75	3.75	18.83	2937		
221	Phan Thị Ngọc	ánh	01/06/96	39002	D1	2NT	3.50	4.00	5.75	18.83	12330		
222	Nguyễn Thị	Huyền	27/07/96	40576	D1	2NT	3.25	4.50	5.00	18.83	12332		
223	Hà Thị Thuỳ	Uyên	16/01/95	73866	D1	2NT	5.25	3.75	4.75	18.83	3669		
224	Trương Thị	Hương	14/01/96	40701	D1	2NT	3.00	5.00	4.25	18.83	10050		
225	Trần Thị Minh	Thư	10/03/94	76800	D1	2NT	5.25	3.50	5.00	18.83	13346		
226	Huỳnh Thị Bảo	Khanh	10/03/95	72047	D1	2	1.75	5.50	5.00	18.67	268		
227	Nguyễn Thùy	Anh	26/09/96	71489	D1	2	4.50	5.00	3.50	18.67	509		
228	Lê Thị Uyên	Thi	24/07/96	72833	D1	2	4.75	5.00	3.00	18.67	569		
229	Trần Thị Tuyết	Nhung	07/03/96	72498	D1	2	3.75	4.50	5.25	18.67	758		
230	Châu Văn	Mỹ	25/04/95	70994	D1	2	3.50	5.50	3.50	18.67	780		
231	Mai Thị ý	Diễm	09/05/96	74984	D1	2	5.00	4.25	4.25	18.67	937		
232	Lê Thị Đoan	Trang	17/05/96	77141	D1	2	6.25	4.25	3.25	18.67	956		
233	Đặng Minh	Lập	14/06/94	70922	D1	2	5.75	3.50	5.00	18.67	1277		
234	Võ Hoàng Phương	Liên	20/09/96	40996	D1	2	4.75	4.50	4.00	18.67	11438		
235	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	08/01/96	70939	D1	2NT 06	6.75	3.50	2.25	18.67	2147		
236	Lê Thị Bảo	Uyên	08/12/96	44822	D1	2	4.50	3.75	5.75	18.67	11691		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
237	Nguyễn Minh	Khôi	20/09/96	40801	D1	3	5.25	5.00	3.00	18.50	11027		
238	Lê Huỳnh	Ngọc	12/02/96	2640	D1	1	5.50	4.50	2.00	18.50	11032		
239	Thái Thị Ngọc	Bích	04/03/95	11361	D1	1	4.75	3.75	4.00	18.50	11086		
240	Hoàng Văn	Trọng	08/01/95	74338	D1	1	5.75	3.00	4.75	18.50	2891		
241	Nguyễn Thị	Sin	04/08/95	34882	D1	2NT	4.75	4.00	4.25	18.33	11214		
242	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	22/05/96	73394	D1	2NT	3.25	4.50	4.50	18.33	11527		
243	Nguyễn Thị	Liên	12/06/96	74064	D1	2NT	2.25	3.50	7.50	18.33	12878		
244	Trần Thị Cẩm	Giang	20/05/96	39787	D1	2NT	3.75	4.00	5.25	18.33	13210		
245	Hồ Dương Mỹ	Sương	16/12/95	72706	D1	2	4.25	4.50	4.25	18.17	1335		
246	Lê Phước Bích	Thuận	03/04/95	72861	D1	2	4.00	4.50	4.50	18.17	1344		
247	Trần Thị Quỳnh	Như	01/04/96	73652	D1	2	5.25	3.50	5.00	18.17	11647		
248	Lê Thị Minh	Trang	05/06/96	72981	D1	2	4.75	5.00	2.50	18.17	2457		
249	Đỗ Thị Mỹ	Linh	01/03/96	37790	D1	1	3.25	3.25	6.25	18.00	1725		
250	Lê Hoàng Anh	Vy	06/02/95	45089	D1	3	4.75	5.00	3.25	18.00	2942		
251	Nguyễn Thị	Liểu	03/07/96	74068	D1	2NT	4.25	3.00	6.25	17.83	1037		03/09/14
252	Lê Văn	Đức	13/07/95	39724	D1	2NT	4.25	4.00	4.25	17.83	11408		
253	Nguyễn Thị Kim	Yến	20/10/96	45257	D1	2NT	4.00	3.25	6.00	17.83	11771		
254	Võ Phú	Tiên	12/10/96	25912	D1	2NT	5.75	3.75	3.25	17.83	12505		
255	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	01/10/95	71096	D1	1 06	1.25	3.50	6.00	17.83	12548		
256	Lưu Thị Thùy	Linh	31/05/95	73544	D1	2NT	2.00	4.50	5.50	17.83	13278		
257	Hồ Thị Trà	Mi	08/09/96	76451	D1	2	5.25	3.00	5.50	17.67	1529		
258	Mai Thị Hồng	Thắm	06/12/96	23242	D1	2	4.50	4.50	3.50	17.67	12607		
259	Hồ Hải	Hưng	01/11/96	40634	D1	3	5.00	4.50	3.25	17.50	1520		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Ngô Thị Hồng	Yến	08/07/94	3290	A	2NT	8.25	7.00	7.50	24.00	3567		
2	Trần Văn	Trung	10/09/96	26153	A	2	8.75	7.50	6.50	23.50	1263		
3	Văn Thị Cẩm	Tú	01/05/96	26188	A	2	7.25	7.25	8.50	23.50	1616		
4	Ngô Bảo	Văn	06/11/96	26215	A	2	8.00	7.00	7.75	23.50	2028		
5	Đặng Thị Ngọc	Hiên	27/11/96	25303	A	2	7.75	7.75	7.00	23.00	11665		
6	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/06/95	6355	A	2	7.00	7.00	8.25	23.00	3170		
7	Nguyễn Thị Thu	Hường	27/07/96	301	A	2 06	7.25	6.00	7.75	22.50	11300		
8	Quảng Vũ Khánh	Hạ	15/04/95	25253	A	3	7.25	6.50	8.50	22.50	12751		
9	Dụng	Toán	15/06/95	26074	A	1	7.25	6.50	7.25	22.50	3356		
10	Nguyễn Văn	Vui	02/04/94	653	A	2NT	6.75	6.50	7.50	22.00	1052		
11	Trần Minh Nhật	Thi	28/09/96	25966	A	2	7.75	7.00	6.50	22.00	2480		
12	Phạm Thị	Quyên	26/10/96	25829	A	1	7.50	6.50	6.50	22.00	13069		
13	Trần Nguyễn Quỳnh	Trâm	06/02/96	26121	A	2	6.50	6.75	7.50	21.50	451		
14	Phan Thị Minh	Thi	03/07/96	25965	A	2	7.00	6.50	7.25	21.50	721		
15	Đào Thị	Mừng	18/02/95	2442	A	2	6.75	5.75	8.50	21.50	11505		
16	Lê Quang	Khánh	16/04/96	3365	A	2NT	6.50	6.50	7.50	21.50	2443		
17	Bùi Thị Ni	Ni	16/08/96	5030	A	2NT	7.50	6.25	6.75	21.50	2679		
18	Trần Thị	Mến	12/03/95	25581	A	1	6.00	7.25	6.75	21.50	12615		
19	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/07/95	25385	A	2NT	6.50	6.50	7.50	21.50	12680		
20	Phan Văn	Thuận	08/10/95	22234	A	2	6.75	6.50	7.75	21.50	2997		
21	Phan Phương	Chi	02/07/96	28299	D1	2	6.50	8.25	6.25	21.50	13042		
22	Phạm Thị Hải	Duyên	18/08/96	7324	D2	2	6.50	7.50	7.00	21.50	11494		
23	Tân Thị ánh	Lanh	05/11/96	1064	A	1 01	6.25	5.50	5.50	21.00	11198		
24	Nguyễn Thị	Đào	18/09/95	2373	A	2NT 06	7.50	5.50	6.00	21.00	2711		
25	Trần Văn	Long	10/11/96	3906	A	2	7.25	6.50	6.50	21.00	2515		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng		Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
26	Ngô Thị	Thảo	19/09/96	3083	A	1	06	6.75	6.25	5.25	21.00	12838		
27	Đình Công	Đạt	15/02/96	1800	A	2		7.00	7.00	6.50	21.00	13446		
28	Lê Ngọc	Trâm	10/07/96	2709	D1	2		8.00	6.25	6.00	21.00	25		
29	Nguyễn Thị Hồng	Nhạn	07/09/96	29115	D1	1		7.00	6.75	5.50	21.00	12768		
30	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	29/05/96	7553	D3	2		6.25	9.00	5.00	21.00	998		
31	Trần Nhật	Phong	27/06/96	20637	A	2		8.25	3.50	8.25	20.50	1199		
32	Phan Thị Hương	Giang	06/03/96	398	A	2		7.25	6.75	5.75	20.50	1573		
33	Lê Văn	Đức	17/06/96	6899	A	1		7.00	5.75	6.25	20.50	11087		
34	Hồ Thị ái	Huệ	15/11/96	1285	A	2		6.25	6.25	7.50	20.50	2298		
35	Hoàng Lê	Hiếu	03/09/95	2510	A	2NT		5.50	6.50	7.25	20.50	12518		
36	Hoàng Thái	Phi	12/02/95	2500	A	1		7.25	6.50	5.25	20.50	12596		
37	Đỗ Thị	Hằng	12/07/95	2479	A	1	04	5.25	5.50	6.00	20.50	3490		
38	Võ Quang	Hòa	21/06/94	2815	A	1		6.25	6.25	6.25	20.50	12381		
39	Lê Thị Hồng	Nhi	11/10/95	4849	A	2		7.25	6.00	6.50	20.50	3698		
40	Trần Xuân	Đức	13/11/95	784	A	1		7.00	5.50	6.50	20.50	13307		
41	Nguyễn Duy	Hùng	11/05/95	3080	A	2NT		6.50	5.75	7.00	20.50	13341		
42	Nguyễn Văn Kỳ	Trường	30/09/96	3715	A	2		6.50	6.00	7.25	20.50	13501		
43	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02/02/96	13083	A1	2		7.00	5.50	7.25	20.50	44		
44	Nguyễn Thị Phương	Nhi	03/04/95	9127	A1	2NT		6.25	6.50	6.75	20.50	12873		
45	Nguyễn Quốc	Khánh	22/05/96	834	A	1		6.75	5.50	6.00	20.00	73		
46	Mai Bá	Thịnh	05/05/95	6234	A	1		5.50	6.50	6.50	20.00	781		
47	Nguyễn Minh	Hà	24/12/93	20355	A	2		7.25	6.50	5.50	20.00	1182		
48	Nguyễn Quốc	Phương	30/11/96	20652	A	2		6.25	6.50	6.50	20.00	1245		
49	Hồ Thị	Tâm	23/07/96	1759	A	2		7.50	5.50	6.25	20.00	1721		
50	Lê Thị Diệu	Phượng	23/06/95	20668	A	2		6.50	5.75	7.25	20.00	1771		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
51	Lê Thị Cát	Phương	10/04/96	2597	A	2	7.00	5.75	6.50	20.00	2138		
52	Phan Thị Thu	Thu	01/12/96	9329	A	2NT	7.50	5.75	5.75	20.00	2151		
53	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/01/96	7735	A	2	6.75	6.75	5.75	20.00	11678		
54	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	05/05/95	20357	A	1	5.75	5.25	7.50	20.00	2346		
55	Phan Quang Nhật	Anh	08/05/96	464	A	2	6.25	7.50	5.50	20.00	2355		
56	Trần Ngọc	Hội	16/07/96	2479	A	2NT	8.00	6.00	4.75	20.00	11847		
57	Dương Thị	Thuyên	26/04/95	1926	A	1	6.25	5.25	6.75	20.00	2882		
58	Nguyễn Thị Khánh	Dịu	25/07/96	25273	A	2NT	5.25	6.25	7.25	20.00	12922		
59	Ngô Thị	Mến	10/04/96	4978	A	2	6.00	6.50	6.75	20.00	3322		
60	Huỳnh Thị Thùy	Trang	20/04/95	7228	A	2	6.50	5.75	7.00	20.00	3337		
61	Trương Thị	Duyên	02/07/96	20319	A	1	7.00	5.75	5.50	20.00	13505		
62	Hồ Ngọc Khang	Hy	05/03/96	12878	A1	2	5.75	7.00	6.50	20.00	76		
63	Đào Thế Công	Minh	29/05/96	4458	A1	2	6.00	6.25	7.00	20.00	2275		
64	Cao Duy	Khải	10/03/95	4266	A1	1	6.50	6.50	5.50	20.00	3038		
65	Nguyễn Anh	Hùng	10/03/96	21300	D1	2	7.50	6.75	5.00	20.00	1173		
66	Nguyễn Thị Minh	Hàng	17/04/96	7646	D3	2	6.50	7.75	5.25	20.00	11496		
67	Trần Thị Hoàng	Thi	28/04/95	22035	A	2NT	6.00	6.25	6.25	19.50	1691		
68	Ngô Hoàng	Long	04/11/96	1475	A	2	6.75	6.00	6.00	19.50	11041		
69	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	30/09/96	8964	A	2NT	6.25	6.25	5.75	19.50	11162		
70	Trần Hữu	Phúc	24/07/94	20643	A	2 06	5.75	5.50	6.75	19.50	2056		
71	Hồ Nhật	Bình	09/01/96	460	A	2NT	6.50	6.50	5.50	19.50	11767		
72	Trần Thị	Huyền	21/04/95	2121	A	1	6.00	5.50	6.50	19.50	11545		
73	Hồ Ngọc Tiến	Đạt	12/04/96	20331	A	2	5.75	7.25	6.00	19.50	2812		
74	Hoàng Ngọc	Minh	22/08/96	1989	A	2	6.00	5.50	7.25	19.50	2544		
75	Tạ Thanh	Nam	22/12/95	2148	A	1	7.00	6.00	4.75	19.50	13231		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
76	Võ Văn	Tuấn	30/03/96	3769	A	2NT	6.25	5.50	6.50	19.50	3728		
77	Thái Văn	Các	22/12/96	339	A	1	7.00	7.00	3.75	19.50	13395		
78	Bùi Thị	Trâm	02/01/96	20472	A1	2NT	7.50	6.25	4.50	19.50	13007		
79	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	02/01/96	22727	D1	2NT 06	5.00	5.25	7.00	19.50	11157		
80	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16/12/96	2731	D1	1	6.25	5.75	6.00	19.50	11349		
81	Nguyễn Thị Gia	Bảo	01/07/96	493	D1	2	6.25	4.75	8.00	19.50	2624		
82	Lê Thanh	Hiên	15/05/96	10918	D1	2	5.25	6.50	7.25	19.50	12210		
83	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	02/01/94	28556	D1	2	6.00	7.00	6.00	19.50	12286		
84	Phan Quang	Hùng	31/05/96	20449	A	2	6.25	6.50	5.75	19.00	409		
85	Đỗ Thị Châu	Anh	26/09/96	12619	A	2	7.25	4.50	6.50	19.00	634		
86	Trần Thị Thanh	Huyền	29/12/96	13118	A	2	6.00	4.75	7.50	19.00	11497		
87	Nguyễn Minh	Trung	05/10/96	2585	A	2	4.50	6.50	7.25	19.00	2105		03/09/14
88	Nguyễn Viết	Tư	15/12/96	1084	A	2	5.50	6.25	6.50	19.00	2181		
89	Lê Phương	Toàn	22/08/96	2318	A	1	7.00	4.75	5.50	19.00	11633		
90	Nguyễn Thị Thu	Hiên	20/03/96	1335	A	3	6.50	6.50	6.00	19.00	11967		
91	Nguyễn Thị	Hội	05/08/95	13072	A	1	5.75	5.50	6.25	19.00	12571		
92	Lê Đức	Duy	01/08/96	505	A	2NT	7.00	5.50	5.25	19.00	3180		
93	Trần Tấn	Tường	20/10/96	1040	A	2NT	7.00	5.50	5.50	19.00	13043		
94	Trần Hậu	Lâm	07/02/96	450	A	1	7.25	5.75	4.50	19.00	13058		
95	Nguyễn Minh	Trung	05/10/96	2585	A	2	4.50	6.50	7.25	19.00	3427		
96	Nguyễn Thái	Thiện	01/11/95	6507	A	2	6.25	6.50	5.75	19.00	13327		
97	Lương Thị Thanh	Huyền	19/06/96	1379	A	1	6.25	5.00	6.25	19.00	13393		
98	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	07/01/96	20778	A	2	6.75	5.50	6.25	19.00	3586		
99	Phạm Anh	Tú	05/10/96	21230	A1	2	7.00	6.75	4.50	19.00	1065		
100	Nguyễn Thị	Thanh	18/08/96	30596	A1	2NT	7.25	5.00	5.50	19.00	12934		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
101	Trương Thị ái	Linh	28/05/96	9609	D1	2	7.25	4.50	6.50	19.00	11434		
102	Nguyễn Hoàng Thảo	My	09/09/96	41562	D1	1	5.75	6.25	5.50	19.00	2406		
103	Trần Thị Thảo	Nguyên	15/10/96	2176	D1	2	6.00	5.25	7.00	19.00	2603		
104	Lê Thị Thu	Hà	12/09/96	2233	D1	1 04	5.75	3.00	6.50	19.00	13093		
105	Trần Ngọc	Hân	25/06/96	3614	A	2NT	5.50	5.25	6.50	18.50	17		
106	Lê Thị Minh	Thư	28/04/96	21568	A	2	6.00	5.00	6.75	18.50	140		
107	Lê Hồng	Sang	05/04/96	21997	A	2	5.50	6.00	6.50	18.50	392		
108	Nguyễn Tố	Uyên	18/12/95	26209	A	2	4.75	6.25	6.75	18.50	592		
109	Phù Mỹ Ngọc	ánh	16/04/96	21055	A	2	6.00	6.00	6.00	18.50	854		
110	Đặng Ngọc	Hòa	14/12/94	15302	A	1	5.75	5.50	5.50	18.50	1083		
111	Trương Ngô Tuấn	Kiệt	28/01/96	6912	A	1	6.00	5.25	5.50	18.50	1241		
112	Tô Thị Vân	Anh	07/06/96	12673	A	2NT	7.00	6.00	4.25	18.50	11094		
113	Đào Nguyên	Chương	20/01/96	1957	A	3	5.50	6.25	6.50	18.50	11145		
114	Hồ Thị Khánh	Vy	16/09/96	18802	A	2	4.25	6.00	7.50	18.50	11238		
115	Trần Ngọc Anh	Huy	13/11/96	15384	A	3	6.25	5.50	6.50	18.50	11302		
116	Hồ Thuỳ	Trang	03/12/95	601	A	2NT	6.50	5.50	5.50	18.50	11345		
117	Nguyễn Công	Cao	16/09/95	260	A	2	6.50	5.75	5.75	18.50	11487		
118	Trần Quang	Hiếu	12/03/96	25310	A	2	6.25	5.25	6.50	18.50	2154		
119	Nguyễn Thị	Thủy	19/02/96	22052	A	2	6.50	4.50	6.75	18.50	11537		
120	Phạm Thị Hoàng	Diễm	25/05/96	2420	A	2	6.50	4.75	6.50	18.50	12036		
121	Hoàng Văn	Minh	20/12/96	20542	A	2	8.00	2.25	7.50	18.50	2713		
122	Lê Thị Xuân	Hàng	13/01/96	21151	A	2	6.00	6.50	5.25	18.50	2560		
123	Nguyễn Thanh	Cường	12/07/96	12763	A	1	5.25	5.75	5.75	18.50	12566		
124	Trần Thị Bích	Trâm	09/02/95	18200	A	2NT	5.00	6.25	6.00	18.50	12189		
125	Nguyễn Hoàng	Việt	12/09/96	18692	A	3	6.00	7.25	5.25	18.50	12969		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
126	Ngô Diễm	Quỳnh	22/11/96	3328	A	2	6.00	5.75	6.00	18.50	12703		
127	Huỳnh Nguyễn Khánh	Quỳnh	17/04/96	20686	A	2	6.75	5.50	5.75	18.50	2912		
128	Lê Thị	Hàng	08/04/96	21148	A	2NT	6.25	5.50	5.75	18.50	2977		
129	Phạm Xuân	Long	01/01/96	1810	A	2	7.25	6.75	4.00	18.50	3105		
130	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	10/07/96	13013	A	2NT	6.25	5.75	5.25	18.50	13174		
131	Đậu Huyền	Sương	30/09/96	12523	A	2NT	5.50	6.50	5.50	18.50	13008		
132	Nguyễn Quốc Phước	Long	19/05/96	15993	A	2NT	5.75	6.25	5.50	18.50	13053		
133	Nguyễn Trâm	Anh	08/10/96	14046	A	2	5.25	6.25	6.25	18.50	13296		
134	Lê Ngọc	Sơn	29/05/95	3084	A	1	5.75	7.00	4.00	18.50	12362		
135	Trần Thị Thúy	Mai	30/04/96	574	A	1	6.00	5.00	6.00	18.50	3624		
136	Nguyễn Minh	Hoàng	01/01/96	2795	A	2	7.00	5.50	5.50	18.50	3748		
137	Trịnh Thị Nhật	Linh	14/07/96	30818	A1	2NT	5.75	5.25	6.50	18.50	1012		
138	Nguyễn Thị Thu	Diễm	14/12/96	19173	A1	2	6.50	6.25	5.00	18.50	11282		
139	Trần Thị	Yến	08/06/96	22394	A1	2	6.50	5.25	6.00	18.50	11622		
140	Nguyễn Việt	Đức	29/12/96	19409	A1	2	5.50	4.00	8.50	18.50	11586		
141	Thái Hoàng	Sơn	13/08/96	21185	A1	2	4.50	6.25	7.00	18.50	2835		
142	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	26/08/96	30835	A1	2	7.00	5.75	5.00	18.50	12179		
143	Phạm Minh	Tâm	26/01/96	21225	A1	3 06	3.75	4.75	9.00	18.50	3023		
144	Võ Thị Phương	Thảo	26/10/96	20399	A1	2	7.00	5.00	5.75	18.50	12394		
145	Võ Thị Quỳnh	Nhi	25/12/96	30851	A1	2	6.50	5.50	6.00	18.50	10049		
146	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	26/06/96	23603	D1	2	6.75	5.00	6.00	18.50	1564		
147	Nguyễn Thị Đào	Nhi	15/08/96	23445	D1	2	6.25	4.50	7.00	18.50	2332		
148	Đậu Thị	An	26/12/96	12950	D1	2NT	5.50	4.00	7.75	18.50	12980		
149	Nguyễn Thị Thúy	Hàng	12/02/96	7982	D1	2NT	7.00	3.25	7.00	18.50	13203		
150	Trần Thị My	Nu	21/07/96	21403	A	1	6.75	5.50	4.25	18.00	286		29/08/14

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
151	Hồ Thị Xuyên	Xuyến	17/02/95	22148	A	1	5.25	3.50	7.50	18.00	360		
152	Lâm Thị Phương	Lan	30/05/96	14162	A	2	7.25	5.25	5.00	18.00	428		
153	Đặng Nguyễn Thuỳ	Trang	09/06/96	14712	A	2	4.00	6.75	6.50	18.00	571		
154	Nguyễn Phước Ngọc	Hân	04/02/96	14009	A	2	6.50	5.50	5.25	18.00	580		
155	Ngô Phương	Thảo	20/11/96	27246	A	3	7.00	5.50	5.25	18.00	683		
156	Phạm Thị Ngọc	ánh	20/11/96	5328	A	2NT	6.25	6.00	4.50	18.00	720		
157	Nguyễn Thị	Nhi	03/01/96	14351	A	1	6.50	5.50	4.50	18.00	838		
158	Lê Thị Kim	Trâm	28/02/96	18207	A	3	6.00	6.50	5.50	18.00	975		
159	Trần Hữu	Thành	10/01/95	8625	A	2	5.75	6.50	5.00	18.00	1341		
160	Dương Thị Hoài	Trang	28/05/96	21586	A	2	6.00	5.50	5.75	18.00	1511		
161	Phạm Anh	Phúc	03/06/96	6953	A	2	6.00	4.50	6.75	18.00	1602		04/09/14
162	Trần Thị Thanh	Hiền	21/12/96	12985	A	2NT	6.75	6.50	3.75	18.00	11092		
163	Nguyễn Trung	Kiên	16/06/96	4555	A	2	4.50	7.50	5.25	18.00	1890		
164	Hoàng Kim	Phát	01/01/96	6699	A	2	6.00	7.00	4.50	18.00	11359		04/09/14
165	Nguyễn Thị Tường	Vi	23/08/95	28106	A	2	6.50	6.50	4.50	18.00	11391		
166	Đoàn Thị Thu	Hương	12/04/96	15544	A	1	5.00	6.00	5.25	18.00	11401		
167	Mai Phương	Anh	02/09/96	14076	A	2NT	7.00	4.50	5.50	18.00	11474		
168	Hồ Thị Diễm	My	21/03/96	5669	A	1	6.00	5.25	5.00	18.00	2115		
169	Trần Thị Như	Huyền	17/03/96	3893	A	3	6.25	5.50	6.00	18.00	11616		
170	Hà Thị Minh	Lệ	26/05/96	3661	A	3	6.50	6.50	4.75	18.00	11730		
171	Phan Thị	Nhi	16/02/96	16619	A	2NT	6.25	4.50	6.00	18.00	11590		
172	Hồ Thị Quỳnh	Như	02/01/96	6557	A	2	6.50	5.50	5.25	18.00	2424		
173	Nguyễn Thị Lập	Xuân	01/02/96	4103	A	2NT	6.50	5.25	5.25	18.00	2494		
174	Phạm Nguyễn Hồng	Linh	16/10/96	15897	A	2	5.75	5.50	6.00	18.00	11958		
175	Phạm Thị Mỹ	Duyên	12/07/95	14578	A	3	5.75	7.25	5.00	18.00	10010		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
176	Ngô Thị Lệ	Đoan	04/03/96	14716	A	2NT	5.75	5.75	5.50	18.00	12007		
177	Tạ Thị Linh	Trang	22/11/96	6676	A	2	6.25	5.25	6.00	18.00	12086		
178	Hoàng Quốc	Tổng	05/01/96	3935	A	2NT	5.50	5.75	5.75	18.00	12099		
179	Lê Thị Kiều	My	13/12/94	14265	A	2	6.75	5.00	5.50	18.00	2657		
180	Nguyễn Mỹ	Ni	25/12/96	21957	A	2	5.50	4.50	7.50	18.00	2803		
181	Lê Thiên	Ân	31/03/96	288	A	3	6.50	6.00	5.25	18.00	2830		
182	Võ Minh	Nhật	05/09/96	6428	A	2	5.50	5.50	6.25	18.00	2546		
183	Ngô Thị	Mai	27/11/96	1955	A	1	6.25	5.50	4.50	18.00	12617		
184	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/09/95	15123	A	2	6.50	5.00	5.75	18.00	12626		
185	Từ Thị	Thảo	08/08/96	17488	A	1	6.50	5.75	4.00	18.00	12674		
186	Phan Thị	Thảo	28/09/96	14570	A	2NT	6.25	6.25	4.50	18.00	12443		
187	Trần Thị	Trang	09/09/96	21598	A	1	6.00	6.00	4.50	18.00	12933		
188	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	06/08/95	26192	A	3	6.00	5.50	6.50	18.00	12806		
189	Dương	Đức	10/07/96	913	A	2NT	6.50	4.75	5.50	18.00	12887		
190	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	17/12/96	26229	A	1	7.75	3.50	5.00	18.00	13188		
191	Ông Văn Thành	Đạt	11/06/96	835	A	2	5.75	6.50	5.25	18.00	13071		
192	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	16/10/95	14443	A	2NT	6.50	5.00	5.50	18.00	3343		
193	Ngô Thị	Hà	11/11/95	286	A	2	7.00	5.75	4.50	18.00	13294		
194	La Thị Xuân	Thảo	27/10/95	17460	A	3	5.50	6.00	6.50	18.00	12211		
195	Trần Thị Thảo	Sương	12/09/96	811	A	2	5.50	5.50	6.25	18.00	12382		
196	Nguyễn Thị Hà Hoài	Duyên	28/03/95	14551	A	3	7.00	6.00	4.75	18.00	13484		
197	Trần Thị Kim	Ngân	17/10/96	29763	A1	2	8.00	4.50	5.00	18.00	200		
198	Hoàng Thị	Hường	04/10/95	30806	A1	2NT	6.00	6.25	4.50	18.00	413		
199	Hà Thị	Thuận	12/06/96	29890	A1	2	5.25	5.00	7.00	18.00	759		
200	Phạm Thị Hoài	My	08/09/96	20383	A1	3	6.00	6.25	5.50	18.00	1114		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
201	Đỗ Hoàng Diệu	Duyên	26/12/96	30764	A1	2	6.75	6.00	4.50	18.00	1998		
202	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/10/96	29658	A1	2	6.25	5.00	6.00	18.00	11625		
203	Phan Thị Quỳnh	Nga	16/10/96	20292	A1	2	6.00	4.00	7.25	18.00	11776		
204	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/02/96	20247	A1	2NT	6.75	5.75	4.25	18.00	11507		
205	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19/11/96	30879	A1	2	6.50	5.50	5.25	18.00	11541		
206	Phan Lê Thùy	Trang	14/03/96	29930	A1	2	5.25	6.50	5.50	18.00	2356		
207	Võ Đức	Hoàng	09/08/96	19765	A1	2	5.75	5.50	6.25	18.00	11821		
208	Trần Hoàng Ngọc	Trâm	29/12/96	21919	A1	1	4.50	6.00	6.00	18.00	2654		
209	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	08/01/96	20192	A1	2NT 06	6.00	5.25	4.75	18.00	2520		
210	Trần Mỹ	ánh	30/06/96	19006	A1	1	6.75	4.00	5.75	18.00	12409		
211	Nguyễn Thị	Phượng	01/10/96	21044	A1	2NT	6.75	4.50	5.75	18.00	12417		
212	Nguyễn Thị	Lài	18/04/96	20051	A1	1	6.00	4.50	6.00	18.00	12931		
213	Nguyễn Minh	Thư	22/07/96	8070	A1	2NT	6.00	3.50	7.50	18.00	13274		
214	Đình Thị Thanh	Hoà	22/07/96	19741	A1	3	7.25	5.00	5.50	18.00	3525		
215	Huỳnh Thị	Cẩm	22/05/96	75467	D1	1	5.75	6.00	4.50	18.00	1218		
216	Lý ý	Nhi	18/02/96	23435	D1	2	6.50	6.25	4.50	18.00	11193		
217	Nguyễn Thị	Thắm	18/10/96	71197	D1	1	5.75	5.25	5.25	18.00	12467		
218	Tôn Nữ Thảo	Như	28/07/96	2219	D1	3	6.00	5.50	6.25	18.00	13102		
219	Đặng Ngọc	ánh	12/11/96	22660	D1	1	6.25	5.00	5.00	18.00	12269		
220	Nguyễn Thị Tú	Linh	28/09/96	10932	D1	2	5.25	4.75	7.25	18.00	12336		
221	Nguyễn Thùy	Trang	22/05/96	8971	A	2	6.50	5.25	5.25	17.50	6		
222	Nguyễn Thị Phương	Anh	02/02/95	21049	A	2NT	4.75	5.25	6.50	17.50	195		
223	Mai Thị Ngọc	Huyền	14/01/96	21214	A	2	7.00	4.75	5.25	17.50	212		
224	Cao Thị Kỳ	Duyên	12/10/96	13898	A	2	5.75	5.75	5.50	17.50	480		
225	Hồ Thị	Yến	06/01/96	21694	A	1	3.75	6.75	5.25	17.50	599		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
226	Trần Thanh	Bằng	06/03/96	13831	A	2	6.00	5.50	5.50	17.50	620		
227	Nguyễn Khoa Diệu	Hiệp	24/07/92	14053	A	2	5.25	4.75	6.75	17.50	1008		
228	Tôn Thất	Tuấn	30/10/95	18438	A	1	4.00	6.50	5.50	17.50	1086		
229	Phạm Thị Huyền	Trang	26/11/96	11182	A	2	6.00	5.50	5.50	17.50	1125		
230	Hồ Thị	Ni	17/04/94	14421	A	2	7.00	4.25	5.50	17.50	1150		
231	Phạm Trần Anh	Thư	19/11/96	14655	A	2	6.50	5.00	5.50	17.50	1230		
232	Phan Thị Thảo	Nguyên	05/11/96	14314	A	2	5.75	5.50	5.50	17.50	1270		
233	Nguyễn Lê Hoàng	Giang	19/04/96	13937	A	2	6.25	5.25	5.25	17.50	1315		
234	Nguyễn Hữu Minh	Nhật	01/02/96	16608	A	2	4.50	6.50	5.75	17.50	1730		
235	Nguyễn Thị Linh	Nga	19/03/96	5006	A	2NT	6.25	5.25	5.00	17.50	11088		
236	Trần Thị	Duyên	04/07/96	14555	A	2NT	5.00	6.25	5.00	17.50	11266		
237	Trịnh Công	Dũng	01/02/95	1652	A	2	5.00	5.00	7.00	17.50	1806		
238	Trần Bảo Tiến	Linh	22/10/96	21874	A	2	6.25	4.00	6.50	17.50	1809		04/09/14
239	Cao Xuân	Đạt	24/10/96	12619	A	2NT	5.25	5.50	5.50	17.50	1832		
240	Hồ Văn	Thành	10/01/96	8633	A	2	3.75	6.25	7.00	17.50	1842		
241	Trần Việt	Tiến	20/08/96	14677	A	2NT	5.50	5.50	5.25	17.50	1861		
242	Trần Quang	Thuật	29/03/96	9403	A	2	6.50	6.00	4.50	17.50	1893		
243	Đoàn Lê Thị	Hạnh	20/05/96	12702	A	1	5.75	6.00	4.00	17.50	1967		
244	Lê Hoàng	Vũ	20/03/96	18754	A	2NT	6.00	5.50	4.75	17.50	11303		
245	Huỳnh Văn	Hải	30/03/96	2608	A	1	5.50	5.25	5.00	17.50	11325		
246	Nguyễn Thị Mai	Phương	29/11/96	13503	A	2	5.75	6.00	5.25	17.50	11495		
247	Phan Thị	Tuyền	01/11/96	21633	A	2	5.75	6.75	4.50	17.50	11690		
248	Võ Duy	Tân	12/06/95	839	A	2NT	5.25	6.00	5.25	17.50	11816		
249	Trương Thị Thảo	Nhi	24/03/96	1252	A	1	4.50	6.00	5.50	17.50	11934		
250	Hoàng Thị Thu	Hiền	26/11/96	10200	A	2	6.25	5.25	5.25	17.50	11955		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
251	Trần Thị Thanh	Hà	29/06/96	14840	A	2	5.25	5.00	6.50	17.50	10018		
252	Lê Thị Mỹ	Huyền	21/09/96	15438	A	2	5.50	5.25	6.00	17.50	2627		
253	Trần Lê Việt	Hải	13/06/96	2293	A	2NT	5.25	4.50	6.50	17.50	2729		
254	Trần Thị Thanh	Nhàn	17/02/96	26647	A	2NT	5.25	5.50	5.50	17.50	2759		
255	Lê Trương	Hùng	30/04/95	15490	A	2	5.50	6.00	5.50	17.50	2828		
256	Tạ Việt Anh	Quang	11/07/96	13139	A	2	5.50	6.00	5.25	17.50	2573		04/09/14
257	Võ Đức	Huy	10/07/96	3785	A	2NT	5.75	5.75	5.00	17.50	2581		
258	Hoàng Thị Như	Nguyệt	06/05/96	16557	A	1	5.50	5.75	4.75	17.50	12113		
259	Nguyễn Thị	Hoàng	06/07/95	14076	A	1	5.50	4.50	5.75	17.50	12963		
260	Đặng Mỹ	Linh	24/11/95	9025	A	2NT	6.25	4.25	5.75	17.50	3190		
261	Nguyễn Trần Thị Thanh	Trang	17/10/96	18060	A	3	5.75	5.75	6.00	17.50	13012		
262	Trương Công	Tuấn	27/07/96	10848	A	1	4.50	6.50	5.00	17.50	13068		
263	Lê Thị Phương	Hà	04/01/96	14872	A	2NT	5.00	6.00	5.50	17.50	13074		
264	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/03/96	18108	A	1	5.75	5.50	4.50	17.50	3394		
265	Huỳnh Thị Thu	Sang	02/01/96	14512	A	2	5.50	6.00	5.50	17.50	3409		
266	Nguyễn Thị Trang	Thư	24/10/95	17876	A	2	5.75	6.75	4.50	17.50	13269		
267	Trần Thị	Hoa	05/10/96	2857	A	2	6.50	6.50	4.00	17.50	12289		
268	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	17/10/96	1023	A	1	5.00	6.00	4.75	17.50	13430		
269	Đàm Nguyễn Tuấn	Tài	08/12/93	3672	A	2NT	5.50	5.50	5.50	17.50	13444		
270	Nguyễn Hữu Trung	Anh	16/10/96	20023	A	2NT	5.50	6.25	4.75	17.50	13449		
271	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/04/96	14564	A	1	5.75	6.50	3.75	17.50	3543		
272	Phan Trần	Thành	05/03/96	1537	A	2	6.25	5.75	5.00	17.50	3569		
273	Nguyễn Thị Tường	Vy	01/01/95	26592	A1	2	6.50	5.25	5.00	17.50	318		
274	Nguyễn Hoàng Thùy	Dương	28/05/96	5594	A1	1	5.50	4.50	5.75	17.50	809		
275	Nguyễn Phạm Bảo	Trâm	13/05/96	29939	A1	2	6.50	4.50	6.00	17.50	824		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
276	Huỳnh Thị Diễm	Ny	27/04/96	30856	A1	2	7.50	5.50	4.00	17.50	889		
277	Mai Thị ý	Diễm	09/05/96	29577	A1	2	6.00	6.25	4.50	17.50	938		
278	Phan Thị Quỳnh	Như	23/06/96	26467	A1	2NT	6.00	6.00	4.50	17.50	995		
279	Trần Thị Hương	Nhi	06/06/96	29795	A1	2	5.25	5.25	6.50	17.50	1423		
280	Hoàng Thị Linh	Sương	01/10/96	11108	A1	2	7.50	5.00	4.25	17.50	11121		
281	Nguyễn Thùy Ngọc	Trâm	24/04/96	21901	A1	3 06	5.25	5.00	6.25	17.50	11222		
282	Huỳnh Thị Phương	Linh	27/06/96	20226	A1	2NT	5.75	6.00	4.50	17.50	11224		
283	Bùi Thị Thanh	Tâm	22/08/96	18208	A1	2	6.00	2.50	8.25	17.50	11288		
284	Phạm Thị Ngọc	ánh	24/10/96	19012	A1	2	5.25	5.50	6.00	17.50	1834		
285	Phan Văn	Rin	26/02/96	21145	A1	2NT	4.75	4.50	7.00	17.50	2085		
286	Đỗ Thị Thùy	Linh	25/02/96	29716	A1	2NT	6.50	4.50	5.25	17.50	2211		
287	Nguyễn Thị	Thảo	20/02/96	29871	A1	2NT	6.00	7.00	3.50	17.50	2222		
288	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	15/09/96	29570	A1	2NT	5.50	5.50	5.50	17.50	2225		
289	Nguyễn Phương	Thảo	19/09/96	21328	A1	3	6.25	4.00	7.00	17.50	10005		
290	Nguyễn Thục	Nhi	01/01/96	26687	A1	2	6.00	5.00	5.75	17.50	12096		
291	Bùi Thị Thùy	Trang	01/01/95	26547	A1	2NT	6.25	5.25	4.75	17.50	12743		
292	Trương Thị Mỹ	Trinh	20/02/96	29950	A1	2	5.00	6.00	6.00	17.50	3310		
293	Nguyễn Trần Mỹ	Trang	16/07/95	9520	A1	3	6.00	5.25	6.25	17.50	12324		
294	Lê Thị Diệp	Khanh	23/11/96	70903	D1	2	5.50	5.50	6.00	17.50	903		
295	Nguyễn Thị	Huyền	24/08/96	76316	D1	2	5.00	5.25	6.50	17.50	1355		
296	Lê Đoàn Khánh	Quỳnh	30/10/96	69562	D1	2NT	5.00	5.00	6.50	17.50	1672		
297	Lê Viễn	Nhi	19/10/96	42103	D1	2	5.75	5.00	6.00	17.50	11051		
298	Trần Thu	Hà	18/02/96	22854	D1	3	5.50	6.00	5.75	17.50	11204		
299	Đỗ Thị Thùy	Linh	25/02/96	70950	D1	2NT	5.75	4.50	6.00	17.50	2223		
300	Phạm Thị Quỳnh	Vân	14/05/96	75298	D1	2NT	5.75	4.25	6.50	17.50	2252		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
301	Trần Thị Diệu	Thuý	12/07/96	19299	D1	2	4.75	4.50	7.50	17.50	12027		
302	Nguyễn Lê Thục	Hiên	22/05/96	69381	D1	1	5.25	5.00	5.50	17.50	2732		
303	Trần Thị Kim	Cúc	25/03/96	39226	D1	2	5.00	6.75	5.00	17.50	2532		04/09/14
304	Nguyễn Thị	Thu	17/07/96	23765	D1	1	6.75	4.75	4.25	17.50	12101		
305	Doãn Hồng	Phong	09/09/96	69546	D1	2	5.75	5.00	6.00	17.50	12430		
306	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	16/12/95	3738	D1	2	6.00	5.00	6.00	17.50	12484		
307	Lương Nữ Khánh	Hằng	17/09/96	40098	D1	1	2.50	7.25	6.00	17.50	12273		
308	Nguyễn Thị Trà	Giang	15/06/95	14011	D1	1	6.00	5.75	4.25	17.50	13303		
309	Nguyễn Thị	Hường	20/06/96	75556	D1	1	6.75	3.50	5.75	17.50	13313		
310	Trần Huy	Hoàng	28/09/96	15262	A	3	6.00	6.00	5.00	17.00	49		
311	Trần Phước	Hóa	20/06/96	21195	A	2	5.50	6.25	4.75	17.00	150		
312	Lê Thị	Duyên	02/02/96	13900	A	2	5.50	5.50	5.50	17.00	471		
313	Lê Hoài	Nhung	12/11/96	5651	A	2	6.75	5.50	4.00	17.00	498		
314	Trương Như	Hà	12/12/96	13960	A	2	6.00	5.50	4.75	17.00	608		
315	Huỳnh Thị Thanh	Hòa	08/08/96	2389	A	2	5.25	5.50	5.50	17.00	831		
316	Trần Đạo	Trí	02/11/93	14739	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	1314		
317	Đình Trung	Kiên	04/01/96	21851	A	2	6.00	5.25	5.00	17.00	1338		
318	Phan Thị Minh	Phượng	28/01/96	21447	A	2	5.50	4.50	6.25	17.00	1383		
319	Nguyễn Văn Phong	Lưu	10/11/96	21301	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	1406		
320	Hồ Thị	Mơ	03/02/96	14258	A	2	5.75	5.50	5.25	17.00	1476		
321	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	29/11/96	21386	A	2	5.75	6.00	4.75	17.00	1506		
322	Nguyễn Thị Thương	Thương	20/08/96	14662	A	2	6.50	5.75	4.25	17.00	1580		
323	Hoàng Thanh	Nhân	24/09/96	11047	A	2NT	5.50	5.50	4.75	17.00	1613		
324	Nguyễn Thị Nhật	Thùy	25/03/96	21553	A	1	4.75	6.00	4.50	17.00	1663		
325	Nguyễn Thuận	Luân	10/07/95	2143	A	2NT	5.50	6.25	4.25	17.00	11124		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
326	Trần Thị Thu	Hương	20/08/96	4612	A	1	5.00	5.50	5.00	17.00	11132		
327	Hồ Việt	Thông	06/07/96	13256	A	2	5.75	4.50	6.25	17.00	1863		
328	Trần Thị	Thư	22/11/96	14656	A	2NT	5.00	5.75	5.25	17.00	1900		
329	Mai Thị Cẩm	Tuyền	01/03/96	13384	A	1	5.00	6.50	4.00	17.00	1964		
330	Trần Hoàng	Oanh	01/09/96	14097	A	2NT	4.00	6.25	5.75	17.00	11324		
331	Đình Thị Thuỳ	Linh	30/03/96	526	A	1	6.00	6.00	3.25	17.00	11348		
332	Lê Văn	Niệm	20/01/96	20622	A	2	5.50	4.50	6.50	17.00	11433		
333	Trương Minh	Tuấn	10/10/95	898	A	2	5.50	5.00	5.75	17.00	11452		
334	Huỳnh Minh	Song	05/02/95	14516	A	1	6.00	5.50	4.00	17.00	2051		
335	Phạm Gia Tuấn	Anh	05/09/91	13809	A	2	4.50	6.75	5.00	17.00	2082		
336	Lê Đức	Vĩnh	12/09/96	11508	A	2	4.50	5.25	6.50	17.00	2140		
337	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Tiên	14/06/96	22064	A	2	5.00	5.00	6.25	17.00	2207		
338	Nguyễn Thị Hà	Nhi	16/12/96	16625	A	2NT	5.25	5.75	5.00	17.00	11658		
339	Lê Vũ	Thông	24/12/96	17696	A	1	1.25	6.50	7.75	17.00	11677		
340	Trần Thị	Lệ	01/10/96	26157	A	3	5.00	4.50	7.50	17.00	11573		
341	Phạm Nguyễn Đình	Nhân	14/08/96	16595	A	3	7.00	5.50	4.50	17.00	2445		
342	Hoàng Thị Phương	Thảo	04/07/96	14550	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	2452		
343	Lê Văn	Thương	11/03/96	17901	A	1	6.00	5.75	3.75	17.00	11883		
344	Lê Thị Thùy	Linh	04/07/96	15931	A	2NT	5.25	5.00	5.50	17.00	12080		
345	Nguyễn Thị Nhật	Mai	10/04/96	26353	A	1	5.50	5.50	4.25	17.00	2618		
346	Chu Thanh	Tuyền	03/02/96	13383	A	1	6.50	5.50	3.50	17.00	2619		
347	Hồ Nguyễn Bảo	Nhi	22/08/96	1074	A	2	5.00	6.25	5.00	17.00	2632		
348	Nguyễn Thị Hàng	Mi	10/03/96	26383	A	2NT	7.00	4.50	4.25	17.00	2643		
349	Hoàng Thị	Huyền	17/05/96	14100	A	1	5.00	6.00	4.50	17.00	2781		
350	Đào Thị	Hòa	20/11/96	14085	A	1	5.00	6.50	4.00	17.00	2838		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
351	Trần Văn	Triệu	04/06/96	1002	A	3	5.75	6.50	4.50	17.00	12554		
352	Trần Văn	Nghĩa	18/01/95	2398	A	1	5.00	6.00	4.25	17.00	12663		
353	Nguyễn Thị Thanh	Phương	14/01/96	14457	A	2NT	5.25	5.25	5.25	17.00	12427		
354	Huỳnh Thị	Lệ	02/10/94	10973	A	3	5.75	6.50	4.50	17.00	12964		
355	Lường Thị	Khánh	09/06/96	4319	A	2NT	6.75	4.50	4.75	17.00	12986		
356	Nguyễn Thị	Hoa	10/08/95	20405	A	1	5.75	5.50	4.25	17.00	12825		
357	Phan Khánh	Huyền	25/12/95	14105	A	1	3.75	6.25	5.50	17.00	3016		
358	Phạm Thị Quỳnh	Như	04/04/95	11064	A	2	5.75	4.50	6.25	17.00	3073		
359	Phạm Minh	Dũng	02/06/96	512	A	2	5.25	5.75	5.50	17.00	13220		
360	Lê Vũ Thị ánh	Tín	13/02/95	9799	A	1	5.50	5.75	4.00	17.00	13229		
361	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	29/04/96	3690	A	1	5.25	6.00	4.00	17.00	13258		
362	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	22/11/96	12701	A	2	6.00	5.50	4.75	17.00	13265		
363	Đào Thị Thanh	Dung	22/03/96	22368	A	2NT	5.50	5.00	5.50	17.00	12236		
364	Lê Thành	Long	02/10/95	5053	A	2	4.25	4.75	7.50	17.00	13423		
365	Lường Thị	Khánh	09/06/96	4319	A	2NT	6.75	4.50	4.75	17.00	13328		
366	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	27/04/96	21354	A	2NT	5.50	4.50	5.75	17.00	3505		
367	Lê Thị	Hằng	20/02/95	13991	A	2	5.75	4.75	5.75	17.00	3583		
368	Trần Văn	Thạch	10/05/96	10645	A	1	7.00	3.50	5.00	17.00	13500		
369	Lê Hoài	Nhã	02/09/91	2210	A	2NT	5.75	6.00	4.00	17.00	13535		
370	Phạm Hải	Thành	16/01/96	10990	A1	2	6.50	4.50	5.50	17.00	10		
371	Văn Thị Thùy	Dung	18/10/96	29584	A1	1	3.75	3.00	8.50	17.00	857		
372	Hồ Thị Trà	Mi	08/09/96	29739	A1	2	5.75	5.75	5.00	17.00	1530		
373	Đào Hữu	Phước	03/09/96	29083	A1	2	4.00	6.00	6.25	17.00	1869		
374	Trần Quang	Quang	24/06/96	12494	A1	2	5.50	6.00	4.75	17.00	1908		
375	Nguyễn Thị Lệ	My	17/02/96	2498	A1	2NT	6.50	6.00	3.50	17.00	1933		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
376	Nguyễn Thị Anh	Quỳnh	15/02/96	38477	A1	2NT	5.00	4.00	6.75	17.00	1978		
377	Nguyễn Đình	Thọ	06/09/96	29144	A1	2	5.75	4.25	6.50	17.00	2024		
378	Nguyễn Mai	Linh	09/09/96	20199	A1	2	6.25	5.50	4.50	17.00	11995		
379	Lê Thị Thu	Huyền	21/07/95	28533	A1	2	3.75	6.50	6.00	17.00	10032		
380	Lê Thị Mỹ	Nha	23/08/96	20655	A1	2	5.75	4.50	6.00	17.00	10044		
381	Nguyễn Thị Thanh	Vân	10/08/96	29081	A1	1	6.00	5.75	3.50	17.00	12071		
382	Võ Hoàng Ngọc	Châu	13/07/96	30521	A1	2	6.50	6.25	3.75	17.00	2784		
383	Đặng Thị Kim	Yến	11/08/96	30931	A1	2	5.75	6.50	4.25	17.00	2857		
384	Trương Thế Khánh	Phú	17/01/95	26693	A1	2	6.25	5.75	4.25	17.00	2897		
385	Nguyễn Thị Nhật	Oanh	02/04/96	26692	A1	2	4.00	6.50	5.75	17.00	2598		
386	Nguyễn Tuấn	Huy	20/04/96	29655	A1	2	5.75	5.00	5.75	17.00	12142		
387	Võ Thành	Nhân	14/11/96	12403	A1	2NT	5.25	4.50	6.00	17.00	2925		
388	Lê Thị	Tầm	10/06/95	21252	A1	1	5.00	5.75	4.50	17.00	13310		
389	Lê Thị Thảo	Trang	04/03/95	76834	D1	2	5.25	4.50	6.50	17.00	138		
390	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	09/03/96	69360	D1	2	4.75	6.50	5.25	17.00	1184		
391	Đinh Thị Thảo	Sương	30/01/96	43009	D1	2NT	5.00	5.00	6.00	17.00	1594		
392	Phạm Thị Mỹ	Nhung	03/10/96	76573	D1	1	5.25	3.00	7.00	17.00	1693		
393	Nguyễn Thị	Phương	14/07/96	14644	D1	2NT	4.50	5.00	6.50	17.00	11171		
394	Nguyễn Thị Phương	Anh	16/09/96	75452	D1	2NT	6.75	3.00	6.00	17.00	11650		
395	Hồ Thị Thu	Diễn	20/10/96	39333	D1	2NT	5.25	5.50	5.00	17.00	12514		
396	Võ Hồng	Ngọc	21/03/96	76513	D1	2NT	6.00	3.50	6.50	17.00	12831		
397	Đỗ Quỳnh	Nga	22/10/96	71012	D1	3	5.75	5.25	5.75	17.00	12321		
398	Hoàng Thị	Phương	17/03/95	14447	A	2NT	5.25	5.00	5.25	16.50	67		
399	Hồ Thị Phương	Oanh	08/01/96	14428	A	1	3.75	5.50	5.50	16.50	431		
400	Trần Thị Thu	Hiền	14/09/95	14037	A	1	4.50	3.75	6.50	16.50	514		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
401	Nguyễn Thị Huyền	Nga	18/02/96	20562	A	2	6.25	5.50	4.25	16.50	940		
402	Trần Thị Hoài	Thương	05/03/95	1454	A	2	4.75	5.75	5.50	16.50	11057		
403	Lương Văn	Huy	24/09/96	3692	A	2	6.75	5.75	3.50	16.50	11274		
404	Nguyễn Bá	Quốc	30/04/96	7465	A	1	5.25	5.75	3.75	16.50	1821		
405	Văn Thị Quỳnh	Hương	01/04/96	12833	A	2	5.75	5.50	4.50	16.50	1887		30/08/14
406	Huỳnh Thị ái	Thu	16/07/96	14608	A	2	5.50	4.75	5.50	16.50	1919		
407	Hoàng Đức	Anh	05/05/96	12513	A	2	6.00	6.25	3.50	16.50	1990		
408	Vỏ Tâm	Thức	29/03/96	9552	A	2NT	6.25	4.50	4.50	16.50	11328		
409	Ngô Thị Hồng	Như	10/04/96	2374	A	2NT	5.50	5.50	4.25	16.50	11353		
410	Phạm Thị Kim	Chi	20/08/96	25166	A	2NT	5.50	5.25	4.50	16.50	11475		
411	Trần Thị Như	Thảo	22/10/96	10638	A	2	6.00	6.50	3.50	16.50	11486		
412	Nguyễn Thị Linh	Chi	24/03/96	12731	A	2	7.00	5.50	3.50	16.50	11498		
413	Nguyễn Minh	Hùng	20/05/95	14111	A	2NT	6.50	6.25	2.50	16.50	2059		
414	Lê Phước	Phú	08/01/96	720	A	2	5.25	6.00	4.50	16.50	2161		
415	Hoàng Trọng	Giáp	18/08/96	14813	A	2	5.75	6.00	4.00	16.50	2300		03/09/14
416	Nguyễn Thị Phương	Nhi	29/02/96	21383	A	2	6.25	4.75	5.00	16.50	2340		
417	Trần Hoàng	Nam	18/01/96	10412	A	2NT	6.00	6.50	3.00	16.50	2370		
418	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	05/10/96	18315	A	1	5.25	5.00	4.50	16.50	11851		
419	Thân Thị Mộng	Thi	01/10/95	2868	A	1	6.00	4.50	4.50	16.50	11932		
420	Ngô Thị	Trinh	20/06/96	22534	A	1	4.75	5.75	4.50	16.50	2824		
421	Phan Vương	Tường	13/05/96	7955	A	2	6.00	5.00	5.00	16.50	2516		
422	Nguyễn Hữu	Dũng	16/10/93	1597	A	3	6.75	3.50	6.00	16.50	12550		
423	Nguyễn Chí	Tiến	19/10/96	10706	A	2	4.50	6.00	5.25	16.50	12592		
424	Ngô Thị	My	21/12/96	7338	A	1	4.50	5.50	5.00	16.50	12456		
425	Đình Văn	Quý	12/04/95	7054	A	2NT	4.75	5.50	5.25	16.50	12733		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
426	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	12/11/94	16469	A	2	6.00	4.75	5.00	16.50	2932		
427	Nguyễn Văn	Phúc	02/02/96	6946	A	2NT	6.25	3.50	5.75	16.50	2973		
428	Lê Thị Huyền	Trang	13/10/96	7192	A	2NT	6.50	4.75	4.25	16.50	2994		
429	Phạm Hồng	Hải	26/11/95	2518	A	2	5.75	4.50	5.50	16.50	13135		
430	Nguyễn Hữu Hoàng	Phong	21/11/96	6796	A	1	4.75	5.50	4.75	16.50	3238		
431	Trần Thị	Dung	04/09/96	14501	A	1	4.75	5.50	4.50	16.50	3398		
432	Nguyễn Thị	Trang	02/07/96	27746	A	1	4.50	4.75	5.75	16.50	3425		
433	Đào Hữu	Phúc	21/04/91	20644	A	1	5.75	5.75	3.50	16.50	3433		
434	Bùi Thế	Anh	10/06/95	13782	A	2	5.50	6.50	4.00	16.50	13249		
435	Phan Vòng	Đông	19/05/95	2092	A	1	6.00	4.25	4.50	16.50	12281		
436	Phơ Loong	Nhướn	26/12/96	26756	A	1 01	3.50	5.50	3.75	16.50	12292		
437	Lê Thị Lệ	Nhung	20/10/96	2161	A	1	5.25	5.50	4.00	16.50	13362		
438	Nguyễn Thị Thuý	Vân	30/12/95	29967	A1	2	5.75	5.50	4.50	16.50	53		
439	Nguyễn Gia	Thạnh	25/08/96	26524	A1	2	5.50	4.75	5.50	16.50	83		
440	Huỳnh Thị Phương	Thảo	18/03/96	29866	A1	2	5.50	5.00	5.50	16.50	839		
441	Lê Thị	Xoàng	08/06/96	29971	A1	2	5.25	6.00	4.75	16.50	1365		
442	Dương Thảo	Hân	30/11/96	5845	A1	3	5.75	4.75	6.00	16.50	11034		
443	Võ Thị Phương	Duyên	10/04/96	6397	A1	1	4.25	3.50	7.00	16.50	11227		
444	Nguyễn Thị	Hoài	18/03/96	19747	A1	2NT	4.25	5.75	5.50	16.50	1909		
445	Hoàng Mỹ	Linh	30/05/96	984	A1	2	6.00	3.00	7.00	16.50	2137		
446	Huỳnh Thị Thuý	Tiên	17/12/95	29177	A1	2	5.25	5.00	5.50	16.50	3116		
447	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/09/96	76932	D1	2	5.00	3.50	7.50	16.50	934		
448	Phan Thị	Phương	01/06/96	72603	D1	1	5.00	3.00	7.00	16.50	1276		
449	Lê Thị	Huệ	04/04/96	9755	D1	2	4.75	6.25	4.75	16.50	11624		
450	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	12/12/96	69312	D1	1	6.50	4.50	4.00	16.50	11683		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
451	Trương Hoài	Nhi	16/11/96	75644	D1	2	5.25	5.00	5.50	16.50	11594		
452	Trần Thị Quỳnh	Hương	22/01/96	69422	D1	2	5.00	5.00	6.00	16.50	2528		
453	Lê Thanh Nhã	Trúc	23/10/92	75753	D1	2	5.50	3.75	6.50	16.50	3058		
454	Hồ Thị Phương	Anh	23/07/96	70693	D1	2	4.75	5.00	6.25	16.50	3163		
455	Nguyễn Thị	Thảo	13/10/96	72784	D1	1	7.00	2.75	5.00	16.50	13240		
456	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	12/11/95	69610	D1	2 06	5.50	5.00	4.50	16.50	13533		
457	Võ Thị	Xuân	05/06/96	15251	A	1	5.00	6.00	3.25	16.00	35		
458	Đoàn Trọng	Hiếu	07/02/96	22397	A	2	6.00	4.00	5.25	16.00	82		
459	Nguyễn Quỳnh	Như	01/06/96	14414	A	2	6.00	5.25	4.00	16.00	115		
460	Nguyễn Thị Thuý	Giang	16/09/96	14863	A	2	4.50	5.25	5.75	16.00	524		
461	Cái Thị Thu	Hường	07/08/96	14141	A	2NT	5.00	5.50	4.50	16.00	870		
462	Ngô Hữu	Tuấn	22/02/96	13375	A	2	5.00	5.50	4.75	16.00	886		04/09/14
463	Phạm Thị	Thúy	13/03/95	14641	A	2	5.50	3.50	6.50	16.00	999		
464	Lê Văn	Chánh	20/10/95	712	A	1	4.00	5.50	4.75	16.00	1091		
465	Đinh Thị Hoàng	Anh	15/10/96	14842	A	2	4.75	6.75	4.00	16.00	1433		
466	Nguyễn Ngọc	Thịnh	01/05/96	13247	A	2NT	5.75	5.00	4.00	16.00	1508		
467	Võ Hồng	Ân	12/01/96	1051	A	1	5.75	4.50	4.00	16.00	11185		
468	Lương Nguyễn Khánh	Vy	11/11/96	18811	A	3	6.50	5.50	4.00	16.00	11215		
469	Nguyễn Thị Tố	Nữ	15/01/96	14424	A	2NT	7.75	1.75	5.25	16.00	1816		
470	Nguyễn Thị Anh	Trang	24/03/95	21592	A	2	6.00	5.00	4.50	16.00	1935		
471	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	04/07/96	13446	A	2	5.00	5.00	5.50	16.00	11356		
472	Nguyễn Thùy	Liên	12/12/96	15813	A	2	3.25	6.50	5.75	16.00	11468		
473	Hoàng Thị Huyền	Vân	11/12/95	11213	A	2	6.25	5.50	3.75	16.00	2001		
474	Bùi Bích Quỳnh	Châu	10/06/96	13843	A	2	5.25	5.50	4.50	16.00	2015		
475	Châu Thị Hồng	Thanh	01/08/96	14537	A	2	4.75	4.75	6.00	16.00	2102		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
476	Lê Nam Vũ	Hoàng	25/09/95	16291	A	2NT	5.00	4.00	6.00	16.00	2255		
477	Nguyễn Xuân	Triều	25/03/96	18317	A	2	5.00	5.25	5.00	16.00	11607		
478	Nguyễn Thị Thu	Hường	04/06/96	12838	A	2NT	4.75	5.75	4.50	16.00	11722		
479	Hoàng Thị	Mơ	11/07/96	9066	A	2 06	4.75	4.50	5.25	16.00	11750		
480	Nguyễn Việt	Tĩnh	28/08/94	9854	A	1	4.75	5.00	4.50	16.00	11935		
481	Lê Quang	Vinh	13/03/96	13422	A	2	5.75	4.50	5.00	16.00	2625		
482	Nguyễn Thị Như	ý	01/08/95	14836	A	1 06	4.75	4.00	4.50	16.00	12488		
483	Nguyễn Văn	Hiệu	17/05/95	2142	A	2NT	4.25	5.25	5.50	16.00	12868		
484	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/96	14124	A	2NT	4.75	4.75	5.25	16.00	2940		
485	Nguyễn Thị Minh	Hiền	27/08/96	10204	A	2NT	5.00	5.50	4.50	16.00	3153		
486	Nguyễn Mạnh	Cường	28/05/96	1273	A	2NT	4.00	5.75	5.00	16.00	13238		
487	Tô Thị	Lành	17/08/96	14175	A	1	2.75	5.75	5.75	16.00	10051		
488	Vũ Trần Tùng	Linh	13/05/96	20147	A1	3	5.75	2.75	7.50	16.00	2		
489	Cao Thị Bích	Trâm	07/01/96	21904	A1	2	4.75	6.50	4.00	16.00	703		
490	Đình Thị Thuỳ	Dương	10/05/96	26333	A1	2	5.75	5.25	4.50	16.00	707		
491	Văn Thị Kim	Yến	24/02/96	30637	A1	2	5.50	3.50	6.25	16.00	1285		
492	Phan Thị Quỳnh	Như	02/03/96	29046	A1	2NT	4.50	5.25	5.25	16.00	1514		
493	Võ Lan	Bình	28/11/96	19066	A1	2NT	3.50	4.50	6.75	16.00	1904		
494	Nguyễn Thị Hoài	Hiệp	09/06/95	19672	A1	2NT	5.25	4.50	5.25	16.00	11310		
495	Đậu Thị Vân	Anh	06/08/96	8338	A1	2	6.00	5.50	3.75	16.00	11606		
496	Đỗ Hoàng Thuỳ	Linh	15/06/96	26422	A1	2	5.00	4.50	6.00	16.00	11674		
497	Ngô Thị Diệu	Nga	10/01/96	3404	A1	1	4.75	6.00	3.50	16.00	11753		
498	Lê Nguyễn Minh	Châu	29/06/96	19095	A1	3	4.00	4.50	7.50	16.00	11813		
499	Nguyễn Thị	Thu	21/11/96	21513	A1	2NT	5.25	6.25	3.50	16.00	11999		
500	Huỳnh Thị Mỹ	Lợi	02/04/96	1314	A1	1	5.25	5.75	3.50	16.00	2574		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
501	Bùi	Ninh	17/10/96	29049	A1	2NT	6.00	4.50	4.50	16.00	2930		
502	Mai Nguyễn Triệu	Bạch	01/01/96	30752	A1	2NT	1.75	7.00	6.00	16.00	3019		
503	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	01/05/95	28924	A1	2	6.00	4.50	5.00	16.00	13047		
504	Huỳnh	Huy	07/01/96	75050	D1	1	5.25	4.25	4.75	16.00	672		
505	Nguyễn Thị Phương	Chi	23/04/96	76111	D1	2NT	6.50	3.25	5.00	16.00	991		
506	Đặng Hoàng Lê	Na	06/01/95	69495	D1	2	4.50	4.25	6.50	16.00	1353		
507	Dương Tuyết	Anh	20/12/95	19004	D1	1	6.00	4.75	3.50	16.00	1512		
508	Nguyễn Thị	Hoài	18/03/96	76274	D1	2NT	4.50	5.00	5.50	16.00	1910		
509	Mai Thị Thùy	Thanh	29/06/96	76695	D1	2	5.75	4.50	5.00	16.00	2119		
510	Nguyễn Thị Thanh	Sa	16/12/95	72690	D1	2	5.75	4.00	5.75	16.00	2450		
511	Hà Thị Thùy	Linh	02/04/96	69449	D1	2NT	5.75	4.50	4.50	16.00	11901		
512	Phạm Thị Hà	Vi	13/06/95	44960	D1	2	4.75	3.50	7.25	16.00	12198		
513	Nguyễn Thị Trà	Giang	27/03/96	70793	D1	2NT	5.25	4.00	5.75	16.00	3013		
514	Nguyễn Xuân Thạch	Thảo	19/07/95	23700	D1	1	4.25	4.00	6.25	16.00	13022		
515	Phạm Phước	Hoà	15/03/96	14062	A	2	5.75	5.75	3.50	15.50	595		
516	Lê Thị Như	Thảo	22/10/96	14554	A	2	5.25	6.00	3.50	15.50	638		
517	Tôn Nữ Đàm	San	14/10/94	25864	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	818		
518	Võ Văn	Cường	23/03/95	16121	A	2	5.25	4.75	4.75	15.50	828		
519	Trần Thị Thùy	Trâm	24/08/96	18201	A	3	5.00	5.75	4.50	15.50	1066		
520	Phan Nguyễn Quốc	Huy	23/08/96	3787	A	2NT	5.25	5.50	3.75	15.50	1069		
521	Đỗ Thị Uyên	Thi	13/12/96	14986	A	2	6.50	2.75	5.50	15.50	1368		
522	Nguyễn Mạnh	Cường	20/01/96	1097	A	2	4.50	5.75	4.50	15.50	1545		
523	Trình Nguyễn Cẩm	Tường	30/10/96	13400	A	2	7.00	3.50	4.50	15.50	1630		29/08/14
524	Phan Thị Thanh	Vân	23/11/96	14799	A	2NT	5.50	6.00	2.75	15.50	1639		
525	Đặng Hoàng	Lệ	05/11/96	12872	A	2NT	5.00	5.00	4.25	15.50	1797		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
526	Lê Thu	Trang	13/11/96	27703	A	3	3.75	5.25	6.50	15.50	11277		
527	Ngô Nhân	Tịnh	01/07/95	9848	A	2	4.50	5.75	4.50	15.50	1820		
528	Lê Thị Quế	Chi	20/02/96	22592	A	2	6.25	3.75	4.75	15.50	1857		
529	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	09/11/96	22047	A	2	5.25	5.25	4.50	15.50	1871		
530	Phan Văn Duy	Quang	08/10/96	2867	A	1	5.50	4.75	3.75	15.50	11400		
531	Nguyễn Thị Vân	Trang	03/02/96	18160	A	3	5.50	4.50	5.50	15.50	11731		
532	Cao Văn	Quý	01/03/95	27019	A	3	6.00	5.00	4.50	15.50	11739		
533	Trần Thị Thu	Hiền	16/11/96	12989	A	1	4.25	5.50	4.00	15.50	11782		
534	Trương Thị Thu	Hiền	02/09/96	15177	A	2NT	5.00	5.50	3.75	15.50	11552		
535	Lê Ngọc	Phước	17/11/96	7158	A	2	3.25	6.25	5.50	15.50	11587		
536	Trần Thị Trúc	Linh	08/05/96	234	A	1	5.25	4.50	4.00	15.50	11887		
537	Lê Thị Hoàng	Phương	02/12/96	26895	A	1	5.25	5.00	3.75	15.50	11949		
538	Nguyễn Văn Thành	Nhân	14/04/96	6321	A	2	4.00	5.25	5.50	15.50	2623		
539	Ngô Thị Thu	Hiền	22/05/96	14878	A	2	5.25	4.25	5.50	15.50	2629		
540	Trần Quốc	Tấn	18/11/96	13589	A	2NT	5.00	4.50	5.00	15.50	12106		
541	Phan Thành	Công	30/07/95	63	A	2	3.00	5.25	6.50	15.50	12710		
542	Trần Văn Quốc	Cường	09/10/95	22360	A	2	5.50	2.75	6.75	15.50	2945		
543	Bùi Xuân	Du	16/10/96	1306	A	2NT	5.25	5.25	4.00	15.50	13124		
544	Lê Thị Thục	Khanh	14/08/96	14148	A	1	4.00	5.50	4.50	15.50	3307		
545	Lê Hoàng Bảo	Châu	28/02/96	14258	A	2	5.75	5.25	4.00	15.50	3750		
546	Trịnh Quang	Huy	24/06/96	19813	A1	3	5.50	5.25	4.75	15.50	4		
547	Huỳnh Dương Vân	Hạnh	20/08/95	26357	A1	2NT	6.25	4.75	3.50	15.50	288		
548	Võ Thị Huyền	Trâm	16/07/96	21884	A1	3 06	3.50	5.50	5.50	15.50	1074		
549	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/11/96	29257	A1	2	4.50	4.75	5.75	15.50	1236		
550	Hoàng Thị Hải	Yến	18/08/95	26750	A1	2NT	5.25	2.50	6.50	15.50	1971		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
551	Đoàn Thị Huyền	My	18/06/95	30019	A1	2	5.25	4.50	5.00	15.50	11339		
552	Phạm Thị Kim	Oanh	16/12/96	26478	A1	1	4.25	5.50	4.00	15.50	11384		
553	Phan Thị Kim	Loan	19/03/96	29719	A1	2NT	5.75	4.25	4.50	15.50	11449		
554	Lê Thị Hồng	Nhung	15/06/96	20804	A1	2	5.25	6.00	3.50	15.50	11629		
555	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/03/96	29556	A1	2NT	5.50	5.25	3.50	15.50	11715		
556	Lê Thị Bảo	Yến	10/06/96	22387	A1	2NT	5.00	5.00	4.50	15.50	12614		
557	Hồ Thị Phương	Anh	23/07/96	29553	A1	2	5.50	3.75	5.50	15.50	3161		
558	Nguyễn Xuân	Phú	02/02/96	29067	A1	2	6.00	3.75	5.25	15.50	3560		
559	Đặng Thị Thu	Hàng	07/06/91	70835	D1	2	1.00	7.25	6.50	15.50	95		
560	Lê Thị Minh	Thùy	20/11/95	75228	D1	2	3.25	5.75	6.00	15.50	292		
561	Nguyễn Thị Hà	Yên	19/07/96	69675	D1	2	6.00	3.50	5.25	15.50	850		
562	Lê Văn	Tâm	16/10/96	10596	D1	1	4.25	3.50	6.25	15.50	11744		
563	Nguyễn Thị	Hoa	06/10/95	75039	D1	2	6.00	4.00	4.75	15.50	12967		
564	Ngô Vương Thùy	Trang	29/12/96	75735	D1	2	6.25	3.00	5.50	15.50	3072		
565	Lê Thị	Ngân	27/02/96	41752	D1	2NT	6.00	3.50	4.75	15.50	13196		
566	Phan Thị	Phượng	08/03/95	14956	A	1	6.00	4.50	3.00	15.00	120		
567	Nguyễn Thị Thu	Thủy	18/11/96	14648	A	2	5.25	6.00	3.25	15.00	163		
568	Hoàng Nguyên Minh	Anh	11/07/96	13788	A	2	6.50	2.75	5.25	15.00	371		
569	Hoàng Hà Nhã	Uyên	01/06/96	22716	A	2	5.75	5.00	3.50	15.00	475		
570	Hồ Thị Nhật	Linh	25/10/96	23337	A	1	7.00	3.00	3.50	15.00	541		
571	Trần Kiên	Triển	24/11/96	23777	A	2	5.50	4.50	4.25	15.00	564		
572	Nguyễn Đức	Quý	17/04/96	23586	A	2	5.00	5.75	3.75	15.00	1308		
573	Phạm Thị Thương	Huyền	20/03/96	12802	A	2	4.00	5.50	5.00	15.00	1398		
574	Nguyễn Phúc	An	24/10/96	22971	A	2	5.00	3.25	6.00	15.00	1460		
575	Phạm Thị Mỹ	Hà	06/01/96	2090	A	2	5.75	4.50	4.25	15.00	1554		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
576	Hồ Thị Thành	Tú	02/09/96	21646	A	2	5.75	4.75	3.75	15.00	1643		
577	Nguyễn Văn	Hùng	28/10/96	1402	A	2	4.75	6.25	3.25	15.00	2412		
578	Nguyễn Thị Khánh	Ly	01/01/96	14237	A	2	7.00	4.00	3.50	15.00	12022		
579	Cao Thị	Hạnh	24/02/96	12696	A	1	4.75	5.00	3.75	15.00	2609		
580	Lương Thị Phương	Liêm	26/09/96	15808	A	1 01	4.50	3.50	3.25	15.00	2843		
581	Nguyễn Văn	Thắng	30/10/96	14587	A	1	4.75	4.25	4.50	15.00	12535		
582	Lê Thị	Lan	05/05/96	15738	A	1	4.50	5.25	3.50	15.00	12612		
583	Tán Thanh	Tâm	27/12/95	5970	A	3	4.25	6.00	4.50	15.00	12916		
584	Võ Nhật	Trường	02/09/95	10555	A	3	4.75	4.50	5.50	15.00	12719		
585	Hoàng Quảng Quốc	Hưng	01/09/95	1220	A	2NT	5.00	5.00	4.00	15.00	12798		
586	Phạm Thái	Hòa	26/11/96	12769	A	3	3.25	5.50	6.25	15.00	3194		
587	Lê Tiến	Hùng	29/02/96	343	A	2NT	4.25	5.00	4.50	15.00	13114		
588	Trần Thị Ly	Ly	13/02/96	22440	A	3	4.50	4.25	6.25	15.00	3717		
589	Nguyễn Thị Kiều	Ly	06/03/96	22439	A	2NT	5.50	3.50	5.00	15.00	10057		
590	Nguyễn Thị Hoài	Thương	29/08/96	30898	A1	2	5.50	5.50	3.25	15.00	108		
591	Trần Thị Tịnh	Uyên	14/09/96	29963	A1	2	5.00	5.00	4.25	15.00	295		
592	Dương Thị Phương	Hạnh	30/05/96	29620	A1	2 06	2.25	4.50	6.50	15.00	513		
593	Lê Ngọc	Hoàng	14/06/96	31013	A1	2	3.50	5.50	5.50	15.00	1273		
594	Trần Thị Thu	Hàng	19/05/95	28861	A1	2	4.00	5.50	5.00	15.00	1348		
595	Nguyễn Thị Thu	Hàng	11/05/96	29633	A1	2	6.00	5.00	3.50	15.00	1680		
596	Phan Thị Luy	Uyên	22/06/96	29238	A1	1	4.75	3.75	5.00	15.00	2237		
597	Châu Văn	Mỹ	25/04/95	31079	A1	2	3.50	3.50	7.50	15.00	2405		
598	Phạm Thị Bích	Hoa	31/12/96	28500	A1	2	5.25	5.00	4.25	15.00	13015		
599	Nguyễn Thị	Tuyền	26/09/96	75756	D1	2	5.50	4.00	5.00	15.00	143		
600	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	16/09/96	75184	D1	2	5.50	3.75	5.00	15.00	600		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
601	Châu Thị	Đông	09/06/96	76166	D1	2	3.50	4.50	6.25	15.00	790		
602	Nguyễn Thị ái	Linh	28/11/96	76406	D1	1	3.75	4.50	5.25	15.00	1093		
603	Hoàng Thị Minh	An	18/10/96	71454	D1	2NT	6.00	4.00	4.00	15.00	1258		
604	Nguyễn Thị	Ly	10/07/96	76437	D1	1	5.50	3.50	4.50	15.00	1319		
605	Bùi Thị Thùy	Đông	01/01/95	70786	D1	1	4.00	4.00	5.25	15.00	1939		
606	Võ Thị Thúy	Trang	01/02/93	23910	D1	2	3.00	5.25	6.25	15.00	11467		
607	Trần Thu	Hàng	25/10/96	40123	D1	2	4.00	3.75	6.50	15.00	12046		
608	Trương Thị	Thương	11/10/96	14685	D1	1 01	3.25	3.75	4.50	15.00	12636		
609	Hoàng Thị Mỹ	Linh	04/03/96	23195	D1	2	4.25	3.75	6.50	15.00	2956		
610	Hoàng Bảo	Trần	18/04/96	73040	D1	2NT	5.50	3.75	4.50	15.00	3551		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Thúy	Sương	26/01/96	438	A	2	8.00	6.00	9.00	23.50	3178		
2	Lê Thị Cát	Phương	10/04/96	2597	A	2	7.00	5.75	6.50	20.00	2139		
3	Lê Thị Diệu	Phượng	23/06/95	20668	A	2	6.50	5.75	7.25	20.00	3604		
4	Cao Duy	Khải	10/03/95	4266	A1	1	6.50	6.50	5.50	20.00	3039		
5	Đào Thế Công	Minh	29/05/96	4458	A1	2	6.00	6.25	7.00	20.00	3300		
6	Nguyễn Anh	Hùng	10/03/96	21300	D1	2	7.50	6.75	5.00	20.00	1174		
7	Trần Thị Hoàng	Thi	28/04/95	22035	A	2NT	6.00	6.25	6.25	19.50	1690		
8	Văn Thị Thu	Thảo	19/10/95	6369	A	1	7.00	6.00	5.00	19.50	2148		
9	Dương Thị Mỹ	Linh	26/12/96	30555	A1	1	6.50	7.00	3.75	19.00	3029		
10	Hoàng Thị Thùy	Trang	19/03/96	21587	A	2	5.75	6.50	5.50	18.50	310		
11	Lê Hồng	Sang	05/04/96	21997	A	2	5.50	6.00	6.50	18.50	393		
12	Đặng Ngọc	Hòa	14/12/94	15302	A	1	5.75	5.50	5.50	18.50	1085		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
13	Thái Quang	Hiếu	28/01/96	2531	A	1	5.75	6.25	4.75	18.50	12662		
14	Lê Thuận	Phong	08/02/95	21411	A	2NT	6.50	5.50	5.50	18.50	12264		
15	Doãn Hải	Duy	11/06/95	14537	A	3	6.50	6.00	5.75	18.50	13454		
16	Nguyễn Văn	Vượng	19/05/95	11783	A	2	5.75	6.00	5.50	18.00	11252		
17	Phan Sỹ	Phú	17/05/96	6884	A	2	5.50	6.50	5.50	18.00	2339		
18	Hồ Thị Quỳnh	Như	02/01/96	6557	A	2	6.50	5.50	5.25	18.00	2423		
19	Nguyễn Văn	Quỳnh	27/05/96	7673	A	2NT	4.25	7.25	5.50	18.00	10021		
20	Trần Hữu	Thành	10/01/95	8625	A	2	5.75	6.50	5.00	18.00	2968		
21	Huỳnh Thị	Chính	03/01/96	14307	A	2NT	6.50	5.25	5.00	18.00	3126		
22	Ngô Thị	Hà	11/11/95	286	A	2	7.00	5.75	4.50	18.00	13295		
23	Huỳnh Công	Định	12/06/96	2200	A	1	6.50	6.50	3.50	18.00	3726		
24	Phạm Thị Hoài	My	08/09/96	20383	A1	3	6.00	6.25	5.50	18.00	1113		
25	Nguyễn Thị	Trình	17/07/96	30622	A1	2NT	6.50	5.75	4.75	18.00	11862		
26	Hà Thị	Thuận	12/06/96	75711	D1	2	5.75	6.00	5.50	18.00	760		
27	Nguyễn Thị	Hòa	17/07/96	22746	D1	1	5.00	4.25	7.00	18.00	12567		
28	Nguyễn Thị	Thắm	18/10/96	71197	D1	1	5.75	5.25	5.25	18.00	12465		
29	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	01/08/96	11161	A	2	6.50	4.50	6.00	17.50	808		
30	Tôn Thất	Tuấn	30/10/95	18438	A	1	4.00	6.50	5.50	17.50	1087		
31	Phạm Thị	Chi	24/08/96	13858	A	1	4.75	5.25	5.75	17.50	1572		
32	Hà Minh	Thảo	15/12/95	17561	A	2NT	5.25	5.25	5.75	17.50	11015		
33	Trần Bảo Tiến	Linh	22/10/96	21874	A	2	6.25	4.00	6.50	17.50	1810		
34	Trần Văn Nhật	Thanh	05/05/96	8420	A	2	5.50	5.50	5.75	17.50	1899		
35	Đoàn Lê Thị	Hạnh	20/05/96	12702	A	1	5.75	6.00	4.00	17.50	1966		
36	Đoàn	Lãm	20/08/96	4691	A	1	5.25	6.25	4.25	17.50	2258		
37	Phùng Hữu	Hiếu	23/04/96	2915	A	2	6.00	6.25	4.75	17.50	2608		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
38	Nguyễn Văn	Lành	16/04/96	4673	A	2NT	6.75	4.75	5.00	17.50	2666		
39	Nguyễn Thị Thuận	Thảo	02/07/95	11131	A	2	4.50	5.25	7.00	17.50	12519		
40	Nguyễn Tiến	Thảo	06/09/96	14568	A	1	6.00	6.00	4.00	17.50	12544		
41	Nguyễn Bảo	Nguyên	02/06/96	6148	A	2	6.00	4.50	6.50	17.50	12143		
42	Phan Phước	Quang	28/02/96	7276	A	1	3.50	6.00	6.50	17.50	12408		
43	Hoàng Thị Thanh	Bình	01/09/95	14221	A	2	6.00	5.50	5.25	17.50	12977		
44	Đặng Ngọc	Bình	13/01/95	12552	A	1	5.25	6.25	4.50	17.50	3063		
45	Nguyễn Tâm	Hiếu	09/11/95	2578	A	2	5.00	6.50	5.50	17.50	3281		
46	Trần Thị	Hậu	01/04/95	2776	A	2NT	6.00	5.50	4.75	17.50	13507		
47	Huỳnh Thị Diễm	Ny	27/04/96	30856	A1	2	7.50	5.50	4.00	17.50	890		
48	Trần Thị Hương	Nhi	06/06/96	29795	A1	2	5.25	5.25	6.50	17.50	1424		
49	Hoàng Trọng	Bảo	29/08/96	28775	A1	2	6.25	6.00	4.50	17.50	2159		
50	Ca Thị Mỹ	Lệ	25/11/96	20084	A1	2	5.75	6.50	4.50	17.50	11974		
51	Trần Thị	Vân	16/02/96	29968	A1	1	6.50	5.00	4.50	17.50	12604		
52	Nguyễn Thị	Huyền	24/08/96	76316	D1	2	5.00	5.25	6.50	17.50	1356		
53	Nguyễn Phương Hồng	Anh	25/08/96	22620	D1	2NT	6.75	3.75	6.00	17.50	2719		
54	Phạm Thị Quỳnh	Vân	14/05/96	75298	D1	2NT	5.75	4.25	6.50	17.50	2909		
55	Hồ Ngọc	Ba	14/06/96	2051	A	2NT	6.00	5.75	4.25	17.00	22		
56	Lê Mạnh	Hùng	06/11/96	10289	A	2NT	5.25	6.25	4.50	17.00	786		
57	Nguyễn Văn Phong	Lưu	10/11/96	21301	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	1404		
58	Nguyễn Thuận	Luân	10/07/95	2143	A	2NT	5.50	6.25	4.25	17.00	11123		
59	Trần Duy	Quý	29/11/96	3295	A	2	5.50	6.75	4.00	17.00	2060		
60	Phạm Gia Tuấn	Anh	05/09/91	13809	A	2	4.50	6.75	5.00	17.00	2083		
61	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Tiên	14/06/96	22064	A	2	5.00	5.00	6.25	17.00	2208		
62	Lê Quang	Hùng	18/04/96	12808	A	2NT	7.00	5.25	3.75	17.00	2259		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
63	Lê Thị Thùy	Linh	04/07/96	15931	A	2NT	5.25	5.00	5.50	17.00	12010		
64	Võ Việt	Công	05/07/96	8942	A	2	5.25	6.50	4.50	17.00	12468		
65	Huỳnh Thị	Lệ	02/10/94	10973	A	3	5.75	6.50	4.50	17.00	12965		
66	Nguyễn Xuân	Tựu	20/12/96	3926	A	2	6.25	5.50	4.75	17.00	2984		
67	Hồ Thị Kim	Ngân	14/02/95	14284	A	2	6.00	5.50	4.75	17.00	3043		
68	Chu Thanh	Tuyền	03/02/96	13383	A	1	6.50	5.50	3.50	17.00	3183		
69	Trần Đạo	Trí	02/11/93	14739	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	3207		
70	Nguyễn Nhất	Giám	08/09/95	2385	A	2	4.75	6.25	5.50	17.00	12247		
71	Hoàng Thị Tú	Uyên	01/05/96	10777	A	2NT	6.00	6.50	3.50	17.00	3744		
72	Huỳnh Thị	Lệ	02/10/94	10973	A	3	5.75	6.50	4.50	17.00	3503		
73	Phan Minh	Hoà	23/11/95	12743	A	2	6.50	6.50	3.50	17.00	3508		
74	Trần Thị Tuyết	Nhung	07/03/96	29803	A1	2	6.00	5.50	5.00	17.00	756		
75	Văn Thị Thùy	Dung	18/10/96	29584	A1	1	3.75	3.00	8.50	17.00	858		
76	Hồ Thị Thúy	Nhi	06/03/96	29786	A1	2	5.50	6.25	4.50	17.00	891		
77	Lê Thị Quỳnh	Như	02/12/96	29808	A1	2NT	5.50	5.75	4.50	17.00	1191		
78	Võ Thị Kim	Lan	04/04/96	29688	A1	1	6.00	4.50	5.00	17.00	2495		
79	Võ Hoàng Ngọc	Châu	13/07/96	30521	A1	2	6.50	6.25	3.75	17.00	2783		
80	Trương Thế Khánh	Phú	17/01/95	26693	A1	2	6.25	5.75	4.25	17.00	2899		04/09/14
81	Nguyễn Đình	Thọ	06/09/96	29144	A1	2	5.75	4.25	6.50	17.00	3458		
82	Bùi Thị	Diệp	03/08/94	75478	D1	1	4.50	5.00	6.00	17.00	723		
83	Nguyễn Ngọc Bảo	Thi	12/02/96	76742	D1	2	6.50	5.00	5.00	17.00	3128		
84	Phan Thị Hồng	Nhung	17/07/95	42217	D1	2	4.25	6.50	5.50	17.00	3747		
85	Hồ Thị Thanh	Nhàn	12/01/96	16467	A	2NT	5.50	5.50	4.25	16.50	1181		
86	Văn Thị Quỳnh	Hương	01/04/96	12833	A	2	5.75	5.50	4.50	16.50	1886		
87	Ngô Thị Hồng	Như	10/04/96	2374	A	2NT	5.50	5.50	4.25	16.50	11354		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
88	Nguyễn Tất	Phong	17/08/95	21412	A	2	4.75	5.50	5.50	16.50	2064		
89	Nguyễn Minh	Hiếu	23/10/96	16272	A	2	4.25	5.50	6.25	16.50	2167		
90	Lê Thị Hảo	Ly	18/06/96	14236	A	2	6.00	5.25	4.50	16.50	2182		
91	Ngô Thị	Trinh	20/06/96	22534	A	1	4.75	5.75	4.50	16.50	2825		
92	Lê Thị Kim	Ngân	26/06/96	26515	A	2NT	4.75	5.00	5.50	16.50	2868		
93	Nguyễn Thị	Ly	25/10/96	16404	A	2NT	5.75	5.00	4.50	16.50	12679		
94	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	12/11/94	16469	A	2	6.00	4.75	5.00	16.50	2931		
95	Nguyễn Thị Như	ý	20/02/95	22154	A	2	7.00	4.00	5.00	16.50	2975		
96	Tôn Thất Thiện	Phúc	11/03/92	25772	A	2	4.50	5.75	5.50	16.50	3034		
97	Nguyễn Hữu Hoàng	Phong	21/11/96	6796	A	1	4.75	5.50	4.75	16.50	3239		
98	Nguyễn Thị	Trang	02/07/96	27746	A	1	4.50	4.75	5.75	16.50	3424		
99	Đào Hữu	Phúc	21/04/91	20644	A	1	5.75	5.75	3.50	16.50	3434		
100	Nguyễn Đại	Phong	02/02/95	26808	A	2	5.25	4.50	6.00	16.50	12341		
101	Trần Thị Thu	Huyền	28/11/96	21219	A	2NT	5.00	4.75	5.75	16.50	13337		
102	Nguyễn Gia	Thanh	25/08/96	26524	A1	2	5.50	4.75	5.50	16.50	84		
103	Trương Thị Ngọc	Huyền	01/03/96	19868	A1	2	5.25	4.00	6.50	16.50	11056		
104	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/01/95	12373	A1	2NT	6.00	5.50	4.00	16.50	12524		
105	Nguyễn Thị	Nga	17/05/96	28665	A1	2NT	4.00	5.50	5.75	16.50	12992		
106	Phan Thị	Ca	26/11/96	26305	A1	1	4.75	5.50	4.50	16.50	12826		
107	Trần Thị Mỹ	Trinh	09/04/96	75752	D1	2 06	3.75	4.50	6.50	16.50	248		
108	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/09/96	76932	D1	2	5.00	3.50	7.50	16.50	3480		
109	Trần Văn	Luyện	22/09/95	12933	A	1	6.00	5.00	3.50	16.00	492		
110	Trần Quốc Khánh	Huy	30/09/96	12790	A	2	5.50	5.50	4.50	16.00	777		
111	Cái Thị Thu	Hường	07/08/96	14141	A	2NT	5.00	5.50	4.50	16.00	869		
112	Ngô Hữu	Tuấn	22/02/96	13375	A	2	5.00	5.50	4.75	16.00	887		04/09/14

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
113	Phan Hữu	Hiếu	03/07/95	15069	A	2	4.25	5.75	5.25	16.00	1030		
114	Phan Thị Ngọc	Anh	03/11/96	16072	A	2	7.00	4.25	4.00	16.00	1683		
115	Đào Bá	Linh	15/04/96	1541	A	2NT	6.25	5.50	3.00	16.00	1980		
116	Nguyễn Thị Tú	Anh	09/04/96	123	A	2	6.25	5.00	4.25	16.00	11453		
117	Nguyễn Xuân	Triều	25/03/96	18317	A	2	5.00	5.25	5.00	16.00	11544		
118	Lương Mạnh	Linh	18/10/92	12887	A	2	5.00	6.25	4.25	16.00	2567		
119	Nguyễn Thị Như	ý	01/08/95	14836	A	1 06	4.75	4.00	4.50	16.00	12603		
120	Lê Thị Xuân	Trinh	02/10/96	18297	A	2NT	5.75	3.50	5.50	16.00	12734		
121	Nguyễn Thị	Liên	24/09/95	14187	A	2NT	4.50	5.75	4.50	16.00	3174		
122	Nguyễn Đức	Dũng	28/11/96	1566	A	2NT	5.25	5.50	4.00	16.00	13164		
123	Hoàng Bảo	Trần	18/04/96	29206	A1	2NT	5.50	5.00	4.50	16.00	405		
124	Bùi	Ninh	17/10/96	29049	A1	2NT	6.00	4.50	4.50	16.00	418		
125	Lê Thị Mỹ	Hương	02/09/96	29668	A1	2NT	4.50	4.75	5.50	16.00	1192		
126	Trần Thị Kiều	Oanh	03/10/96	29061	A1	2	6.25	4.25	5.00	16.00	2197		
127	Nguyễn Thị Phương	Trinh	05/02/96	26566	A1	2	5.75	4.75	5.00	16.00	2839		
128	Nguyễn Văn Thành	Nhân	10/02/95	20710	A1	2	6.25	4.50	4.50	16.00	3169		
129	Hoàng Thị Thanh	Lam	13/09/96	30809	A1	2	4.75	5.00	5.75	16.00	13046		
130	Trần Thị Thúy	Hằng	13/03/96	26643	A1	2	6.00	5.75	3.75	16.00	3363		
131	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	14/05/96	29771	A1	2	5.50	3.25	6.50	16.00	3671		
132	Đỗ Hoàng Thuỳ	Linh	15/06/96	26422	A1	2	5.00	4.50	6.00	16.00	3513		
133	Nguyễn Thị Phương	Chi	23/04/96	76111	D1	2NT	6.50	3.25	5.00	16.00	989		
134	Nguyễn Thị	Xuân	25/12/95	75309	D1	1	5.25	4.50	4.50	16.00	1463		
135	Lê Hồng	Ngọc	19/12/96	75625	D1	2	5.75	4.50	5.00	16.00	1700		
136	Nguyễn Thị Anh	Trang	24/03/95	75258	D1	2	5.50	3.75	6.00	16.00	1937		
137	Mai Thị Thùy	Thanh	29/06/96	76695	D1	2	5.75	4.50	5.00	16.00	2120		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
138	Phạm Bích	Phương	17/09/95	25659	D1	2	5.00	4.50	5.75	16.00	2902		
139	Trần Hữu	Hào	04/03/96	23136	A	2	4.50	5.75	4.50	15.50	369		
140	Võ Văn	Cường	23/03/95	16121	A	2	5.25	4.75	4.75	15.50	830		
141	Nguyễn Văn	Đạt	28/12/96	23085	A	2	4.00	5.50	5.50	15.50	866		
142	Nguyễn Thị	Thương	09/09/96	21573	A	2	5.75	5.50	3.75	15.50	1421		
143	Nguyễn Ngọc Nhật	Tân	25/01/96	8325	A	2	5.25	4.75	4.75	15.50	1480		
144	Nguyễn Mạnh	Cường	20/01/96	1097	A	2	4.50	5.75	4.50	15.50	1544		
145	Phan Thị Thanh	Vân	23/11/96	14799	A	2NT	5.50	6.00	2.75	15.50	1638		
146	Ngô Nhân	Tịnh	01/07/95	9848	A	2	4.50	5.75	4.50	15.50	1819		
147	Trần Thị	Oanh	06/08/95	353	A	1	4.25	5.00	4.50	15.50	11321		
148	Võ Thị	Huệ	11/12/96	12783	A	2	4.75	5.50	4.50	15.50	11446		
149	Lê Ngọc	Nghĩa	10/08/95	16419	A	2NT	4.00	5.75	4.50	15.50	11555		
150	Trình Nguyễn Cẩm	Tường	30/10/96	13400	A	2	7.00	3.50	4.50	15.50	2435		
151	Trần Thị Trúc	Linh	08/05/96	234	A	1	5.25	4.50	4.00	15.50	11931		
152	Hà Huy	Hiệp	24/07/96	10216	A	1	5.50	4.50	4.00	15.50	12412		
153	Nguyễn Văn	Duy	18/04/96	25326	A	2	4.75	5.25	5.00	15.50	3025		
154	Nguyễn Thị	Hường	07/05/96	15584	A	2NT	4.75	5.75	4.00	15.50	3052		
155	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	26/02/96	908	A	1	4.50	5.00	4.50	15.50	13187		
156	Lê Thị Thục	Khanh	14/08/96	14148	A	1	4.00	5.50	4.50	15.50	3306		
157	Phan Minh	Hải	22/12/96	30772	A1	2	5.25	5.00	4.75	15.50	132		
158	Lê Thị Ngọc	Ly	22/11/96	28937	A1	2NT	6.00	3.50	5.00	15.50	1014		
159	Trần Quang	Huy	31/12/93	28888	A1	2	5.25	4.75	5.00	15.50	1072		
160	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/11/96	29257	A1	2	4.50	4.75	5.75	15.50	1235		
161	Văn Thị	Vấn	08/02/95	29244	A1	1	5.75	5.25	3.00	15.50	2296		
162	Phan Văn	Tín	13/01/96	21731	A1	2NT	5.50	4.00	5.00	15.50	2350		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
163	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/01/96	4105	A1	1	4.00	5.25	4.75	15.50	2490		
164	Trần Thị Thùy	Linh	16/10/96	28928	A1	2NT	6.25	5.00	3.00	15.50	11903		
165	Trần Công Thái	Hoàng	06/03/95	1250	A1	2	5.25	4.75	4.75	15.50	2813		
166	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	25/06/96	26358	A1	3	5.25	4.50	5.50	15.50	2918		
167	Nguyễn Thị Tú	Anh	01/01/96	30746	A1	3	5.50	4.50	5.50	15.50	3068		
168	Hồ Văn	Trường	10/09/96	29220	A1	2	5.25	5.75	4.00	15.50	3699		
169	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	07/01/95	31229	A1	1	4.25	5.00	4.50	15.50	3729		
170	Trần Thị Như	Quỳnh	09/05/96	42926	D1	1	4.25	4.50	5.25	15.50	11251		
171	Trương Tôn Nữ Ngọc	Phượng	10/01/96	75178	D1	1	5.75	2.00	6.00	15.50	1825		
172	Phạm Thị ái	Tín	15/12/96	72964	D1	2	5.50	4.50	4.75	15.50	2307		
173	Đặng Thị Thu	Hà	22/10/95	71775	D1	2	4.25	4.25	6.25	15.50	3106		
174	Nguyễn Trung	Phong	23/02/95	749	A	2	5.00	5.25	4.00	15.00	226		28/08/14
175	Lê Minh	Khải	27/08/95	4402	A	2NT	4.75	4.50	4.50	15.00	244		
176	Văn Đức	Hùng	01/01/96	14114	A	2	4.75	5.00	4.50	15.00	325		
177	Đặng Thị Hồng	Vân	17/09/96	13419	A	1	4.50	4.25	4.50	15.00	353		
178	Trần Văn	Hải	23/05/96	12687	A	2	5.50	5.00	3.75	15.00	764		04/09/14
179	Trương Quân	Bảo	05/07/95	12543	A	2	4.25	5.75	4.50	15.00	929		
180	Hoàng Thị	Ly	02/11/95	12939	A	2NT	5.00	5.25	3.75	15.00	987		
181	Trần Thanh	Tuệ	06/12/95	10919	A	2	4.50	6.00	4.00	15.00	1136		
182	Lê Viết Thái	Phong	13/09/96	6802	A	2	5.25	5.50	3.75	15.00	1382		
183	Phạm Thị Thương	Huyền	20/03/96	12802	A	2	4.00	5.50	5.00	15.00	1396		
184	Bùi Thị Tố	Như	04/03/96	14938	A	2NT	5.25	5.50	3.25	15.00	1605		
185	Trần Thị Mỹ	Linh	09/12/96	12899	A	2	5.75	3.50	5.25	15.00	1634		
186	Doãn Minh	Quang	19/07/95	7338	A	2	4.50	3.75	6.00	15.00	11071		
187	Nguyễn Thanh	Bình	01/01/96	21061	A	1	5.75	4.25	3.50	15.00	2233		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
188	Dương Đình	Trà	15/03/96	10093	A	2NT	3.50	4.75	5.75	15.00	11792		
189	Hồ Ngọc	Long	02/04/96	18950	A	2	5.25	5.50	3.75	15.00	11800		
190	Nguyễn Văn	Hùng	28/10/96	1402	A	2	4.75	6.25	3.25	15.00	2413		
191	Lê Thị Thuỳ	Trang	10/08/96	14689	A	2	6.50	3.50	4.50	15.00	2901		
192	Hoàng Minh	Phú	16/07/96	13089	A	1	4.75	5.25	3.50	15.00	3093		
193	Phạm Thái	Hòa	26/11/96	12769	A	3	3.25	5.50	6.25	15.00	3202		
194	Nguyễn Thị Hoài	Thương	29/08/96	30898	A1	2	5.50	5.50	3.25	15.00	107		
195	Trần Thị Tịnh	Uyên	14/09/96	29963	A1	2	5.00	5.00	4.25	15.00	294		
196	Hồ Thanh	Thanh	01/11/96	29858	A1	2	6.25	3.25	4.75	15.00	584		
197	Nguyễn Văn	Liêm	27/05/96	31053	A1	2	4.25	6.00	4.00	15.00	650		
198	Nguyễn Thị Phương	Hàng	02/10/96	28858	A1	2NT	5.00	5.50	3.50	15.00	1059		
199	Phan Thị Phương	Hồng	11/06/96	31261	A1	2	6.00	3.50	5.00	15.00	1357		
200	Lê Thị	Na	10/11/96	30020	A1	1	4.75	4.50	4.25	15.00	1428		
201	Trần Thị Kim	Trâm	10/02/96	26559	A1	2	5.00	4.50	5.00	15.00	1451		
202	Nguyễn Thị Thu	Hàng	11/05/96	29633	A1	2	6.00	5.00	3.50	15.00	1679		
203	Lê Hà Trọng	Châu	03/02/96	28783	A1	2	4.25	5.00	5.00	15.00	3122		
204	Trương Tiểu	Quyên	25/11/96	69561	D1	2	4.50	4.50	5.25	15.00	259		
205	Nguyễn Thị	Ly	10/07/96	76437	D1	1	5.50	3.50	4.50	15.00	1317		
206	Tôn Nữ Thuý	Vi	25/11/95	74366	D1	2NT	3.75	4.50	5.75	15.00	1734		
207	Trần Thanh	Nga	03/04/96	76487	D1	2	4.50	5.50	4.25	15.00	2761		
208	Lê Thị Mỹ	Hoài	17/01/95	71931	D1	2	6.00	4.50	4.00	15.00	3148		
209	Nguyễn Đắc Tiến	Thanh	31/01/96	23653	A	2	2.25	6.25	5.25	14.50	153		
210	Ngô	Hưng	21/11/96	14116	A	2	4.50	5.00	4.25	14.50	204		
211	Phan Thanh	Hoàn	27/03/96	23210	A	2	4.75	5.00	4.25	14.50	352		
212	Nguyễn Thị Bảo	Yến	02/08/95	14823	A	1 06	4.50	3.50	3.75	14.50	725		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
213	Nguyễn Trương Ngọc	Thành	03/07/96	13202	A	2	4.25	5.00	4.75	14.50	945		
214	Võ Thị Thanh	Nhàn	07/11/94	12177	A	2	5.25	6.00	2.75	14.50	1048		
215	Đoàn Phú	Phúc	19/11/96	23531	A	2NT	3.75	5.50	4.00	14.50	1446		
216	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/10/96	12147	A	2	6.00	4.25	3.50	14.50	1654		
217	Ngô Phi	An	06/12/96	13778	A	2	3.50	6.00	4.25	14.50	1674		
218	Đặng Thị Phương	Trâm	21/03/96	18214	A	2	4.25	4.75	4.75	14.50	11208		
219	Hoàng Thị Ngọc	ánh	08/08/96	22588	A	2	3.50	5.25	5.00	14.50	2420		
220	Dương Đình	Huy	10/07/96	22797	A	2NT	5.50	4.25	3.75	14.50	2695		
221	Trần Dương Thanh	Huyền	28/08/96	25930	A	3	6.00	3.25	5.25	14.50	2701		
222	Trương Hoàng Ngọc	Trung	22/03/95	20853	A	2	5.50	3.25	5.00	14.50	12450		
223	Lý Anh	Dũng	01/01/95	11880	A	1	5.25	4.25	3.25	14.50	12979		
224	Mai Quyết	Thắng	30/07/95	13229	A	1	5.25	4.00	3.50	14.50	12822		
225	Võ Tiến	Trung	11/01/93	24105	A	1	4.25	4.50	4.00	14.50	2927		
226	Trần Văn	Phong	22/10/95	13088	A	2	5.25	5.25	3.50	14.50	2965		
227	Nguyễn Công Tuấn	Kiệt	14/09/96	3551	A	2NT	5.00	3.75	4.50	14.50	3195		
228	Hồ Việt	Hoàng	11/09/96	12752	A	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	3292		
229	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/07/95	11058	A	1	4.00	4.75	4.25	14.50	3338		
230	Lê Ngọc Khánh	Huyền	20/07/96	658	A	2NT	5.50	4.25	3.75	14.50	13406		
231	Nguyễn Thị Thu	Dị	25/05/96	14853	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	3691		
232	Lâm Hạnh	Quyên	09/04/96	28522	A1	2	5.50	4.25	4.00	14.50	112		
233	Lê Trần Uyên	Thi	18/05/95	29134	A1	2	5.50	5.00	3.50	14.50	495		
234	Trần Anh	Minh	22/01/96	31074	A1	2	1.50	5.25	7.00	14.50	668		
235	Hồ Thị Thuỳ	Nhung	27/02/96	29524	A1	2	3.00	4.50	6.25	14.50	676		
236	Võ Thế Anh	Nhi	24/10/95	29523	A1	2	4.75	4.50	4.50	14.50	933		
237	Lê Ngọc Huyền	Oanh	27/12/94	28475	A1	2	4.50	4.75	4.75	14.50	1044		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
238	Trương Văn	Hùng	13/11/94	28895	A1	2NT	4.75	6.00	2.50	14.50	1251		
239	Nguyễn Thị Mộng	Nhung	27/08/96	29033	A1	2NT	5.50	4.25	3.75	14.50	1354		
240	Nguyễn Thị Như	Phương	18/09/96	28502	A1	2	5.75	4.75	3.25	14.50	1370		
241	Trương Thị	Tâm	01/08/96	28550	A1	2	5.50	3.50	5.00	14.50	1961		
242	Hoàng Thị Minh	An	18/10/96	29550	A1	2NT	4.25	4.75	4.25	14.50	2348		
243	Nguyễn Thị Thanh	Phương	20/05/96	29834	A1	2NT	4.75	4.75	4.00	14.50	12512		
244	Trần Thị	Bích	02/05/96	19054	A1	2NT	4.75	5.25	3.50	14.50	3511		
245	Lê Văn	Huy	26/04/96	74650	D1	2	4.25	4.00	5.50	14.50	101		
246	Phan Thị Bội	Ngọc	03/08/95	74741	D1	2NT	5.25	3.00	5.00	14.50	216		
247	Nguyễn Đình	Thọ	06/09/96	75221	D1	2	6.25	4.00	3.75	14.50	290		
248	Nguyễn Thị Diệu	Vân	08/10/96	76919	D1	2	5.00	3.50	5.50	14.50	696		
249	Dương Thảo	Hân	30/11/96	40026	D1	3	6.00	5.00	3.25	14.50	750		
250	Lê Thị	Giàu	17/03/96	76176	D1	2NT 06	4.75	3.00	4.50	14.50	1209		
251	Hồ Minh	Toàn	27/09/96	74886	D1	1	5.75	2.50	4.50	14.50	1388		
252	Trần Thị Thúy	Ngân	03/01/96	74731	D1	2	6.00	4.00	3.75	14.50	1439		
253	Lê Thị Tố	Trâm	28/09/96	69850	D1	1	4.25	2.50	6.00	14.50	2817		
254	Nguyễn Thị Kim	Tiền	04/08/96	19330	D1	1 06	4.50	4.00	3.25	14.50	13100		
255	Dương Thị Minh	Châu	17/01/96	12563	A	2	3.75	4.50	5.00	14.00	77		
256	Trương Công Hồng	Hải	08/08/96	10185	A	2	4.75	4.75	4.00	14.00	542		
257	Trần Đức	Pháp	08/01/95	13080	A	2	4.00	5.00	4.25	14.00	556		
258	Nguyễn Văn	Trịnh	08/05/95	12439	A	1	4.25	4.50	3.75	14.00	605		
259	Trương Nhật	Quang	25/07/95	12266	A	2	3.75	5.50	4.00	14.00	921		
260	Mai Xuân	Phú	15/03/96	18438	A	2	4.25	4.75	4.50	14.00	1375		
261	Trần Thị Thu	Trinh	20/10/94	17200	A	2	3.50	5.25	4.50	14.00	1710		
262	Nguyễn Đức	Hậu	18/02/95	23959	A	1	6.25	4.50	1.50	14.00	11110		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
263	Mai Quốc	Đức	21/09/96	23111	A	2NT	1.75	4.50	6.75	14.00	1883		
264	Lê Đình	Đức	14/01/96	18211	A	1	3.50	5.00	3.75	14.00	2011		
265	Lê Thuận	Tường	21/04/96	14777	A	1	3.25	5.75	3.25	14.00	11869		
266	Nguyễn Thành	Tuấn	21/12/96	18190	A	2	4.25	5.75	3.50	14.00	12122		
267	Nguyễn Khánh	Linh	31/08/96	22428	A	2	4.25	4.00	5.00	14.00	2948		
268	Lê Thị	Na	19/03/96	18989	A	2NT 06	4.00	3.50	4.25	14.00	3035		
269	Trương Công	Thuấn	20/02/94	6715	A	1	4.00	4.75	3.50	14.00	3102		
270	Nguyễn Tấn Minh	Trí	09/05/95	31217	A1	2	4.25	4.50	4.50	14.00	56		
271	Đình Thị Thuý	Hàng	05/11/95	28185	A1	2	5.25	3.75	4.25	14.00	197		
272	Ngô Thanh	Phương	14/03/96	29078	A1	2	4.25	4.25	4.75	14.00	300		
273	Huyền Xuân	Vũ	05/10/96	28743	A1	2	5.75	4.50	3.00	14.00	376		
274	Nguyễn Hữu Nhật	Quang	13/08/96	31126	A1	2	3.50	4.00	6.00	14.00	688		04/09/14
275	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	01/05/96	26375	A1	2	5.00	5.00	3.50	14.00	715		
276	Trương Văn Quốc	Anh	03/04/95	30950	A1	2	4.25	2.75	6.50	14.00	812		
277	Nguyễn Bá Phước	Hải	30/07/96	30997	A1	2	4.25	4.00	5.25	14.00	2079		
278	Phan Thị	Thảo	10/09/96	29129	A1	2NT	4.25	4.25	4.50	14.00	11726		
279	Phan Ngọc Khánh	Trang	23/07/96	74891	D1	2	4.00	3.00	6.25	14.00	88		
280	Trần Thị Thu	Nguyên	29/12/95	75630	D1	2	4.25	4.00	5.00	14.00	104		
281	Trương Văn	Hùng	13/11/94	75067	D1	2NT	4.50	4.50	4.00	14.00	1248		
282	Nguyễn Hữu Hoàng	Minh	13/05/96	74712	D1	2	4.00	4.50	5.00	14.00	1336		
283	Hoàng Thị Mỹ	Châu	02/09/95	74537	D1	1	5.25	3.25	4.00	14.00	1472		
284	Phan Thị	Uyên	25/02/96	73872	D1	1	5.00	3.50	4.00	14.00	1686		
285	Lê Thị	Hàng	02/03/96	73429	D1	2NT	5.75	3.00	4.25	14.00	2047		
286	Phạm Trần ái	Vân	18/08/96	37386	D1	2	5.75	4.00	3.50	14.00	12540		
287	Nguyễn Thị Pha	My	26/12/95	75792	D1	2NT	4.00	5.00	4.00	14.00	12780		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
288	Trương Thị	Ngọc	22/04/95	71027	D1	2	5.00	4.25	4.25	14.00	10047		
289	Hồ Thùy	Uyên	18/06/96	12477	A	2	4.25	5.50	3.25	13.50	306		
290	Trương Văn	Phước	30/12/96	13120	A	2NT	4.00	4.50	3.75	13.50	627		
291	Nguyễn Phúc Phước	Thành	30/04/96	12330	A	2	4.50	5.25	3.00	13.50	704		
292	Cao Văn	Tuân	20/02/96	13361	A	2	3.25	5.00	4.50	13.50	1078		
293	Huỳnh Tôn Nữ Hạnh	Thảo	27/09/96	16609	A	2	5.50	2.75	4.50	13.50	1540		
294	Ngô Viết Phương	Đông	16/01/96	13926	A	2	5.50	3.50	4.00	13.50	1625		
295	Nguyễn Thị Phước	Yên	15/01/96	18847	A	1 06	4.00	3.75	3.00	13.50	11342		
296	Lê Thị Thu	Huyền	06/09/96	20426	A	1	4.25	3.75	4.00	13.50	11634		
297	Trần Thụy Tâm	Thanh	25/07/95	12325	A	2	5.00	3.75	4.25	13.50	2640		
298	Hoàng Văn	Hiếu	24/08/93	13662	A	2NT	3.50	3.50	5.50	13.50	12945		
299	Nguyễn Đình	Đông	04/01/96	499	A	1	4.25	4.25	3.50	13.50	3089		
300	Võ Văn	Minh	02/11/95	18368	A	2NT	4.25	3.75	4.25	13.50	3515		
301	Nguyễn Đức	Vinh	13/01/95	28741	A1	2	5.50	2.50	5.00	13.50	312		
302	Nguyễn Hoàng	Phượng	19/01/96	29838	A1	2	4.75	4.25	4.00	13.50	893		
303	Võ Đình	Nguyễn	05/04/96	28396	A1	2	3.50	4.50	5.00	13.50	1358		
304	Ngô Thanh Trí	Hoàng	08/12/96	29291	A1	2	5.50	3.25	4.25	13.50	1395		
305	Đỗ Thị Kim	Thái	01/03/96	31167	A1	2NT	3.25	4.50	4.50	13.50	1699		
306	Nguyễn Thị Hiếu	Giang	08/05/95	28137	A1	1	3.50	3.75	4.75	13.50	12489		
307	Lê Nhật	Tuấn	15/12/96	28708	A1	2	4.00	5.50	3.50	13.50	3242		
308	Nguyễn Hữu Đức	Huy	04/06/96	31022	A1	2	5.25	4.75	3.00	13.50	3627		
309	Ngô Kiều	Loan	11/09/95	74693	D1	2	4.00	3.50	5.25	13.50	439		
310	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	27/09/96	76060	D1	2	4.75	3.50	4.50	13.50	810		
311	Cao Thị Thùy	Trâm	05/09/96	75264	D1	2	5.50	4.50	3.00	13.50	1490		
312	Lê Thị Kiều	Oanh	16/11/96	73295	D1	2	6.00	2.50	4.50	13.50	1670		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
313	Võ Thị Diệu	Diệu	19/07/95	73378	D1	2	4.00	3.50	5.25	13.50	11692		
314	Nguyễn Thị Diệu	Hà	07/04/95	69365	D1	2	3.25	4.75	5.00	13.50	10014		
315	Trương Thị Phương	Thảo	21/10/96	12347	A	2	4.75	4.75	3.00	13.00	340		
316	Nguyễn Quang	Khải	01/10/96	12041	A	2	3.75	6.00	2.75	13.00	372		03/09/14
317	Ngô Văn Tiến	Tiến	15/09/94	19934	A	2	3.00	3.00	6.50	13.00	806		
318	Đỗ Ngọc Phan	Anh	29/10/96	12530	A	2NT	5.25	2.75	4.00	13.00	904		
319	Trần Thiện	Quốc	09/04/96	19803	A	2NT	4.50	4.50	2.75	13.00	1096		
320	Nguyễn Quốc	Bảo	16/09/96	19368	A	1 01	1.25	3.50	4.50	13.00	1437		
321	Nguyễn Văn	Tùng	15/03/96	14765	A	1	3.75	3.25	4.50	13.00	1493		
322	Phan Anh	Quang	15/11/95	19796	A	1	2.00	5.25	4.25	13.00	1608		
323	Nguyễn Thị Tú	Anh	01/10/96	18630	A	2NT	3.75	3.50	4.50	13.00	2359		
324	Nguyễn Phi	Tây	01/10/96	19856	A	1	2.75	4.25	4.25	13.00	11982		
325	Bùi Như	Tài	25/11/96	2600	A	2NT	2.50	5.00	4.50	13.00	2564		
326	Phan Thị Ngọc	Anh	19/09/95	11462	A	2	4.25	2.50	5.50	13.00	2587		
327	Lê Thanh	Tùng	27/07/96	14486	A	1	4.75	3.50	3.25	13.00	12665		
328	Lê Văn	Anh	15/03/95	13799	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	3021		
329	Phan Thị Kim	Ngân	29/04/96	12991	A	2 06	3.50	4.75	3.00	13.00	3475		
330	Trần Thị Bảo	Nhi	23/04/95	24723	A	2NT	3.50	4.00	4.50	13.00	13522		
331	Trần Thị Trà	My	03/12/96	26843	A1	2	4.00	2.50	6.00	13.00	85		
332	Hoàng Thục	Nhi	21/12/96	28416	A1	2	5.25	2.50	4.75	13.00	164		
333	Hoàng Công	Trí	04/09/96	26567	A1	2NT	3.25	4.25	4.50	13.00	537		
334	Lê Phước Bích	Thuận	03/04/95	29346	A1	2	4.00	3.25	5.25	13.00	1342		
335	Trần Minh	Ngọc	06/03/96	9090	A1	2NT	3.50	3.75	4.75	13.00	2365		
336	Nguyễn Trương Ngọc	Châu	02/01/96	74538	D1	2	3.75	4.00	4.75	13.00	207		
337	Nguyễn Thị	Huệ	05/03/96	75537	D1	1	3.25	3.00	5.00	13.00	686		

(DHK.D620114) - Ngành: Kinh doanh nông nghiệp. Điểm sàn nộp hồ sơ A, A1: 13,0; D1, 2, 3, 4: 13,0 Chỉ tiêu: 49

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
338	Phan Thị Quỳnh	Chi	25/11/95	74545	D1	2	4.75	3.50	4.25	13.00	1256		
339	Lê Giáng	Hương	17/04/96	1722	D1	2	3.00	3.50	6.00	13.00	11244		
340	Hồ Thị	Hồng	14/08/94	74642	D1	2NT	3.00	3.50	5.50	13.00	13398		

(DHK.D620115) - Ngành: Kinh tế nông nghiệp. Điểm sàn nộp hồ sơ A, A1: 13,0; D1, 2, 3, 4: 13,0 Chỉ tiêu: 118

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Ngô Thị Hồng	Yến	08/07/94	3290	A	2NT	8.25	7.00	7.50	24.00	3568		
2	Lê Mạnh	Hùng	13/01/96	820	A	2NT	8.00	7.00	7.50	23.50	3603		
3	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/07/95	25385	A	2NT	6.50	6.50	7.50	21.50	12618		
4	Lê Thanh	Son	10/08/95	1399	A	2NT	6.25	6.50	6.50	20.50	11880		
5	Châu Quốc	Toàn	01/05/95	7133	A	1	6.00	5.50	7.25	20.50	13176		
6	Lê Thị Đoan	Trinh	14/03/96	1475	A1	2	5.75	6.50	7.75	20.50	1733		
7	Hồ Thị	Tâm	23/07/96	1759	A	2	7.50	5.50	6.25	20.00	1722		
8	Từ Thị Tuyết	Trinh	14/01/96	20484	A1	2	7.25	5.00	7.00	20.00	12938		
9	Trần Thị Thu	Hà	08/12/96	8664	A1	1	6.25	6.25	6.00	20.00	3050		
10	Nguyễn Anh	Hùng	10/03/96	21300	D1	2	7.50	6.75	5.00	20.00	1175		
11	Lê Văn	Việt	23/04/96	2955	A	2	5.75	6.25	6.75	19.50	1155		
12	Nguyễn Thế	Anh	27/11/96	86	A	2NT	5.75	6.50	6.25	19.50	1369		
13	Trần Phương	Thảo	22/01/96	20742	A	2	6.50	6.50	5.75	19.50	1652		
14	Văn Thị Thu	Thảo	19/10/95	6369	A	1	7.00	6.00	5.00	19.50	2149		
15	Trương Thị Hải	Yến	24/04/96	20913	A	2	6.75	6.25	6.00	19.50	2854		
16	Nguyễn Văn Hải	Long	20/08/96	3042	A	2NT	5.25	6.75	6.50	19.50	12687		
17	Đặng Thị Hòa	Trang	23/04/95	979	A	3	6.75	6.50	6.00	19.50	13170		
18	Nguyễn Thị Ngọc	Hoàng	02/01/95	1346	A	1	6.00	5.50	6.25	19.50	3362		
19	Trương Thị Thu	Hương	02/09/95	20463	A	1	5.50	5.50	6.75	19.50	12250		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
20	Nguyễn Ngọc	Tuấn	02/10/95	3777	A	1	6.75	4.50	6.50	19.50	12351		
21	Nguyễn Ngọc	Tú	17/12/96	4343	A	1	6.00	5.50	6.25	19.50	13452		
22	Hoàng Đình	Luân	19/05/95	2142	A	2NT	5.50	5.50	7.00	19.00	11173		
23	Nguyễn Việt	Tư	15/12/96	1084	A	2	5.50	6.25	6.50	19.00	2989		
24	Nguyễn Đình Ngọc	Khải	17/03/96	3396	A	1	4.50	6.25	6.50	19.00	3166		
25	Lê Thị	Lan	19/07/95	3586	A	2NT	7.25	6.00	4.75	19.00	13169		
26	Nguyễn Văn	Hoàng	02/05/96	1397	A	1	4.50	6.50	6.50	19.00	3376		
27	Phan Bội	Chinh	29/11/96	339	A	2	6.75	5.75	5.75	19.00	3695		
28	Đình Đức	Thành	15/03/96	4625	A1	2	6.50	4.75	7.00	19.00	2734		
29	Nguyễn Tố	Uyên	18/12/95	26209	A	2	4.75	6.25	6.75	18.50	591		
30	Đặng Ngọc	Hòa	14/12/94	15302	A	1	5.75	5.50	5.50	18.50	1084		
31	Võ Đình	Huy	02/09/96	2096	A	2NT	6.25	5.50	5.75	18.50	1400		
32	Trần Tiến	Việt	14/12/95	2637	A	2	7.50	6.25	4.25	18.50	11160		
33	Trần Ngọc Anh	Huy	13/11/96	15384	A	3	6.25	5.50	6.50	18.50	11301		
34	Nguyễn Tùng	Dương	26/01/96	14654	A	2	7.00	6.25	4.75	18.50	11392		
35	Hoàng Văn	Minh	20/12/96	20542	A	2	8.00	2.25	7.50	18.50	2712		
36	Lê Thị	Hằng	08/04/96	21148	A	2NT	6.25	5.50	5.75	18.50	2976		
37	Phạm Xuân	Long	01/01/96	1810	A	2	7.25	6.75	4.00	18.50	3104		
38	Lý Văn	Lộc	10/03/95	3939	A	1	4.25	6.75	5.75	18.50	13133		
39	Trình Thị Kim	Anh	02/08/95	726	A	1	5.50	6.25	5.00	18.50	13151		
40	Nguyễn Thị Tường	Vy	01/11/96	8287	A	1	6.50	5.75	4.75	18.50	13168		
41	Trần Thị	Hà	16/12/95	21136	A	1	6.00	6.50	4.25	18.50	12262		
42	Lê Thị Minh	Thư	28/04/96	21568	A	2	6.00	5.00	6.75	18.50	3675		
43	Huỳnh á	Tiên	29/06/96	21578	A	2	6.00	5.50	6.25	18.50	3591		
44	Trịnh Thị Nhật	Linh	14/07/96	30818	A1	2NT	5.75	5.25	6.50	18.50	1011		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
45	Nguyễn Công Quốc	Hung	25/01/96	1275	A1	2	6.00	4.00	8.00	18.50	1596		
46	Trần Thị	Mến	19/05/96	20342	A1	2NT	5.25	5.00	7.25	18.50	11864		
47	Nguyễn Thị Y	Nga	10/10/96	4609	A1	2NT	6.50	4.50	6.50	18.50	11943		
48	Nguyễn Thị Kim	Vinh	26/10/96	30926	A1	1	5.75	6.25	4.75	18.50	3484		
49	Mai Thị Hữu	Nghĩa	10/07/96	20519	A1	1	5.00	5.00	7.00	18.50	13301		
50	Lê Thị Đoan	Trang	17/05/96	9536	A1	2	4.50	6.50	7.00	18.50	3518		
51	Nguyễn Thị Đào	Nhi	15/08/96	23445	D1	2	6.25	4.50	7.00	18.50	2331		
52	Lâm Thị Phương	Lan	30/05/96	14162	A	2	7.25	5.25	5.00	18.00	429		
53	Nguyễn Phước Ngọc	Hân	04/02/96	14009	A	2	6.50	5.50	5.25	18.00	579		
54	Ngô Phương	Thảo	20/11/96	27246	A	3	7.00	5.50	5.25	18.00	681		
55	Lê Quý	Thân	27/11/96	8803	A	2	5.50	5.50	6.50	18.00	1466		
56	Trần Thị Quỳnh	Trâm	23/03/96	13336	A	2NT	6.50	5.75	4.75	18.00	1495		
57	Nguyễn Hữu	Thông	14/12/95	1853	A	2	6.00	6.25	5.25	18.00	1777		
58	Trần Văn	Hạnh	10/05/96	14956	A	1	6.00	5.25	5.25	18.00	11213		
59	Nguyễn Trung	Kiên	16/06/96	4555	A	2	4.50	7.50	5.25	18.00	1889		
60	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	09/03/95	16650	A	2	6.25	4.75	6.50	18.00	2127		
61	Phan Sỹ	Phú	17/05/96	6884	A	2	5.50	6.50	5.50	18.00	2338		
62	Vũ Đình	Thi	03/03/96	17622	A	1	6.50	5.50	4.25	18.00	11927		
63	Nguyễn Văn	Hải	21/06/95	1256	A	2	6.00	6.50	4.75	18.00	2557		
64	Phan Thị	Duyên	06/11/95	13905	A	2NT	5.25	5.25	6.50	18.00	2591		
65	Lê Thị Hoài	Nhi	18/09/96	20598	A	1	7.00	4.25	5.25	18.00	12668		
66	Phan Thị	Huyền	04/01/96	21835	A	2NT	5.00	5.50	6.25	18.00	12696		
67	Nguyễn Hữu	Thắng	05/08/96	27329	A	2NT	5.25	5.75	5.75	18.00	12909		
68	Trương Thành	Dũng	10/04/95	1503	A	3	5.75	6.50	5.75	18.00	12805		
69	Lê Thị	Thanh	15/11/96	14538	A	2	6.50	5.75	5.25	18.00	3095		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
70	Nguyễn Bá	Thành	14/07/95	8584	A	2	6.75	5.50	5.25	18.00	3459		
71	Nguyễn Thị	Thu	11/06/96	22041	A	2NT	5.00	6.75	5.25	18.00	12397		
72	Lê Bình	Phương	15/01/96	7038	A	3	6.00	4.50	7.25	18.00	13486		
73	Lê Mạnh	Cường	02/07/95	1967	A	2NT	5.50	6.75	4.75	18.00	13317		
74	Đoàn Thị Ngọc	Quỳnh	10/01/96	1428	A	2NT	6.50	5.00	5.50	18.00	13358		
75	Hoàng Kim	Phát	01/01/96	6699	A	2	6.00	7.00	4.50	18.00	3536		
76	Nguyễn Thị	Nhi	03/01/96	14351	A	1	6.50	5.50	4.50	18.00	3581		
77	Trần Thị Kim	Ngân	17/10/96	29763	A1	2	8.00	4.50	5.00	18.00	201		
78	Nguyễn Thị Trâm	Anh	31/12/96	18966	A1	2	5.75	5.50	6.00	18.00	2244		
79	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/02/96	20247	A1	2NT	6.75	5.75	4.25	18.00	11506		
80	Trần Hoàng Ngọc	Trâm	29/12/96	21919	A1	1	4.50	6.00	6.00	18.00	2655		
81	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	08/01/96	20192	A1	2NT 06	6.00	5.25	4.75	18.00	2521		
82	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	02/01/94	29621	A1	2	5.50	4.25	7.50	18.00	12199		
83	Lương Quỳnh	Giang	16/09/96	29599	A1	2	6.25	5.75	5.50	18.00	3229		
84	Huỳnh Thị	Cẩm	22/05/96	19085	A1	1	5.25	5.25	6.00	18.00	3314		
85	Nguyễn Phương	Bảo	26/10/96	20059	A1	2	4.50	6.25	6.50	18.00	3601		
86	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/10/96	29658	A1	2	6.25	5.00	6.00	18.00	13326		
87	Hoàng Thị	Hương	20/04/96	29682	A1	1	5.00	6.75	4.75	18.00	3578		
88	Trần Như Nhật	Nam	03/10/96	41616	D1	2NT	6.75	5.75	4.25	18.00	1784		
89	Hà Thị	Thuận	12/06/96	75711	D1	2	5.75	6.00	5.50	18.00	3027		
90	Nguyễn Thị	Bé	12/06/95	10047	A	2NT	5.25	5.75	5.50	17.50	45		
91	Nguyễn Thị Phương	Anh	02/02/95	21049	A	2NT	4.75	5.25	6.50	17.50	194		
92	Mai Thị Ngọc	Huyền	14/01/96	21214	A	2	7.00	4.75	5.25	17.50	211		
93	Trần Thanh	Bằng	06/03/96	13831	A	2	6.00	5.50	5.50	17.50	621		
94	Tôn Thất	Tuấn	30/10/95	18438	A	1	4.00	6.50	5.50	17.50	1088		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
95	Hoàng Thị	Hiệp	08/04/96	15105	A	2	5.75	5.75	5.50	17.50	1141		
96	Hồ Thị	Ni	17/04/94	14421	A	2	7.00	4.25	5.50	17.50	1151		
97	Phạm Trần Anh	Thư	19/11/96	14655	A	2	6.50	5.00	5.50	17.50	1231		
98	Phạm Thị	Chi	24/08/96	13858	A	1	4.75	5.25	5.75	17.50	1571		
99	Nguyễn Thị Thùy	Trang	30/03/96	18133	A	2NT	5.50	5.50	5.50	17.50	11287		
100	Trần Quang	Thuật	29/03/96	9403	A	2	6.50	6.00	4.50	17.50	1892		
101	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Tiên	01/08/96	11161	A	2	6.50	4.50	6.00	17.50	1898		
102	Nguyễn Thị Lan	Hương	01/02/96	4175	A	2	6.75	5.50	4.75	17.50	11418		
103	Nguyễn Thị	Thuyền	10/03/94	9410	A	2NT	5.50	5.25	5.75	17.50	2005		
104	Phạm Thị Huyền	Trang	26/11/96	11182	A	2	6.00	5.50	5.50	17.50	2049		
105	Lê Thị Thúy	Hàng	21/10/96	20383	A	2	6.50	4.75	5.50	17.50	2061		
106	Nguyễn Khánh Tiến	Mẫn	03/11/96	14251	A	2NT	5.75	5.75	4.75	17.50	2287		
107	Lê Thị Diệu	Linh	19/07/96	10345	A	2	5.50	6.25	5.25	17.50	11646		
108	Nguyễn Thị Nhật	Xuân	01/01/96	14816	A	2	6.00	5.25	5.50	17.50	11562		
109	Lê Thị Hồng	Kim	07/01/96	4606	A	2NT	6.25	6.75	3.50	17.50	2305		
110	Hồ Anh	Quân	28/10/96	7384	A	2	6.50	5.50	5.00	17.50	2477		
111	Ngô Văn	Phán	10/07/95	6484	A	2NT	6.25	6.75	3.25	17.50	11951		
112	Trần Thị	Hậu	01/04/95	2776	A	2NT	6.00	5.50	4.75	17.50	12061		
113	Phùng Hữu	Hiếu	23/04/96	2915	A	2	6.00	6.25	4.75	17.50	2607		
114	Lê Thị Mỹ	Huyền	21/09/96	15438	A	2	5.50	5.25	6.00	17.50	2628		
115	Trịnh Công	Dũng	01/02/95	1652	A	2	5.00	5.00	7.00	17.50	2677		
116	Trần Thị Thanh	Nhàn	17/02/96	26647	A	2NT	5.25	5.50	5.50	17.50	2758		
117	Nguyễn Văn	Lân	04/09/96	4749	A	2NT	5.00	6.75	4.50	17.50	2876		
118	Nguyễn Văn	Tân	15/02/96	8294	A	2	6.50	5.25	5.00	17.50	2881		
119	Nguyễn Tiến	Thảo	06/09/96	14568	A	1	6.00	6.00	4.00	17.50	12537		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
120	Hoàng Thị Thanh	Bình	01/09/95	14221	A	2	6.00	5.50	5.25	17.50	12976		
121	Phạm Văn	Thảo	27/11/96	13219	A	2	6.75	5.75	4.25	17.50	2921		
122	Phạm Thị Huyền	Trang	26/11/96	11182	A	2	6.00	5.50	5.50	17.50	2971		
123	Đặng Ngọc	Bình	13/01/95	12552	A	1	5.25	6.25	4.50	17.50	3062		
124	Trần Bảo Tiến	Linh	22/10/96	21874	A	2	6.25	4.00	6.50	17.50	3103		
125	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/01/96	14566	A	1	5.75	5.50	4.75	17.50	3152		
126	Bùi Thị	Hà	26/08/96	14883	A	2NT	6.00	5.50	4.75	17.50	13181		
127	Lê Thị Phương	Hà	04/01/96	14872	A	2NT	5.00	6.00	5.50	17.50	13075		
128	Tạ Việt Anh	Quang	11/07/96	13139	A	2	5.50	6.00	5.25	17.50	3219		
129	Phan Thị Kim	Liên	28/06/95	14189	A	2	6.00	6.50	4.50	17.50	3255		
130	Nguyễn Tâm	Hiếu	09/11/95	2578	A	2	5.00	6.50	5.50	17.50	3282		
131	Nguyễn Thị Phương	Uyên	24/08/95	14782	A	2	5.75	5.50	5.50	17.50	3331		
132	Huỳnh Thị Thu	Sang	02/01/96	14512	A	2	5.50	6.00	5.50	17.50	3410		
133	Trần Văn	Dũng	15/03/95	20325	A	1	1.50	5.75	8.50	17.50	12276		
134	Trần Thị Kim	Chi	20/01/96	156	A	1	6.50	5.50	4.00	17.50	13415		
135	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	11/06/96	25049	A	2NT	5.25	6.00	5.00	17.50	3721		
136	Nguyễn Thị Lan	Hương	28/10/95	1846	A	2	5.75	4.50	6.75	17.50	3757		
137	Ngô Thị Thuý	Hàng	21/10/95	21154	A	1	4.50	5.75	5.50	17.50	13368		
138	Nguyễn Thị	Thương	27/08/96	9521	A	2NT	4.75	6.50	5.25	17.50	13376		
139	Huỳnh Thị Thu	Nga	29/08/96	29756	A1	2	5.75	5.50	5.50	17.50	147		
140	Hoàng Nhất Chi	Mai	16/03/96	20332	A1	2	5.25	5.25	6.50	17.50	864		
141	Huỳnh Thị Diễm	Ny	27/04/96	30856	A1	2	7.50	5.50	4.00	17.50	888		
142	Phan Thị Quỳnh	Như	23/06/96	26467	A1	2NT	6.00	6.00	4.50	17.50	994		
143	Trần Thị Hương	Nhi	06/06/96	29795	A1	2	5.25	5.25	6.50	17.50	1422		
144	Phan Văn	Rin	26/02/96	21145	A1	2NT	4.75	4.50	7.00	17.50	2084		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
145	Phan Nhật	Nam	23/07/96	29755	A1	2	4.25	5.50	7.00	17.50	2106		
146	Đỗ Thị Thùy	Linh	25/02/96	29716	A1	2NT	6.50	4.50	5.25	17.50	2210		
147	Nguyễn Anh	Tuấn	01/02/96	12702	A1	2	5.00	4.75	7.25	17.50	11687		
148	Đặng Văn	Phi	02/11/96	9193	A1	2	6.00	4.75	6.25	17.50	3264		
149	Trương Thị Mỹ	Trinh	20/02/96	29950	A1	2	5.00	6.00	6.00	17.50	3311		
150	Nguyễn Minh	Đức	05/06/96	26625	A1	2	5.50	5.25	6.25	17.50	3435		
151	Nguyễn Thị	Vân	25/08/96	2025	D1	2NT	4.75	5.75	6.00	17.50	11256		
152	Hoàng Sông	Câu	25/12/96	69688	D1	2	5.75	3.75	7.25	17.50	11294		
153	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/02/96	23020	D1	3	6.50	5.25	5.75	17.50	11309		
154	Đặng Thị Kim	Anh	12/04/96	75457	D1	2	6.25	4.50	6.00	17.50	11437		
155	Nguyễn Thị Vân	Giang	08/08/96	69706	D1	2	4.75	5.50	6.50	17.50	11450		
156	Cổ Minh	Lý	25/08/96	69470	D1	2NT	5.00	5.00	6.50	17.50	11469		
157	Lê Thị Thu	Thủy	23/05/96	69612	D1	2	4.75	6.50	5.50	17.50	2261		
158	Nguyễn Phương Hồng	Anh	25/08/96	22620	D1	2NT	6.75	3.75	6.00	17.50	2718		
159	Lương Thục	Anh	01/02/96	38901	D1	2	6.50	4.75	5.75	17.50	12985		
160	Phạm Thị Quỳnh	Vân	14/05/96	75298	D1	2NT	5.75	4.25	6.50	17.50	2910		
161	Trần Trung	Kiên	21/09/96	28814	D1	1	6.50	5.75	3.50	17.50	13514		
162	Hoàng Đức	Thọ	30/07/96	7663	D3	2	6.00	5.75	5.00	17.50	13339		
163	Phan Thị ý	Nhi	18/02/95	21387	A	2	5.75	5.50	5.25	17.00	432		
164	Lê Thị	Duyên	02/02/96	13900	A	2	5.50	5.50	5.50	17.00	472		
165	Trương Như	Hà	12/12/96	13960	A	2	6.00	5.50	4.75	17.00	609		
166	Lê Mạnh	Hùng	06/11/96	10289	A	2NT	5.25	6.25	4.50	17.00	785		
167	Nguyễn Văn Phong	Lưu	10/11/96	21301	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	1405		
168	Đặng Thị Thu	Hà	15/06/96	21774	A	2	4.00	6.50	6.00	17.00	1556		
169	Mai Thị Mỹ	Lệ	01/01/95	14180	A	1	5.00	5.75	4.50	17.00	1568		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
170	Nguyễn Thị Thương	Thương	20/08/96	14662	A	2	6.50	5.75	4.25	17.00	1581		
171	Hoàng Thanh	Nhân	24/09/96	11047	A	2NT	5.50	5.50	4.75	17.00	1614		
172	Nguyễn Thị	Yến	06/07/96	18854	A	3	6.25	5.50	5.25	17.00	1924		
173	Mai Thị Cẩm	Tuyền	01/03/96	13384	A	1	5.00	6.50	4.00	17.00	1965		
174	Nguyễn Minh	Bản	29/10/96	345	A	2	4.75	6.25	5.50	17.00	11374		
175	Trần Thụy Ngọc	Châu	23/11/96	25155	A	3	7.00	3.25	6.50	17.00	11482		
176	Phạm Gia Tuấn	Anh	05/09/91	13809	A	2	4.50	6.75	5.00	17.00	2081		
177	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Tiên	14/06/96	22064	A	2	5.00	5.00	6.25	17.00	2209		
178	Trần Dương	Tiến	15/06/96	6947	A	2	5.00	5.75	5.75	17.00	2245		
179	Nguyễn Thuận	Luân	10/07/95	2143	A	2NT	5.50	6.25	4.25	17.00	11754		
180	Ngô Thị Mai	Xuân	14/02/96	9085	A	3	6.25	6.25	4.25	17.00	11517		
181	Phạm Thị Tuyết	Mai	01/01/96	11001	A	2	6.00	4.75	5.50	17.00	2398		
182	Trương Đình	Bổn	12/04/96	10055	A	1	5.00	6.00	4.50	17.00	2483		
183	Nguyễn Thị	Hoa	10/08/95	20405	A	1	5.75	5.50	4.25	17.00	11924		
184	Hoàng Thị Kiều	Diễm	24/03/96	20310	A	2	5.75	4.75	6.00	17.00	10023		
185	Nguyễn Thị Nhật	Mai	10/04/96	26353	A	1	5.50	5.50	4.25	17.00	2617		
186	Hồ Nguyễn Bảo	Nhi	22/08/96	1074	A	2	5.00	6.25	5.00	17.00	2633		
187	Bùi Thị Thu	Hiền	16/04/95	20393	A	1	5.25	3.25	7.00	17.00	2880		
188	Phạm Thị	Lý	10/02/96	2847	A	1	6.00	5.00	4.25	17.00	12529		
189	Nguyễn Ngọc	Thiện	25/09/96	9093	A	2NT	6.50	5.00	4.50	17.00	12814		
190	Nguyễn Xuân	Tự	20/12/96	3926	A	2	6.25	5.50	4.75	17.00	2985		
191	Phan Khánh	Huyền	25/12/95	14105	A	1	3.75	6.25	5.50	17.00	3015		
192	Hồ Thị Kim	Ngân	14/02/95	14284	A	2	6.00	5.50	4.75	17.00	3042		
193	Trần Đạo	Trí	02/11/93	14739	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	3208		
194	Phan Thị Thúy	Như	30/05/96	14418	A	2	6.50	5.50	4.50	17.00	12245		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
195	Trần Trọng	Tú	26/07/96	11009	A	2	6.75	4.50	5.00	17.00	3736		
196	Hoàng Thị Tú	Uyên	01/05/96	10777	A	2NT	6.00	6.50	3.50	17.00	3745		
197	Lường Thị	Khánh	09/06/96	4319	A	2NT	6.75	4.50	4.75	17.00	13329		
198	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	27/04/96	21354	A	2NT	5.50	4.50	5.75	17.00	3504		
199	Phan Minh	Hoà	23/11/95	12743	A	2	6.50	6.50	3.50	17.00	3507		
200	Đoàn Hoài	Nam	05/12/96	16302	A	2NT	5.75	5.50	4.50	17.00	3510		
201	Lê Thị	Hằng	20/02/95	13991	A	2	5.75	4.75	5.75	17.00	3584		
202	Nguyễn Mai	Linh	09/09/96	20199	A1	2	6.25	5.50	4.50	17.00	765		
203	Nguyễn Lê Thục	Hiền	22/05/96	14348	A1	1	5.25	3.75	6.25	17.00	807		
204	Văn Thị Thùy	Dung	18/10/96	29584	A1	1	3.75	3.00	8.50	17.00	859		
205	Lê Thị Quỳnh	Như	02/12/96	29808	A1	2NT	5.50	5.75	4.50	17.00	1190		
206	Hồ Thị Trà	Mi	08/09/96	29739	A1	2	5.75	5.75	5.00	17.00	1531		
207	Nguyễn Thị ánh	Triết	22/03/96	2652	A1	2NT	6.50	4.00	5.25	17.00	11190		
208	Đào Hữu	Phước	03/09/96	29083	A1	2	4.00	6.00	6.25	17.00	1870		
209	Trần Quang	Quang	24/06/96	12494	A1	2	5.50	6.00	4.75	17.00	1905		
210	Nguyễn Trần Thùy	Trang	01/05/96	21810	A1	2	5.50	5.75	5.00	17.00	11396		
211	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	01/03/96	12696	A1	2NT	6.25	6.50	3.00	17.00	11479		
212	Nguyễn Đình	Thọ	06/09/96	29144	A1	2	5.75	4.25	6.50	17.00	2010		
213	Huỳnh Thị Anh	Thi	18/02/96	29885	A1	1	5.25	4.75	5.50	17.00	2268		
214	Nguyễn Thị Kiều	Trang	20/08/96	21860	A1	1	4.75	5.50	5.00	17.00	11603		
215	Lê Thị Thu	Huyền	21/07/95	28533	A1	2	3.75	6.50	6.00	17.00	2304		
216	Lê Thị Mỹ	Nha	23/08/96	20655	A1	2	5.75	4.50	6.00	17.00	10034		
217	Võ Hoàng Ngọc	Châu	13/07/96	30521	A1	2	6.50	6.25	3.75	17.00	2782		
218	Đặng Thị Kim	Yến	11/08/96	30931	A1	2	5.75	6.50	4.25	17.00	2858		
219	Lê Hoàng Trung	Nhân	17/03/96	12402	A1	2	5.75	5.50	5.00	17.00	2887		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
220	Trương Thế Khánh	Phú	17/01/95	26693	A1	2	6.25	5.75	4.25	17.00	2898		
221	Nguyễn Thị Nhật	Oanh	02/04/96	26692	A1	2	4.00	6.50	5.75	17.00	2597		
222	Võ Thị Diệu	Minh	28/07/95	6707	A1	2	5.50	5.50	5.50	17.00	12150		
223	Nguyễn Bảo	Ngọc	01/02/96	3457	A1	1	6.00	4.75	4.50	17.00	3127		
224	Đặng Thị Hoài	Thương	29/02/96	29911	A1	2	6.50	5.75	4.00	17.00	3333		
225	Trần Thị Tuyết	Nhung	07/03/96	29803	A1	2	6.00	5.50	5.00	17.00	3379		
226	Hoàng Ngọc	Hải	25/05/96	3038	A1	1	3.25	4.25	7.75	17.00	13287		
227	Lê Thị	Thảo	15/03/96	4456	A1	2NT	5.00	5.50	5.25	17.00	13378		
228	Lê Thị Thảo	Trang	04/03/95	76834	D1	2	5.25	4.50	6.50	17.00	139		
229	Bùi Thị	Diệp	03/08/94	75478	D1	1	4.50	5.00	6.00	17.00	731		
230	Phạm Thị Mỹ	Nhung	03/10/96	76573	D1	1	5.25	3.00	7.00	17.00	1092		
231	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	09/03/96	69360	D1	2	4.75	6.50	5.25	17.00	1185		
232	Lâm Khánh	Trần	16/02/96	44375	D1	3 06	6.75	4.50	4.50	17.00	2285		
233	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18/08/96	3802	D1	2NT	6.00	3.50	6.50	17.00	11612		
234	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	28/06/96	41646	D1	1	4.75	3.25	7.25	17.00	11892		
235	Phạm Thị Hà	Giang	20/01/96	69707	D1	2NT	4.50	6.00	5.50	17.00	11983		
236	Nguyễn Tùng	Lâm	13/11/96	23148	D1	2	5.50	7.00	3.75	17.00	12622		
237	Trần Thị Diệu	Hồng	19/09/95	40438	D1	1	6.25	5.00	4.00	17.00	12490		
238	Võ Hồng	Ngọc	21/03/96	76513	D1	2NT	6.00	3.50	6.50	17.00	12830		
239	Phan Thị Hồng	Nhung	17/07/95	42217	D1	2	4.25	6.50	5.50	17.00	13065		
240	Lê Quang	Minh	14/08/96	70980	D1	2	6.00	5.50	5.00	17.00	3321		
241	Nguyễn Thanh	Phước	09/07/96	14471	A	2	6.00	5.00	4.75	16.50	66		
242	Hoàng Thị	Phương	17/03/95	14447	A	2NT	5.25	5.00	5.25	16.50	68		
243	Lê Văn	Chương	24/06/96	16114	A	2	5.75	5.50	4.50	16.50	135		
244	Hồ Thị Phương	Oanh	08/01/96	14428	A	1	3.75	5.50	5.50	16.50	375		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
245	Lê Thị Hảo	Ly	18/06/96	14236	A	2	6.00	5.25	4.50	16.50	516		
246	Nguyễn Hoàng Anh	Phụng	19/05/96	14440	A	2	7.00	5.00	4.00	16.50	519		
247	Trần Phúc	Huy	10/12/96	20433	A	2	6.25	6.00	3.50	16.50	558		
248	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/09/96	16204	A	2	5.25	4.25	6.50	16.50	701		
249	Hồ Thị Thanh	Nhàn	12/01/96	16467	A	2NT	5.50	5.50	4.25	16.50	1139		
250	Hoàng Thị Thanh	Thắm	02/03/96	14580	A	2NT	5.75	4.75	4.75	16.50	1160		
251	Phan Thị Thuỷ	Tiên	28/09/96	21580	A	2	7.00	4.50	4.50	16.50	1203		
252	Cái Lê Hoàng	Uy	23/01/95	28037	A	1	5.25	5.00	4.50	16.50	1216		
253	Phan Thị	Quý	03/02/96	14506	A	1	5.00	4.25	5.50	16.50	1217		
254	Ngô Thị Thu	Nga	24/07/96	22452	A	1	6.50	4.50	4.00	16.50	1302		
255	Từ Đức	Huy	04/01/96	822	A	2NT	5.75	5.50	4.25	16.50	1485		
256	Lê Văn	Cảm	05/02/96	655	A	2	5.50	6.00	4.50	16.50	1543		
257	Lê Văn	Thảo	25/08/96	8712	A	2	6.25	4.50	5.25	16.50	1665		
258	Hoàng Đức	Anh	05/05/96	12513	A	2	6.00	6.25	3.50	16.50	1752		
259	Trần Thị Hoài	Thương	05/03/95	1454	A	2	4.75	5.75	5.50	16.50	11063		
260	Bùi Vũ	Hoàng	26/02/96	13373	A	2NT	4.25	5.50	5.75	16.50	11104		
261	Nguyễn Văn	Thường	02/01/95	3756	A	1	4.75	5.50	4.50	16.50	11117		
262	Lê Thị Mỹ	Hạnh	07/02/96	13980	A	2	5.75	4.00	6.25	16.50	1846		
263	Văn Thị Quỳnh	Hương	01/04/96	12833	A	2	5.75	5.50	4.50	16.50	1885		
264	Huỳnh Bá Hải	Triều	08/04/96	10134	A	3	6.50	4.50	5.50	16.50	1985		
265	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	20/12/96	14754	A	2	5.25	6.00	4.50	16.50	11366		
266	Lê Phương	Thùy	09/11/96	17803	A	2	5.50	6.00	4.25	16.50	2093		
267	Trần Hữu	Nghĩa	19/05/96	5966	A	2	5.75	4.50	5.50	16.50	2100		
268	Trần Hoàng	Nam	18/01/96	10412	A	2NT	6.00	6.50	3.00	16.50	2111		
269	Lê Phước	Phú	08/01/96	720	A	2	5.25	6.00	4.50	16.50	2162		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
270	Nguyễn Minh	Hiếu	23/10/96	16272	A	2	4.25	5.50	6.25	16.50	2166		
271	Nguyễn Thị	Ngân	02/02/96	21923	A	2NT	5.50	5.50	4.50	16.50	11747		
272	Trần Đình	Đạo	03/12/96	1767	A	2NT	3.75	6.25	5.25	16.50	11758		
273	Đoàn Thị	Yến	18/04/96	14832	A	2NT	6.25	4.50	4.50	16.50	11543		
274	Trần Văn	Đa	20/05/96	1710	A	2	5.00	5.25	5.50	16.50	2313		
275	Trương Văn	Hiếu	14/01/96	12732	A	2	5.25	5.50	5.25	16.50	2317		
276	Phạm Thị Tuyết	Mây	01/01/96	12951	A	1	4.75	5.75	4.50	16.50	2336		
277	Phạm Quốc	Duy	29/04/96	14540	A	1	4.75	5.75	4.50	16.50	11882		
278	Cao Đình Như	Hà	29/07/96	2414	A	2	6.50	4.75	4.75	16.50	11998		
279	Lê Hữu	Lưu	12/06/96	21889	A	1	5.75	5.00	4.25	16.50	10020		
280	Ca Thái Quốc	Bảo	17/11/96	413	A	2	6.00	6.25	3.75	16.50	12051		
281	Nguyễn Thị	Hoài	03/07/96	10228	A	2NT	6.00	5.00	4.50	16.50	2646		
282	Đặng Phước Phú	Hoà	20/07/96	3228	A	1	5.25	4.50	5.25	16.50	2675		
283	Nguyễn Thị Hoài	Linh	03/06/96	3839	A	2	5.25	5.25	5.50	16.50	2681		
284	Lê Thị Kim	Ngân	26/06/96	26515	A	2NT	4.75	5.00	5.50	16.50	2869		
285	Phạm Thị Thu	Thảo	05/10/96	16615	A	2NT	6.00	3.50	5.75	16.50	2539		
286	Trương Thị Kim	Tiến	17/01/96	17986	A	2NT	5.00	5.50	4.75	16.50	12526		
287	Lâm Thị Huyền	Trâm	20/10/96	11188	A	1	5.50	4.75	4.50	16.50	12553		
288	Nguyễn Chí	Tiến	19/10/96	10706	A	2	4.50	6.00	5.25	16.50	12591		
289	Phan Thị Mỹ	Trang	03/08/96	10726	A	1	6.25	4.00	4.50	16.50	12688		
290	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	12/11/94	16469	A	2	6.00	4.75	5.00	16.50	2933		
291	Nguyễn Thị Như	ý	20/02/95	22154	A	2	7.00	4.00	5.00	16.50	2974		
292	Tôn Thất Thiện	Phúc	11/03/92	25772	A	2	4.50	5.75	5.50	16.50	3033		
293	Nguyễn Duy	Phong	20/07/96	6830	A	1	5.50	4.75	4.50	16.50	3060		
294	Phan Thị Thuỳ	Linh	20/02/96	22429	A	2NT	5.25	5.25	4.75	16.50	13120		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
295	Trương Quang	Vũ	28/04/96	11229	A	2	5.25	5.00	5.50	16.50	13126		
296	Nguyễn Ngọc	ánh	15/07/95	12536	A	1	5.25	6.50	3.00	16.50	3204		
297	Nguyễn Hữu Hoàng	Phong	21/11/96	6796	A	1	4.75	5.50	4.75	16.50	3240		
298	Đông Hữu Hoàng	Chung	04/10/96	1170	A	2NT	6.50	4.50	4.50	16.50	3273		
299	Nguyễn Nhật	Thành	12/03/96	3361	A	1	5.50	4.75	4.50	16.50	3385		
300	Đình Xuân	Hưng	30/09/94	14118	A	1	6.75	2.50	5.75	16.50	13234		
301	Nguyễn Thị Thanh	Vân	30/08/96	30924	A1	2NT	2.75	5.75	6.75	16.50	281		
302	Trần Thị Bảo	Ngân	26/12/96	29762	A1	2	6.00	5.25	4.75	16.50	1326		
303	Thân Thị Kim	Chung	15/01/96	29575	A1	2NT	5.50	4.25	5.50	16.50	1329		
304	Lê Thị	Xoàng	08/06/96	29971	A1	2	5.25	6.00	4.75	16.50	1364		
305	Dương Thảo	Hân	30/11/96	5845	A1	3	5.75	4.75	6.00	16.50	11035		
306	Ngô Thị	Thúy	14/11/96	4252	A1	2	6.00	5.00	4.75	16.50	11082		
307	Trương Thị Ngọc	Huyền	01/03/96	19868	A1	2	5.25	4.00	6.50	16.50	11083		
308	Võ Thị Phương	Duyên	10/04/96	6397	A1	1	4.25	3.50	7.00	16.50	11226		
309	Hồ Thị Diễm	Thúy	17/11/96	29152	A1	2	5.75	4.25	6.00	16.50	2066		
310	Lê Uyên	Phương	31/07/96	20975	A1	3	5.50	5.50	5.50	16.50	12055		
311	Đình Phương	Tâm	12/09/96	28825	A1	2NT	4.75	6.50	4.25	16.50	12416		
312	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	04/09/96	3500	A1	1	6.50	5.50	2.75	16.50	12435		
313	Bùi Thị Thùy	Dung	19/12/96	26315	A1	2NT	5.50	3.25	6.50	16.50	12849		
314	Huỳnh Thị Thuỷ	Tiên	17/12/95	29177	A1	2	5.25	5.00	5.50	16.50	3117		
315	Lê Hoàng	Vị	30/04/95	22263	A1	2NT	4.75	6.25	4.25	16.50	12316		
316	Đỗ Thị	Diễm	28/04/96	23289	A1	1	4.00	5.75	5.00	16.50	13455		
317	Nguyễn Thị Thu	Hà	16/08/95	19493	A1	2NT	4.50	3.50	7.25	16.50	13508		
318	Trần Thị Mỹ	Trinh	09/04/96	75752	D1	2 06	3.75	4.50	6.50	16.50	247		
319	Phạm Thị	Liên	02/08/95	75566	D1	1	6.00	4.50	4.25	16.50	711		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
320	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/09/96	76932	D1	2	5.00	3.50	7.50	16.50	935		
321	Trương Văn Quốc	Anh	03/04/95	74954	D1	2	6.00	4.00	5.75	16.50	1735		
322	Phan Thị Thủy	Tiên	19/08/96	71240	D1	2NT	5.25	4.25	6.00	16.50	1930		
323	Hồ Thị Thái	Vy	10/02/96	37392	D1	1	5.50	3.00	6.50	16.50	11444		
324	Lê Thị	Chi	20/06/95	71568	D1	1	5.00	3.50	6.25	16.50	2498		
325	Trần Dương Hoài	Phương	05/04/96	74217	D1	2	6.50	3.75	5.50	16.50	2638		
326	Lê Thanh Nhã	Trúc	23/10/92	75753	D1	2	5.50	3.75	6.50	16.50	3057		
327	Hồ Thị Phương	Anh	23/07/96	70693	D1	2	4.75	5.00	6.25	16.50	3164		
328	Đặng Thị Huyền	Trang	16/07/96	22827	D1	2	6.50	3.75	5.50	16.50	13082		
329	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/01/96	9650	D1	1	5.50	3.50	6.00	16.50	12208		
330	Đoàn ánh	Phương	24/08/96	23531	D1	1	6.00	3.75	5.25	16.50	12268		
331	Trần Xuân	Hoàng	16/03/96	12764	A	2	7.00	5.50	2.75	16.00	176		
332	Trần Thị	Phượng	23/10/95	14478	A	2	5.00	6.25	4.25	16.00	458		
333	Trần Văn	Luyện	22/09/95	12933	A	1	6.00	5.00	3.50	16.00	493		
334	Nguyễn Thị Thuý	Giang	16/09/96	14863	A	2	4.50	5.25	5.75	16.00	525		
335	Trương Bá	Thiện	03/11/96	13246	A	1	4.00	5.75	4.50	16.00	753		
336	Trần Quốc Khánh	Huy	30/09/96	12790	A	2	5.50	5.50	4.50	16.00	775		
337	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	05/10/95	13806	A	2	5.75	5.50	4.25	16.00	919		
338	Nguyễn Quốc	Mẫn	17/08/96	5495	A	2	3.50	6.50	5.25	16.00	960		
339	Phạm Thị	Thúy	13/03/95	14641	A	2	5.50	3.50	6.50	16.00	1000		
340	Lê Văn	Chánh	20/10/95	712	A	1	4.00	5.50	4.75	16.00	1090		
341	Hồ Văn	Anh	30/07/95	13793	A	2	5.00	5.25	5.00	16.00	1195		
342	Trần Văn Bảo	Quốc	25/02/96	14487	A	2NT	4.00	5.50	5.25	16.00	1223		
343	Trương Đại	Đồng	30/08/96	12637	A	2	6.00	4.50	5.00	16.00	1298		
344	Trương Đại	Đồng	30/08/96	12637	A	2	6.00	4.50	5.00	16.00	1299		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
345	Nguyễn Ngọc	Thịnh	01/05/96	13247	A	2NT	5.75	5.00	4.00	16.00	1509		
346	Nguyễn Đình Sơn	Cát	27/10/96	10057	A	1	6.00	5.00	3.50	16.00	1589		
347	Ngô Hữu	Tuấn	22/02/96	13375	A	2	5.00	5.50	4.75	16.00	1633		04/09/14
348	Trần Hoàng	Kiệt	01/01/96	4585	A	2	4.25	4.50	6.50	16.00	1659		
349	Phạm	Duy	12/08/96	1410	A	2NT	4.50	5.50	4.75	16.00	1671		
350	Phan Thị Ngọc	Anh	03/11/96	16072	A	2	7.00	4.25	4.00	16.00	1684		
351	Cao Thị	Thảo	20/07/96	20728	A	2	4.75	4.50	6.25	16.00	1732		
352	Nguyễn Thị Phương	Liên	19/05/96	4629	A	2	6.25	4.75	4.50	16.00	11195		
353	Trần Thị Thủy	Tiên	02/09/95	1843	A	1	5.00	5.50	4.00	16.00	11228		
354	Trần Thị Quỳnh	Uyên	01/01/96	18601	A	2	5.25	4.25	5.75	16.00	11233		
355	Thái Thị Kim	Yến	02/07/95	2296	A	2NT	5.50	5.00	4.25	16.00	11261		
356	Lê Phương	Thục	21/03/96	14652	A	2 06	5.50	4.25	4.50	16.00	1802		
357	Nguyễn Thị Anh	Trang	24/03/95	21592	A	2	6.00	5.00	4.50	16.00	1934		
358	Đỗ Thị	Phượng	15/05/96	9559	A	2NT	5.25	4.75	5.00	16.00	11330		
359	Nguyễn Thị Tú	Anh	09/04/96	123	A	2	6.25	5.00	4.25	16.00	11416		
360	Hoàng Thị Huyền	Vân	11/12/95	11213	A	2	6.25	5.50	3.75	16.00	2002		
361	Bùi Bích Quỳnh	Châu	10/06/96	13843	A	2	5.25	5.50	4.50	16.00	2014		
362	Quang Thị Phương	Anh	10/07/96	14103	A	2NT	6.00	5.25	3.50	16.00	2043		
363	Châu Thị Hồng	Thanh	01/08/96	14537	A	2	4.75	4.75	6.00	16.00	2103		
364	Lê Thị Thu	Thảo	12/08/96	13210	A	2	5.75	5.25	4.50	16.00	2117		
365	Lê Thị Thủy	Tiên	19/11/96	14669	A	2NT	3.75	5.75	5.50	16.00	2172		12/09/14
366	Lê Minh	Nhật	26/11/96	6424	A	2NT	6.25	4.00	4.50	16.00	2250		
367	Lê Nam Vũ	Hoàng	25/09/95	16291	A	2NT	5.00	4.00	6.00	16.00	2256		
368	Hoàng Thị Hồng	Huế	02/10/96	10939	A	2	6.50	3.75	5.25	16.00	2264		
369	Hoàng Văn	Hiệp	22/09/95	13002	A	1	5.75	5.50	3.00	16.00	11780		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
370	Hoàng Thị	Phượng	12/10/96	20667	A	2NT	5.75	4.00	5.00	16.00	11873		
371	Võ Thị Huyền	Trang	18/06/96	21599	A	2	4.00	5.00	6.50	16.00	2621		
372	Lê Quang	Vinh	13/03/96	13422	A	2	5.75	4.50	5.00	16.00	2626		
373	Lương Mạnh	Linh	18/10/92	12887	A	2	5.00	6.25	4.25	16.00	2566		
374	Trần Thị Hoài	Thương	24/09/94	9511	A	1	3.75	6.00	4.50	16.00	12547		
375	Trần Thị	Anh	10/04/96	13813	A	1	4.50	5.25	4.50	16.00	12587		
376	Lê Thị Thu	Hằng	30/08/96	21150	A	1	4.75	5.00	4.50	16.00	12605		
377	Thái Công Thành	Luân	28/07/96	5304	A	1	4.50	4.25	5.75	16.00	12624		
378	Nguyễn Thị Như	ý	01/08/95	14836	A	1 06	4.75	4.00	4.50	16.00	12659		
379	Khổng Thị	Hiên	23/07/95	14876	A	2NT	4.75	4.50	5.50	16.00	12796		
380	Đặng Thị	Long	27/06/96	14225	A	1	5.50	5.75	3.25	16.00	12808		
381	Phan Thị Khánh	Lai	06/04/96	15718	A	2NT	4.50	4.50	5.75	16.00	12872		
382	Nguyễn Văn	Hiệu	17/05/95	2142	A	2NT	4.25	5.25	5.50	16.00	12874		
383	Trần Thị	Diệu	17/06/96	13885	A	2NT	4.75	5.50	4.75	16.00	3096		
384	Nguyễn Thị	Liên	24/09/95	14187	A	2NT	4.50	5.75	4.50	16.00	3173		
385	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	10/02/96	2728	A	2	6.00	4.75	4.50	16.00	13044		
386	Nguyễn Thị Hà	Phương	21/04/95	7094	A	2NT	6.50	4.25	4.00	16.00	3383		
387	Cái Thị Thu	Hường	07/08/96	14141	A	2NT	5.00	5.50	4.50	16.00	3443		
388	Nguyễn Thị	Nhị	02/11/95	14372	A	2NT	5.75	5.50	3.75	16.00	12354		
389	Trần Thị	Thanh	08/06/96	20720	A	2NT	6.50	4.50	4.00	16.00	13397		
390	Trần Phước	Đạt	03/11/96	1870	A	2NT	5.75	5.50	3.50	16.00	13494		
391	Hoàng Bảo	Trần	18/04/96	29206	A1	2NT	5.50	5.00	4.50	16.00	404		
392	Bùi	Ninh	17/10/96	29049	A1	2NT	6.00	4.50	4.50	16.00	417		
393	Nguyễn Thị Phương	Trinh	05/02/96	26566	A1	2	5.75	4.75	5.00	16.00	697		
394	Cao Thị Bích	Trâm	07/01/96	21904	A1	2	4.75	6.50	4.00	16.00	702		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
395	Đình Thị Thuỳ	Dương	10/05/96	26333	A1	2	5.75	5.25	4.50	16.00	708		
396	Hồ Thị Thanh	Nga	05/03/96	28973	A1	2NT	4.75	4.50	5.50	16.00	908		
397	Hồ Thị	Năm	02/03/96	28970	A1	2NT	4.00	5.50	5.50	16.00	912		
398	Hoàng Thị	Thiết	29/04/94	6762	A1	1	6.25	4.50	3.50	16.00	978		
399	Lê Thị Mỹ	Hương	02/09/96	29668	A1	2NT	4.50	4.75	5.50	16.00	1193		
400	Văn Thị Kim	Yến	24/02/96	30637	A1	2	5.50	3.50	6.25	16.00	1286		
401	Nguyễn Văn Thành	Nhân	10/02/95	20710	A1	2	6.25	4.50	4.50	16.00	1339		
402	Phạm Thảo	Uyên	01/04/95	29065	A1	3	5.00	5.00	6.00	16.00	11371		
403	Đỗ Hoàng Thuỳ	Linh	15/06/96	26422	A1	2	5.00	4.50	6.00	16.00	11673		
404	Trần Thị Thúy	Hàng	13/03/96	26643	A1	2	6.00	5.75	3.75	16.00	2411		
405	Hoàng Thị Ngọc	ánh	28/08/96	29563	A1	2	5.50	6.50	3.50	16.00	11990		
406	Nguyễn Đặng Thanh	Long	15/02/96	12278	A1	2	6.00	4.00	5.25	16.00	2631		
407	Bùi Thị	Vân	11/11/96	26580	A1	2NT	5.50	4.75	4.50	16.00	12195		
408	Hoàng Thị Thanh	Lam	13/09/96	30809	A1	2	4.75	5.00	5.75	16.00	13045		
409	Lương Nữ Khánh	Hàng	17/09/96	30000	A1	1	3.50	3.00	8.00	16.00	12265		
410	Nguyễn Thị	Thắm	18/10/96	29883	A1	1	4.75	4.00	5.75	16.00	13309		
411	Trần Thị Trà	My	20/08/95	69491	D1	1	5.00	4.00	5.50	16.00	47		
412	Huỳnh	Huy	07/01/96	75050	D1	1	5.25	4.25	4.75	16.00	671		
413	Trần Đình	Trung	19/11/96	76877	D1	2	5.25	3.00	7.00	16.00	827		
414	Nguyễn Thị Phương	Chi	23/04/96	76111	D1	2NT	6.50	3.25	5.00	16.00	990		
415	Võ Thị	Phương	28/02/96	76628	D1	2NT	5.75	3.75	5.50	16.00	1309		
416	Nguyễn Hà Lệ	Quỳnh	18/05/96	72665	D1	2	5.50	4.50	5.50	16.00	1328		
417	Nguyễn Thị	Xuân	25/12/95	75309	D1	1	5.25	4.50	4.50	16.00	1464		
418	Lê Hồng	Ngọc	19/12/96	75625	D1	2	5.75	4.50	5.00	16.00	1701		
419	Nguyễn Thị	Hoài	18/03/96	76274	D1	2NT	4.50	5.00	5.50	16.00	1911		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
420	Lê Thị Vũ	Hảo	25/07/96	76199	D1	2	4.50	4.25	6.50	16.00	11382		
421	Trần Thị Anh	Thư	07/04/96	76799	D1	2	5.00	4.50	6.00	16.00	2282		
422	Võ Nguyễn Thị Mỹ	Liên	20/12/94	72129	D1	2	5.50	4.25	5.75	16.00	2441		
423	Trần Thị	Lượng	02/01/96	74095	D1	2NT	5.00	3.50	6.50	16.00	2460		
424	Nguyễn Phương	Thảo	19/09/96	10876	D1	3	6.00	5.75	4.25	16.00	10003		
425	Trần Trung	Kiên	03/06/96	75075	D1	1	5.25	4.00	5.00	16.00	2668		
426	Nguyễn Quang	Đạt	18/07/96	8377	D1	2 06	6.75	2.50	5.00	16.00	12266		
427	Nguyễn Đình	Quý	27/09/96	19255	D1	2NT	6.75	5.75	2.50	16.00	12329		
428	Lê Hoàng Nhật	Lâm	13/07/96	8527	D1	1	4.75	4.25	5.50	16.00	13429		
429	Trương Thị	Tâm	09/01/96	14530	A	1	3.75	4.50	5.50	15.50	213		
430	Phạm Phước	Hoà	15/03/96	14062	A	2	5.75	5.75	3.50	15.50	596		
431	Trần	Phước	21/11/96	10536	A	2	5.50	4.50	5.00	15.50	630		
432	Lê Thị Như	Thảo	22/10/96	14554	A	2	5.25	6.00	3.50	15.50	639		
433	Nguyễn Phước Bảo	Nguyên	30/03/96	14919	A	2	5.75	4.50	4.50	15.50	761		
434	Tôn Nữ Đàm	San	14/10/94	25864	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	819		
435	Võ Văn	Cường	23/03/95	16121	A	2	5.25	4.75	4.75	15.50	829		
436	Cao Thị	Sang	24/01/96	14510	A	2NT	5.00	4.50	4.75	15.50	877		
437	Lê Tiến	Đạt	03/04/95	23081	A	2 06	5.25	4.50	4.25	15.50	1153		
438	Lê Thị	Gái	17/07/95	21122	A	1	4.75	4.50	4.50	15.50	1167		
439	Hồ Thị Cẩm	Hương	01/01/96	14120	A	2NT	5.25	5.25	4.00	15.50	1253		
440	Trần Hoài	Bảo	17/12/96	23002	A	2	5.75	3.50	5.50	15.50	1264		
441	Nguyễn Thị	Thương	09/09/96	21573	A	2	5.75	5.50	3.75	15.50	1420		
442	Nguyễn Văn	Duy	18/04/96	25326	A	2	4.75	5.25	5.00	15.50	1436		
443	Trương Hoài	Dương	19/10/96	12614	A	1	5.75	4.75	3.50	15.50	1448		
444	Nguyễn Phước Huy	Nam	20/09/95	22654	A	2	4.50	4.50	6.00	15.50	1516		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
445	Trình Nguyễn Cẩm	Tường	30/10/96	13400	A	2	7.00	3.50	4.50	15.50	1631		
446	Phạm Thị Thu	Hà	20/04/95	10172	A	2NT	5.50	5.50	3.50	15.50	1703		
447	Đặng Hoàng	Lệ	05/11/96	12872	A	2NT	5.00	5.00	4.25	15.50	1796		
448	Võ Thị Kiều	Oanh	06/05/96	13813	A	2NT	5.50	4.75	4.25	15.50	11010		
449	Ngô Ngọc	Phương	09/05/96	7059	A	2	4.50	4.00	6.25	15.50	11235		
450	Trương Văn Tiến	Đạt	09/12/96	21114	A	2	6.00	4.50	4.50	15.50	1804		
451	Võ Thị	Huệ	11/12/96	12783	A	2	4.75	5.50	4.50	15.50	11373		
452	Trần Văn	Hồng	12/10/96	12774	A	2	4.00	5.50	5.50	15.50	2126		
453	Đoàn Quang	Dũng	12/02/96	12609	A	1	5.75	4.50	3.50	15.50	2128		
454	Võ Thị Thúy	Diễm	08/04/96	1208	A	2NT	5.25	4.50	4.50	15.50	2224		
455	Lê Phụ Nguyên	Hoàng	17/11/96	3393	A	1	5.00	4.50	4.25	15.50	11672		
456	Lê Thị	Yến	10/04/96	22150	A	2NT	5.50	4.50	4.25	15.50	11580		
457	Lê Văn	Tuấn	20/03/96	17217	A	2NT	4.75	5.25	4.25	15.50	11581		
458	Trần Thị Trúc	Linh	08/05/96	234	A	1	5.25	4.50	4.00	15.50	11930		
459	Nguyễn Thị Lê	Thanh	20/08/95	27310	A	2NT	4.75	5.50	4.00	15.50	11975		
460	Nguyễn Thị	Hiền	25/01/96	2190	A	2NT	6.25	5.25	2.75	15.50	12026		
461	Lê Thị Thục	Khanh	14/08/96	14148	A	1	4.00	5.50	4.50	15.50	2726		
462	Trương Minh	Mỹ	10/09/95	17069	A	1	4.00	5.25	4.50	15.50	2733		
463	Hồ Công	Hiếu	19/03/96	12724	A	2	5.00	5.50	4.50	15.50	2895		
464	Tôn Nữ ánh	Tuyết	22/04/96	14762	A	2	6.50	4.50	3.75	15.50	2561		
465	Trần Thị	Hằng	13/12/96	14005	A	2NT	5.50	5.50	3.25	15.50	12585		
466	Nguyễn Thị Kim	Tâm	23/01/96	13183	A	2	5.75	4.75	4.50	15.50	12648		
467	Nguyễn Thị Hà	Trang	24/06/96	14698	A	1	5.00	4.50	4.50	15.50	12667		
468	Nguyễn Hoàn Xuân	Thái	26/02/96	4490	A	1	4.25	5.25	4.50	15.50	12149		
469	Hà Huy	Hiệp	24/07/96	10216	A	1	5.50	4.50	4.00	15.50	12411		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
470	Lê Thị	Hải	10/02/96	3238	A	2NT	6.50	4.00	4.00	15.50	12956		
471	Võ Hữu	Toản	20/02/95	14683	A	2NT	6.00	5.00	3.50	15.50	12975		
472	Nguyễn Quốc	Đạt	01/07/95	1154	A	2NT	5.50	5.25	3.50	15.50	12821		
473	Nguyễn Tấn	Rin	18/08/94	16560	A	2	4.75	6.50	3.50	15.50	3086		
474	Lữ Tấn	Đạt	10/11/95	790	A	2NT	6.50	5.50	2.50	15.50	13134		
475	Nguyễn Công	Hậu	20/03/96	23162	A	1	4.25	5.00	4.50	15.50	13147		
476	Lê Thị ánh	Nguyệt	05/07/96	10447	A	2NT	5.25	5.50	3.50	15.50	13076		
477	Phan Thị	Thanh	29/10/96	8790	A	2	5.75	5.50	3.50	15.50	3250		
478	Trần Bá Nhật	Hoàng	06/01/96	23224	A	2	6.50	5.00	3.50	15.50	3473		
479	Nguyễn Văn	Hảo	09/06/94	1456	A	2NT	4.50	5.75	4.25	15.50	13439		
480	Nguyễn Duy	Phi	22/08/95	970	A	2NT	4.50	5.50	4.25	15.50	13490		
481	Phạm Trần Quỳnh	Mai	03/11/96	579	A	1	5.75	3.25	5.00	15.50	13400		
482	Huỳnh Dương Vân	Hạnh	20/08/95	26357	A1	2NT	6.25	4.75	3.50	15.50	289		
483	Lê Thị Ngọc	Ly	22/11/96	28937	A1	2NT	6.00	3.50	5.00	15.50	1015		
484	Trần Quang	Huy	31/12/93	28888	A1	2	5.25	4.75	5.00	15.50	1073		
485	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/11/96	29257	A1	2	4.50	4.75	5.75	15.50	1234		
486	Hồ Văn	Trường	10/09/96	29220	A1	2	5.25	5.75	4.00	15.50	1384		
487	Trần Thị Kim	Phụng	01/08/96	31114	A1	1	7.00	3.00	4.00	15.50	1728		
488	Đoàn Thị Huyền	My	18/06/95	30019	A1	2	5.25	4.50	5.00	15.50	11340		
489	Lê Thị	Hoàng	01/03/96	2420	A1	1	5.00	3.50	5.25	15.50	11343		
490	Văn Thị	Vấn	08/02/95	29244	A1	1	5.75	5.25	3.00	15.50	2295		
491	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/11/96	29111	A1	2NT	5.25	3.50	5.75	15.50	11723		
492	Phan Văn	Tín	13/01/96	21731	A1	2NT	5.50	4.00	5.00	15.50	2351		
493	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/01/96	4105	A1	1	4.00	5.25	4.75	15.50	2491		
494	Lê Đỗ Khắc	Tuấn	03/03/96	9610	A1	2	4.50	4.50	5.75	15.50	2493		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
495	Trần Thị Thùy	Linh	16/10/96	28928	A1	2NT	6.25	5.00	3.00	15.50	11881		
496	Lê Thị Thúy	Hằng	11/11/96	28459	A1	2NT	4.75	4.00	5.50	15.50	11926		
497	Lê Thị Kim	Thoa	10/12/96	11602	A1	2NT	4.75	3.50	6.25	15.50	11972		
498	Nguyễn Thị Hải	Lý	06/04/96	29732	A1	2 06	5.75	4.50	3.50	15.50	12082		
499	Trần Công Thái	Hoàng	06/03/95	1250	A1	2	5.25	4.75	4.75	15.50	2814		
500	Lê Huỳnh	Ngọc	12/02/96	7671	A1	1	5.25	3.00	5.50	15.50	12105		
501	Phan Thị Kim	Phụng	19/07/96	31113	A1	1	6.50	3.50	3.75	15.50	12153		
502	Hồ Thị Bích	Trâm	13/06/96	1425	A1	1	4.75	5.25	3.75	15.50	12458		
503	Trương Thị Ngọc	Thương	19/06/96	12625	A1	2NT 06	4.25	4.50	4.50	15.50	12764		
504	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	25/06/96	26358	A1	3	5.25	4.50	5.50	15.50	2917		
505	Hồ Thị Phương	Anh	23/07/96	29553	A1	2	5.50	3.75	5.50	15.50	3162		
506	Nguyễn Quốc	Cường	18/12/96	30525	A1	2	5.50	5.50	4.00	15.50	3380		
507	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	25/11/96	8697	A1	2NT	5.50	4.75	4.00	15.50	13204		
508	Trương Thị	Oanh	16/01/96	20889	A1	2	5.00	5.00	5.00	15.50	12277		
509	Đoàn Quốc	Lợi	25/09/95	12293	A1	2NT	4.50	5.50	4.50	15.50	13489		
510	Nguyễn Thị Tường	Uyên	31/07/95	12812	A1	1	5.25	5.50	3.00	15.50	3535		
511	Nguyễn Xuân	Phú	02/02/96	29067	A1	2	6.00	3.75	5.25	15.50	3561		
512	Lê Thị Minh	Thuỳ	20/11/95	75228	D1	2	3.25	5.75	6.00	15.50	32		
513	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	20/03/96	72596	D1	2	5.75	4.00	5.25	15.50	586		
514	Hồ Thị Thúy	Hòa	05/06/96	70861	D1	2NT	5.25	3.75	5.50	15.50	680		
515	Tống Thanh	Thanh	11/01/95	75202	D1	2	2.75	4.50	7.75	15.50	1240		
516	Nguyễn Ngọc Như	ý	19/09/96	73219	D1	1	5.50	3.00	5.25	15.50	1504		
517	Đặng Văn	Phi	02/11/96	69796	D1	2	6.00	4.00	5.00	15.50	1668		
518	Trần Thị Như	Quỳnh	09/05/96	42926	D1	1	4.25	4.50	5.25	15.50	11246		
519	Trương Tôn Nữ Ngọc	Phượng	10/01/96	75178	D1	1	5.75	2.00	6.00	15.50	1824		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
520	Nguyễn Thị Quỳnh	Quỳnh	27/02/96	75674	D1	2NT	5.50	4.00	5.00	15.50	2289		
521	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tâm	06/11/96	43052	D1	2NT	5.00	4.50	5.00	15.50	11718		
522	Lê Tấn Huấn	Huấn	19/01/95	40476	D1	1	4.25	5.00	4.50	15.50	2352		04/09/14
523	Dư Thị Hoài Thương	Thương	26/10/96	75239	D1	1	4.75	3.50	5.50	15.50	2361		
524	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thủy	20/02/96	43788	D1	2NT	3.50	5.00	6.00	15.50	11808		04/09/14
525	Lê Thị Thủy Tiên	Tiên	04/11/91	69617	D1	2NT	5.75	4.75	4.00	15.50	12041		
526	Nguyễn Thị Xuân Thương	Thương	21/05/96	75724	D1	2NT	6.00	3.50	5.00	15.50	12732		
527	Dương Thị Thương	Thương	22/02/96	72925	D1	1	3.75	4.50	5.50	15.50	12889		
528	Phan Nguyễn Tuấn Xuân	Xuân	15/02/96	26154	D1	1	6.00	3.75	4.25	15.50	3165		
529	Lê Hữu Vinh	Vinh	20/03/95	73171	D1	2NT	5.50	5.00	3.75	15.50	13275		
530	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thảo	16/11/95	71184	D1	2NT	5.00	4.50	5.00	15.50	12224		
531	Phan Thị Phụng	Phụng	08/03/95	14956	A	1	6.00	4.50	3.00	15.00	121		
532	Lê Thái Sơn	Sơn	12/04/96	23610	A	2	4.75	4.75	4.75	15.00	189		
533	Nguyễn Trung Phong	Phong	23/02/95	749	A	2	5.00	5.25	4.00	15.00	225		
534	Lê Minh Khải	Khải	27/08/95	4402	A	2NT	4.75	4.50	4.50	15.00	243		
535	Văn Đức Hùng	Hùng	01/01/96	14114	A	2	4.75	5.00	4.50	15.00	324		
536	Đặng Thị Hồng Vân	Vân	17/09/96	13419	A	1	4.50	4.25	4.50	15.00	354		
537	Hồ Thị Nhật Linh	Linh	25/10/96	23337	A	1	7.00	3.00	3.50	15.00	540		
538	Trần Kiên Triền	Triền	24/11/96	23777	A	2	5.50	4.50	4.25	15.00	563		
539	Trần Văn Hải	Hải	23/05/96	12687	A	2	5.50	5.00	3.75	15.00	762		04/09/14
540	Trần Thị Mỹ Linh	Linh	09/12/96	12899	A	2	5.75	3.50	5.25	15.00	885		
541	Trịnh Ngọc Phước	Phước	02/12/95	13122	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	918		
542	Trương Quân Bảo	Bảo	05/07/95	12543	A	2	4.25	5.75	4.50	15.00	930		
543	Hoàng Thị Ly	Ly	02/11/95	12939	A	2NT	5.00	5.25	3.75	15.00	988		
544	Đặng Lê Diệu Ngân	Ngân	04/09/96	14287	A	2	6.00	4.75	3.75	15.00	1259		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
545	Phạm Thị Quỳnh	Nhi	24/08/95	14359	A	1	4.75	4.00	4.75	15.00	1380		
546	Trương Thị Diễm	Trinh	06/06/96	22904	A	2	6.75	3.25	4.25	15.00	1386		
547	Phạm Thị Thương	Huyền	20/03/96	12802	A	2	4.00	5.50	5.00	15.00	1397		
548	Phan Thị Mỹ	Thuận	15/07/96	13268	A	2	4.50	4.75	5.25	15.00	1477		
549	Trần Gia	Sang	25/03/95	10578	A	2NT	4.75	5.00	4.00	15.00	1483		
550	Bùi Thị Tố	Như	04/03/96	14938	A	2NT	5.25	5.50	3.25	15.00	1604		
551	Hoàng Cao	Thạch	10/10/94	8764	A	1 06	3.50	5.00	3.75	15.00	1615		
552	Trần Thanh	Tuệ	06/12/95	10919	A	2	4.50	6.00	4.00	15.00	1618		
553	Lê Anh	Tuấn	22/04/95	13364	A	2 06	3.75	4.75	4.75	15.00	1778		
554	Doãn Minh	Quang	19/07/95	7338	A	2	4.50	3.75	6.00	15.00	11005		
555	Phan Trọng	Lưu	23/09/96	26314	A	2	4.50	5.50	4.50	15.00	11052		
556	Lê Hữu	Đức	03/06/94	342	A	2NT	5.00	5.50	3.50	15.00	11111		
557	Nguyễn Quốc	Huy	19/07/96	23976	A	2	3.00	5.75	5.50	15.00	1835		03/09/14
558	Nguyễn Thành	Vinh	15/01/95	15027	A	2	5.00	4.75	4.50	15.00	1884		
559	Trần Quốc	Hương	10/02/96	4191	A	2	4.75	4.75	4.75	15.00	1917		
560	Nguyễn Quang	Nghị	04/01/96	13000	A	2NT	6.75	4.25	3.00	15.00	11334		
561	Lê Anh	Tuấn	25/09/96	11202	A	2	4.50	6.25	3.50	15.00	11364		
562	Nguyễn Thị	Thủy	04/04/96	9415	A	2NT	5.00	5.00	4.00	15.00	11490		
563	Hồ Thị Thành	Tú	02/09/96	21646	A	2	5.75	4.75	3.75	15.00	2057		
564	Nguyễn Hà	Tâm	04/02/96	8203	A	2NT	5.75	4.00	4.00	15.00	2190		
565	Nguyễn Văn	Quốc	10/01/95	1584	A	2	5.00	5.75	3.50	15.00	11508		
566	Bùi Minh	Lộc	22/07/96	13620	A	2	5.25	5.25	3.75	15.00	11536		
567	Huỳnh Diên Châu	Tuấn	08/12/96	13362	A	2	4.75	5.75	4.00	15.00	2363		
568	Lê Thị Kiều	Loan	10/05/96	10361	A	1	3.75	6.00	3.50	15.00	2373		03/09/14
569	Nguyễn Văn	Hùng	28/10/96	1402	A	2	4.75	6.25	3.25	15.00	2414		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
570	Nguyễn Văn	Phong	01/12/93	19059	A	2NT 07	4.50	5.50	3.00	15.00	2464		
571	Hồ Ngọc	Long	02/04/96	18950	A	2	5.25	5.50	3.75	15.00	11801		
572	Trần Thị Kiều	My	09/10/96	21915	A	1	4.50	4.25	4.75	15.00	11814		
573	Trần Thị	Trang	20/09/96	16711	A	2NT	6.25	3.50	4.25	15.00	11986		
574	Phạm Phú	Hòa	15/09/95	17002	A	2NT	4.50	5.75	3.75	15.00	12032		
575	Cao Thị	Hạnh	24/02/96	12696	A	1	4.75	5.00	3.75	15.00	2610		
576	Nguyễn Thị	Lê	30/01/96	16363	A	1	5.25	4.50	3.50	15.00	2691		
577	Hồ Văn Tiến	Thành	14/03/96	1675	A	2NT	5.75	5.00	3.00	15.00	2706		
578	Lê Thị Thuỳ	Trang	10/08/96	14689	A	2	6.50	3.50	4.50	15.00	2900		
579	Nguyễn Thị	Bình	13/07/96	16091	A	2NT	3.00	6.50	4.50	15.00	12516		
580	Hoàng Thị Quỳnh	Dung	20/06/96	10092	A	2	6.00	4.50	3.75	15.00	12517		
581	Nguyễn Thị	Tuyết	04/06/96	33570	A	2NT	5.00	3.50	5.50	15.00	12950		
582	Bùi Ngọc	Lâm	04/07/96	23327	A	2	4.50	5.25	4.75	15.00	2906		
583	Lê Hoàng Nhật	Nam	05/09/96	12977	A	2	4.00	5.00	5.50	15.00	2939		
584	Hoàng Minh	Phú	16/07/96	13089	A	1	4.75	5.25	3.50	15.00	3092		
585	Phạm Thái	Hòa	26/11/96	12769	A	3	3.25	5.50	6.25	15.00	3193		
586	Lưu Thục	Uyên	18/06/96	4005	A	2 04	2.25	4.75	5.25	15.00	13104		
587	Nguyễn Văn	Thành	01/10/96	24074	A	2NT	4.50	4.50	4.75	15.00	13117		
588	Phạm Hữu	Huân	15/04/95	1576	A	1	5.75	4.75	3.00	15.00	3222		
589	Lê Văn	Long	11/10/95	5108	A	2NT	5.75	5.50	2.50	15.00	3246		
590	Hồ Xuân	Bảo	08/10/93	406	A	2	5.75	4.00	4.75	15.00	3271		
591	Cao Thị	Thảo	17/10/96	482	A	1	5.75	3.25	4.50	15.00	12283		
592	Huỳnh Vũ Nhật	Phượng	09/11/96	13123	A	3	5.00	5.75	4.25	15.00	13432		
593	Võ Nhật	Trường	02/09/95	10555	A	3	4.75	4.50	5.50	15.00	13483		
594	Nguyễn Thị Kiều	Ly	06/03/96	22439	A	2NT	5.50	3.50	5.00	15.00	10055		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
595	Trần Thị Tịnh	Uyên	14/09/96	29963	A1	2	5.00	5.00	4.25	15.00	296		
596	Dương Thị Phương	Hạnh	30/05/96	29620	A1	2 06	2.25	4.50	6.50	15.00	512		
597	Hồ Thanh	Thanh	01/11/96	29858	A1	2	6.25	3.25	4.75	15.00	585		
598	Nguyễn Văn	Liên	27/05/96	31053	A1	2	4.25	6.00	4.00	15.00	649		
599	Hà Thúc Hoàng	Bảo	24/11/96	28776	A1	2	5.50	4.75	4.00	15.00	651		
600	Phan Thị Thùy	Nhung	13/03/96	30030	A1	2NT	4.50	4.50	5.00	15.00	900		
601	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02/09/96	29728	A1	2	4.75	5.50	4.00	15.00	972		
602	Nguyễn Thị Phương	Hằng	02/10/96	28858	A1	2NT	5.00	5.50	3.50	15.00	1058		
603	Huỳnh Thị	Ly	16/04/96	29726	A1	2	5.75	4.50	4.00	15.00	1392		
604	Lê Thị	Na	10/11/96	30020	A1	1	4.75	4.50	4.25	15.00	1429		
605	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02/09/96	29728	A1	2	4.75	5.50	4.00	15.00	1449		
606	Trần Thị Kim	Trâm	10/02/96	26559	A1	2	5.00	4.50	5.00	15.00	1452		
607	Nguyễn Thị Thu	Hằng	11/05/96	29633	A1	2	6.00	5.00	3.50	15.00	1681		
608	Đoàn Phước	Nhanh	08/03/95	1291	A1	2NT	3.00	5.75	5.00	15.00	11125		
609	Phạm Thái	Hậu	06/08/95	28455	A1	2NT	4.25	4.00	5.50	15.00	11211		
610	Ngô Thị Lệ	Hằng	16/02/95	28463	A1	3	6.50	5.25	3.00	15.00	11443		
611	Võ Thị Kim	Thái	16/08/96	29121	A1	2NT	5.00	4.50	4.50	15.00	11489		
612	Ngô Đức	Hưng	17/11/96	30009	A1	2NT	4.75	5.75	3.25	15.00	2098		
613	Lê Hà Trọng	Châu	03/02/96	28783	A1	2	4.25	5.00	5.00	15.00	2186		
614	Phan Thị Luy	Uyên	22/06/96	29238	A1	1	4.75	3.75	5.00	15.00	2238		
615	Trần Ngọc Khánh	Quỳnh	13/12/96	12514	A1	2	6.25	5.25	3.00	15.00	11686		
616	Trần Triệu	Vũ	26/04/96	22299	A1	1	4.50	4.25	4.75	15.00	11885		
617	Nguyễn Phan Thảo	Linh	27/08/96	26416	A1	2NT	4.75	4.75	4.50	15.00	12513		
618	Trương Thị Ngọc	Sương	01/04/95	17256	A1	2NT 06	3.50	5.50	4.00	15.00	12154		
619	Trần Thị	Trang	06/05/96	26555	A1	1	4.25	5.25	3.75	15.00	12433		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
620	Nguyễn Thị Kim	Oanh	27/10/96	29820	A1	2NT	3.25	5.50	5.00	15.00	12949		
621	Phạm Thị Ti	Ti	09/01/96	21684	A1	2NT	4.00	3.00	6.75	15.00	12993		
622	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/11/96	29873	A1	1	4.50	4.50	4.50	15.00	12896		
623	Đặng Thị Mi	Ni	03/12/95	28742	A1	3	5.75	3.75	5.25	15.00	13139		
624	Nguyễn Thị	Huệ	12/08/95	26385	A1	2NT	4.00	4.00	6.00	15.00	3216		
625	Đoàn Thị	Cẩm	19/12/96	26611	A1	1	4.75	5.00	3.50	15.00	13390		
626	Trần Nguyễn ý	Nhi	22/08/96	72460	D1	2	4.50	4.50	5.25	15.00	228		
627	Trương Tiểu	Quyên	25/11/96	69561	D1	2	4.50	4.50	5.25	15.00	257		
628	Đào Thị	Xuân	07/10/96	74377	D1	2NT	4.00	3.50	6.50	15.00	315		
629	Trương Thị Ngọc	Bích	18/04/94	74965	D1	2	5.75	3.50	5.00	15.00	574		
630	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	16/09/96	75184	D1	2	5.50	3.75	5.00	15.00	602		
631	Hồ Thị	Bích	06/09/96	71546	D1	1	5.50	3.75	4.25	15.00	613		
632	Nguyễn Thị ái	Linh	28/11/96	76406	D1	1	3.75	4.50	5.25	15.00	1094		
633	Hồ Thị Diễm	Thuý	17/11/96	6227	D1	2	6.25	4.50	3.50	15.00	1126		
634	Hoàng Thị Minh	An	18/10/96	71454	D1	2NT	6.00	4.00	4.00	15.00	1257		
635	Nguyễn Thị	Ly	10/07/96	76437	D1	1	5.50	3.50	4.50	15.00	1318		
636	Nguyễn Lâm	Oanh	28/02/96	69543	D1	2	3.75	4.00	6.50	15.00	1461		
637	Nguyễn Thị Cửu	Trinh	11/05/96	75750	D1	2	5.25	3.50	5.50	15.00	1583		
638	Nguyễn Đăng	Khoa	29/10/96	40795	D1	3	5.75	4.00	5.00	15.00	1931		
639	Nguyễn Thị Thanh	Trà	02/02/95	77145	D1	2	6.25	2.25	6.00	15.00	2303		
640	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	09/08/96	72484	D1	1	4.75	4.25	4.50	15.00	11977		
641	Phạm Thăng	Bình	15/01/96	39076	D1	3	4.75	6.00	4.25	15.00	12072		
642	Nguyễn Thị Ngọc	Thuý	21/04/95	76772	D1	2	5.00	4.25	5.25	15.00	2693		
643	Trần Thanh	Nga	03/04/96	76487	D1	2	4.50	5.50	4.25	15.00	2762		
644	Phan Thị Thảo	Trang	10/10/95	73004	D1	2NT	4.00	5.50	4.25	15.00	2572		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng		Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
645	Trần Thị	Hoa	01/08/95	71925	D1	1		3.25	5.00	5.25	15.00	2585		
646	Nguyễn Thị Hồng	Vân	22/07/94	73142	D1	2		5.50	3.50	5.50	15.00	12541		
647	Lê Thị	Hiền	05/07/96	71872	D1	1		6.00	4.00	3.50	15.00	12120		
648	Hoàng Thị Mỹ	Linh	04/03/96	23195	D1	2		4.25	3.75	6.50	15.00	2957		
649	Đặng Minh	Lập	14/06/94	70922	D1	2		5.75	3.50	5.00	15.00	2990		
650	Lê Thị Mỹ	Hoài	17/01/95	71931	D1	2		6.00	4.50	4.00	15.00	3149		
651	Lê Phương	Thảo	17/12/96	76705	D1	2		5.50	4.75	4.00	15.00	3382		
652	Võ Thị	ánh	23/07/96	13060	D1	2NT	04	3.50	3.50	5.00	15.00	13363		
653	Nguyễn Hoàng Tài	Đức	04/11/96	12647	A	2		5.00	4.25	4.50	14.50	71		
654	Đỗ Lê Nhật	Uyên	16/03/96	13407	A	2		4.50	5.75	3.50	14.50	92		
655	Nguyễn Đắc Tiến	Thanh	31/01/96	23653	A	2		2.25	6.25	5.25	14.50	154		
656	Phan Thị	Xuyến	16/04/95	19328	A	2		5.00	5.25	3.75	14.50	236		
657	Cao Huy	Cường	01/11/96	11853	A	2		4.00	5.25	4.50	14.50	291		
658	Trần Xuân	Trí	20/01/95	23790	A	2		4.00	4.50	5.50	14.50	388		
659	Nguyễn Việt Ngô	Dũng	20/07/95	23065	A	2		4.50	5.75	3.50	14.50	478		
660	Huỳnh Văn	Mỹ	06/08/95	12127	A	1		5.50	4.50	3.00	14.50	505		
661	Trần Thị	Na	18/08/95	12131	A	1		5.25	4.50	3.00	14.50	507		
662	Nguyễn Thị Bảo	Yến	02/08/95	14823	A	1	06	4.50	3.50	3.75	14.50	724		
663	Trần Thế	Trung	20/05/95	15011	A	2NT		3.25	3.75	6.50	14.50	770		
664	Dương Thị Thuý	Hàng	10/03/95	11928	A	2		4.50	6.50	3.00	14.50	928		
665	Nguyễn Trương Ngọc	Thành	03/07/96	13202	A	2		4.25	5.00	4.75	14.50	944		
666	Nguyễn Thị Thanh	Hàng	26/02/96	11932	A	1		4.25	6.25	2.50	14.50	970		
667	Võ Thị Thanh	Nhàn	07/11/94	12177	A	2		5.25	6.00	2.75	14.50	1047		
668	Lê Thị Bảo	Anh	01/05/96	12514	A	2		4.00	5.25	4.50	14.50	1062		
669	Hồ Thị Hoài	Hương	08/05/96	14124	A	2		5.25	5.75	3.00	14.50	1134		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
670	Trần Ngọc	Tuấn	31/08/96	23835	A	2NT	2.00	6.25	5.25	14.50	1145		
671	Hoàng Thị Ngọc	ánh	08/08/96	22588	A	2	3.50	5.25	5.00	14.50	1221		
672	Trần Thị Ngọc	Hà	18/03/96	16210	A	2	5.50	3.75	4.50	14.50	1233		
673	Nguyễn Ngọc	Tri	19/02/96	10083	A	2NT	3.75	4.00	5.50	14.50	1292		
674	Đoàn Phú	Phúc	19/11/96	23531	A	2NT	3.75	5.50	4.00	14.50	1435		
675	Phan Thị Hoài	Linh	19/10/96	12896	A	2NT	4.00	5.50	3.75	14.50	1494		
676	Võ Tiến	Trung	11/01/93	24105	A	1	4.25	4.50	4.00	14.50	1563		
677	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/10/96	12147	A	2	6.00	4.25	3.50	14.50	1656		
678	Ngô Phi	An	06/12/96	13778	A	2	3.50	6.00	4.25	14.50	1673		
679	Trần Nhật	Quý	18/12/95	21471	A	2	3.75	5.50	4.75	14.50	1705		
680	Nguyễn Thị Thu	Dịu	25/05/96	14853	A	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	1748		
681	Nguyễn Thị	Nhân	01/01/96	1186	A	2NT	5.00	4.50	4.00	14.50	11029		
682	Đặng Thị	Nga	28/08/95	26485	A	2	4.50	3.50	5.75	14.50	11030		
683	Nguyễn	Toản	20/12/95	2324	A	1	4.00	5.50	3.50	14.50	11155		
684	Huỳnh Thị	Thiện	21/04/96	27366	A	2	5.25	5.00	3.75	14.50	11183		
685	Lê Phụ	Hướng	25/09/96	16344	A	1	5.50	4.00	3.50	14.50	11210		
686	Hoàng Thị Mỹ	Phương	14/07/96	16940	A	2NT	3.00	5.25	5.00	14.50	11250		
687	Ngô	Hưng	21/11/96	14116	A	2	4.50	5.00	4.25	14.50	1830		
688	Hồ Ngọc	Diễn	18/05/96	22756	A	2	4.50	6.25	3.25	14.50	1895		
689	Trần Nhật Thảo	Nguyên	16/03/96	1163	A	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	11304		
690	Nguyễn Thị Linh	Phương	16/06/96	14456	A	2 06	5.50	4.50	3.00	14.50	11370		
691	Trần Thị Minh	Vương	10/01/96	18770	A	2	5.25	4.75	3.75	14.50	11412		
692	Đặng Lưu Quốc	Vũ	22/04/96	14810	A	2	4.50	4.75	4.75	14.50	2078		
693	Hoàng Thị Thảo	Nhi	18/02/96	14341	A	2	4.75	4.50	4.50	14.50	11693		
694	Phan Thúy	Ngọc	11/12/96	1920	A	1	4.50	4.25	4.25	14.50	11576		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
695	Lê Thị Mỹ	Linh	29/08/96	14198	A	2	6.50	5.00	2.50	14.50	11600		
696	Trần Thị	Hương	26/01/96	14139	A	1	3.75	3.25	5.75	14.50	2314		
697	Nguyễn Bá	Trung	27/10/96	19264	A	2NT	5.00	5.50	2.75	14.50	2368		
698	Nguyễn Thị	Sương	09/09/95	23621	A	2	3.50	4.50	5.75	14.50	2446		
699	Phan Thị	Nhung	07/08/95	14395	A	2NT	4.00	5.50	4.00	14.50	2468		
700	Lê Trần Nhật	Linh	08/10/96	4891	A	2NT	4.25	4.50	4.50	14.50	12011		
701	Hồ Văn	Duy	08/04/94	280	A	1	5.25	4.00	3.75	14.50	12092		
702	Bạch Bảo	Anh	19/04/96	11791	A	2	5.25	5.00	3.50	14.50	2636		
703	Dương Đình	Huy	10/07/96	22797	A	2NT	5.50	4.25	3.75	14.50	2694		
704	Trần Dương Thanh	Huyền	28/08/96	25930	A	3	6.00	3.25	5.25	14.50	2702		
705	Huỳnh Văn	Trường	22/08/95	10545	A	1	4.75	3.75	4.25	14.50	2797		
706	Huỳnh Thị Giáng	Sương	02/08/96	21482	A	2	4.00	5.25	4.50	14.50	2554		
707	Nguyễn Thị Bích	Nữ	15/10/95	12219	A	2NT 06	4.00	3.50	5.00	14.50	12681		
708	Bùi Ngọc Quốc	Huy	01/01/96	25914	A	2NT	5.25	4.00	4.00	14.50	12185		
709	Phạm Tiến	Dũng	18/09/96	10870	A	1	5.00	5.25	2.50	14.50	12421		
710	Cao Trí	Thức	26/08/96	812	A	1	4.00	4.25	4.50	14.50	12921		
711	Lý Anh	Dũng	01/01/95	11880	A	1	5.25	4.25	3.25	14.50	12984		
712	Nguyễn Đình	Hiểu	22/01/96	1257	A	2NT	2.75	6.25	4.25	14.50	12715		
713	Bùi Thị Hà	Nhị	28/06/95	14371	A	2NT	6.00	3.50	3.75	14.50	12766		
714	Trần Quang	Toàn	13/12/96	13313	A	1	4.50	4.50	4.00	14.50	12788		
715	Mai Quyết	Tháng	30/07/95	13229	A	1	5.25	4.00	3.50	14.50	12823		
716	Nguyễn Công Tuấn	Kiệt	14/09/96	3551	A	2NT	5.00	3.75	4.50	14.50	3196		
717	Nguyễn Ngọc	Tài	04/12/96	13177	A	2	4.50	5.00	4.25	14.50	13128		
718	Lê Văn	Nguyên	18/08/95	12164	A	2	5.50	5.50	2.75	14.50	13030		
719	Bùi Thanh	Kỳ	16/03/96	23318	A	2NT	6.50	3.25	3.50	14.50	13084		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
720	Hồ Việt	Hoàng	11/09/96	12752	A	2NT	5.00	4.50	3.75	14.50	3293		
721	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/07/95	11058	A	1	4.00	4.75	4.25	14.50	3339		
722	Phan Văn	Nam	18/10/95	12136	A	2NT	4.50	5.50	3.50	14.50	3378		
723	Nguyễn Thị Kim	Hằng	30/09/96	15055	A	1	4.25	4.25	4.25	14.50	12380		
724	Lê Ngọc Khánh	Huyền	20/07/96	658	A	2NT	5.50	4.25	3.75	14.50	13404		
725	Dương Thị Thu	Phương	30/03/96	14446	A	2NT	5.25	4.50	3.75	14.50	3682		
726	Trương Thị Thanh	Hằng	26/09/96	14004	A	1	3.25	5.50	4.00	14.50	3580		
727	Trần Quang	Nhân	01/01/95	29007	A1	2	5.50	4.00	4.50	14.50	109		
728	Lâm Hạnh	Quyên	09/04/96	28522	A1	2	5.50	4.25	4.00	14.50	113		
729	Lê Trần Uyên	Thi	18/05/95	29134	A1	2	5.50	5.00	3.50	14.50	494		
730	Trần Thị Hồng	Vân	07/12/96	31241	A1	2	6.00	3.75	4.00	14.50	603		
731	Trần Anh	Minh	22/01/96	31074	A1	2	1.50	5.25	7.00	14.50	667		
732	Hồ Thị Thuỳ	Nhung	27/02/96	29524	A1	2	3.00	4.50	6.25	14.50	677		
733	Dương Thị Bích	Thuận	10/08/95	28603	A1	2	5.50	3.00	5.25	14.50	717		
734	Nguyễn Thị Mộng	Nhung	27/08/96	29033	A1	2NT	5.50	4.25	3.75	14.50	856		
735	Hồ Nguyên Hoài	Oanh	01/01/96	28474	A1	2	4.50	3.75	5.75	14.50	871		
736	Võ Thế Anh	Nhi	24/10/95	29523	A1	2	4.75	4.50	4.50	14.50	932		04/09/14
737	Lê Ngọc Huyền	Oanh	27/12/94	28475	A1	2	4.50	4.75	4.75	14.50	1045		
738	Trương Văn	Hùng	13/11/94	28895	A1	2NT	4.75	6.00	2.50	14.50	1250		
739	Lê Thị Thanh	Phương	21/09/96	28495	A1	2	6.00	3.00	5.00	14.50	1367		
740	Nguyễn Thị Như	Phương	18/09/96	28502	A1	2	5.75	4.75	3.25	14.50	1371		
741	Nguyễn Thị Thanh	Vân	06/10/96	28732	A1	2	5.00	4.75	4.00	14.50	1414		
742	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	04/05/96	28380	A1	2	4.25	5.50	4.00	14.50	1586		
743	Dương Thảo	Dung	30/11/96	5484	A1	3	3.25	5.00	6.00	14.50	11036		
744	Trương Thị	Tâm	01/08/96	28550	A1	2	5.50	3.50	5.00	14.50	1960		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
745	Lê Trần Bình	Chi	11/11/96	28072	A1	2	5.25	2.75	6.00	14.50	11518		
746	Lê Thị	Yến	03/10/95	21506	A1	2NT	5.75	3.25	4.25	14.50	11533		
747	Nguyễn Thị	Phượng	12/10/96	29839	A1	1	3.50	4.75	4.50	14.50	2465		
748	Trần Thị Khánh	Huyền	22/09/96	29664	A1	2NT	2.50	4.25	6.50	14.50	2489		
749	Nguyễn Thị Thanh	Phương	20/05/96	29834	A1	2NT	4.75	4.75	4.00	14.50	12511		
750	Võ Thị	Hà	13/07/96	7890	A1	2NT	6.50	1.25	5.75	14.50	12638		
751	Hồ Thị Thảo	Ly	22/07/96	20291	A1	2	5.00	4.25	4.50	14.50	12676		
752	Hồ Thị Thảo	Ly	22/07/96	20291	A1	2	5.00	4.25	4.50	14.50	12677		
753	Nguyễn Thị	Hàng	01/01/96	7922	A1	1	5.75	3.00	4.00	14.50	12476		
754	La Hồng	Thắng	05/07/96	31172	A1	1	5.50	3.50	3.75	14.50	2923		
755	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	28/02/96	30841	A1	2	5.50	5.00	3.50	14.50	3421		
756	Cao Minh	Hải	01/05/96	20146	A1	2	5.00	3.50	5.50	14.50	13293		
757	Trần Nguyễn	Nghĩa	28/01/96	20526	A1	2NT	4.50	4.50	4.50	14.50	12317		
758	Hồ Thị Xuân	Thủy	11/03/96	3759	A1	1	4.00	4.25	4.50	14.50	10046		
759	Trần Thị	Bích	02/05/96	19054	A1	2NT	4.75	5.25	3.50	14.50	3509		
760	Phan Thị Bội	Ngọc	03/08/95	74741	D1	2NT	5.25	3.00	5.00	14.50	217		
761	Hồ Ngọc Mỹ	Hiếu	12/11/96	74620	D1	2	3.50	5.50	4.75	14.50	235		
762	Lê Văn	Huy	26/04/96	74650	D1	2	4.25	4.00	5.50	14.50	539		
763	Nguyễn Thị Diệu	Vân	08/10/96	76919	D1	2	5.00	3.50	5.50	14.50	695		
764	Lương Thị Hồng	Liên	08/01/96	72124	D1	2	3.50	5.50	5.00	14.50	778		
765	Hồ Minh	Toàn	27/09/96	74886	D1	1	5.75	2.50	4.50	14.50	816		
766	Nguyễn Thị Thu	Thủy	02/10/96	73796	D1	1	4.50	4.00	4.50	14.50	962		
767	Phan Thị Lê	Nhơn	17/06/95	72474	D1	1	3.50	4.00	5.50	14.50	965		
768	Nguyễn Thị	Liễu	03/07/96	74068	D1	2NT	4.25	3.00	6.25	14.50	1026		03/09/14
769	Lê Thị	Hiền	12/05/96	73991	D1	2NT	3.25	4.50	5.75	14.50	1100		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng		Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
770	Lê Thị	Giàu	17/03/96	76176	D1	2NT	06	4.75	3.00	4.50	14.50	1208		
771	Trần Thị Thúy	Ngân	03/01/96	74731	D1	2		6.00	4.00	3.75	14.50	1440		
772	Nguyễn Thị Thúy	Trinh	14/11/96	35510	D1	2		3.25	4.50	6.00	14.50	11247		
773	Trần Bá	Khiêm	10/03/96	70456	D1	2		6.50	3.50	4.00	14.50	2016		
774	Dương Thị	Năm	04/03/96	74723	D1	2		4.25	4.00	5.50	14.50	11689		
775	Phạm Thị Hải	Yến	26/12/96	76951	D1	1		2.25	3.50	7.00	14.50	11702		
776	Lê Thị	Thảo	15/03/96	23684	D1	2NT		5.75	3.00	4.75	14.50	11752		
777	Phan Thị Khánh	Vân	10/09/96	74932	D1	1		3.00	3.00	7.00	14.50	11812		
778	Lê Thị	Vui	29/09/95	74368	D1	2		6.25	4.00	3.50	14.50	2658		
779	Lê Thị Tố	Trâm	28/09/96	69850	D1	1		4.25	2.50	6.00	14.50	2816		
780	Trương Thị Minh	Huyền	05/06/95	72003	D1	2		4.50	4.00	5.50	14.50	2865		
781	Lê Thị Ngọc	Huệ	16/12/96	7830	D1	1		3.75	4.50	4.75	14.50	12188		
782	Lê Thị	Xuân	17/03/96	75308	D1	2		5.00	3.50	5.25	14.50	3168		
783	Văn Thị Mỹ	Duyên	06/03/96	73946	D1	2		3.75	4.50	5.50	14.50	13260		
784	Nguyễn Thị	Oanh	04/05/96	74196	D1	2NT		4.25	3.00	6.25	14.50	13436		
785	Dương Thị Minh	Châu	17/01/96	12563	A	2		3.75	4.50	5.00	14.00	78		
786	Nguyễn Dương Thanh	Hiền	21/08/96	11951	A	2		5.50	3.50	4.50	14.00	229		
787	Hoàng Ngọc	Huy	02/04/96	23239	A	2		4.00	4.50	5.00	14.00	233		
788	Trần Văn	Phanh	13/05/96	16515	A	1		4.50	4.50	3.50	14.00	270		
789	Trương Công Hồng	Hải	08/08/96	10185	A	2		4.75	4.75	4.00	14.00	543		
790	Trần Đức	Pháp	08/01/95	13080	A	2		4.00	5.00	4.25	14.00	555		
791	Mai Trần Nguyệt	ánh	30/01/96	12535	A	2		4.50	5.50	3.25	14.00	573		
792	Nguyễn Văn	Trịnh	08/05/95	12439	A	1		4.25	4.50	3.75	14.00	606		
793	Nguyễn Hữu	Cường	25/05/96	23039	A	1		4.25	4.25	3.75	14.00	661		
794	Hoàng Đình	Luân	30/12/96	22645	A	2		3.50	3.50	6.50	14.00	747		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
795	Lê Nguyễn Nhật	Quang	19/10/96	11086	A	2	5.50	4.75	3.00	14.00	836		
796	Trương Nhật	Quang	25/07/95	12266	A	2	3.75	5.50	4.00	14.00	922		
797	Đặng Nguyễn Thành	Hưng	09/02/95	12824	A	2	5.25	3.25	5.00	14.00	1206		
798	Nguyễn Đức Minh	Phụng	22/04/96	19774	A	2	6.25	3.75	3.25	14.00	1296		
799	Mai Xuân	Phú	15/03/96	18438	A	2	4.25	4.75	4.50	14.00	1374		
800	Nguyễn Lê Phương	Len	14/11/96	12865	A	2NT	5.00	4.50	3.25	14.00	1408		
801	Võ Thị	Hoà	19/02/96	12744	A	1	4.50	4.50	3.25	14.00	1410		
802	Võ Thị	Xoa	16/06/94	14813	A	2	6.00	3.25	4.25	14.00	1551		
803	Võ Tiến	Long	12/04/96	14224	A	1	3.75	5.25	3.25	14.00	1566		
804	Lê Minh	Đức	25/11/96	2224	A	2	5.50	3.25	4.75	14.00	1660		
805	Trần Thị Thu	Trình	20/10/94	17200	A	2	3.50	5.25	4.50	14.00	1709		
806	Nguyễn Ngọc	Quý	21/01/96	10572	A	2	3.75	5.75	3.75	14.00	1746		
807	Trần	Huỳnh	27/07/96	20448	A	1	4.75	4.50	3.25	14.00	1794		
808	Lê Thị	Nhân	22/11/96	17232	A	2NT	3.50	3.75	5.75	14.00	11004		
809	Hoàng Thị	Thành	21/02/96	9171	A	2NT	6.00	3.75	3.25	14.00	11033		
810	Nguyễn Đức	Hậu	18/02/95	23959	A	1	6.25	4.50	1.50	14.00	11109		
811	Huỳnh Tấn	Hiếu	06/02/95	25703	A	3	3.75	6.50	3.75	14.00	11202		
812	Hoàng Tuấn	Vũ	31/07/95	18615	A	2	5.75	4.75	3.00	14.00	1815		
813	Nguyễn Đức Nhật	Thành	03/02/96	8585	A	2NT	5.50	4.75	2.50	14.00	1920		
814	Nguyễn Anh	Tuấn	20/02/96	13760	A	2NT	3.75	5.50	3.50	14.00	11491		
815	Lê Đình	Đức	14/01/96	18211	A	1	3.50	5.00	3.75	14.00	2012		
816	Lê Thành	Long	17/03/96	5081	A	2NT	3.25	4.25	5.50	14.00	2052		
817	Trịnh Thị Thanh	Thu	11/04/96	3291	A	2	3.75	5.25	4.50	14.00	2099		
818	Hồ Tấn	Phát	28/08/94	16819	A	2	3.75	5.00	4.50	14.00	2122		
819	Hồ Thị Kim	Chi	15/07/96	11847	A	1	3.75	5.00	3.50	14.00	2174		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
820	Trương Thị ái	Nhi	02/03/96	12200	A	2	4.25	5.50	3.50	14.00	2220		
821	Nguyễn Đức	Quang	29/09/96	6300	A	2	4.25	4.75	4.50	14.00	11784		
822	Lê Thị	Na	26/11/96	26455	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	11565		
823	Đoàn Thị Như	ý	11/02/96	18628	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	2321		
824	Lê Thị Hải	Yến	11/06/96	10814	A	2NT	4.75	5.00	3.25	14.00	2379		
825	Nguyễn Đình	Trung	21/09/96	17208	A	2NT	5.25	3.50	4.25	14.00	2396		
826	Nguyễn Văn	Việt	22/06/96	2200	A	1	3.75	5.00	3.75	14.00	11891		
827	Đào Thị Tú	Nhi	11/05/96	26691	A	2NT	4.25	3.50	5.00	14.00	11923		
828	Bùi Thị Mỹ	Vui	04/04/95	12496	A	2	5.25	4.50	3.50	14.00	10030		
829	Hoàng Minh	Nhật	14/07/96	1275	A	2NT	5.00	4.50	3.50	14.00	12003		
830	Trần Ngọc	Trâm	26/03/95	2012	A	2	3.75	4.50	5.00	14.00	2613		
831	Võ Thị	Bé	10/06/96	12546	A	2NT	4.25	4.75	4.00	14.00	2678		
832	Dương Quang	Đức	02/10/96	16185	A	2NT	4.75	4.00	4.00	14.00	2700		
833	Dương Thị	Linh	16/03/95	22822	A	2NT	4.25	4.75	4.00	14.00	2789		
834	Nguyễn Thị Xuân	Hàng	25/01/95	12709	A	2	4.00	4.50	5.00	14.00	2836		
835	Phan Thị Thanh	Lan	12/03/95	4650	A	2	4.50	5.25	3.75	14.00	12940		
836	Võ Hồng	Nhung	21/03/96	25726	A	2NT	5.00	4.50	3.25	14.00	12829		
837	Nguyễn Khánh	Linh	31/08/96	22428	A	2	4.25	4.00	5.00	14.00	2947		
838	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	03/01/96	918	A	2	6.00	3.50	4.00	14.00	2955		
839	Phan Văn	Mẫn	02/04/96	23389	A	1	2.00	5.50	4.75	14.00	2961		
840	Nguyễn Thị Hiếu	Nhi	01/10/96	13040	A	2NT	4.50	4.00	4.50	14.00	3018		
841	Trương Công	Thuấn	20/02/94	6715	A	1	4.00	4.75	3.50	14.00	3074		
842	Nguyễn Thị	Quỳnh	12/08/96	13148	A	2NT	3.75	4.50	4.75	14.00	3189		
843	Nguyễn Văn	An	01/03/94	20	A	1 03	2.00	4.00	4.25	14.00	3357		
844	Trần Duy	Hưng	10/08/96	13673	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	12209		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
845	Trần Duy	Hung	10/08/96	13673	A	2	4.50	4.50	4.50	14.00	12241		
846	Hoàng Thị Huyền	Trang	22/12/96	14687	A	2NT	4.75	4.50	3.50	14.00	3647		
847	Nguyễn Thị	Oanh	04/05/96	14429	A	2NT	4.25	4.25	4.50	14.00	13503		
848	Nguyễn Tấn Minh	Trí	09/05/95	31217	A1	2	4.25	4.50	4.50	14.00	57		
849	Nguyễn	Hải	06/09/95	29617	A1	2NT	4.00	4.75	4.00	14.00	90		
850	Nguyễn Thị	Tuyền	26/09/96	30914	A1	2	5.00	3.50	5.00	14.00	141		
851	Nguyễn Thị Tâm	Tú	08/06/96	31233	A1	2	4.25	5.25	4.00	14.00	160		
852	Đình Thị Thuý	Hàng	05/11/95	28185	A1	2	5.25	3.75	4.25	14.00	196		
853	Ngô Thanh	Phương	14/03/96	29078	A1	2	4.25	4.25	4.75	14.00	301		
854	Đặng Thị Ngọc	Phụng	25/11/96	29070	A1	2	5.50	4.50	3.50	14.00	342		
855	Huỳnh Xuân	Vũ	05/10/96	28743	A1	2	5.75	4.50	3.00	14.00	377		
856	Trần Thị Mỹ	Hải	10/10/96	28166	A1	2	3.75	3.25	6.25	14.00	520		
857	Nguyễn Hữu Nhật	Quang	13/08/96	31126	A1	2	3.50	4.00	6.00	14.00	687		04/09/14
858	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	01/05/96	26375	A1	2	5.00	5.00	3.50	14.00	714		
859	Nguyễn Thị Văn	Khoa	18/05/96	28261	A1	2	4.25	5.00	4.00	14.00	826		
860	Nguyễn Thị	Lành	05/04/95	20055	A1	2NT	3.00	4.50	5.50	14.00	1103		
861	Phan Thị Kim	Thảo	15/03/96	28578	A1	1	4.75	4.00	3.50	14.00	1689		
862	Phạm Tiến	Lợi	20/10/96	28310	A1	2	4.00	4.25	5.00	14.00	1858		
863	Trần Thị Mỹ	Linh	23/11/96	31057	A1	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1987		
864	Nguyễn Hoàng Thạnh	Phước	18/01/96	28513	A1	2	5.00	4.50	4.00	14.00	11360		
865	Phạm Lan	Anh	31/08/96	28768	A1	2NT	4.00	3.00	5.75	14.00	11478		
866	Nguyễn Bá Phước	Hải	30/07/96	30997	A1	2	4.25	4.00	5.25	14.00	2080		
867	Hoàng Thị Thanh	Tú	19/09/96	29959	A1	2NT	4.00	4.00	5.00	14.00	11950		
868	Trần Thị	Phương	12/01/96	20794	A1	2NT	4.50	4.50	3.75	14.00	12040		
869	Huỳnh Thị Như	Phượng	03/05/96	30866	A1	2	4.25	4.50	4.50	14.00	12127		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
870	Thái Thị	Hoài	25/05/96	28209	A1	2NT	5.00	4.00	4.00	14.00	12402		
871	Phạm Thị Thu	Hà	08/03/96	29612	A1	1	4.25	4.50	3.50	14.00	3399		
872	Nguyễn Hữu Hoàng	Minh	13/05/96	74712	D1	2	4.00	4.50	5.00	14.00	75		
873	Phan Ngọc Khánh	Trang	23/07/96	74891	D1	2	4.00	3.00	6.25	14.00	89		
874	Trần Thị Thu	Nguyên	29/12/95	75630	D1	2	4.25	4.00	5.00	14.00	105		
875	Ngô Thị Trà	Mi	19/09/95	72249	D1	2	3.25	5.00	5.00	14.00	191		
876	Bùi Thị Phương	Loan	26/11/96	76416	D1	2	3.00	3.50	7.00	14.00	222		
877	Huỳnh Thị Phương	Ngân	27/03/96	77096	D1	2	3.25	3.50	6.50	14.00	237		
878	Nguyễn Ngọc An	Khương	08/11/96	72063	D1	2	4.00	4.00	5.25	14.00	239		
879	Nguyễn Thị	Lệ	01/02/96	72113	D1	2NT	4.00	5.00	4.00	14.00	401		
880	Bùi Lê Quỳnh	Châu	10/11/96	71551	D1	2	4.50	4.50	4.50	14.00	485		
881	Trần Nữ Hồng	Nhi	07/01/96	74765	D1	2	5.25	2.50	5.50	14.00	499		
882	Đặng Thị	Hằng	07/07/95	71851	D1	2NT	4.00	3.25	5.50	14.00	549		
883	Đặng Thị Thanh	Nga	16/10/96	72338	D1	1	3.50	4.50	4.50	14.00	640		
884	Hồ Khánh	Hà	06/06/95	74593	D1	2	4.25	3.50	5.50	14.00	740		
885	Hồ Thị Thúy	Nhi	06/03/96	75131	D1	2	6.00	4.00	3.50	14.00	892		
886	Phan Thị Thanh	Tuyền	24/04/96	75282	D1	2	4.75	3.50	5.25	14.00	1019		
887	Trương Văn	Hùng	13/11/94	75067	D1	2NT	4.50	4.50	4.00	14.00	1249		
888	Hồ Trương Hạ	Nhi	04/05/96	42068	D1	3	6.00	3.50	4.50	14.00	1274		
889	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	26/12/96	69578	D1	2NT	4.25	4.50	4.00	14.00	1303		
890	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/96	76785	D1	2	4.50	4.00	5.00	14.00	1332		
891	Hoàng Thị Mỹ	Châu	02/09/95	74537	D1	1	5.25	3.25	4.00	14.00	1473		
892	Trần Thị Ngọc	Tuyền	02/03/96	73316	D1	2NT	4.25	3.00	5.50	14.00	1569		
893	Phan Thị	Uyên	25/02/96	73872	D1	1	5.00	3.50	4.00	14.00	1687		
894	Lê Thị	Hằng	02/03/96	73429	D1	2NT	5.75	3.00	4.25	14.00	2046		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
895	Ngô Thị Phương	Nhung	27/07/96	76570	D1	2	5.50	3.50	4.50	14.00	2213		
896	Nguyễn Thị	Vân	12/06/94	35683	D1	2NT	5.00	2.50	5.50	14.00	2272		
897	Lê Thị	Tiền	08/10/96	44016	D1	2NT	7.00	3.50	2.50	14.00	11530		
898	Võ Thị Thanh	Hằng	12/12/96	74615	D1	2NT	5.25	2.50	5.00	14.00	2395		04/09/14
899	Võ Thị Hồng	Phúc	14/01/96	10004	D1	1	3.50	4.50	4.25	14.00	12087		
900	Trương Thị Cẩm	Giang	10/01/96	71731	D1	2NT	3.50	4.50	4.75	14.00	2723		
901	Phạm Thị	Mỹ	10/07/96	73590	D1	1	3.00	2.75	6.50	14.00	12407		
902	Nguyễn Thị Pha	My	26/12/95	75792	D1	2NT	4.00	5.00	4.00	14.00	12781		
903	Nguyễn Thị Kim	Anh	29/03/96	69300	D1	2NT	3.50	4.50	5.00	14.00	3155		
904	Nguyễn Lâm Nhật	Châu	03/05/96	71560	D1	2	4.00	5.25	4.25	14.00	3224		
905	Hồ Thị Hồng	Hải	09/10/96	71779	D1	2NT	4.25	4.50	4.25	14.00	3412		
906	Huỳnh Thị Kim	Khánh	07/05/96	70905	D1	2	3.50	5.50	4.25	14.00	3452		
907	Nguyễn Thị	Nga	23/01/96	73602	D1	2	5.50	2.50	5.25	14.00	12267		
908	Trương Thị	Ngọc	22/04/95	71027	D1	2	5.00	4.25	4.25	14.00	10048		
909	Trần Thị Diệu	Thảo	04/10/96	8548	D1	2 06	3.25	3.75	5.50	14.00	13320		
910	Ngô Khai Huệ	Minh	03/01/96	12963	A	2	3.50	4.50	5.00	13.50	205		
911	Trần Gia	Hội	14/02/96	11995	A	2	3.00	5.00	4.75	13.50	206		
912	Hồ Thùy	Uyên	18/06/96	12477	A	2	4.25	5.50	3.25	13.50	305		
913	Nguyễn Văn	Giàu	02/03/95	11904	A	2NT	4.50	4.75	3.25	13.50	334		
914	Hoàng Thị Minh	Trí	28/07/96	13348	A	2	5.50	4.75	2.75	13.50	348		03/09/14
915	Trịnh Hoàng	Khương	24/01/96	12048	A	2	3.75	4.25	4.75	13.50	385		
916	Chế Quang	Ninh	10/04/96	12216	A	2	3.00	5.50	4.25	13.50	421		
917	Trương Văn	Phước	30/12/96	13120	A	2NT	4.00	4.50	3.75	13.50	626		
918	Nguyễn Phúc Phước	Thành	30/04/96	12330	A	2	4.50	5.25	3.00	13.50	705		
919	Nguyễn Đình	Phước	06/06/96	12257	A	2	6.25	3.25	3.25	13.50	787		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
920	Trần Đình	Hiếu	20/08/95	25312	A	2	1.75	5.25	6.00	13.50	794		
921	Lê Văn Quốc	Tuấn	09/01/96	14746	A	2	3.50	5.50	4.00	13.50	801		
922	Nguyễn Vĩnh	Thành	15/05/96	10615	A	2	4.50	4.75	3.75	13.50	898		
923	Cao Văn	Tuân	20/02/96	13361	A	2	3.25	5.00	4.50	13.50	1077		
924	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	04/11/95	15005	A	2	3.75	3.25	6.00	13.50	1228		
925	Hoàng Ngọc	Long	17/09/96	12088	A	2	4.00	4.50	4.50	13.50	1333		
926	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	05/02/96	12553	A	2	4.75	3.75	4.25	13.50	1444		
927	Ngô Việt Phương	Đông	16/01/96	13926	A	2	5.50	3.50	4.00	13.50	1626		
928	Hồ Nguyễn Văn	Minh	11/01/96	17064	A	2	4.25	5.25	3.50	13.50	1754		
929	Trần Bảo	Thoa	30/01/96	6939	A	1	3.25	5.25	3.50	13.50	11170		
930	Võ Thị Mỹ	Tâm	13/12/95	27123	A	2	4.25	5.00	3.75	13.50	11230		
931	Nguyễn Thị	Viễn	02/01/96	2196	A	1	3.25	5.25	3.50	13.50	11369		
932	Trần Thị	Tơ	24/01/96	13314	A	2NT	5.25	3.75	3.50	13.50	11638		
933	Trần Thị Lan	Anh	01/06/96	133	A	2NT	5.25	4.50	2.50	13.50	11662		
934	Nguyễn Thị Khánh	Linh	03/12/95	3519	A	2NT	4.00	5.00	3.50	13.50	11669		
935	Ngô Việt	Hải	19/01/96	18635	A	2NT	2.50	5.50	4.25	13.50	11671		03/09/14
936	Lê Thị Huyền	My	16/02/96	2668	A	2NT	4.25	5.25	2.75	13.50	11713		
937	Nguyễn Tân	Quốc	26/01/95	17112	A	2NT	4.75	5.25	2.50	13.50	11524		
938	Trương Thị	Bích	17/07/95	18156	A	2	4.00	6.25	2.50	13.50	11551		
939	Đặng Bá	Hiệp	20/07/96	10222	A	2NT	4.75	4.25	3.25	13.50	11554		
940	Đoàn Thiện	Tâm	25/08/96	14534	A	2NT	4.50	4.50	3.50	13.50	11558		
941	Lê Thị Thu	Huyền	06/09/96	20426	A	1	4.25	3.75	4.00	13.50	11636		
942	Lê Minh	Nhật	21/10/95	19725	A	2NT	3.25	5.00	4.00	13.50	11844		
943	Võ Kim	Thảo	30/12/95	10641	A	2NT	3.25	5.50	3.75	13.50	11855		
944	Nguyễn Đình Thanh	Minh	24/07/95	4218	A	2NT	3.25	5.50	3.75	13.50	11942		04/09/14

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
945	Lê Bảo	Việt	19/09/95	12493	A	2	2.25	5.25	5.50	13.50	11993		
946	Nhan Thị Kiều Phương	Thảo	06/08/95	13519	A	2	4.75	4.75	3.25	13.50	10036		
947	Nguyễn Thị Phước	Hà	14/10/96	2416	A	1	5.25	3.50	3.00	13.50	12006		
948	Nguyễn Văn	Tý	23/09/96	457	A	2	4.25	4.25	4.25	13.50	2611		
949	Trần Thuỳ Tâm	Thanh	25/07/95	12325	A	2	5.00	3.75	4.25	13.50	2641		
950	Lưu Đức	Hoà	18/05/96	22787	A	2	2.25	5.25	5.50	13.50	2652		
951	Trương Tuấn	Vũ	09/08/96	17242	A	2NT	4.50	3.50	4.50	13.50	2511		04/09/14
952	Nguyễn Thị Kim	Toan	13/10/96	12415	A	1	3.25	5.00	3.50	13.50	12434		
953	Hoàng Văn	Hiếu	24/08/93	13662	A	2NT	3.50	3.50	5.50	13.50	12951		
954	La Việt	Mỹ	10/06/94	23413	A	1	3.00	4.00	4.75	13.50	12721		
955	Nguyễn Minh	Tuân	09/09/95	23818	A	2NT	4.25	4.25	3.75	13.50	12736		
956	Trần Thị	Lài	03/06/96	22421	A	2NT	3.75	3.50	5.25	13.50	12863		
957	Nguyễn Văn	Anh	02/02/95	13805	A	2NT	4.50	5.50	2.50	13.50	13064		
958	Ông Văn	Tân	04/01/96	12320	A	2	3.50	5.00	4.50	13.50	13070		
959	Phạm Thị Hải	Yến	07/07/96	14829	A	2NT	2.25	5.00	5.25	13.50	3235		
960	Lê Văn	Đức	20/07/95	2015	A	1	3.00	5.50	3.25	13.50	13300		
961	Huỳnh	Hà	10/07/96	23949	A	1	3.00	4.50	4.25	13.50	12239		
962	Nguyễn Trung	Hiếu	11/10/95	12726	A	2NT	4.50	4.50	3.50	13.50	12350		
963	Trần Thị ánh	Tuyết	27/06/96	2094	A	2NT	4.00	4.25	4.00	13.50	12399		
964	Võ Thị Thùy	Dung	02/04/96	869	A	1	3.50	3.75	4.50	13.50	13412		
965	Nguyễn Minh	Thuận	23/01/96	3708	A	1	3.00	4.50	4.50	13.50	13453		
966	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	28/03/95	14202	A	2	5.50	4.50	2.75	13.50	13314		
967	Trần Tấn	Vũ	04/07/96	2102	A	2NT	4.25	5.50	2.75	13.50	13342		
968	Võ Thị Mỹ	Thuần	15/03/96	7881	A	1	4.00	3.75	4.25	13.50	13382		
969	Phan Thu	Hà	15/06/96	21134	A	2	3.75	5.75	3.50	13.50	3544		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
970	Lê Nhật	Tuấn	15/12/96	28708	A1	2	4.00	5.50	3.50	13.50	128		
971	Nguyễn Đức	Vinh	13/01/95	28741	A1	2	5.50	2.50	5.00	13.50	302		
972	Trần Thị Quỳnh	Anh	22/02/96	28032	A1	2	5.00	5.00	3.00	13.50	455		
973	Hồ Thị	Bích	06/09/96	29568	A1	1	3.00	5.25	3.50	13.50	612		
974	Phan Thúy	Thương	30/01/96	21666	A1	2	4.75	4.25	4.00	13.50	718		
975	Nguyễn Hoàng	Phượng	19/01/96	29838	A1	2	4.75	4.25	4.00	13.50	894		
976	Lê Hoàng	Phúc	14/12/96	28487	A1	2	4.25	3.75	5.00	13.50	925		
977	Trần Hoàng	Lân	07/12/96	31051	A1	2	5.00	5.50	2.50	13.50	1121		
978	Lê Việt	Đan	01/01/96	30982	A1	2	2.50	3.75	6.50	13.50	1129		
979	Võ Đình	Nguyên	05/04/96	28396	A1	2	3.50	4.50	5.00	13.50	1359		
980	Ngô Thanh Trí	Hoàng	08/12/96	29291	A1	2	5.50	3.25	4.25	13.50	1394		
981	Nguyễn Thế	Vinh	26/03/95	28740	A1	2	5.00	3.00	5.00	13.50	1657		
982	Đỗ Thị Kim	Thái	01/03/96	31167	A1	2NT	3.25	4.50	4.50	13.50	1698		
983	Hoàng Thành	Trung	21/01/96	28694	A1	2	3.50	5.25	4.00	13.50	2330		
984	Ngô Thị	Mận	02/02/96	1097	A1	2NT	3.75	3.75	5.00	13.50	12172		
985	Nguyễn Thị Hồng	Hải	15/11/96	28163	A1	1	5.25	3.25	3.50	13.50	12466		
986	Lại Thị Hồng	Nhung	21/05/95	1345	A1	1	2.50	4.75	4.75	13.50	3335		
987	Nguyễn Thị Trang	Nhung	27/10/95	20320	A1	2NT	5.25	3.25	4.00	13.50	12288		
988	Nguyễn Hữu Đức	Huy	04/06/96	31022	A1	2	5.25	4.75	3.00	13.50	3626		
989	Đoàn Thị Mỹ	Tiên	08/04/94	74883	D1	2	5.75	3.25	3.75	13.50	28		
990	Hồ Thị Thuý	Hà	28/09/95	75321	D1	2	5.25	4.00	3.50	13.50	37		
991	Ngô Kiều	Loan	11/09/95	74693	D1	2	4.00	3.50	5.25	13.50	255		
992	Trần Mỹ Uyên	Nhi	28/04/96	77112	D1	2	3.50	3.50	6.00	13.50	329		
993	Lê Thị Thảo	Trinh	06/05/96	73052	D1	2	4.25	3.00	5.50	13.50	469		
994	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	27/09/96	76060	D1	2	4.75	3.50	4.50	13.50	811		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
995	Nguyễn Thị	Hồng	26/08/96	69735	D1	1	5.00	3.00	4.00	13.50	1067		
996	Trương Thiếu	Anh	15/12/96	75455	D1	2	4.50	4.25	4.25	13.50	1194		
997	Trần Thị Thanh	Thảo	20/08/95	71193	D1	2	3.75	5.00	4.00	13.50	1237		
998	Trương Thị Quỳnh	Chi	18/08/95	76113	D1	2	3.75	3.50	5.50	13.50	1254		
999	Cao Thị Thuỳ	Trâm	05/09/96	75264	D1	2	5.50	4.50	3.00	13.50	1491		
1000	Hoa Thị Phương	Thơm	05/05/96	31016	D1	1	3.75	3.75	4.25	13.50	11003		
1001	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	21/01/96	74598	D1	2	3.00	3.50	6.25	13.50	11414		
1002	Nguyễn Thị Hồng	Loan	06/01/96	74692	D1	1	2.50	3.50	5.75	13.50	11712		
1003	Đinh Nữ Quỳnh	Trang	19/01/96	75441	D1	1	2.25	4.00	5.50	13.50	11759		
1004	Võ Thị	Diệu	19/07/95	73378	D1	2	4.00	3.50	5.25	13.50	11788		
1005	Hoàng Thị Ngọc	Lý	12/08/96	69471	D1	2	4.50	3.50	5.00	13.50	11826		
1006	Nguyễn Phi	Tây	01/10/96	77124	D1	1	4.50	3.25	4.00	13.50	11980		
1007	Nguyễn Thị Diệu	Hà	07/04/95	69365	D1	2	3.25	4.75	5.00	13.50	10015		
1008	Bùi Trần Linh	Chi	26/10/96	17317	D1	1	5.00	2.25	4.50	13.50	12062		
1009	Trần Thị	Thịnh	12/11/96	74482	D1	1	5.00	3.00	3.75	13.50	2730		
1010	Trần Thị Hương	Giang	03/08/96	71732	D1	1	2.25	4.50	5.25	13.50	2805		
1011	Đặng Thị Minh	Tâm	20/11/96	43050	D1	1	2.75	5.00	4.00	13.50	12472		
1012	Trần Thị Khánh	Diệu	25/11/96	71621	D1	1	4.75	2.50	4.50	13.50	12972		
1013	Thái Thị Kim	Quyên	04/12/96	34830	D1	1	4.75	3.00	4.00	13.50	12828		
1014	Bùi Thị	Ngát	19/05/95	69782	D1	2 06	2.50	3.50	6.00	13.50	2983		
1015	Lưu Thị	Mỹ	07/05/96	29019	D1	2NT	3.00	3.25	6.00	13.50	13155		
1016	Dương Thị	Thơm	19/05/95	75434	D1	2NT	5.25	2.50	4.50	13.50	13478		
1017	Nguyễn Bá Quỳnh	Nhi	12/03/95	45328	D3	2	3.00	5.00	5.00	13.50	2504		
1018	Nguyễn Thị	Thu	12/07/96	12020	A	2	5.00	4.50	2.75	13.00	198		
1019	Nguyễn Hoài	Thương	20/11/96	12398	A	2	4.25	4.50	3.75	13.00	332		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1020	Trương Thị Phương	Thảo	21/10/96	12347	A	2	4.75	4.75	3.00	13.00	341		
1021	Nguyễn Quang	Khải	01/10/96	12041	A	2	3.75	6.00	2.75	13.00	374		
1022	Nguyễn Thị	Mỹ	04/05/95	17068	A	1	2.50	4.75	4.00	13.00	420		
1023	Phan Thái	Tài	30/04/95	19848	A	2	4.25	4.25	4.00	13.00	425		
1024	Lê Văn	Công	15/10/96	18172	A	2NT	5.25	3.75	2.75	13.00	460		
1025	Phan Anh	Quang	15/11/95	19796	A	1	2.00	5.25	4.25	13.00	476		
1026	Huỳnh Văn	Nhật	01/03/94	12186	A	2	5.00	3.50	3.75	13.00	487		
1027	Hồ Văn	Thống	11/09/94	19900	A	2	5.00	3.50	3.75	13.00	618		
1028	Nguyễn Thị	Thuý	20/12/96	21549	A	2	2.75	6.25	3.50	13.00	726		
1029	Ngô Văn	Tiến	15/09/94	19934	A	2	3.00	3.00	6.50	13.00	805		
1030	Đỗ Ngọc Phan	Anh	29/10/96	12530	A	2NT	5.25	2.75	4.00	13.00	842		
1031	Phan Văn	Dũng	24/07/95	324	A	2NT	4.75	4.50	2.50	13.00	846		
1032	Hà Văn	Lập	29/01/96	18327	A	2	4.75	3.00	4.75	13.00	1038		
1033	Nguyễn Thị	Thanh	13/10/96	14540	A	2	3.75	4.50	4.00	13.00	1080		
1034	Trần Thiện	Quốc	09/04/96	19803	A	2NT	4.50	4.50	2.75	13.00	1097		
1035	Nguyễn Phú	Quý	06/04/95	17118	A	2NT	4.00	4.50	3.50	13.00	1169		
1036	Nguyễn Quốc	Bảo	16/09/96	19368	A	1 01	1.25	3.50	4.50	13.00	1438		
1037	Nguyễn Văn	Tùng	15/03/96	14765	A	1	3.75	3.25	4.50	13.00	1492		
1038	Trần Thị Mỹ	Hà	25/12/94	21137	A	2NT	3.75	4.00	4.25	13.00	1751		
1039	Nguyễn Văn Thu	Hương	21/01/95	18005	A	2	6.00	3.50	2.75	13.00	1776		
1040	Bùi Như	Tài	25/11/96	2600	A	2NT	2.50	5.00	4.50	13.00	11241		
1041	Thái Quang	Khanh	14/12/96	17019	A	2	5.25	4.25	2.75	13.00	1839		
1042	Huỳnh Đại	Dương	01/01/96	1666	A	2NT	3.50	5.00	3.50	13.00	1981		
1043	Nguyễn Nữ Tố	Uyên	03/01/95	28057	A	2NT	4.25	2.75	5.00	13.00	11308		
1044	Nguyễn Quang	Đạt	06/12/95	12621	A	2	2.75	5.50	4.00	13.00	2025		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1045	Hồ Đức	Dung	06/06/96	12590	A	1	2.75	5.50	3.25	13.00	2050		
1046	Nguyễn Ngô Hữu	Phấn	07/07/96	19052	A	2NT	2.75	4.75	4.25	13.00	2184		
1047	Hồ Quang	Sang	18/05/96	18476	A	1	4.25	3.50	3.50	13.00	2231		
1048	Trần Thị	Trâm	10/10/95	27792	A	3	4.50	5.25	3.25	13.00	11632		
1049	Nguyễn Thị Tú	Anh	01/10/96	18630	A	2NT	3.75	3.50	4.50	13.00	2358		
1050	Hoàng Văn Hồng	Hải	15/11/95	18810	A	1	4.25	4.00	3.00	13.00	2426		
1051	Nguyễn Thị Phương	Trang	19/09/96	19966	A	1	2.75	5.75	2.75	13.00	2467		
1052	Lê Trung	Nhân	12/11/96	13033	A	2	4.00	4.25	4.00	13.00	10013		
1053	Phan Thị Ngọc	Anh	19/09/95	11462	A	2	4.25	2.50	5.50	13.00	2588		
1054	Nguyễn Tường	Vy	13/08/96	3010	A	2	5.00	3.25	4.25	13.00	12625		
1055	Huỳnh Thị	Quyên	15/03/96	1429	A	2	4.75	3.50	4.00	13.00	12640		
1056	Lê Thanh	Tùng	27/07/96	14486	A	1	4.75	3.50	3.25	13.00	12664		
1057	Trần Thị	Huế	07/09/95	16305	A	1	3.25	5.25	2.75	13.00	12442		
1058	Võ Lê Kim	Anh	10/08/96	25057	A	1	4.50	3.25	3.75	13.00	12477		
1059	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/09/96	11405	A	2NT 06	3.25	3.50	4.00	13.00	12859		
1060	Đàm Xuân	Hải	10/03/95	25251	A	1	2.50	4.25	4.50	13.00	12882		
1061	Lê Nguyễn Ngọc	Đạt	23/06/96	12620	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	3006		
1062	Lê Văn	Anh	15/03/95	13799	A	2	4.00	4.50	4.00	13.00	3022		
1063	Nguyễn Ngọc	Việt	06/06/96	17235	A	1	2.75	4.75	3.75	13.00	13172		
1064	Trần Thị Thanh	Loan	02/06/96	21296	A	1	2.25	5.50	3.50	13.00	13173		
1065	Lê Bá	Vỹ	04/08/96	24130	A	1	4.75	3.75	3.00	13.00	13190		
1066	Phan Đình Hồng	Nam	04/07/94	12137	A	2	5.50	3.25	3.50	13.00	3259		
1067	Trần Lương Hoàng	Trân	07/04/96	10071	A	1	2.75	5.25	3.50	13.00	3283		
1068	Ngô Thị Hương	Giang	08/10/95	12663	A	2NT	4.25	3.25	4.25	13.00	3298		
1069	Đặng Hồng	Phong	16/09/94	18434	A	2	3.50	5.25	3.50	13.00	3403		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1070	Phan Thị Kim	Ngân	29/04/96	12991	A	2 06	3.50	4.75	3.00	13.00	3474		
1071	Trần Như	ý	04/03/95	25018	A	2	4.25	3.00	5.00	13.00	13266		
1072	Ngô Hải	Nhân	17/04/95	12183	A	2NT	3.75	4.50	3.50	13.00	12228		
1073	Trần Thị Kim	Mi	12/10/96	12112	A	2NT	4.25	4.75	3.00	13.00	12233		
1074	Lý	Tân	12/10/96	12319	A	2NT	4.25	4.50	3.25	13.00	13469		
1075	Dương Thị	Liên	10/10/96	14893	A	1	3.00	4.75	3.50	13.00	13356		
1076	Trần Thị Trà	My	03/12/96	26843	A1	2	4.00	2.50	6.00	13.00	86		
1077	Hoàng Thục	Nhi	21/12/96	28416	A1	2	5.25	2.50	4.75	13.00	165		
1078	Hoàng Mỹ	Khánh	17/03/95	27096	A1	2	4.00	3.75	4.75	13.00	169		
1079	Hoàng Công	Trí	04/09/96	26567	A1	2NT	3.25	4.25	4.50	13.00	536		
1080	Hà Thị Thu	Thủy	17/04/95	27324	A1	2	2.25	3.50	6.50	13.00	984		
1081	Lê Phước Bích	Thuận	03/04/95	29346	A1	2	4.00	3.25	5.25	13.00	1343		
1082	Lương Thị Mỹ	Hoa	19/01/96	2417	A1	2	3.50	4.50	4.25	13.00	11376		
1083	Mai Thị Thúy	Linh	25/09/95	29704	A1	2	4.00	4.50	4.00	13.00	2267		
1084	Trần Minh	Ngọc	06/03/96	9090	A1	2NT	3.50	3.75	4.75	13.00	2364		
1085	Dương Thị	Thảo	21/07/96	28568	A1	1	2.00	4.00	5.50	13.00	12534		
1086	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	10/02/96	28149	A1	1	4.50	3.75	3.25	13.00	12661		
1087	Lưu Thị	Mỹ	07/05/96	3451	A1	2NT	4.25	3.75	3.75	13.00	12492		
1088	Trần Anh	Tuấn	03/09/96	27392	A1	2	5.50	3.00	4.00	13.00	3280		
1089	Bùi Thị Diệu	Tuyết	01/09/94	22097	A1	3	5.25	4.50	3.00	13.00	13221		
1090	Trần Phan Kiều	My	10/10/95	72281	D1	2	3.75	4.75	3.75	13.00	157		
1091	Nguyễn Cát Ngọc	Thủy	03/05/96	70279	D1	2	5.50	3.50	3.25	13.00	221		04/09/14
1092	Nguyễn Thị	Huệ	05/03/96	75537	D1	1	3.25	3.00	5.00	13.00	685		
1093	Nguyễn Thị Kim	Hà	18/06/94	75776	D1	2	4.75	3.00	4.75	13.00	798		
1094	Trương Hoài	Nhi	01/10/96	69911	D1	2	2.75	2.75	6.75	13.00	979		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1095	Nguyễn Thị Thu	Ngân	01/08/96	70131	D1	2NT	4.50	2.50	5.00	13.00	986		
1096	Vương Huyền	Trinh	20/03/96	77149	D1	2	2.75	4.00	5.50	13.00	1164		
1097	Phan Thị Quỳnh	Chi	25/11/95	74545	D1	2	4.75	3.50	4.25	13.00	1255		
1098	Hồ Thị Thanh	Trúc	26/12/95	73850	D1	2	5.00	2.25	5.00	13.00	1481		
1099	Đỗ Thị	Duyên	26/03/96	73385	D1	2NT	3.25	5.00	3.75	13.00	1535		
1100	Lê Thị Trường	Vy	26/03/96	35809	D1	2NT	2.50	4.50	5.00	13.00	11307		
1101	Huỳnh Thị Yến	Lan	07/03/96	77073	D1	2	4.25	3.50	4.50	13.00	11413		
1102	Hồ Thị	Hồng	14/08/94	74642	D1	2NT	3.00	3.50	5.50	13.00	2455		
1103	Đỗ Thị Khánh	Linh	24/05/96	73558	D1	2NT	3.25	2.75	6.00	13.00	11900		
1104	Bùi Thị Diễm	My	17/07/95	77088	D1	2	5.25	3.00	4.25	13.00	12177		
1105	Bùi Thị Thủy	Tiên	24/05/95	23145	D1	1	5.75	3.50	2.25	13.00	13166		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trương Văn Tiến	Đạt	09/12/96	21114	A	2	6.00	4.50	4.50	15.50	462		
2	Lê Thị	Gái	17/07/95	21122	A	1	4.75	4.50	4.50	15.50	1166		
3	Phan Minh	Hải	22/12/96	30772	A1	2	5.25	5.00	4.75	15.50	3471		
4	Ngô Xuân	Hạ	07/10/95	14932	A	2	5.00	5.00	4.50	15.00	11889		
5	Lê Hà Trọng	Châu	03/02/96	28783	A1	2	4.25	5.00	5.00	15.00	3121		
6	Nguyễn Nhật	Hoàng	09/03/96	31015	A1	2	4.50	4.50	5.25	15.00	3157		
7	Phạm Tiến	Lợi	20/10/96	28310	A1	2	4.00	4.25	5.00	14.00	3120		
8	Alăng Thị	Nhêu	20/04/94	3798	A1	1 01	2.50	4.50	2.75	13.50	13226		
9	Trần Thị Mỹ	Hà	25/12/94	21137	A	2NT	3.75	4.00	4.25	13.00	1749		
10	Thái Quang	Khanh	14/12/96	17019	A	2	5.25	4.25	2.75	13.00	3267		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
11	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	03/09/96	5646	A	1	3.75	3.50	4.00	13.00	13286		
12	Nguyễn Thị Thanh	Trà	02/02/95	28979	A1	2	6.00	2.50	4.00	13.00	2301		
13	Nguyễn Thị Diệu	Vân	08/10/96	28731	A1	2	4.75	4.25	3.00	12.50	693		
14	Nguyễn Xuân	Thịnh	12/08/96	30346	A1	2	2.50	4.75	4.75	12.50	1729		
15	Phan Gia	Thanh	13/01/95	17731	A	1	3.75	3.75	3.00	12.00	148		
16	Nguyễn Văn	Khôi	19/09/96	19606	A	2	4.00	2.25	5.00	12.00	3426		
17	Trần Dũng	Thắng	12/06/96	26711	A1	2	3.25	5.25	3.00	12.00	336		
18	Hồ Thị Hồng	Hải	09/10/96	29616	A1	2NT	3.25	3.25	4.25	12.00	628		
19	Lê Hiền	Lương	08/03/95	24241	A	1	3.00	3.25	3.50	11.50	19		
20	Đặng Đức	Thiên	15/09/95	30211	A1	1	3.50	3.50	2.25	11.00	23		
21	Hồ Thị	Hồng	14/08/94	30662	A1	2NT	2.25	3.25	4.50	11.00	2454		
22	Hồ Đức	Hót	04/03/91	16302	A	1 01	0.25	3.25	3.25	10.50	2518		
23	Nguyễn Thế	Cường	25/02/94	17773	A	2NT	2.00	3.75	3.75	10.50	13537		
24	Nguyễn Thị Tâm	Thảo	27/09/95	28576	A1	2	3.75	2.50	3.50	10.50	3531		
25	Phùng Hữu	Bun	25/09/96	15070	A	2	4.00	2.75	2.50	10.00	1363		
26	Phạm Như Quốc	Bảo	08/06/96	17335	A	2NT	2.00	3.50	3.25	10.00	3158		
27	Phan Thế	Đoàn	06/05/95	18208	A	1	2.00	3.50	2.75	10.00	3309		
28	Thân Ngọc	Bình	16/09/96	30356	A1	2NT	3.00	3.25	2.75	10.00	2243		
29	Đậu Thiện	Hùng	16/01/96	30314	A1	2NT	2.25	3.50	3.00	10.00	12982		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trà Hồng	Anh	07/04/95	801	A	2NT	7.00	6.75	6.50	21.50	13333		
2	Nguyễn Từ	Hải	21/12/96	60343	B	2	6.50	7.50	4.50	19.00	3138		
3	Ngô Phương	Nguyên	13/03/95	2358	A	2	6.00	6.25	4.75	17.50	1812		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
4	Nguyễn Khánh Tiến	Mẫn	03/11/96	14251	A	2NT	5.75	5.75	4.75	17.50	2205		
5	Trần Hữu	Sáng	11/09/95	2835	A	2NT	5.75	5.25	5.50	17.50	12620		
6	Nguyễn Văn	Bình	27/02/95	59893	B	2NT	5.75	6.00	4.50	17.50	2563		
7	Nguyễn	Lâm	12/06/94	21264	A	1	6.00	6.00	3.25	17.00	1297		
8	Thái Văn	Tùng	25/11/96	11091	A	1	3.50	5.50	6.50	17.00	11765		
9	Phan Thị Thuỷ	Tiên	28/09/96	59688	B	2	6.50	5.00	4.75	17.00	1201		
10	Đoàn Ngọc	Tây	30/03/96	46938	B	2NT	4.50	4.25	6.75	16.50	2027		
11	Trần Thị Ngọc	Huyền	17/12/96	46514	B	2NT	5.00	5.75	4.75	16.50	12178		
12	Huỳnh Tấn	Tình	20/05/96	27674	A	1	5.00	5.50	3.75	16.00	3030		
13	Hoàng Anh	Thư	30/09/96	26039	A	2	6.50	5.25	3.50	16.00	3206		
14	Hà	Quang	16/08/95	46831	B	2	4.75	5.75	5.00	16.00	39		
15	Nguyễn Thân	ái	01/06/96	46193	B	2	6.00	5.50	4.00	16.00	950		
16	Trần Thị	Trang	01/02/95	8431	B	2NT	4.25	5.75	4.75	16.00	11012		
17	Lê Như Anh	Quân	18/10/96	46840	B	2	6.50	4.25	4.75	16.00	2055		
18	Nguyễn Văn	Tâm	05/11/96	42698	B	2NT	5.75	4.75	4.50	16.00	11645		
19	Nguyễn Thị	Sương	09/09/95	49658	B	2	6.00	5.25	4.00	16.00	2448		
20	Trương Công Hồng	Hải	08/08/96	42392	B	2	6.25	5.50	3.50	16.00	2669		
21	Huỳnh Thị Cẩm	Phi	24/06/96	60698	B	2NT	5.00	5.50	4.50	16.00	12997		
22	Lê Thị Quỳnh	Anh	15/06/96	42269	B	2NT	4.50	6.00	4.50	16.00	2936		
23	Đào Thị	Hoài	01/09/95	40858	B	2NT 06	5.25	4.75	4.00	16.00	3254		
24	Nguyễn Thị	Lành	11/10/96	42484	B	2	5.25	7.50	2.75	16.00	3486		
25	Lê Thị Hồng	Hạnh	12/12/95	49397	B	2NT 06	6.25	4.00	3.50	16.00	3487		
26	Nguyễn ánh	Trung	28/10/96	42809	B	2NT	5.25	3.25	6.25	16.00	13290		
27	Trần Đình	Trung	05/01/96	42810	B	2NT	5.25	4.00	5.50	16.00	12326		
28	Châu Quốc	Nhân	18/05/96	42593	B	2	5.25	5.50	4.50	16.00	3602		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
29	Võ Thị	Thủy	20/11/96	41830	B	2NT	5.50	5.00	4.25	16.00	3606		
30	Nguyễn Văn	Tý	23/09/96	42176	B	2	6.00	5.25	4.25	16.00	3538		
31	Ngô Đức	Anh	25/09/96	57548	B	2	3.75	5.25	6.50	16.00	3599		
32	Lê Ích	Công	20/02/95	16929	A	2NT	3.75	5.25	5.25	15.50	669		
33	Lê Ích	Công	20/02/95	16929	A	2NT	3.75	5.25	5.25	15.50	670		
34	Lê Thị	Yến	10/04/96	22150	A	2NT	5.50	4.50	4.25	15.50	11528		
35	Nguyễn Văn	Hữu	04/01/95	17018	A	2NT	5.25	5.25	4.00	15.50	2754		
36	Nguyễn Văn	Bình	27/02/95	16915	A	2NT	5.75	3.25	5.50	15.50	2562		
37	Lê Thị	Thơm	28/05/96	17707	A	2NT	6.00	4.50	3.75	15.50	3080		
38	Nguyễn Tấn	Rin	18/08/94	16560	A	2	4.75	6.50	3.50	15.50	3085		
39	Trần Thị	Oanh	06/08/95	353	A	1	4.25	5.00	4.50	15.50	3305		
40	Đỗ Tường	Hiếu	13/04/96	10215	A	2	5.25	5.50	4.25	15.50	3448		
41	Lê Minh	Phú	28/04/93	42628	B	2	6.00	3.75	5.25	15.50	72		
42	Hồ Ngọc	Thanh	24/06/96	42709	B	1	5.50	3.75	4.75	15.50	11200		
43	Đặng Thị	Mỹ	19/12/96	42567	B	2NT	5.50	5.50	3.50	15.50	11439		
44	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	02/03/96	46430	B	1	3.75	6.75	3.50	15.50	2133		
45	Nguyễn Đăng	Tuất	04/09/94	42831	B	1	2.25	6.50	5.00	15.50	11701		
46	Nguyễn Thị Lệ	Nhung	16/01/95	46771	B	1	5.25	5.00	3.50	15.50	11863		
47	Nguyễn Văn	Tương	26/08/95	47179	B	2	6.25	4.50	4.00	15.50	2831		
48	Nguyễn Thị	Giang	01/04/95	1524	B	1	4.75	5.75	3.50	15.50	2999		
49	Dương Phương	Nam	08/03/96	46691	B	1	5.00	5.25	3.75	15.50	13146		
50	Nguyễn Anh	Thiên	20/02/92	42738	B	2NT 03	4.00	4.75	3.75	15.50	3705		
51	Phan Văn	Thắng	20/08/96	19153	A	1	4.75	4.50	4.25	15.00	364		
52	Nguyễn Văn	Long	01/12/96	18952	A	2NT	5.75	4.75	3.50	15.00	1413		
53	Lê Quốc	Thọ	20/08/96	19172	A	1	2.50	5.25	5.50	15.00	1576		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
54	Đoàn Văn	Hùng	21/07/94	3980	A	2NT	4.75	4.50	4.50	15.00	11313		
55	Nguyễn Văn	Phong	01/12/93	19059	A	2NT 07	4.50	5.50	3.00	15.00	2463		
56	Thái Hữu	Minh	03/03/95	23406	A	2NT	5.00	5.50	3.25	15.00	2703		
57	Lê Thị	My	04/02/95	18976	A	2NT	6.00	3.50	4.25	15.00	2540		
58	Lê Quốc	Thọ	20/08/96	19172	A	1	2.50	5.25	5.50	15.00	2928		
59	Lê Hoàng Nhật	Nam	05/09/96	12977	A	2	4.00	5.00	5.50	15.00	2938		
60	Nguyễn Văn	Phong	01/12/93	19059	A	2NT 07	4.50	5.50	3.00	15.00	3198		
61	Nguyễn Thị	Thái	06/04/96	17151	A	2NT	5.00	4.00	5.00	15.00	3232		
62	Lê Minh	Khải	27/08/95	4402	A	2NT	4.75	4.50	4.50	15.00	3450		
63	Nguyễn Văn	Hải	22/01/96	42388	B	1	3.25	4.25	5.75	15.00	662		
64	Phạm	Yến	24/04/95	45971	B	1	4.25	4.50	4.50	15.00	1076		
65	Đoàn Quốc	Phong	25/01/95	45535	B	2NT	4.75	5.75	3.50	15.00	1140		
66	Nguyễn Trí	Nhân	01/01/96	28012	B	2NT	4.00	4.75	5.00	15.00	1788		
67	Hoàng Tuấn	Vũ	31/07/95	47211	B	2	6.25	3.75	4.50	15.00	1813		
68	Trần Đình Minh	Thiện	12/01/96	46123	B	2NT	4.50	4.75	4.50	15.00	11472		
69	Bùi Ngọc	Đức	17/04/96	46346	B	2NT	4.75	5.50	3.75	15.00	2125		
70	Đoàn Thái	Ngọc	07/02/95	46732	B	2NT	5.50	4.00	4.25	15.00	11610		
71	Trương Thanh	Huy	01/05/96	46500	B	2NT	3.75	5.50	4.75	15.00	2366		
72	Văn Công	Trình	11/06/96	45848	B	1	3.25	4.75	5.50	15.00	2721		
73	Võ Hoài	Phúc	20/01/96	46099	B	2	5.25	3.50	5.50	15.00	2889		
74	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/03/96	61308	B	2	6.00	4.25	4.00	15.00	2523		
75	Lê Chí	Công	15/01/96	45987	B	1	5.75	3.50	4.25	15.00	12444		
76	Trần Văn	Lương	20/07/96	42532	B	1	4.00	5.75	3.50	15.00	12902		
77	Trần Thanh	Vương	14/05/95	47224	B	1	5.50	4.50	3.50	15.00	12910		
78	Lê Văn	Sang	10/11/95	42672	B	1	5.25	4.50	3.50	15.00	12924		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
79	Nguyễn Văn	Linh	20/04/95	42507	B	1	4.75	5.00	3.50	15.00	12846		
80	Lưu Công Vỹ	Hiếu	23/05/96	46435	B	2NT	3.75	6.50	3.50	15.00	2924		
81	Hồ Duy	Hoá	26/09/96	45187	B	2NT	4.75	5.00	4.00	15.00	12318		
82	Hồ Hải	Đăng	15/01/96	16174	A	1	4.00	4.50	4.25	14.50	307		
83	Ngô Thanh	Hòa	25/01/96	16299	A	2	6.00	4.50	3.50	14.50	876		
84	Trần Đăng	Quý	04/08/96	19097	A	2	3.50	6.50	3.75	14.50	2780		
85	Nguyễn Văn	Trịnh	08/05/95	47113	B	1	4.75	4.50	3.75	14.50	604		
86	Nguyễn Phú	Quý	06/04/95	45613	B	2NT	6.00	4.50	2.75	14.50	1168		
87	Nguyễn Đức Minh	Phụng	22/04/96	44651	B	2	5.75	4.75	3.25	14.50	1295		
88	Ngô	Nhân	01/01/95	47959	B	2	5.50	5.50	3.00	14.50	1761		
89	Trần Thị	Dung	24/02/96	15089	B	1	4.75	4.50	3.75	14.50	11260		
90	Nguyễn Thị	Hiền	13/03/96	42405	B	2NT	4.75	4.25	4.50	14.50	11640		
91	Nguyễn Thị	Nhị	06/10/95	42607	B	1	4.25	5.00	3.50	14.50	11908		
92	Nguyễn Xuân	Tú	25/03/93	42846	B	2NT	5.50	3.75	4.00	14.50	2538		
93	Lê Thị Kim	Hải	17/03/95	46392	B	2NT	4.75	4.25	4.25	14.50	12520		
94	Nguyễn Doãn	Cường	24/04/93	46254	B	1	2.50	4.75	5.50	14.50	3367		
95	Đào Thị	Liên	13/05/96	42499	B	2NT	4.50	5.50	3.50	14.50	12349		
96	Nguyễn Văn	Danh	04/10/95	12582	A	1	5.25	4.50	2.75	14.00	366		
97	Võ Phúc	Đoàn	09/02/96	23937	A	2	5.50	4.25	3.50	14.00	2329		
98	Nguyễn Đình	Trung	21/09/96	17208	A	2NT	5.25	3.50	4.25	14.00	2397		
99	Lê Cao	Đài	02/11/96	16950	A	2NT	4.00	5.50	3.50	14.00	11833		
100	Phạm Văn	Hảo	20/04/96	18227	A	2NT	4.50	5.00	3.25	14.00	12008		
101	Nguyễn Hồng	Câu	23/10/96	31542	A	1	3.50	4.75	4.25	14.00	12630		
102	Nguyễn Thành	Yên	18/12/96	5179	A	2NT	4.75	5.00	3.25	14.00	12955		
103	Nguyễn Thành	Yên	18/12/96	5179	A	2NT	4.75	5.00	3.25	14.00	12983		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
104	Nguyễn Thị Hoài	Linh	17/09/96	18940	A	2NT	4.75	4.25	3.75	14.00	12876		
105	Lê Thái	Doãn	30/07/96	838	A	1	4.00	4.00	4.50	14.00	12287		
106	Nguyễn Văn	Cường	02/04/96	16935	A	2NT	3.75	5.50	3.75	14.00	12348		
107	Nguyễn Khoa Việt	Tài	22/12/96	50439	B	2	4.50	3.25	5.75	14.00	767		
108	Trương Văn Đại	Phong	23/12/90	42625	B	2	4.50	5.00	4.00	14.00	1262		
109	Trần Văn	Khải	12/11/95	42472	B	1	3.00	5.25	4.25	14.00	1561		
110	Võ Tiến	Long	12/04/96	45357	B	1	4.00	4.00	4.25	14.00	1582		
111	Lê Quốc	Thắng	23/01/96	42736	B	1	3.00	5.25	4.25	14.00	1609		
112	Nguyễn Tổng	Lộc	06/08/95	46640	B	1	3.50	4.50	4.50	14.00	1925		
113	Đặng Thị Khánh	Huyền	16/01/96	3481	B	2NT	3.50	4.00	5.50	14.00	11379		
114	Phan Minh	Thiện	28/02/95	36029	B	2NT	3.75	5.25	3.75	14.00	11402		
115	Lê Bá	Nhân	29/04/96	42594	B	2	6.00	5.00	2.25	14.00	2158		
116	Nguyễn Trung	Hiếu	21/05/95	43908	B	2	4.50	4.50	4.50	14.00	2185		
117	Hồ Thị	Dúa	20/01/95	49352	B	1 01	2.00	4.75	3.75	14.00	2203		
118	Phan Minh	Thiện	28/02/95	36029	B	2NT	3.75	5.25	3.75	14.00	11614		
119	Đặng Bá	Hiệp	20/07/96	42419	B	2NT	4.50	5.50	2.75	14.00	11556		
120	Đặng Thị Khánh	Huyền	16/01/96	3481	B	2NT	3.50	4.00	5.50	14.00	11575		
121	Nguyễn Thị Khánh	Ly	24/02/95	42540	B	2NT	5.25	4.00	3.50	14.00	12001		
122	Nguyễn	Nam	11/02/94	43203	B	1	3.50	4.50	4.25	14.00	2776		
123	Nguyễn Ngọc	Vũ	19/05/96	47213	B	2NT	4.75	4.75	3.50	14.00	2833		
124	Phan Ngọc	Tiền	01/01/96	49761	B	2NT	4.00	5.25	3.50	14.00	12644		
125	Phan Thị	Duyên	06/11/95	46299	B	2NT	5.75	4.50	2.50	14.00	12841		
126	Bùi Như	Tài	25/11/96	10965	B	2NT	5.25	3.25	4.50	14.00	3233		
127	Hồ Việt	Hoàng	11/09/96	40865	B	2NT	5.25	5.25	2.50	14.00	3295		
128	Ngô Văn	Đức	06/04/96	42373	B	1	5.50	4.25	2.75	14.00	3577		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
129	Phạm Ngọc	Son	23/11/95	23617	A	2NT	4.75	4.00	3.50	13.50	501		
130	Võ Văn	Linh	17/01/96	18344	A	1	3.75	5.50	2.75	13.50	1147		
131	Trần Đình	Sự	10/08/95	17132	A	2	4.50	5.50	3.00	13.50	1431		
132	Nguyễn Tiến	Quốc	06/10/96	18464	A	1	5.00	3.75	3.25	13.50	1532		
133	La Thị Diệu	Na	24/11/96	18374	A	2	4.00	3.75	5.00	13.50	1745		
134	Nguyễn Thị Phước	Yên	15/01/96	18847	A	1 06	4.00	3.75	3.00	13.50	11336		
135	Trần Thị	Hiếu	25/10/96	18852	A	2NT	5.00	4.50	2.75	13.50	2173		
136	Dương Trần Văn	Hoàng	13/08/96	16997	A	2NT	4.00	5.00	3.50	13.50	2251		
137	Nguyễn Thanh	Tú	06/11/96	20871	A	2NT	4.50	5.25	2.75	13.50	2278		
138	Lê Văn	Lãm	10/10/96	17029	A	1	3.25	5.50	3.00	13.50	11737		
139	Hoàng Trung	Thành	04/08/96	19128	A	2NT	4.25	5.25	3.00	13.50	11811		
140	Phạm Văn	Trường	29/06/96	2067	A	2NT	2.25	6.50	3.50	13.50	11971		
141	Trần Thị	Thanh	10/10/95	19858	A	1	3.50	4.50	3.75	13.50	2801		
142	Dương Trần Văn	Hoàng	13/08/96	16997	A	2NT	4.00	5.00	3.50	13.50	2872		
143	Trương Tuấn	Vũ	09/08/96	17242	A	2NT	4.50	3.50	4.50	13.50	2510		
144	Nguyễn Công	Phi	13/03/96	19757	A	2	4.25	4.25	4.25	13.50	12130		
145	Hoàng Trung	Thành	04/08/96	19128	A	2NT	4.25	5.25	3.00	13.50	13227		
146	Nguyễn Tường	Ly	06/08/95	1548	A	2NT	4.25	4.50	3.50	13.50	12393		
147	Phạm Trọng	Tín	05/08/96	45815	B	2NT	3.75	5.00	3.50	13.50	497		
148	Phạm Minh	Hải	02/02/96	47501	B	2NT	4.25	4.50	3.75	13.50	502		
149	Nguyễn Vũ Quốc	Thịnh	15/03/95	45743	B	2	4.75	4.25	3.75	13.50	712		
150	Võ Hữu	Đang	17/08/96	42343	B	2NT	5.00	4.50	3.00	13.50	844		
151	Hồ Đức	Trọng	02/12/95	42802	B	1	2.00	6.75	3.25	13.50	1306		
152	Trần Thị Thu	Trinh	20/10/94	51141	B	2	3.75	4.50	4.75	13.50	1711		
153	Đình Xuân	Thịnh	19/06/95	42744	B	2NT	3.00	5.50	4.00	13.50	11335		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
154	Đoàn Thị Dạ	Khuyên	23/09/96	46563	B	2NT	5.00	4.00	3.25	13.50	2322		
155	Mai Thị	Thường	12/02/96	43651	B	2NT	4.75	4.50	3.25	13.50	11839		
156	Hồ Ngọc	Đông	28/06/96	45053	B	2	5.00	4.50	3.25	13.50	12045		
157	Trương Văn	Hạnh	04/03/95	45109	B	2	3.75	5.50	3.50	13.50	2697		
158	Lê Văn	Tuất	20/08/95	41993	B	2NT	5.00	3.50	3.75	13.50	2552		
159	Đặng Hồng	Phong	16/09/94	46802	B	2	5.25	4.50	3.00	13.50	2579		
160	Mai Thị Mỹ	Duyên	03/12/96	46297	B	2	4.50	4.75	3.75	13.50	12133		
161	Lê Thị Thùy	Trang	12/10/96	47083	B	2NT	4.75	4.25	3.25	13.50	3046		
162	Huỳnh Văn	Tĩnh	01/01/96	47070	B	2NT	4.00	4.75	3.75	13.50	3384		
163	Bùi Thị	Tĩnh	20/11/95	42772	B	2NT	4.25	5.00	3.25	13.50	12230		
164	Hồ Ngọc	Đông	28/06/96	45053	B	2	5.00	4.50	3.25	13.50	3639		
165	Nguyễn Tiến	Tuấn	10/03/96	42998	B	1	3.25	4.75	4.00	13.50	13304		
166	Phan Thị	Xuyến	16/04/95	47238	B	2	4.00	4.75	4.25	13.50	3556		
167	Nguyễn Văn	Vương	16/10/96	17249	A	2	4.75	4.25	3.50	13.00	131		
168	Lê Viết	Thiện	29/03/96	16637	A	2NT	3.50	3.75	4.50	13.00	316		
169	Nguyễn Thị	Mỹ	04/05/95	17068	A	1	2.50	4.75	4.00	13.00	419		
170	Nguyễn Phú	Quý	06/04/95	17118	A	2NT	4.00	4.50	3.50	13.00	1170		
171	Lê Quang	Tú	27/08/95	18600	A	2	3.00	4.50	4.75	13.00	1427		
172	Thái Quang	Khanh	14/12/96	17019	A	2	5.25	4.25	2.75	13.00	1840		
173	Lê Bá	Nhân	29/04/96	17087	A	2	3.25	4.50	4.50	13.00	2157		
174	Nguyễn Ngô Hữu	Phấn	07/07/96	19052	A	2NT	2.75	4.75	4.25	13.00	2292		
175	Nguyễn Anh	Sơn	08/12/94	19105	A	2	2.50	4.25	5.50	13.00	11670		
176	Ngô Ngọc	Dịu	03/10/96	16138	A	2NT	3.75	4.50	3.50	13.00	2408		
177	Ngô Thanh	Giang	14/07/96	16968	A	2NT	4.75	4.00	3.00	13.00	2409		
178	Hoàng Văn Hồng	Hải	15/11/95	18810	A	1	4.25	4.00	3.00	13.00	2427		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
179	Trần Công	Quy	10/04/95	17113	A	2NT	4.25	4.75	3.00	13.00	12049		
180	Cao Thị Mỹ	Duyên	06/04/96	18759	A	2NT	4.00	4.25	3.75	13.00	2648		
181	Bùi Hữu Vĩnh	Phú	24/08/95	2689	A	2NT	4.00	3.50	4.50	13.00	2555		
182	Nguyễn Thị	Thời	29/09/96	16644	A	2NT	4.50	3.50	3.75	13.00	3079		
183	Nguyễn Mậu	Huy	08/08/95	17010	A	2NT	3.25	3.00	5.50	13.00	3150		
184	Lê Văn	Thành	01/05/96	19129	A	2	1.25	4.75	6.25	13.00	3272		
185	Phạm Văn	Đạo	13/02/95	46003	B	2	4.50	4.50	3.50	13.00	326		
186	Nguyễn Hữu Đặng	Đức	31/03/96	45067	B	1	4.50	3.50	3.50	13.00	382		
187	Trần Công	Bảo	16/05/96	46202	B	2 06	3.25	4.25	4.00	13.00	424		
188	Trần	Hoàng	31/03/96	47601	B	2	2.25	4.50	5.50	13.00	840		
189	Nguyễn Thị	Phượng	06/06/96	46826	B	1	3.50	4.25	3.50	13.00	1109		
190	Nguyễn Văn	Theo	17/08/95	45724	B	1	4.25	4.50	2.50	13.00	1763		
191	Đào Văn	Nam	06/04/95	7926	B	2NT	3.25	3.75	4.75	13.00	11159		
192	Trần Quang	Thi	28/03/96	46981	B	1	4.25	4.00	3.25	13.00	2187		
193	Nguyễn Ngô Hữu	Phán	07/07/96	46792	B	2NT	3.25	5.00	3.50	13.00	2206		
194	Nguyễn Thế	Nam	19/05/96	42572	B	1	2.00	6.00	3.25	13.00	11618		
195	Lê Ngọc	Hoàng	22/04/96	42425	B	2	5.25	4.50	2.50	13.00	11735		
196	Nguyễn Bá	Nhật	26/08/96	42600	B	2NT	4.00	4.25	3.75	13.00	11550		
197	Võ Thị	Nhung	18/08/95	42611	B	2NT	4.00	4.00	3.75	13.00	11592		
198	Võ Anh	Thông	10/09/96	45755	B	1	3.75	4.25	3.50	13.00	2306		
199	Lê Bá	Tân	01/05/95	44733	B	1	3.75	4.50	3.00	13.00	2860		
200	Đào Văn	Nam	06/04/95	7926	B	2NT	3.25	3.75	4.75	13.00	12539		
201	Võ Đình	Nhật	07/04/95	46088	B	2NT	4.00	5.00	3.00	13.00	12601		
202	Nguyễn Thế	Cường	25/02/94	43844	B	2NT	3.75	5.25	3.00	13.00	12606		
203	Lê Đình	Vân	19/08/96	47192	B	2NT	2.50	5.75	3.75	13.00	12904		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
204	Hồ Sỹ Cường	15/02/96	47349	B	2	4.75 3.50 4.00	13.00	2969		
205	Nguyễn Quốc Phú	02/05/96	42629	B	2NT	3.75 4.25 3.75	13.00	3055		
206	Phan Phi Hùng	19/11/96	18367	B	1	2.75 4.50 4.25	13.00	12303		
207	Đặng Văn Lực	29/06/96	43186	B	1	4.75 4.25 2.50	13.00	12400		
208	Phạm Văn Tính	24/11/96	42781	B	1	4.25 4.50 2.75	13.00	13417		
209	Nguyễn Thế Cường	25/02/94	43844	B	2NT	3.75 5.25 3.00	13.00	13344		
210	Lê Tuấn Vũ	28/02/94	42869	B	1	2.00 4.75 4.50	13.00	3541		
211	Trần Thị Tiến Trinh	12/02/96	36442	B	1	3.75 4.00 3.50	13.00	13517		
212	Hoàng Thị Kim Thảo	03/03/96	19138	A	2	2.75 4.75 4.25	12.50	1198		
213	Trần Thị Thu Thủy	13/12/96	19206	A	1	1.75 5.25 4.00	12.50	1603		
214	Đặng Anh Vũ	05/09/95	18759	A	2NT	2.50 5.50 3.50	12.50	1731		
215	Phạm Trung Tín	06/01/94	19227	A	2NT	3.25 5.00 3.25	12.50	1956		
216	Nguyễn Văn Anh	20/08/95	16902	A	1	3.25 4.25 3.25	12.50	2031		
217	Hồ Xuân Hợi	12/04/95	10533	A	2	4.00 5.00 3.00	12.50	11509		
218	Phan Văn Đồng	23/10/96	16962	A	1	3.00 4.50 3.25	12.50	11929		
219	Đặng Thị Mỹ Diễm	17/06/96	16939	A	2NT	5.00 3.50 2.75	12.50	12493		
220	Mai Thị Hoa	11/10/96	17536	A	1	2.50 4.50 4.00	12.50	12724		
221	Nguyễn Minh Tuấn	06/06/93	17220	A	1	4.00 3.50 3.50	12.50	2943		
222	Lê Văn Tuấn	27/09/96	15844	A	2NT	3.50 4.00 3.75	12.50	3441		
223	Ngô Văn Sang	10/10/95	5948	A	1	2.25 3.50 5.25	12.50	13389		
224	Trần Ngọc Tiên	22/09/96	19218	A	2NT	2.25 4.50 4.50	12.50	3527		
225	Thái Ngọc Giáp	12/04/95	49874	B	2	1.00 5.75 5.25	12.50	902		
226	Phan Đình Quách Tú	07/02/96	42847	B	1	3.50 5.50 2.00	12.50	1172		
227	Nguyễn Văn Trung	25/02/96	43380	B	2NT	3.75 5.25 2.50	12.50	1600		
228	Tôn Thị Trâm	26/01/96	36399	B	2NT	2.50 5.25 3.75	12.50	11236		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
229	Võ Ngọc	Thức	24/06/96	48322	B	2NT	2.50	4.75	4.00	12.50	2054		
230	Nguyễn	Toàn	16/04/96	47074	B	2NT	4.00	3.75	3.50	12.50	2453		
231	Hoàng Trung	Thành	04/08/96	42714	B	2NT	5.00	3.25	3.00	12.50	11836		
232	Lê Viết	Quang	18/02/96	45573	B	2NT	3.25	4.75	3.25	12.50	12015		
233	Nguyễn Văn	Hậu	29/06/96	46421	B	1	2.75	3.25	5.00	12.50	2804		
234	Nguyễn Văn	Hiền	12/02/93	51749	B	2NT	4.25	4.50	2.50	12.50	2870		
235	Lê Mã	Lương	05/10/96	42531	B	2NT	4.25	4.25	2.75	12.50	12923		
236	Võ Thị	Hồng	07/06/94	46481	B	2NT	3.00	4.25	4.25	12.50	12728		
237	Lê Tự	Hòa	10/10/95	42436	B	2	2.25	6.00	3.50	12.50	12811		
238	Nguyễn Minh	Tuấn	06/06/93	42823	B	1	4.25	4.50	2.00	12.50	2944		
239	Lê Thanh	Long	05/03/95	45346	B	2NT	3.50	5.50	2.25	12.50	13115		
240	Nguyễn Lam	Giang	16/08/96	42374	B	2NT	3.25	5.50	2.50	12.50	13085		
241	Nguyễn Duy	Cường	13/09/95	46255	B	1	2.50	5.00	3.50	12.50	13086		
242	Phạm Thị	Vân	14/03/95	52809	B	1	2.25	5.25	3.50	12.50	3256		
243	Trần Đức	Lập	02/06/96	45315	B	2	4.25	4.50	3.00	12.50	3416		
244	Nguyễn Tân	Quốc	26/01/95	42655	B	2NT	5.00	3.50	2.75	12.50	12355		
245	Nguyễn Võ	Lử	04/08/96	41158	B	2	4.25	4.75	3.00	12.50	3724		
246	Nguyễn Thị	Sương	16/02/95	52434	B	2NT	4.00	4.75	2.50	12.50	3756		
247	Trương Đình	Thạnh	13/05/96	17732	A	2	4.00	3.75	3.50	12.00	323		
248	Nguyễn Văn	Khôi	19/09/96	19606	A	2	4.00	2.25	5.00	12.00	735		
249	Nguyễn Đức	Danh	15/01/94	1112	A	1	2.50	4.50	3.50	12.00	11042		
250	Hồ Văn	Long	01/01/96	24240	A	2NT	4.00	3.25	3.50	12.00	1881		
251	Lê Văn	Cao	02/01/96	16918	A	2	3.00	3.50	4.75	12.00	11688		
252	Trương Công	Tú	07/12/96	19284	A	2NT	3.75	4.50	2.50	12.00	11566		
253	Lê Viết	Quang	18/02/96	23558	A	2NT	2.50	5.00	3.50	12.00	12014		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
254	Võ Anh	Phương	17/10/95	7041	A	1	1.00	4.00	5.25	12.00	12503		
255	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/08/96	22983	A	1	2.50	4.00	4.00	12.00	12542		
256	Nguyễn Ngọc	Trọng	17/01/94	13351	A	2	3.00	4.50	4.00	12.00	3001		
257	Triệu Tấn	Nhanh	25/09/94	17085	A	1	3.00	3.00	4.50	12.00	3003		
258	Nguyễn Minh	An	10/01/96	42267	B	2	2.50	4.75	4.25	12.00	896		
259	Nguyễn Đình	Thắng	08/08/95	48244	B	2	4.25	5.50	1.75	12.00	1214		
260	Trần Minh	Vương	08/10/96	45962	B	2NT	4.25	4.50	2.00	12.00	1772		
261	Trần Đăng	Viễn	13/07/94	42856	B	2	3.50	4.75	3.25	12.00	11361		
262	Hoàng Công	Nhân	25/09/96	45465	B	2NT	2.25	3.75	4.75	12.00	2311		
263	Dương Minh	Nhật	05/11/96	45479	B	1	3.75	4.50	2.25	12.00	2391		
264	Cao Quỳnh	Anh	10/05/96	40405	B	2NT	4.25	3.50	3.25	12.00	11893		
265	Lê Thị	Hạnh	21/03/96	1937	B	2NT	2.50	4.50	3.75	12.00	12042		
266	Đình Văn	Hùng	21/10/95	43509	B	2NT	1.75	4.50	4.75	12.00	2740		
267	Trần Hữu	Huy	12/08/96	42447	B	2NT	2.75	4.75	3.50	12.00	2519		
268	Đặng Thế	Hiển	15/02/96	34483	B	2NT	2.00	4.25	4.50	12.00	12631		
269	Nguyễn Thị	Ty	17/07/96	12175	B	1	3.25	3.75	3.50	12.00	12174		
270	Nguyễn Thị	Hoa	27/11/96	46449	B	2NT	2.50	4.50	3.75	12.00	12704		
271	Đào Sỹ	Trung	10/08/96	47132	B	2NT	3.00	4.75	3.00	12.00	12727		
272	Trần Đăng	Viễn	13/07/94	42856	B	2	3.50	4.75	3.25	12.00	2919		
273	Tôn Nữ Thị	Hương	20/10/95	48636	B	2	3.75	5.75	2.00	12.00	2996		
274	Ngô Văn	Vũ	13/04/96	42101	B	2NT	0.75	6.75	3.50	12.00	3243		
275	Lê Thị Kim	Liên	21/09/96	13197	B	1	2.75	4.25	3.50	12.00	12312		
276	Liều Triệu Kim	Đài	07/01/96	51591	B	2	4.00	4.25	3.25	12.00	13515		
277	Hồ Đức	Trọng	02/12/95	17202	A	1	1.50	3.00	5.50	11.50	1307		
278	Bùi Hữu	Ngọc	19/03/94	2352	A	2NT	2.75	3.25	4.50	11.50	11089		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
279	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	30/12/96	2080	A	1	1.75	3.50	4.75	11.50	12447		
280	Nguyễn Thị Hải	Anh	20/10/96	17512	A	1	1.75	3.50	4.50	11.50	12500		
281	Trần Thị Ngọc	Bích	05/04/96	25123	A	2NT	3.25	3.50	3.50	11.50	12794		
282	Nguyễn Hải Đăng	Quân	13/10/96	7364	A	2NT	1.50	3.50	5.50	11.50	3372		
283	Lê Thị Kim	Liên	21/09/96	18933	A	1	2.75	4.50	2.75	11.50	12313		
284	Trình Văn	Đạt	12/07/96	321	A	1 06	4.50	2.50	1.75	11.50	13334		
285	Trần Thị Quỳnh	Như	30/06/96	49603	B	2	3.25	5.25	2.50	11.50	1267		
286	Nguyễn Công	Bình	12/04/95	50848	B	2NT	2.00	5.00	3.50	11.50	2326		
287	Ngô Thị Thu	Hàng	28/07/95	49974	B	2	3.00	5.75	2.00	11.50	3054		
288	Hồ Duy	Thế	25/06/95	49703	B	1	1.00	3.50	5.50	11.50	3100		
289	Nguyễn Thị	Phi	06/03/94	46794	B	1	0.75	5.25	3.75	11.50	13182		
290	Huỳnh Thị Thu	Thuý	07/02/96	13271	A	1	2.50	4.50	2.50	11.00	548		
291	Nguyễn Thị	Thuận	22/06/96	13263	A	2	1.50	4.50	4.25	11.00	1063		
292	Lê Hoàng Ngọc	Phú	02/07/96	24038	A	2	2.00	4.25	4.25	11.00	1118		
293	Hồ Thị	Thụy	27/04/95	18557	A	1	2.50	3.00	3.75	11.00	2485		
294	Phạm Xuân	Hạc	27/03/96	15562	A	2NT	1.50	4.75	3.75	11.00	12033		
295	Nguyễn Phước	Thi	18/07/96	17159	A	1	2.50	4.00	2.75	11.00	2911		
296	Lê Đắc Quốc	Việt	07/10/96	18610	A	2	3.25	4.75	2.50	11.00	3401		
297	Nguyễn Gia	Khánh	13/08/96	17021	A	1	1.50	4.25	3.75	11.00	13292		
298	Phan Văn	Phú	26/01/95	11394	A	2NT	1.50	4.00	4.25	11.00	3690		
299	Lê Hoàng Ngọc	Phú	02/07/96	60710	B	2	1.50	4.50	4.50	11.00	1119		
300	Lê Văn	Trung	10/10/95	43379	B	2	3.50	3.75	3.00	11.00	1210		
301	Trần Thị Thu	Ngọc	28/02/96	45443	B	2	2.25	4.50	3.50	11.00	1266		
302	Phùng Hữu	Bun	25/09/96	44945	B	2	3.00	4.50	3.00	11.00	1362		
303	Trương Văn	Dưỡng	02/02/96	46311	B	2	3.50	3.50	3.25	11.00	1419		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
304	Nguyễn Đình	Chung	20/01/95	46240	B	2NT	2.75	3.75	3.50	11.00	1741		
305	Nguyễn Văn	Vinh	30/09/96	47206	B	2NT	1.75	4.75	3.50	11.00	1854		
306	Phạm Thị Hồng	Nhung	22/08/96	42610	B	2NT	2.75	3.75	3.25	11.00	11724		
307	Trần Thị	Thùy	26/05/96	17172	A	2	0.50	5.25	4.00	10.50	868		
308	Nguyễn Minh	An	10/01/96	15466	A	2	1.25	4.50	4.25	10.50	895		
309	nguyễn tăng	khánh	21/11/96	10320	A	2	3.00	3.50	3.50	10.50	1311		
310	Trần Chí	Boi	26/09/96	18712	A	2NT	3.50	2.75	3.00	10.50	1468		
311	Hồ Đức	Hót	04/03/91	16302	A	1 01	0.25	3.25	3.25	10.50	2512		
312	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/07/95	11953	A	2NT	2.25	3.50	3.75	10.50	3142		
313	Nguyễn Văn	Chung	16/08/96	16924	A	2NT	1.50	4.50	3.00	10.00	2319		
314	Hồ Xuân	Chi	05/04/96	18166	A	1	2.00	3.50	3.00	10.00	2777		
315	Phan Nhật	Sáng	01/11/95	17124	A	2NT	1.00	4.50	3.50	10.00	12797		
316	Trần Văn	Cảnh	15/09/94	16920	A	1	0.50	3.50	4.25	10.00	3066		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trương Đình	Trung	27/08/96	57008	B	2	5.25	6.50	6.50	19.00	130		
2	Nguyễn Tuấn	Bính	06/03/96	244	A	1 04	4.75	4.50	4.75	17.50	2384		
3	Trần Quốc Kỳ	Văn	19/07/96	11267	A	2	6.25	5.75	4.25	17.00	1465		
4	Phan Hữu	Hình	09/02/96	60392	B	2	6.25	5.50	4.75	17.00	1350		
5	Lê Ngọc	Sơn	09/09/96	59530	B	2	5.75	6.25	4.50	17.00	2953		
6	Hồ Phú	Sĩ	25/09/95	41580	B	3	6.00	6.25	4.50	17.00	3286		
7	Trương Văn	Hiếu	14/01/96	12732	A	2	5.25	5.50	5.25	16.50	2316		
8	Lê Thị Huyền	Trang	13/10/96	7192	A	2NT	6.50	4.75	4.25	16.50	3014		
9	Hoàng Ngọc	Bảo	08/06/96	20281	A	2	5.25	5.00	5.50	16.50	3316		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
10	Hoàng Thị Kim	Phượng	10/01/96	6096	B	1	5.75	3.75	5.50	16.50	532		
11	Huỳnh Thị Kim	Anh	08/03/95	57535	B	2	5.75	5.00	5.25	16.50	1716		
12	Hồ Thị	Lan	16/10/96	46575	B	2NT	6.25	5.50	3.75	16.50	2886		
13	Huỳnh	Nam	23/12/95	50371	B	2NT	3.00	6.25	5.50	16.00	1127		
14	Nguyễn Thị Thạch	Linh	25/04/93	59225	B	2	5.75	5.00	4.50	16.00	1219		
15	Lê Phương	Thục	21/03/96	62153	B	2 06	6.25	3.75	4.50	16.00	1801		
16	Nguyễn Đức	Tân	21/01/96	46936	B	2NT	3.75	6.50	4.50	16.00	2569		
17	Đinh Văn Lê	Trưởng	01/02/96	18404	A	2	5.00	5.50	4.50	15.50	1611		
18	Nguyễn Phi	Yến	10/10/96	3190	A	1	4.75	4.75	4.50	15.50	11178		
19	Lưu Thành	Vinh	09/08/96	21130	A	2NT	4.25	2.75	7.50	15.50	11546		
20	Lưu Thành	Vinh	09/08/96	21130	A	2NT	4.25	2.75	7.50	15.50	11659		
21	Tán Thanh	Tâm	27/12/95	5970	A	3	4.25	6.00	4.50	15.00	12893		
22	Trương Thanh	Huy	01/05/96	46500	B	2NT	3.75	5.50	4.75	15.00	2367		
23	Đỗ Thị	Ngân	16/02/96	41275	B	1	5.00	4.50	3.75	15.00	3181		
24	Nguyễn Minh	Sỹ	10/10/96	48165	B	2	3.50	5.50	5.25	15.00	3290		
25	Hồ Hải	Đăng	15/01/96	16174	A	1	4.00	4.50	4.25	14.50	308		
26	Cao Thị	Thủy	15/05/95	4945	A	1	4.75	3.50	4.50	14.50	3115		
27	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/04/96	45083	B	1	3.50	5.25	4.25	14.50	1082		
28	Nguyễn Tuấn	Anh	28/10/95	42272	B	2NT	6.00	4.75	2.50	14.50	1848		
29	Nguyễn Quang	Trường	26/07/92	10544	A	3	6.00	4.25	3.50	14.00	1822		
30	Lê Thị	Cân	05/06/96	356	A	1	4.25	3.75	4.25	14.00	11441		
31	Nguyễn Văn	Tiến	09/04/95	43774	B	2	4.75	5.25	3.25	14.00	1720		
32	Trần Thị Thùy	Tiên	16/06/96	47046	B	2NT	4.75	4.75	3.50	14.00	2143		
33	Nguyễn Tài	Bảo	30/08/95	43809	B	1	3.00	4.50	5.00	14.00	11846		
34	Nguyễn Cao	Việt	01/05/96	44219	B	1	1.50	5.50	5.50	14.00	2616		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
35	Nguyễn Tài	Bảo	30/08/95	43809	B	1	3.00	4.50	5.00	14.00	2963		
36	Bùi Thị Kim	Anh	23/08/95	43013	B	2	5.00	5.50	3.00	14.00	13089		
37	Nguyễn Thị	Thảo	22/01/96	43619	B	2NT	3.75	4.25	4.75	14.00	12251		
38	Võ Hữu	Toản	20/02/95	43362	B	2NT	5.75	3.50	3.50	14.00	3512		
39	Phạm Ngọc	Son	23/11/95	23617	A	2NT	4.75	4.00	3.50	13.50	500		
40	Đặng Thị Như	Tín	01/10/96	3037	A	2NT	4.25	3.25	5.00	13.50	884		
41	Nguyễn Thị	Viễn	02/01/96	2196	A	1	3.25	5.25	3.50	13.50	11447		
42	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/11/96	45230	B	2	4.50	4.00	4.25	13.50	1793		
43	Đỗ Văn	Liếng	10/04/96	45316	B	1	4.25	5.25	2.50	13.50	1795		
44	Trần Hoàng	Nam	14/03/95	40658	B	2NT	2.75	6.00	3.75	13.50	11116		
45	Nguyễn Thượng	Vũ	13/02/96	44231	B	2NT	4.75	3.75	3.75	13.50	2141		
46	Trần Hữu	Bin	28/01/96	43028	B	2	4.00	3.50	5.25	13.50	2194		
47	Nguyễn Lương	Lữ	18/06/95	44017	B	2	5.00	5.50	2.50	13.50	12073		
48	Hoàng Thị Hồng	Hà	11/10/95	43892	B	1	4.25	4.50	3.25	13.50	2506		
49	Mai Thị Mỹ	Duyên	03/12/96	46297	B	2	4.50	4.75	3.75	13.50	12129		
50	Trịnh Xuân	Hưng	20/10/96	43511	B	1	5.00	4.50	2.50	13.50	12441		
51	Phan Thị	Xuyến	16/04/95	47238	B	2	4.00	4.75	4.25	13.50	3301		
52	Lê Văn	Nam	08/12/96	43202	B	1	3.25	4.25	4.50	13.50	12347		
53	Nguyễn Vũ Quốc	Thịnh	15/03/95	45743	B	2	4.75	4.25	3.75	13.50	3664		
54	Nguyễn Thị ánh	Hải	26/03/95	19487	A	1	2.50	5.00	3.75	13.00	964		
55	Trần Thị Thanh	Huyền	12/03/95	17811	A	1	3.75	4.25	3.50	13.00	11733		
56	Vũ Hữu	Minh	28/06/96	4215	A	1	3.25	5.50	2.75	13.00	13366		
57	Phạm Văn	Đạo	13/02/95	46003	B	2	4.50	4.50	3.50	13.00	327		
58	Trần Công	Bảo	16/05/96	46202	B	2 06	3.25	4.25	4.00	13.00	422		
59	Trần Thị Mỹ	Hà	25/12/94	50888	B	2NT	4.00	4.00	4.00	13.00	1750		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
60	Trần Hồng Kim	Ngọc	02/11/95	43216	B	1	5.00	3.75	2.75	13.00	2388		
61	Võ Tấn	Trung	07/02/96	43382	B	2NT	3.50	4.50	3.75	13.00	2738		
62	Phan Phi	Hùng	19/11/96	18367	B	1	2.75	4.50	4.25	13.00	12437		
63	Trần Anh	Tuấn	30/01/95	43395	B	2	4.25	5.50	2.75	13.00	12707		
64	Nguyễn Văn	Hưng	14/04/95	44499	B	2NT	3.25	5.00	3.50	13.00	12854		
65	Phan Thị Mỹ	Trinh	10/09/96	50198	B	2NT	3.50	5.25	3.25	13.00	2916		
66	Nguyễn Thị	Viễn	02/01/96	43414	B	1	3.00	5.00	3.50	13.00	13163		
67	Hồ Sỹ	Cường	15/02/96	47349	B	2	4.75	3.50	4.00	13.00	13040		
68	Võ Anh	Thông	10/09/96	45755	B	1	3.75	4.25	3.50	13.00	3495		
69	Đặng Văn	Lực	29/06/96	43186	B	1	4.75	4.25	2.50	13.00	12344		
70	Phan Quang	Phú	17/03/96	45541	B	2NT	3.50	4.50	4.00	13.00	3643		
71	Lê Tuấn	Vũ	28/02/94	42869	B	1	2.00	4.75	4.50	13.00	3562		
72	Trần Việt	Rôn	14/05/95	18474	A	2	3.75	4.75	3.25	12.50	510		
73	Phạm Thị	Liên	02/08/95	17040	A	1	6.25	3.00	1.75	12.50	709		
74	Nguyễn Văn	Anh	20/08/95	16902	A	1	3.25	4.25	3.25	12.50	2033		
75	Mai Thị	Hoa	11/10/96	17536	A	1	2.50	4.50	4.00	12.50	12725		
76	Trần Xuân	Thanh	18/11/91	19859	A	1	4.75	3.00	3.00	12.50	3645		
77	Đỗ Công	Hưng	25/06/95	43147	B	2	2.00	5.00	5.00	12.50	363		
78	Phan Đình Quách	Tú	07/02/96	42847	B	1	3.50	5.50	2.00	12.50	1171		
79	Nguyễn Thị Thùy	Nhi	06/06/95	43234	B	1	2.50	4.50	4.00	12.50	1310		
80	Trần Bá Duy	Long	05/07/96	43180	B	2NT	2.50	4.50	4.50	12.50	1559		
81	Nguyễn Văn	Trung	25/02/96	43380	B	2NT	3.75	5.25	2.50	12.50	1599		
82	Thái Quang	Khanh	14/12/96	42467	B	2	4.75	4.50	2.50	12.50	1838		
83	Đặng Văn	Hải	22/07/96	45102	B	1	4.00	4.25	2.75	12.50	1946		
84	Trần Thị	Thảo	07/06/96	49925	B	1	4.00	3.00	3.75	12.50	11705		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
85	Trần Vũ	Hoàng	10/10/94	43121	B	1	4.25	4.00	2.50	12.50	11717		
86	Nguyễn Thị Vân	Trang	11/03/96	41899	B	2NT	3.75	3.50	4.25	12.50	2748		
87	Trần Vương	Thịnh	09/01/96	51361	B	2	3.00	4.50	4.50	12.50	12959		
88	Lê Thị Lệ	Như	04/10/96	48001	B	2NT	3.50	4.25	3.50	12.50	13116		
89	Thái Quang	Khanh	14/12/96	42467	B	2	4.75	4.50	2.50	12.50	3268		
90	Nguyễn Hữu	Long	27/08/96	43535	B	1	3.25	5.00	2.75	12.50	3325		
91	Trần Chung	Đức	02/10/96	43078	B	1	4.00	4.00	3.00	12.50	12280		
92	Võ Thị Thu	Huyền	14/06/96	21220	A	2	3.50	4.25	3.50	12.00	277		
93	Nguyễn Văn	Khôi	19/09/96	19606	A	2	4.00	2.25	5.00	12.00	736		
94	Huỳnh Hữu	Huy	17/01/96	22626	A	2	3.50	3.75	4.00	12.00	796		
95	Trương Thị Thanh	Liều	20/04/94	10341	A	2NT	4.00	2.50	4.25	12.00	11231		
96	Lê Thị Hiền	Thanh	26/04/96	17309	A	2NT	3.75	4.50	2.50	12.00	11591		
97	Nguyễn Bảo	Định	26/09/96	12633	A	2	3.25	4.25	3.75	12.00	2605		
98	Nguyễn Văn	Phương	14/02/96	19782	A	1	2.75	3.25	4.25	12.00	12762		
99	Dương Thị	Diễm	05/10/96	13540	A	1	2.50	3.00	4.75	12.00	12368		
100	Nguyễn Phước Quý	Tuấn	05/01/96	44837	B	2	4.00	4.00	3.50	12.00	1416		
101	Cao Quỳnh	Anh	10/05/96	40405	B	2NT	4.25	3.50	3.25	12.00	11884		
102	Hồ Đăng Hoài	Duy	20/10/95	43049	B	2NT	3.75	4.00	3.25	12.00	3134		
103	Nguyễn Đình	Thắng	08/08/95	48244	B	2	4.25	5.50	1.75	12.00	3355		
104	Hoàng	Định	26/02/96	45049	B	2NT	2.75	4.50	3.50	12.00	3400		
105	Võ Việt	Hùng	14/08/95	44497	B	2NT 06	2.75	4.00	3.25	12.00	12234		
106	Trần Văn	Nhật	08/05/96	47979	B	2	3.75	4.00	3.50	12.00	3727		
107	Lê Hiền	Lương	08/03/95	24241	A	1	3.00	3.25	3.50	11.50	18		
108	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	30/12/96	2080	A	1	1.75	3.50	4.75	11.50	12632		
109	Nguyễn Thị	Thương	06/04/96	17594	A	1	3.25	4.00	2.50	11.50	12462		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
110	Nguyễn Thị Hải	Anh	20/10/96	17512	A	1	1.75	3.50	4.50	11.50	12499		
111	Trần Vương	Thịnh	09/01/96	19898	A	2	3.25	3.75	3.75	11.50	12961		
112	Lê Thị	Minh	30/10/96	16418	A	1 06	3.00	4.25	1.50	11.50	13272		
113	Trần Văn	Việt	27/05/96	2156	A	2NT	4.50	2.75	3.25	11.50	13512		
114	Trần Thị Thanh	Xoa	02/10/95	42177	B	1	2.00	4.50	3.50	11.50	1229		
115	Nguyễn Thành	Đạt	07/08/96	2776	B	2NT	4.50	3.50	2.50	11.50	1294		
116	Ngô Quang	Minh	20/06/96	42948	B	2NT	2.25	5.75	2.50	11.50	12091		
117	Ngô Thị Thu	Hằng	28/07/95	49974	B	2	3.00	5.75	2.00	11.50	2859		
118	Nguyễn Thúy	Quỳnh	14/11/96	44087	B	1	3.25	3.75	3.00	11.50	12886		
119	Cao Thị	Dung	02/06/95	42188	B	1	1.25	4.50	4.00	11.50	13109		
120	Võ Hoàng	Phi	06/07/96	42959	B	1	3.25	4.75	2.00	11.50	13003		
121	Võ Hoàng	Phi	06/07/96	42959	B	1	3.25	4.75	2.00	11.50	13255		
122	Huỳnh Thị Thu	Thúy	07/02/96	13271	A	1	2.50	4.50	2.50	11.00	546		
123	Lê Quốc	Huy	17/09/96	17806	A	2	3.75	4.25	2.25	11.00	673		
124	Võ Quang	Hùng	02/01/95	17395	A	2	1.00	5.00	4.50	11.00	1541		
125	Lê Thị Thu	Hà	04/10/96	17265	A	1	1.00	3.75	4.50	11.00	12885		
126	Trần Thị	Thúy	16/06/95	21559	A	1 06	0.25	5.50	2.75	11.00	12279		
127	Lê Thị	Huyền	08/04/95	17392	A	2NT	4.00	3.25	2.50	11.00	12285		
128	Lê Văn	Trung	10/10/95	43379	B	2	3.50	3.75	3.00	11.00	1212		
129	Nguyễn Quang	Bảo	18/06/96	43442	B	2NT	3.25	3.25	3.50	11.00	12017		
130	Hồ Xuân	Hùng	22/03/95	44493	B	1	2.75	3.25	3.50	11.00	2707		
131	Phạm Như Quốc	Bảo	08/06/96	43024	B	2NT	4.25	3.50	2.00	11.00	3160		
132	Trần Thị Thu	Trình	11/06/96	8690	B	1	1.00	3.75	4.50	11.00	13431		
133	Phan Khánh	Phương	26/06/95	52367	B	2	3.75	3.50	3.00	11.00	3534		
134	Hà Thúc Tâm	Nhân	29/02/96	44045	B	2	2.00	4.50	3.75	11.00	3587		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
135	Bùi Lê Hồng	Phong	09/08/96	7727	A	1	2.00	4.50	2.50	10.50	12093		
136	Lê Văn	Tấn	18/03/96	18506	A	2	0.75	4.50	4.25	10.00	675		
137	Lê Kim	Phước	04/08/95	17448	A	2NT	1.00	4.00	4.00	10.00	1872		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phạm Trương Nhật	Linh	30/06/96	58041	B	2	7.00	6.50	5.00	19.00	1415		
2	Lê Xuân	Trường	07/06/96	1770	A	1	6.50	6.50	4.00	18.50	11095		
3	Nguyễn Thị	Hiệu	08/11/96	2049	A	1	5.25	6.25	5.50	18.50	11394		
4	Nguyễn Thị	Thương	27/08/96	60913	B	2NT	5.50	5.25	6.50	18.50	12786		
5	Nguyễn Văn	Hải	21/06/95	1256	A	2	6.00	6.50	4.75	18.00	2556		
6	Phan Đức	Nhân	06/12/96	5898	B	2	6.00	5.50	5.75	18.00	847		
7	Nguyễn Ngọc	Quang	19/07/95	2856	A	2NT	5.25	6.75	4.50	17.50	1774		
8	Nguyễn Khánh	Linh	31/08/96	61620	B	2	5.50	5.00	6.50	17.50	2950		
9	Lê Thị Thuỳ	Trang	10/08/96	62200	B	2	5.75	6.50	4.50	17.50	3327		
10	Hồ Ngọc	Ba	14/06/96	2051	A	2NT	6.00	5.75	4.25	17.00	21		
11	Nguyễn Thị Phương	Ngân	04/01/96	41272	B	1	6.00	4.75	4.75	17.00	2545		
12	Lê Văn	Chương	24/06/96	16114	A	2	5.75	5.50	4.50	16.50	136		
13	Phan Thị Thuỷ	Tiên	28/09/96	21580	A	2	7.00	4.50	4.50	16.50	1202		
14	Nguyễn Thị	Thắm	20/10/96	1639	A	1	5.00	5.25	4.50	16.50	11008		
15	Võ Tuấn	Cường	28/09/96	1106	A	1	4.75	5.75	4.25	16.50	12356		
16	Phan Đình Quyền	Dương	10/03/95	40618	B	1	5.00	5.50	4.50	16.50	530		
17	Trương Bá	Thiện	03/11/96	49161	B	1	6.00	4.00	5.00	16.50	754		
18	Nguyễn Thị Thanh	Nga	10/03/96	41251	B	1	5.00	4.50	5.50	16.50	1079		
19	Nguyễn Văn Phong	Lưu	10/11/96	58080	B	2	6.50	5.50	3.75	16.50	1402		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
20	Nguyễn	Tuấn	26/04/96	41980	B	2NT	6.50	4.00	5.00	16.50	1621		
21	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	06/10/96	58177	B	2NT	6.25	3.75	5.25	16.50	11834		
22	Hà Phước	Lin	30/04/96	42500	B	1	5.00	5.25	4.75	16.50	12563		
23	Nguyễn Đình	Đông	04/01/96	40654	B	1	4.75	6.50	3.50	16.50	3091		
24	Nguyễn Hồng	Thái	15/08/96	16606	A	1	4.75	5.25	4.25	16.00	12479		
25	Bùi Bích Quỳnh	Châu	10/06/96	13843	A	2	5.25	5.50	4.50	16.00	3329		
26	Lê Trung	Đức	16/02/96	811	A	1	3.75	4.75	5.75	16.00	13426		
27	Nguyễn Mạnh	Cường	28/05/96	1273	A	2NT	4.00	5.75	5.00	16.00	13477		
28	Trần Thị	Na	18/08/95	42570	B	1	5.25	5.50	3.50	16.00	508		
29	Huỳnh Văn	Thiện	12/12/96	12207	B	2NT	4.75	5.50	4.50	16.00	11106		
30	Ngô Phương	Nguyên	13/03/95	42587	B	2	6.75	5.00	3.75	16.00	1811		
31	Trần Văn	Quốc	06/05/96	41531	B	2	6.00	4.75	4.50	16.00	2967		
32	Võ Văn	Cường	23/03/95	50863	B	2	6.25	4.00	5.25	16.00	3336		
33	Đoàn Văn	Hoàng	01/08/95	46476	B	2NT	6.50	4.25	4.00	16.00	13418		
34	Ngô Đức	Anh	25/09/96	57548	B	2	3.75	5.25	6.50	16.00	3598		
35	Hồ Thị Thúy	Hòa	05/06/96	16295	A	2NT	4.50	5.25	4.50	15.50	679		
36	Dương Thanh	Nhấn	22/10/95	6384	A	2NT	4.50	4.75	5.00	15.50	2177		
37	Nguyễn Thị Thu	Hiên	15/06/96	16254	A	2NT	4.75	5.25	4.25	15.50	2773		
38	Lê Đình Quốc	Khánh	02/09/96	2233	A	2	5.75	4.00	5.00	15.50	2810		
39	Hoàng Thị	Linh	10/08/95	33473	A	1	5.00	4.50	4.50	15.50	12577		
40	Nguyễn Quang	Chức	16/05/96	42140	B	2	6.50	4.75	3.50	15.50	1542		
41	Dương Thị	Thương	22/07/96	8466	B	1	5.00	5.25	3.50	15.50	11115		
42	Trần Đăng	Quý	04/08/96	46875	B	2	5.75	4.50	4.50	15.50	2779		
43	Lê Văn	Long	11/10/95	5108	A	2NT	5.75	5.50	2.50	15.00	3245		
44	Nguyễn Văn	Ngọc	11/12/94	45438	B	1	4.75	4.00	4.50	15.00	397		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
45	Nguyễn Thị Thanh	Hàng	26/02/96	45116	B	1	4.75	4.25	4.25	15.00	971		
46	Phan Hữu	Chung	29/02/96	44966	B	2	4.00	5.00	5.50	15.00	1013		
47	Phạm	Yến	24/04/95	45971	B	1	4.25	4.50	4.50	15.00	1075		
48	Nguyễn Hồ Bảo	Minh	27/07/96	58112	B	1	4.75	4.50	4.25	15.00	1131		
49	Trần Thị Kiều	Nhi	12/08/96	49593	B	1	3.00	6.00	4.50	15.00	1471		
50	Hồ Văn Tiến	Thành	14/03/96	45686	B	2NT	6.00	4.75	3.00	15.00	2705		
51	Nguyễn Trường	Sơn	20/07/95	45643	B	2	5.75	4.50	4.00	15.00	2715		
52	Văn Công	Trình	11/06/96	45848	B	1	3.25	4.75	5.50	15.00	2720		
53	Lê Thị	Hàng	12/08/96	40760	B	2NT	7.00	3.75	3.25	15.00	2798		
54	Võ Hoài	Phúc	20/01/96	46099	B	2	5.25	3.50	5.50	15.00	2888		
55	Trần Văn	Toản	02/02/95	45826	B	2	4.50	5.75	4.00	15.00	3041		
56	Hồ Duy	Hoá	26/09/96	45187	B	2NT	4.75	5.00	4.00	15.00	12310		
57	Mai Tiến	Dũng	05/05/96	47389	B	2NT	4.75	3.50	5.50	15.00	12366		
58	Trương Công	Tín	21/10/95	42780	B	1	5.25	4.50	3.50	15.00	3657		
59	Hồ Hải	Đăng	15/01/96	16174	A	1	4.00	4.50	4.25	14.50	309		
60	Nguyễn Thị	Sương	09/09/95	23621	A	2	3.50	4.50	5.75	14.50	2447		
61	Nguyễn Tâm	Luýt	10/08/96	45374	B	2	5.25	5.50	3.00	14.50	593		
62	Trần Đình	Sự	10/08/95	45649	B	2	5.00	6.00	3.00	14.50	1430		
63	Hoàng Thị	Xuân	16/10/96	45966	B	2	6.00	3.25	4.50	14.50	1442		
64	Hồ Xuân	Hội	12/04/95	11456	B	2	5.75	4.25	3.75	14.50	11074		
65	Nguyễn	Văn	07/02/96	28108	B	1	2.75	4.25	6.00	14.50	11421		
66	Hoàng Thị Bích	Ngọc	16/11/96	45429	B	2NT	5.50	5.25	2.50	14.50	2135		
67	Nguyễn Ích Minh	Tuân	15/09/95	45872	B	2	4.50	4.75	4.50	14.50	2377		
68	Võ Quang	Tý	28/07/96	45917	B	2NT	4.50	4.75	4.00	14.50	11899		
69	Nguyễn Ích Minh	Tuân	15/09/95	45872	B	2	4.50	4.75	4.50	14.50	3097		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
70	Nguyễn Thị	Hàng	24/11/96	61369	B	1	4.50	5.00	3.50	14.50	3209		
71	Nguyễn Thị	Hàng	13/05/96	45113	B	2NT	4.75	5.00	3.50	14.50	12369		
72	Hoàng Thị Bích	Ngọc	16/11/96	45429	B	2NT	5.50	5.25	2.50	14.50	3611		
73	Võ Phi	Thắng	04/10/95	23693	A	2NT	3.50	5.50	4.00	14.00	848		
74	Mai Xuân	Phú	15/03/96	18438	A	2	4.25	4.75	4.50	14.00	1376		
75	Võ Thị	Xoa	16/06/94	14813	A	2	6.00	3.25	4.25	14.00	1553		
76	Phan Thanh	Trường	23/01/96	10527	A	2NT	3.75	4.25	5.00	14.00	1632		
77	Hoàng Thị	Xuân	16/10/96	14814	A	2	6.00	3.75	3.50	14.00	1764		
78	Nguyễn Quốc	Phương	24/08/96	7082	A	1	2.00	4.50	6.00	14.00	2145		
79	Phạm Văn	Hảo	20/04/96	18227	A	2NT	4.50	5.00	3.25	14.00	12009		
80	Hoàng Thị Lan Mỹ	Anh	09/11/96	81	A	1	2.75	4.75	5.00	14.00	12084		
81	Nguyễn Hữu	Thắng	27/10/96	8913	A	2NT	5.25	4.75	3.00	14.00	2543		
82	Nguyễn Tấn	Hải	10/07/95	22605	A	2	6.00	3.25	4.25	14.00	3315		
83	Đặng Thị Hồng	Vân	17/09/96	42056	B	1	4.50	3.75	4.00	14.00	427		
84	Trần Văn	út	18/02/96	57266	B	2NT	3.75	4.25	5.00	14.00	545		
85	Trần Hữu Bình	An	07/07/96	45975	B	2NT 06	2.50	4.00	5.50	14.00	1894		
86	Trần Thị	Thu	20/10/96	47015	B	1	4.75	4.25	3.25	14.00	1944		
87	Huỳnh Duy	Khánh	25/04/95	18849	B	2NT	2.75	4.50	5.50	14.00	11427		
88	Trương Thị Hải	Dương	16/01/96	1264	B	2NT	5.50	3.50	4.00	14.00	11471		
89	Nguyễn Hữu	Hậu	02/04/96	40793	B	2NT	6.25	4.25	2.50	14.00	2110		
90	Nguyễn Xuân	Hoài	05/06/96	45171	B	2	5.25	3.50	4.50	14.00	11685		
91	Lê Thanh	Hòa	20/02/95	45189	B	2NT	4.25	4.25	4.25	14.00	11822		
92	Trịnh Hồng	Ân	08/01/96	44916	B	2	4.50	4.50	4.50	14.00	2536		
93	Nguyễn Thị Thanh	Hoà	20/07/96	46454	B	2NT	4.75	4.50	3.50	14.00	12891		
94	Bùi Thị Kim	Anh	23/08/95	43013	B	2	5.00	5.50	3.00	14.00	13097		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
95	Hồ Viết	Hoàng	11/09/96	40865	B	2NT	5.25	5.25	2.50	14.00	3294		
96	Nguyễn Hoàng Anh	Quý	16/08/93	41555	B	1	4.50	5.25	2.50	14.00	3628		
97	Đào Duy	Quang	18/07/96	44669	B	2	4.25	4.50	4.50	14.00	3660		
98	Nguyễn Tiến	Quốc	06/10/96	18464	A	1	5.00	3.75	3.25	13.50	231		
99	Trần Thị	Oanh	07/12/96	16513	A	1	3.75	4.50	3.75	13.50	390		
100	Nguyễn Văn	Thành	27/04/96	23662	A	1	5.25	3.50	3.00	13.50	691		
101	Nguyễn Công	Hữu	07/12/95	18304	A	2	2.25	5.50	5.25	13.50	1033		
102	La Thị Diệu	Na	24/11/96	18374	A	2	4.00	3.75	5.00	13.50	1744		
103	Trương Thị	Bích	17/07/95	18156	A	2	4.00	6.25	2.50	13.50	11608		
104	Ngô Viết	Hải	19/01/96	18635	A	2NT	2.50	5.50	4.25	13.50	11593		
105	Lê Xuân	Vũ	03/06/96	45953	B	2	5.00	4.50	3.50	13.50	246		
106	Phạm Trọng	Tín	05/08/96	45815	B	2NT	3.75	5.00	3.50	13.50	496		
107	Phạm Minh	Hải	02/02/96	47501	B	2NT	4.25	4.50	3.75	13.50	503		
108	Trần Nhân Tâm	Bình	10/10/96	49304	B	2NT	3.25	4.25	5.00	13.50	598		
109	Nguyễn Vũ Quốc	Thịnh	15/03/95	45743	B	2	4.75	4.25	3.75	13.50	713		
110	Mai	Việt	19/09/96	45936	B	2	4.75	5.75	2.25	13.50	815		
111	Võ Hữu	Đang	17/08/96	42343	B	2NT	5.00	4.50	3.00	13.50	843		
112	Ngô Viết Phương	Đông	16/01/96	40655	B	2	4.00	4.00	5.00	13.50	1627		
113	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/11/96	45230	B	2	4.50	4.00	4.25	13.50	1792		
114	Nguyễn Thị	Duyên	08/10/95	50868	B	2NT	3.50	5.00	4.00	13.50	1866		
115	Nguyễn Văn	Hồi	10/02/93	45196	B	2	1.25	5.25	6.50	13.50	11305		
116	Nguyễn Nam	Anh	14/10/95	44899	B	2	4.50	4.75	3.50	13.50	2474		
117	Nguyễn Minh	Quân	23/03/96	41521	B	2NT	4.50	4.75	3.25	13.50	2478		
118	Nguyễn Lương	Lữ	18/06/95	44017	B	2	5.00	5.50	2.50	13.50	12038		
119	Hồ Ngọc	Đông	28/06/96	45053	B	2	5.00	4.50	3.25	13.50	12050		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
120	Trương Văn	Hạnh	04/03/95	45109	B	2	3.75	5.50	3.50	13.50	2698		
121	Vũ Thị	Quỳnh	20/05/96	60080	B	2NT	5.00	4.50	2.75	13.50	2709		
122	Nguyễn Thị	Hoa	16/08/96	2831	B	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	12538		
123	Mai Thị Mỹ	Duyên	03/12/96	46297	B	2	4.50	4.75	3.75	13.50	12132		
124	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/10/96	61773	B	2	3.75	4.75	4.25	13.50	3312		
125	Phan Dương	Quốc	01/01/96	45595	B	2NT	4.00	4.25	4.00	13.50	13280		
126	Nguyễn Văn	Vương	16/10/96	17249	A	2	4.75	4.25	3.50	13.00	145		
127	Lê Việt	Thiện	29/03/96	16637	A	2NT	3.50	3.75	4.50	13.00	317		
128	Nguyễn Thị Bích	Hảo	14/01/96	18818	A	2NT	2.75	4.50	4.50	13.00	795		
129	Hà Văn	Lập	29/01/96	18327	A	2	4.75	3.00	4.75	13.00	1040		
130	Lê Quang	Tú	27/08/95	18600	A	2	3.00	4.50	4.75	13.00	1426		
131	Lâm Đức	Lập	20/07/96	23332	A	2	3.75	4.25	4.50	13.00	2576		
132	Phạm Thị	Loan	01/01/96	12911	A	1	4.25	4.25	2.75	13.00	3479		
133	Lê Văn	Hiệp	02/03/96	31921	A	2NT	5.50	3.75	2.50	13.00	12205		
134	Phạm Văn	Linh	20/03/95	45330	B	1	4.50	3.00	4.00	13.00	149		
135	Nguyễn Hữu Đăng	Đức	31/03/96	45067	B	1	4.50	3.50	3.50	13.00	381		
136	Trịnh Hoàng	Khương	24/01/96	47734	B	2	4.75	4.00	3.50	13.00	384		
137	Trần Công	Bảo	16/05/96	46202	B	2 06	3.25	4.25	4.00	13.00	423		
138	Nguyễn Thị	Ni	30/08/93	45504	B	1	4.00	4.00	3.25	13.00	616		
139	Trần	Hoàng	31/03/96	47601	B	2	2.25	4.50	5.50	13.00	788		
140	Hồ Duy	Nhật	27/12/96	45481	B	1	3.75	4.50	3.25	13.00	949		
141	Nguyễn Thị Hương	Giang	29/11/96	43080	B	1	2.25	5.50	3.50	13.00	1081		
142	Cao Chánh	Sơn	21/07/96	41587	B	2NT	4.25	3.75	4.00	13.00	1450		
143	Nguyễn Thái	Dương	05/03/95	45026	B	1	4.00	5.00	2.50	13.00	1696		
144	Võ Anh	Thông	10/09/96	45755	B	1	3.75	4.25	3.50	13.00	2241		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
145	Nguyễn Thị	Vui	20/06/96	43785	B	1	4.75	4.25	2.50	13.00	2276		
146	Nguyễn Ngô Hữu	Phấn	07/07/96	46792	B	2NT	3.25	5.00	3.50	13.00	2291		
147	Nguyễn Đăng	Khiếm	02/01/95	46558	B	1	2.75	3.50	5.00	13.00	11875		
148	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	12/10/96	3968	B	1	2.75	5.75	2.75	13.00	12753		
149	Nguyễn Văn	Theo	17/08/95	45724	B	1	4.25	4.50	2.50	13.00	3028		
150	Nguyễn Chính	Trực	07/03/95	11442	A	2NT	0.75	6.50	4.00	12.50	362		
151	Đặng Thị Mai	Trinh	07/03/96	18587	A	1	3.50	4.50	3.00	12.50	396		
152	Trần Việt	Rôn	14/05/95	18474	A	2	3.75	4.75	3.25	12.50	511		
153	Trần Thị	Trinh	15/04/95	18586	A	1	5.00	3.25	2.75	12.50	624		
154	Nguyễn Văn	Minh	06/04/94	17843	A	2	3.75	4.50	3.50	12.50	722		
155	Lâm Trí	Tú	26/02/96	24117	A	2NT	4.50	3.50	3.50	12.50	1484		
156	Phạm Trung	Tín	06/01/94	19227	A	2NT	3.25	5.00	3.25	12.50	1955		
157	Nguyễn Văn	Anh	20/08/95	16902	A	1	3.25	4.25	3.25	12.50	2032		
158	Lê Thị ái	Phương	28/05/96	13106	A	1	3.00	4.25	3.50	12.50	2429		
159	Hoàng Thị Kim	Thảo	03/03/96	19138	A	2	2.75	4.75	4.25	12.50	2551		
160	Nguyễn Trí	Quyết	08/10/96	24051	A	2NT	3.25	3.25	4.75	12.50	3040		
161	Phạm Thị	Vân	14/03/95	14800	A	1	3.50	3.75	3.50	12.50	3257		
162	Nguyễn Đăng	Quang	24/10/93	45579	B	2	4.00	3.00	4.75	12.50	24		
163	Đỗ Quốc	Trí	04/03/95	45853	B	2	4.50	4.00	3.50	12.50	656		
164	Lê Việt	Sơn	20/08/94	45639	B	1	2.25	4.50	4.00	12.50	882		
165	Trần Bá Duy	Long	05/07/96	43180	B	2NT	2.50	4.50	4.50	12.50	1562		
166	Đặng Văn	Hải	22/07/96	45102	B	1	4.00	4.25	2.75	12.50	1945		
167	Mai Thị Mỹ	Duyên	15/07/96	43714	B	1	3.75	3.75	3.50	12.50	2277		
168	Văn	Sang	01/03/96	45630	B	2NT	2.75	4.50	4.00	12.50	2787		
169	Võ Ngọc	Hiếu	10/10/96	45155	B	1	4.50	4.00	2.50	12.50	2790		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
170	Hà Trung	Hùng	18/01/96	45234	B	2NT	4.75	3.50	3.25	12.50	12525		
171	Nguyễn Văn	Tân	10/02/96	3072	B	1	4.25	4.25	2.50	12.50	12146		
172	Phạm Thị	Chi	10/08/96	48782	B	2NT	3.50	3.75	4.25	12.50	12414		
173	Hoàng Thị Thanh	Hàng	14/09/95	40078	B	2	5.25	4.00	2.50	12.50	3064		
174	Nguyễn Hữu	Long	27/08/96	43535	B	1	3.25	5.00	2.75	12.50	3326		
175	Trần Đức	Lập	02/06/96	45315	B	2	4.25	4.50	3.00	12.50	3417		
176	Lê Thanh	Long	05/03/95	45346	B	2NT	3.50	5.50	2.25	12.50	13242		
177	Nguyễn Võ	Lử	04/08/96	41158	B	2	4.25	4.75	3.00	12.50	3725		
178	Nguyễn Thị	Hòe	11/04/96	45191	B	2	3.75	4.50	3.50	12.50	13498		
179	Lê Hữu Nhật	Anh	09/03/94	18134	A	2	2.00	5.50	4.00	12.00	171		
180	Trương Đình	Thạnh	13/05/96	17732	A	2	4.00	3.75	3.50	12.00	322		
181	Trần Thị Nhật	ý	01/12/93	20075	A	2	2.50	4.25	4.50	12.00	349		
182	Mai Văn	Hoàng	07/05/96	18264	A	2	4.00	2.50	4.75	12.00	578		
183	Phạm Thế	Tân	12/06/94	18503	A	2	4.25	4.25	2.75	12.00	674		
184	Nguyễn Văn	Hưng	01/11/96	12819	A	2	4.25	3.25	4.00	12.00	1054		
185	Dương Minh	Nhật	05/11/96	15692	A	1	4.25	3.75	2.25	12.00	1161		
186	Nguyễn Chiêu	Cảng	12/04/96	18159	A	2NT	3.00	4.50	3.50	12.00	1565		
187	Trần Văn	Phú	20/02/96	13589	A	2	1.75	5.50	4.00	12.00	1688		
188	Hồ Văn	Long	01/01/96	24240	A	2NT	4.00	3.25	3.50	12.00	1882		
189	Lê Văn	Hoàng	22/02/96	23215	A	2	2.75	6.00	2.75	12.00	1902		
190	Đoàn Văn	Thành	20/10/96	16015	A	2NT	1.25	5.00	4.50	12.00	11337		
191	Nguyễn Văn	Phương	14/02/96	19782	A	1	2.75	3.25	4.25	12.00	12763		
192	Nguyễn Văn	Phụng	16/05/96	45553	B	2	4.00	4.00	3.25	12.00	87		
193	Hoàng Văn	Mẫn	21/06/96	45394	B	2NT	4.75	3.50	2.50	12.00	383		
194	Nguyễn Đình	Thắng	08/08/95	48244	B	2	4.25	5.50	1.75	12.00	1213		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
195	Nguyễn Phước Quý	Tuấn	05/01/96	44837	B	2	4.00	4.00	3.50	12.00	1418		
196	Hoàng	Định	26/02/96	45049	B	2NT	2.75	4.50	3.50	12.00	1469		
197	Trần Minh	Vương	08/10/96	45962	B	2NT	4.25	4.50	2.00	12.00	1773		
198	Hoàng Công	Nhân	25/09/96	45465	B	2NT	2.25	3.75	4.75	12.00	2310		
199	Nguyễn Đình	Hiếu	20/03/91	50911	B	2NT	1.75	5.50	3.50	12.00	12693		
200	Trần Văn	Khải	22/12/95	44516	B	1	2.75	5.25	2.25	12.00	12900		
201	Phạm Vương Tuấn	Kiệt	25/02/96	45292	B	2NT	3.50	3.75	3.50	12.00	3348		
202	Phan Thanh	Thiện	04/05/96	46987	B	2	3.75	4.25	3.50	12.00	12295		
203	Trần Văn	Tiến	02/11/94	19223	A	2NT	1.50	4.50	4.25	11.50	50		
204	Nguyễn Hữu Đặng	Đức	31/03/96	19463	A	1	4.00	2.75	3.25	11.50	380		
205	Phan Ngọc Kim	Phượng	06/06/95	22675	A	2	2.00	4.25	4.50	11.50	1612		
206	Trương Thị Mỹ	Lệ	02/10/96	30059	A	2NT	3.50	2.25	4.75	11.50	11002		
207	Nguyễn Thị	ý	05/06/95	18682	A	1	2.50	4.50	2.75	11.50	2132		
208	Trần Minh	Tuấn	20/03/95	15858	A	2NT	2.50	3.75	4.00	11.50	2169		
209	Đình Viêt	Thượng	01/01/95	18561	A	2	4.75	2.25	4.00	11.50	10011		
210	Nguyễn Văn	Đức	18/06/95	18213	A	2NT	2.75	4.25	3.50	11.50	2778		
211	Đình Viêt	Thượng	01/01/95	18561	A	2	4.75	2.25	4.00	11.50	12801		
212	Đình Viêt	Thượng	01/01/95	18561	A	2	4.75	2.25	4.00	11.50	12361		
213	Nguyễn Thị	Hòa	11/04/96	17003	A	2	2.25	5.50	3.00	11.50	13349		
214	Nguyễn Văn	Hưng	01/11/96	45250	B	2	4.00	3.75	3.00	11.50	1053		
215	Trần Thị	Hương	18/08/96	46540	B	2NT	1.50	5.25	3.75	11.50	1187		
216	Hoàng Thị Kim	Thảo	03/03/96	49924	B	2	5.25	2.50	3.25	11.50	1197		
217	Hồ Văn	Long	01/01/96	45344	B	2NT	2.50	3.75	4.00	11.50	1880		
218	Trần Thị Thuỳ	Dung	28/06/96	45000	B	1	1.50	5.50	2.75	11.50	2178		
219	Thái Văn	Toàn	29/11/96	43777	B	1	2.00	5.25	2.50	11.50	2242		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
220	Lưu Thị Tuyết	01/07/96	45894	B	2NT	2.25 5.50 2.50	11.50	11802		
221	Phan Thế Đoàn	06/05/95	40649	B	1	3.25 3.25 3.25	11.50	2819		
222	Lê Ngọc Thịnh	27/05/95	45741	B	2NT	2.50 4.00 3.75	11.50	13243		
223	Phạm Bá Nhân	18/06/96	52218	B	2NT	1.75 6.00 2.50	11.50	3651		
224	Hoàng Văn Khánh	19/07/96	36958	B	2NT	2.50 4.50 3.25	11.50	13473		
225	Văn Thị Ly	16/05/96	18358	A	1	2.00 4.50 3.00	11.00	389		
226	Huỳnh Thị Thu	07/02/96	13271	A	1	2.50 4.50 2.50	11.00	547		
227	Nguyễn Thị Thuận	22/06/96	13263	A	2	1.50 4.50 4.25	11.00	1918		
228	Phạm Hồng Phúc	26/02/96	18441	A	1	2.25 4.75 2.50	11.00	2262		
229	Dương Minh Cường	05/11/96	15510	A	1	2.50 4.50 2.50	11.00	2390		
230	Hồ Thị Thụy	27/04/95	18557	A	1	2.50 3.00 3.75	11.00	2486		
231	Võ Văn Phú	02/03/96	17444	A	2NT	2.75 3.75 3.50	11.00	10031		
232	Phan Văn Phú	26/01/95	11394	A	2NT	1.50 4.00 4.25	11.00	3393		
233	Lê Phước Sang	10/10/96	15144	A	1	3.00 2.75 3.50	11.00	3702		
234	Dương Văn Trắng	22/04/95	45835	B	2NT	1.75 4.50 3.50	11.00	1242		
235	Hoàng Văn Tin	01/01/96	46134	B	1	3.00 4.00 2.50	11.00	1593		
236	Bùi Thị Yến Nhi	19/09/96	45488	B	2NT	3.25 4.25 2.50	11.00	2134		
237	Nguyễn Quang Bảo	18/06/96	43442	B	2NT	3.25 3.25 3.50	11.00	12028		
238	Phan Hồng Thanh	26/06/95	45710	B	2NT	2.50 4.00 3.25	11.00	12053		
239	Trần Văn Đức Huy	25/07/96	46042	B	2	3.50 4.50 2.50	11.00	3373		
240	nguyễn tăng khánh	21/11/96	10320	A	2	3.00 3.50 3.50	10.50	1312		
241	Văn Công Phi	06/08/96	17854	A	1	0.25 5.00 3.50	10.50	1351		
242	Trần Chí Boi	26/09/96	18712	A	2NT	3.50 2.75 3.00	10.50	1467		
243	Đỗ Hùng Hậu	01/01/96	16986	A	2NT	3.75 3.00 2.50	10.50	11338		
244	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/07/95	11953	A	2NT	2.25 3.50 3.75	10.50	3143		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
245	Phan Hồng	Thái	07/10/96	3474	A	2	0.50	4.50	4.50	10.00	1031		
246	Hồ Xuân	Chi	05/04/96	18166	A	1	2.00	3.50	3.00	10.00	2796		
247	Phan Thế	Đoàn	06/05/95	18208	A	1	2.00	3.50	2.75	10.00	2820		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Bá	Cảnh	05/05/96	53157	B	2	7.25	6.00	5.75	19.50	1875		
2	Châu Thị Hồng	Thanh	01/08/96	62014	B	2	6.25	6.75	5.25	19.00	2104		
3	Hoàng Giang	Nam	30/08/96	15841	B	2NT	5.50	6.50	5.50	18.50	2934		
4	Hồ Thị Thanh	Lan	20/05/96	15729	A	2NT	5.25	6.50	5.00	18.00	2929		
5	Đoàn Thị Ngọc	Quỳnh	10/01/96	1428	A	2NT	6.50	5.00	5.50	18.00	13359		
6	Trần Thị Lan	Anh	14/11/96	61130	B	2NT	6.50	5.75	4.50	18.00	13321		
7	Phạm Minh	Chinh	06/11/96	2414	A	1	5.25	5.75	5.00	17.50	11076		
8	Phan Thị Tú	Trinh	22/06/96	21618	A	2NT	5.50	6.00	5.00	17.50	12735		
9	Nguyễn Ngọc Nhật	Tân	25/01/96	58447	B	2	6.50	6.50	4.00	17.50	566		
10	Đặng Thị	Dư	02/04/96	53496	B	1	4.75	5.50	5.50	17.50	11870		
11	Nguyễn Khánh	Linh	31/08/96	61620	B	2	5.50	5.00	6.50	17.50	2951		
12	Phan Việt	Hùng	10/01/94	57934	B	2	5.50	7.50	3.50	17.00	1713		
13	Nguyễn Hà	Tâm	04/02/96	50443	B	2NT	5.50	5.75	4.50	17.00	2191		
14	Hồ Phú	Sĩ	25/09/95	41580	B	3	6.00	6.25	4.50	17.00	3285		
15	Lê Huy	Hoàng	10/10/96	1483	A	2	6.50	5.75	3.50	16.50	65		
16	Ngô Nhật	Minh	26/05/95	1345	B	3	5.25	5.75	5.25	16.50	26		
17	Phan Đình Quyền	Dương	10/03/95	40618	B	1	5.00	5.50	4.50	16.50	531		
18	Trương Công	Thuấn	20/02/94	41790	B	1	4.50	4.75	5.50	16.50	1002		
19	Nguyễn Văn Phong	Lưu	10/11/96	58080	B	2	6.50	5.50	3.75	16.50	1403		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
20	Trần Thị Tố	Tây	11/12/96	6725	B	1	6.50	4.00	4.25	16.50	11018		
21	Đoàn Thị Ngọc	Quỳnh	10/01/96	59511	B	2NT	5.75	5.25	4.50	16.50	11745		
22	Nguyễn Ngọc	Thiện	25/09/96	41754	B	2NT	6.50	4.50	4.50	16.50	12929		
23	Bùi	Ninh	17/10/96	60059	B	2NT	6.25	6.25	2.75	16.50	3432		
24	Võ Thành	Đạt	15/06/96	763	A	2NT	4.50	6.00	4.25	16.00	12842		
25	Nguyễn Thị	Quý	15/08/96	17496	A	2NT	5.50	5.75	3.50	16.00	12370		
26	Nguyễn Thị	Lài	06/10/96	41028	B	2NT	5.25	5.50	4.00	16.00	11521		
27	Nguyễn Đức	Tân	21/01/96	46936	B	2NT	3.75	6.50	4.50	16.00	2309		
28	Dương Ngọc	Hà	30/10/96	57737	B	2	6.25	4.75	4.50	16.00	3214		
29	Nguyễn Lê	Duy	17/06/96	58922	B	2NT	5.50	5.50	4.00	16.00	12232		
30	Lê Hồng	Lan	26/02/96	23324	A	2NT	5.50	3.50	5.50	15.50	12453		
31	Nguyễn Văn Thành	Nhân	14/04/96	6321	A	2	4.00	5.25	5.50	15.50	2954		
32	Đỗ Tường	Hiếu	13/04/96	10215	A	2	5.25	5.50	4.25	15.50	3447		
33	Lương Sơn	Hùng	18/10/96	23277	A	2	5.00	4.50	5.50	15.50	3635		
34	Huỳnh Thị	Thuận	06/05/95	30653	B	3	6.00	4.50	5.00	15.50	11265		
35	Nguyễn Thị	Thanh	27/01/96	59566	B	1	6.00	4.75	3.00	15.50	13154		
36	Trịnh Ngọc	Phước	02/12/95	13122	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	916		
37	Nguyễn Văn	Long	01/12/96	18952	A	2NT	5.75	4.75	3.50	15.00	1412		
38	Bùi Thị	Nhung	20/07/96	11055	A	2	5.50	4.75	4.00	15.00	11466		
39	Nguyễn Thị	Lê	30/01/96	16363	A	1	5.25	4.50	3.50	15.00	2690		
40	Nguyễn Thị Thùy	Tư	10/06/96	33241	A	2NT	5.75	4.50	3.50	15.00	3582		
41	Trần Đức	Pháp	08/01/95	48016	B	2	5.75	4.25	4.50	15.00	552		
42	Trần Xuân	Trí	20/01/95	47112	B	2	4.00	4.75	5.75	15.00	741		
43	Dương Đức Nhật	Trường	01/07/95	49806	B	2	5.50	5.50	3.25	15.00	751		
44	Trần Thị Kiều	Nhi	12/08/96	49593	B	1	3.00	6.00	4.50	15.00	1470		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
45	Lê Thị Kiều	Loan	10/05/96	62670	B	1	4.75	3.75	5.00	15.00	2372		
46	Văn Công	Trình	11/06/96	45848	B	1	3.25	4.75	5.50	15.00	2722		
47	Nguyễn Văn	Phi	05/12/95	48020	B	2	5.25	5.25	4.00	15.00	2517		
48	Lê Chí	Công	15/01/96	45987	B	1	5.75	3.50	4.25	15.00	12528		
49	Nguyễn Công	Phúc	20/08/96	48043	B	1	5.00	4.50	4.00	15.00	12658		
50	Huỳnh Thị Thu	Hương	29/01/96	47692	B	1	5.75	4.50	3.00	15.00	12158		
51	Trương Quang	Thái	21/12/95	48219	B	1	4.75	4.75	3.75	15.00	2935		
52	Bùi Bích Quỳnh	Châu	10/06/96	61176	B	2	6.25	4.50	3.50	15.00	3328		
53	Trần Đại	An	22/01/96	50829	B	1	5.25	4.25	3.75	15.00	12282		
54	Phan Văn	Dương	08/08/96	47410	B	2NT	4.75	4.00	5.25	15.00	13405		
55	Bạch Bảo	Anh	19/04/96	50219	B	2	6.75	4.50	3.25	15.00	3634		
56	Ngô Hoàng	Phương	06/06/95	48053	B	2	5.00	4.75	4.75	15.00	3678		
57	Lê Văn	Dũng	20/02/95	1303	B	1	4.75	4.50	4.00	15.00	13527		
58	Đặng Lưu Quốc	Vũ	22/04/96	14810	A	2	4.50	4.75	4.75	14.50	2114		
59	Nguyễn Thị	Thắm	07/07/95	27316	A	1	3.75	4.50	4.75	14.50	12371		
60	Nguyễn Duy	Hải	20/09/96	44439	B	2	5.75	4.25	4.00	14.50	1787		
61	Ngô Thái	Vũ	02/04/96	9684	B	2	1.50	6.75	5.50	14.50	11112		
62	Nguyễn Anh	Tú	20/10/96	51395	B	2NT 06	4.50	4.25	3.50	14.50	1915		
63	Huỳnh Đại	Dương	01/01/96	40613	B	2NT	3.50	5.25	4.50	14.50	1984		
64	Nguyễn Ích Minh	Tuân	15/09/95	45872	B	2	4.50	4.75	4.50	14.50	2376		
65	Nguyễn Xuân	Tú	25/03/93	42846	B	2NT	5.50	3.75	4.00	14.50	2537		
66	Trần Thị Lệ	Hàng	17/06/96	47526	B	1	5.00	3.75	4.00	14.50	12761		
67	Lê Hoàng	Diệp	01/01/95	47372	B	1	5.00	4.25	3.50	14.50	3218		
68	Nguyễn Thị Hoài	Chi	29/04/96	49319	B	2	4.25	5.25	4.50	14.50	13463		
69	Ngô Thị Bích	Vân	07/10/96	50786	B	2	4.75	5.25	3.75	14.50	3694		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
70	Nguyễn Hữu Cường		25/05/96	23039	A	1	4.25	4.25	3.75	14.00	659		
71	Hoàng Quảng Khánh	Nguyễn	11/05/96	18782	A	2NT	3.25	5.75	4.00	14.00	1723		
72	Hồ Thị Thúy	Vi	25/10/96	8770	A	1	3.50	5.50	3.25	14.00	11119		
73	Nguyễn Cao	Cường	31/01/94	23037	A	2NT 03	1.00	5.50	4.50	14.00	11470		
74	Hồ Tấn	Phát	28/08/94	16819	A	2	3.75	5.00	4.50	14.00	2121		
75	Võ	Phúc	07/11/96	6920	A	2	6.00	4.00	3.50	14.00	12621		
76	Huỳnh Kim Minh	Trí	11/09/96	23784	A	2	5.00	4.50	3.75	14.00	3247		
77	Huỳnh Lê Duy	Lợi	09/12/95	5252	A	2	3.50	5.50	4.25	14.00	3353		
78	Lê Hải	Khánh	18/02/96	1521	A	2	4.00	5.25	4.25	14.00	3488		
79	Võ	Phúc	07/11/96	6920	A	2	6.00	4.00	3.50	14.00	13283		
80	Lê Văn	Hoàng	30/03/96	40868	B	2	6.00	4.25	3.25	14.00	118		
81	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	30/11/95	47511	B	2NT	3.75	4.75	4.25	14.00	464		
82	Lê Quang Thành	Long	02/08/95	47804	B	2	5.75	4.50	3.00	14.00	575		
83	Phạm Thị Hồng	Hà	17/08/95	59928	B	2	5.75	3.75	4.00	14.00	1527		
84	Nguyễn Văn	Tiến	09/04/95	43774	B	2	4.75	5.25	3.25	14.00	1719		
85	Phan Quốc	Huy	09/03/96	45219	B	2	4.25	4.00	5.25	14.00	1781		
86	Hồ Thị	Dúa	20/01/95	49352	B	1 01	2.00	4.75	3.75	14.00	2221		
87	Huỳnh Văn	Bảo	12/09/95	47281	B	2NT 06	4.25	4.25	3.50	14.00	2266		
88	Trương Thị Nhật	Linh	18/12/96	46617	B	1	5.00	3.75	3.50	14.00	2324		
89	Nguyễn Cao	Việt	01/05/96	44219	B	1	1.50	5.50	5.50	14.00	2615		
90	Nguyễn Ngọc	Vũ	19/05/96	47213	B	2NT	4.75	4.75	3.50	14.00	2832		
91	Hoàng Đình	Trường	08/02/95	48428	B	2	4.75	4.00	4.50	14.00	12669		
92	Trần Văn	Quý	27/03/93	48120	B	2NT	4.75	5.25	2.75	14.00	2993		
93	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	03/09/96	58388	B	1	2.50	5.25	4.50	14.00	13285		
94	Tống Thị Hương	Giang	11/04/96	10985	B	2NT	4.75	4.50	3.75	14.00	12342		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
95	Trần Công	Pháp	23/07/96	42617	B	1	2.75	5.25	4.25	14.00	13372		
96	Nguyễn Vĩnh	Thành	15/05/96	10615	A	2	4.50	4.75	3.75	13.50	897		
97	Nguyễn Anh	Tú	20/10/96	20030	A	2NT	3.75	4.75	3.75	13.50	1916		
98	Nguyễn Tấn	Tâm	15/05/96	19853	A	2	4.25	4.50	4.00	13.50	11315		
99	Hoàng Ngọc Vĩnh	Hưng	21/08/96	12817	A	2	5.25	4.00	3.50	13.50	2430		
100	Trần Thị	Thanh	10/10/95	19858	A	1	3.50	4.50	3.75	13.50	2800		
101	Hoàng Thị Hồng	Hà	11/10/95	17783	A	1	4.00	3.50	4.25	13.50	2505		
102	Hà Thị Khánh	Linh	12/06/96	3733	A	1	2.50	4.25	5.25	13.50	12623		
103	Nguyễn Văn	Được	07/03/96	1119	A	2	3.75	4.50	4.50	13.50	2986		
104	Trần Thị	Ngọc	24/10/96	19015	A	2NT	5.00	3.00	4.50	13.50	3340		
105	Lê Xuân	Vũ	03/06/96	45953	B	2	5.00	4.50	3.50	13.50	245		
106	Trần Các	Tường	11/06/96	42029	B	2	5.00	4.50	3.50	13.50	395		
107	Trần Cao	Trường	19/09/96	41971	B	2NT	4.25	4.00	4.00	13.50	1056		
108	Trần Thị Thu	Trinh	20/10/94	51141	B	2	3.75	4.50	4.75	13.50	1712		
109	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/11/96	45230	B	2	4.50	4.00	4.25	13.50	1791		
110	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/10/96	61773	B	2	3.75	4.75	4.25	13.50	3313		
111	Hoàng Hữu Thành	Nhân	10/08/94	19720	A	2	3.75	4.00	4.50	13.00	287		
112	Nguyễn Văn	Thông	14/07/96	23724	A	2	5.75	3.25	3.50	13.00	333		
113	Huỳnh Văn	Nhật	01/03/94	12186	A	2	5.00	3.50	3.75	13.00	486		
114	Hà Văn	Lập	29/01/96	18327	A	2	4.75	3.00	4.75	13.00	1039		
115	Nguyễn Văn	Thái	01/07/96	1359	A	2NT	2.75	5.75	3.25	13.00	11181		
116	Hồ Quang	Sang	18/05/96	18476	A	1	4.25	3.50	3.50	13.00	2229		
117	Đỗ Văn Hoàng	Quốc	05/07/96	19806	A	2NT	4.50	3.75	3.75	13.00	11602		
118	Nguyễn Phi	Tây	01/10/96	19856	A	1	2.75	4.25	4.25	13.00	11979		
119	Trần Thị	Lâm	25/01/96	26130	A	2NT	4.00	4.50	3.25	13.00	12700		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
120	Phan Văn Diệt	12/09/95	23097	A	1 06	4.50 4.50 1.50	13.00	12793		
121	Lê Thị Hồng Nhi	05/09/96	14346	A	2	2.50 3.50 6.50	13.00	3036		
122	Phan Đình Hồng Nam	04/07/94	12137	A	2	5.50 3.25 3.50	13.00	3258		
123	Phạm Thị Loan	01/01/96	12911	A	1	4.25 4.25 2.75	13.00	3364		
124	Lê Minh Việt	10/06/95	20046	A	2NT	3.75 4.25 3.75	13.00	13487		
125	Nguyễn Lê Trường Khánh	06/04/95	12845	A	2NT	3.00 6.50 2.50	13.00	13350		
126	Trần Thị Hà	06/10/96	13962	A	2NT	4.75 4.25 3.00	13.00	3760		
127	Nguyễn Thị Thanh Loan	16/03/96	54817	B	1	1.00 6.25 4.00	13.00	657		
128	Nguyễn Thị Thúy	18/10/96	49736	B	2	3.75 5.25 3.25	13.00	748		
129	Võ Tấn Vũ	01/09/96	28565	B	1	4.75 4.50 2.25	13.00	11424		
130	Nguyễn Quốc Hưng	26/01/95	47682	B	2	4.75 5.50 2.00	13.00	2042		
131	Trần Hồng Kim Ngọc	02/11/95	43216	B	1	5.00 3.75 2.75	13.00	2387		
132	Nguyễn Văn Tuấn Sỹ	10/10/95	48167	B	2	2.50 4.75 5.25	13.00	12076		
133	Lê Bá Tân	01/05/95	44733	B	1	3.75 4.50 3.00	13.00	2861		
134	Lê Thị Hương Chi	19/09/96	47333	B	2NT	5.00 4.75 2.00	13.00	12595		
135	Lưu Văn Đức	20/03/95	42909	B	1	3.75 5.50 2.25	13.00	12469		
136	Hồ Sỹ Cường	15/02/96	47349	B	2	4.75 3.50 4.00	13.00	12958		
137	Nguyễn Văn Hưng	14/04/95	44499	B	2NT	3.25 5.00 3.50	13.00	12857		
138	Nguyễn Phú Thông	20/11/90	43339	B	1	2.00 5.25 4.25	13.00	13063		
139	Nguyễn Hoàng Hà	03/05/94	47479	B	2	3.75 5.50 3.00	13.00	3397		
140	Đặng Văn Nam	20/04/96	44032	B	1	4.50 3.50 3.50	13.00	12340		
141	Trần Văn Luyện	22/09/95	47840	B	1	5.25 3.75 2.25	13.00	12383		
142	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/08/96	17696	B	1	3.25 5.25 3.00	13.00	13488		
143	Hồ Xuân Việt Nam	20/05/94	15045	A	2	1.75 5.00 5.00	12.50	166		
144	Nguyễn Việt Minh Nhật	21/11/96	1204	A	1	3.50 2.75 4.75	12.50	11184		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
145	Đoàn Chơn	Sơn	17/04/94	19841	A	2	4.50	4.00	3.25	12.50	2107		
146	Nguyễn Đăng Quang	Anh	18/03/96	17758	A	1	3.25	4.50	3.00	12.50	2271		
147	Trương Thị Nhật	Linh	18/12/96	14896	A	1	4.00	3.25	3.75	12.50	2323		
148	Lê Văn	Kiều	02/09/96	19612	A	1	1.50	4.50	4.75	12.50	10045		
149	Phan Thị Thu	Thủy	12/11/96	17902	A	2	5.00	4.50	2.50	12.50	12190		
150	Cao Thị	Xuân	10/08/96	14549	A	1	4.75	2.75	3.50	12.50	12925		
151	Trần Xuân	Thanh	18/11/91	19859	A	1	4.75	3.00	3.00	12.50	3646		
152	Đào Duy	Quang	18/07/96	18069	A	2	3.75	5.00	3.25	12.50	3661		
153	Nguyễn Trường	Giang	06/02/96	17980	A	1	4.50	2.50	3.75	12.50	3758		
154	Nguyễn Lê Trung	Thành	14/06/96	19862	A	1	1.50	4.75	4.50	12.50	13536		
155	Lê Thành	Mạnh	13/01/96	6826	A	1	2.75	4.50	3.75	12.50	13538		
156	Phan Văn	Dũng	24/07/95	42189	B	2NT	5.25	3.50	2.75	12.50	845		
157	Nguyễn Văn	Trung	25/02/96	43380	B	2NT	3.75	5.25	2.50	12.50	1601		
158	Đặng Văn	Hải	22/07/96	45102	B	1	4.00	4.25	2.75	12.50	1947		
159	Hoàng Thị Quỳnh	Như	05/04/96	42229	B	2NT	2.25	5.75	3.50	12.50	11896		
160	Bùi Thị Xuân	Lệ	02/04/95	3860	B	2NT	3.50	4.25	3.50	12.50	11907		
161	Nguyễn Xuân	San	04/08/96	30386	B	3	3.75	5.50	3.25	12.50	11963		
162	Nguyễn Văn	Tân	10/02/96	3072	B	1	4.25	4.25	2.50	12.50	12144		
163	Hoàng Xuân	Hải	14/11/96	47492	B	2	3.25	5.25	3.25	12.50	12483		
164	Trần Vương	Thịnh	09/01/96	51361	B	2	3.00	4.50	4.50	12.50	12960		
165	Hoàng Thị Thanh	Hằng	14/09/95	40078	B	2	5.25	4.00	2.50	12.50	3083		
166	Mai Nhật	Huy	22/02/96	47633	B	2	5.00	4.00	2.75	12.50	3144		
167	Nguyễn Hữu	Long	27/08/96	43535	B	1	3.25	5.00	2.75	12.50	3324		
168	Trần Thị Nhật	ý	01/12/93	20075	A	2	2.50	4.25	4.50	12.00	350		
169	Huỳnh Hữu	Huy	17/01/96	22626	A	2	3.50	3.75	4.00	12.00	797		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
170	Trần Thị Thùy	Tiên	16/06/96	24278	A	2NT	4.75	2.75	3.50	12.00	2142		
171	Nguyễn An	Khang	11/12/96	15105	A	2	3.50	4.25	3.50	12.00	11796		
172	Trần Đức	Hòa	27/08/96	47619	B	2	4.25	4.75	2.25	12.00	430		
173	Lê Kim	Lân	02/09/96	47757	B	2	2.25	5.75	3.50	12.00	646		
174	Trần Văn	Nhật	08/05/96	47979	B	2	3.75	4.00	3.50	12.00	1372		
175	Nguyễn Phước Quý	Tuấn	05/01/96	44837	B	2	4.00	4.00	3.50	12.00	1417		
176	Nguyễn Tiến	Cường	01/11/95	9045	B	2	3.75	4.00	3.50	12.00	11350		
177	Phan	Tiến	08/09/96	50193	B	1	1.25	5.00	4.25	12.00	2045		
178	Nguyễn An	Khang	11/12/96	40983	B	2	4.50	4.25	2.50	12.00	11797		
179	Lê Đăng Minh	Phúc	30/12/94	44645	B	2	2.75	4.25	4.50	12.00	2958		
180	Ngô Minh	Thành	19/06/96	44126	B	2	4.25	3.75	3.50	12.00	3332		
181	Phạm Thị Thu	Hường	12/11/94	29741	B	1	3.25	3.50	3.50	12.00	13298		
182	Lê Phước	Sang	10/10/96	45624	B	1	3.25	3.25	3.75	12.00	3703		
183	Trần Văn	Tiến	02/11/94	19223	A	2NT	1.50	4.50	4.25	11.50	51		
184	Võ Đại	Vũ	01/11/95	20059	A	1	2.25	4.00	3.75	11.50	1873		
185	Hồ Xuân	Đạt	30/08/96	23079	A	2	3.75	3.50	3.75	11.50	2357		
186	Trần Hồng Kim	Ngọc	02/11/95	22573	A	1	2.25	4.00	3.75	11.50	2389		
187	Trịnh Hoàng	Long	06/04/96	548	A	1	2.25	3.50	4.25	11.50	12583		
188	Đinh Nữ Kiều	Trang	25/07/96	19971	A	2	5.00	2.50	3.25	11.50	3381		
189	Võ Văn	Sơn	18/05/95	18490	A	2NT	1.25	4.50	4.50	11.50	3564		
190	Trương Công	Nghĩa	20/08/96	839	B	1	3.00	4.50	2.50	11.50	134		
191	Phạm	Hải	06/06/96	40727	B	2NT	4.50	3.00	2.75	11.50	1283		
192	Hồ Công	Tiến	25/02/95	41861	B	2	3.75	3.75	3.25	11.50	1747		
193	Hồ Thị	Loan	28/12/94	61648	B	1 01	0.25	3.75	3.75	11.50	11679		
194	Nguyễn Công	Bình	12/04/95	50848	B	2NT	2.00	5.00	3.50	11.50	2325		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
195	Hồ Duy	Thế	25/06/95	49703	B	1	1.00	3.50	5.50	11.50	3101		
196	Trần Cao	Trường	19/09/96	19999	A	2NT	2.50	4.00	3.50	11.00	1057		
197	Hoàng Văn	Tin	01/01/96	12414	A	1	2.75	4.00	2.50	11.00	1592		
198	Trần Thị Bảo	Ngọc	22/07/96	19713	A	2NT	4.50	2.25	3.25	11.00	12702		
199	Trần Văn	Khải	22/12/95	2229	A	1	2.75	3.75	2.75	11.00	12898		
200	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	16/10/96	17523	A	2NT	1.75	5.50	2.75	11.00	13148		
201	Lê Văn	Trung	10/10/95	43379	B	2	3.50	3.75	3.00	11.00	1211		
202	Nguyễn Văn	Vinh	30/09/96	47206	B	2NT	1.75	4.75	3.50	11.00	1853		
203	Lâm Dương Diệu	Linh	10/05/96	3935	B	2NT	3.75	3.50	2.50	11.00	11953		
204	Trần Minh	Long	29/07/95	47815	B	2	4.50	3.50	2.50	11.00	10017		
205	Trần Thị	Kiều	14/07/96	47736	B	2NT	2.50	4.00	3.50	11.00	10027		
206	Hồ Xuân	Hùng	22/03/95	44493	B	1	2.75	3.25	3.50	11.00	2708		
207	Trần Văn Đức	Huy	25/07/96	46042	B	2	3.50	4.50	2.50	11.00	3374		
208	Nguyễn Đức	Hậu	12/05/95	47531	B	1	2.00	4.25	3.00	11.00	3431		
209	Trần Thị	Kiều	14/07/96	47736	B	2NT	2.50	4.00	3.50	11.00	10054		
210	Phan Khánh	Phương	26/06/95	52367	B	2	3.75	3.50	3.00	11.00	3533		
211	Nguyễn Xuân	Thịnh	12/08/96	44764	B	2	2.25	4.50	3.50	11.00	3579		
212	Nguyễn Ngọc Phú	Cường	06/03/96	19399	A	2	3.00	4.25	2.50	10.50	732		
213	Ngô Quốc	Cường	12/05/96	18180	A	2	0.75	5.75	3.50	10.50	799		
214	Văn Công	Phi	06/08/96	17854	A	1	0.25	5.00	3.50	10.50	1352		
215	Lê Ngọc	Duy	25/10/95	1414	A	1	0.75	4.00	4.25	10.50	12717		
216	Đoàn Thị Quỳnh	Trang	08/03/96	19972	A	2NT	2.50	4.00	3.00	10.50	12840		
217	Lê Văn Trường	Sơn	25/06/96	7715	A	2NT	2.00	3.50	3.50	10.00	64		
218	Dương Hoàng Việt	Phương	22/10/96	19776	A	2	1.75	3.50	4.00	10.00	976		
219	Trương Công	Nghĩa	20/08/96	22301	A	1	1.75	3.25	3.25	10.00	11749		

PHẦN HIỆU ĐẠI HỌC HUẾ TẠI QUẢNG TRỊ**(DHQ.C510406) - Ngành: Công nghệ kĩ thuật môi trường. Điểm sàn nộp hồ sơ A, A1: 10,0; B: 11,0 Chỉ tiêu: 49**

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Thị Ngọc	Thoan	21/10/96	45746	B	2NT	4.00	4.50	5.00	14.50	12899		
2	Huỳnh	Hà	10/07/96	42380	B	1	4.50	5.00	3.50	14.50	12240		
3	Hồ Thị Thành	Tú	02/09/96	43401	B	2	6.25	4.00	3.00	14.00	1642		
4	Võ Văn	Huỳnh	07/03/96	40947	B	1	5.00	5.00	1.75	13.50	13106		
5	Võ Thị Diệu	Hương	16/08/96	50118	B	2NT	4.00	4.50	3.25	13.00	3391		
6	Trần Thanh	Vọng	08/06/96	43700	B	1	5.50	3.50	2.50	13.00	13492		
7	Nguyễn Xuân	San	04/08/96	30386	B	3	3.75	5.50	3.25	12.50	12576		
8	Trần Thị Kim	Yến	18/02/96	24289	A	1	2.75	3.50	4.00	12.00	13380		
9	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/04/96	8457	B	2NT	4.50	3.50	3.00	12.00	12052		
10	Hồ Đăng Hoài	Duy	20/10/95	43049	B	2NT	3.75	4.00	3.25	12.00	3135		
11	Trương Đức	Nghĩa	22/09/95	1892	A	2 06	2.25	4.00	3.50	11.50	13041		
12	Trịnh Thị	Yên	23/11/96	2551	A	2NT	2.25	4.50	3.25	11.00	12795		
13	Phạm Như Quốc	Bảo	08/06/96	43024	B	2NT	4.25	3.50	2.00	11.00	3159		
14	Chế Thị Như	Quỳnh	29/12/96	22868	A	2	2.50	3.50	3.50	10.00	745		

(DHQ.D510406) - Ngành: Công nghệ kĩ thuật môi trường. Điểm sàn nộp hồ sơ A, A1: 13,0; B: 14,0 Chỉ tiêu: 45

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Võ Tự	Hiếu	20/02/96	54056	B	2 04	7.75	7.00	6.50	24.00	3720		
2	Hoàng Thị	Quyên	05/03/95	2739	A	2	7.75	5.50	7.50	21.50	11365		
3	Nguyễn	Dỏi	10/03/94	53361	B	1	7.00	5.75	6.75	21.00	2766		
4	Lương Thế	Nhân	29/05/96	3558	A	1	6.75	5.00	6.25	19.50	11212		
5	Phạm Thị Thương	Thương	17/06/94	58582	B	2NT	6.75	6.75	5.00	19.50	11947		
6	Trương Đình	Trung	27/08/96	57008	B	2	5.25	6.50	6.50	19.00	129		
7	Trần Thị	Mến	19/05/96	20342	A1	2NT	5.25	5.00	7.25	18.50	12869		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
8	Nguyễn Hữu Minh	Quân	13/06/95	55820	B	2	5.50	7.00	5.50	18.50	1770		
9	Đỗ Minh	Hiếu	16/09/96	54059	B	2	5.75	4.50	7.50	18.50	1983		
10	Trần Lê Viết	Hải	13/06/96	60349	B	2NT	6.25	5.50	5.50	18.50	2728		
11	Nguyễn Đình Ngọc	Khải	17/03/96	54538	B	1	5.00	6.25	5.50	18.50	13513		
12	Nguyễn Phú	Lộc	11/09/96	5166	A	2NT	5.00	5.75	6.00	18.00	2757		
13	Đoàn Nhật	Huy	08/03/95	2881	B	2	7.00	6.75	3.75	18.00	3642		
14	Nguyễn Huyền	Dịu	20/06/96	1242	A	1	6.50	4.75	4.50	17.50	12457		
15	Nguyễn Quốc	Phương	30/11/96	49063	B	2	5.25	5.75	5.75	17.50	1243		
16	Lê Nam Vũ	Hoàng	25/09/95	40866	B	2NT	6.00	5.50	4.75	17.50	2253		
17	Mai Thị Bảo	Tâm	02/09/96	6656	B	2	4.75	7.00	5.25	17.50	3026		
18	Trần Thị Hoài	Thương	10/03/96	56626	B	2NT	6.00	6.25	4.00	17.50	3469		
19	Phan Lê Hoàng	Vy	26/09/96	21685	A	2NT	5.25	6.50	4.00	17.00	12060		
20	Hồ Nguyễn Bảo	Nhi	22/08/96	1074	A	2	5.00	6.25	5.00	17.00	2634		
21	Nguyễn Việt	Dũng	30/04/95	10116	A	2NT 06	4.50	5.50	4.75	17.00	13000		
22	Võ Quang	Hoà	21/06/94	57854	B	1	6.75	3.75	4.75	17.00	1878		
23	Nguyễn Thị Thuỳ	Giang	13/01/96	46368	B	2NT	4.00	6.50	5.00	16.50	13199		
24	Ngô Thị	Trinh	20/06/96	60137	B	1	6.00	4.75	4.00	16.50	3351		
25	Trần Hữu	Thuận	01/08/95	9349	A	2	5.25	5.25	5.00	16.00	11828		
26	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	10/02/96	2728	A	2	6.00	4.75	4.50	16.00	13032		
27	Hoàng Thị Huyền	Vân	11/12/95	11213	A	2	6.25	5.50	3.75	16.00	12202		
28	Hoàng Thị Ngọc	ánh	28/08/96	29563	A1	2	5.50	6.50	3.50	16.00	11991		
29	Hồ Thị	Năm	02/03/96	28970	A1	2NT	4.00	5.50	5.50	16.00	3499		
30	Hồ Văn	Toàn	01/12/95	42782	B	2	5.50	5.25	4.75	16.00	1411		
31	Ngô Đức	Tam	17/06/96	50437	B	1	3.50	6.50	4.50	16.00	2030		
32	Phan Thanh	Việt	25/11/96	42071	B	1	4.00	5.50	5.00	16.00	12791		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
33	Nguyễn Thị Kiều	Ly	06/03/96	50357	B	2NT	5.75	4.75	4.50	16.00	10056		
34	Nguyễn Thị Tường	Vy	10/11/96	28232	A	1	6.00	4.50	3.50	15.50	11787		
35	Nguyễn Thị	Hường	07/05/96	15584	A	2NT	4.75	5.75	4.00	15.50	3053		
36	Nguyễn Duy	Bác	03/05/95	20284	A	2	5.75	5.75	3.50	15.50	13118		
37	Hồ Thị Thúy	Hòa	05/06/96	16295	A	2NT	4.50	5.25	4.50	15.50	3498		
38	Trịnh Quang	Huy	24/06/96	19813	A1	3	5.50	5.25	4.75	15.50	5		
39	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	07/01/95	31229	A1	1	4.25	5.00	4.50	15.50	3730		
40	Nguyễn Tùng	Dương	26/01/96	1263	B	2	6.25	4.00	4.50	15.50	11430		
41	Nguyễn Trí	Quyết	08/10/96	51069	B	2NT	3.75	5.50	5.00	15.50	12012		
42	Nguyễn Thị	Hường	07/05/96	40979	B	2NT	4.50	5.75	4.25	15.50	3051		
43	Trần Đình	Huy	28/02/96	60439	B	2NT	3.25	6.50	4.50	15.50	13105		
44	Lê Tuấn	Anh	26/12/96	60178	B	1	5.25	4.50	4.25	15.50	12223		
45	Nguyễn Thị Hoài	Thương	29/08/96	30898	A1	2	5.50	5.50	3.25	15.00	106		
46	Dương Thị Xuân	Diệu	12/04/96	28369	A1	2	4.75	4.75	5.00	15.00	11513		
47	Nguyễn Thị Thanh	Hàng	26/02/96	45116	B	1	4.75	4.25	4.25	15.00	968		
48	Đoàn Quốc	Phong	25/01/95	45535	B	2NT	4.75	5.75	3.50	15.00	1177		
49	Hà Dữ	Minh	09/06/95	45399	B	2	4.00	3.50	6.75	15.00	1740		
50	Phạm Hoàng	Lực	22/01/96	29936	B	2NT	5.75	3.50	4.75	15.00	11267		
51	Lê Thành	Long	17/03/96	41120	B	2NT	4.75	4.50	4.75	15.00	2053		
52	Trần Thị	Lài	03/06/96	3559	B	2NT	5.00	4.50	4.50	15.00	11514		
53	Trần Thị	Phượng	24/10/96	46827	B	2NT	5.50	5.50	3.00	15.00	3082		
54	Nguyễn Thị Kim	Lợi	20/07/96	4146	B	2NT	4.00	5.00	5.00	15.00	13442		
55	Dương Quốc	Thịnh	22/05/96	45739	B	2	6.25	4.50	3.75	15.00	3710		
56	Trần Minh	Hùng	04/10/96	23282	A	2	4.75	6.00	3.00	14.50	10052		
57	Lê Trần Uyên	Thi	18/05/95	29134	A1	2	5.50	5.00	3.50	14.50	3719		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
58	Phan Thái	Tài	30/04/95	48175	B	2	3.50	5.00	5.25	14.50	426		
59	Nguyễn Anh	Tú	20/10/96	51395	B	2NT 06	4.50	4.25	3.50	14.50	1914		
60	Phan Lưu	Phước	02/03/95	44661	B	2	4.50	5.25	4.25	14.50	2071		
61	Trần Văn	Phước	27/09/96	45568	B	2	4.50	4.75	4.50	14.50	2293		
62	Mai Phan Anh	Tú	13/08/96	1482	B	2	5.75	4.50	3.75	14.50	10001		
63	Trần Nguyễn Uyên	Nhi	22/12/96	49592	B	2	4.75	5.25	3.75	14.50	2663		
64	Lâm Thị	Vĩ	16/03/94	44308	B	2	6.00	5.00	3.00	14.50	2671		
65	Trần Thị Ngọc	Thoan	21/10/96	45746	B	2NT	4.00	4.50	5.00	14.50	12897		
66	Nguyễn Thị Hoài	Chi	29/04/96	49319	B	2	4.25	5.25	4.50	14.50	13465		
67	Nguyễn Văn	Trịnh	08/05/95	47113	B	1	4.75	4.50	3.75	14.50	3593		
68	Hà Văn	Luyết	17/01/96	19665	A	2	5.25	3.25	4.75	14.00	347		
69	Nguyễn Hữu	Cường	25/05/96	23039	A	1	4.25	4.25	3.75	14.00	660		
70	Phạm Thị Thanh	Hằng	08/02/95	25683	A	2	4.50	3.50	5.25	14.00	11653		
71	Trần Ngọc	Trâm	26/03/95	2012	A	2	3.75	4.50	5.00	14.00	2614		
72	Trần Thị	Phượng	24/10/96	14957	A	2NT	5.00	4.25	3.50	14.00	3081		
73	Lê Minh	Thông	14/02/94	50465	B	2	5.25	3.75	4.25	14.00	80		
74	Phan Quốc	Huy	09/03/96	45219	B	2	4.25	4.00	5.25	14.00	1768		
75	Trương Thành	Vinh	13/11/96	51181	B	2	5.50	4.50	3.25	14.00	11666		
76	Công Đức	Tư	28/08/96	61026	B	2NT 06	3.50	5.00	3.50	14.00	11874		
77	Hoàng Kim	Hạnh	03/10/93	47510	B	2NT	4.50	4.00	4.50	14.00	11985		
78	Trịnh Hồng	Ân	08/01/96	44916	B	2	4.50	4.50	4.50	14.00	2534		
79	Nguyễn Văn	Long	04/10/96	47809	B	2	4.25	4.50	4.50	14.00	3462		
80	Hồ Thị Vân	Anh	20/03/96	51190	B	2	5.00	4.50	4.00	14.00	13273		
81	Nguyễn Xuân	Cung	22/06/94	49326	B	1	4.00	5.50	2.75	14.00	3576		
82	Nguyễn Anh	Tú	20/10/96	20030	A	2NT	3.75	4.75	3.75	13.50	1912		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
83	Ngô Thị Như	Quỳnh	01/07/93	27010	A	2NT	5.25	3.50	3.50	13.50	11484		
84	Phan Lưu	Phước	02/03/95	10534	A	2	3.75	4.50	4.50	13.50	2070		
85	Hà Thị Khánh	Linh	12/06/96	3733	A	1	2.50	4.25	5.25	13.50	12627		
86	Lê Văn	Đức	20/07/95	2015	A	1	3.00	5.50	3.25	13.50	13308		
87	Võ Văn	Minh	02/11/95	18368	A	2NT	4.25	3.75	4.25	13.50	3514		
88	Võ Thị Vân	Anh	26/03/96	10029	A	1	3.50	4.50	3.75	13.50	13502		
89	Nguyễn Thị Hiếu	Giang	08/05/95	28137	A1	1	3.50	3.75	4.75	13.50	13054		
90	Nguyễn Ngô Hữu	Phấn	07/07/96	19052	A	2NT	2.75	4.75	4.25	13.00	2216		
91	Phạm Ngọc	Hảo	20/09/96	30999	A1	2	5.25	4.25	3.00	13.00	12672		

Nhóm ngành 1. Chỉ tiêu: 91

(DHQ.D520201) - Ngành: Kỹ thuật điện, điện tử. Điểm sàn nộp hồ sơ A, A1: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Lê	Đông	20/04/96	1190	A	2NT	7.00	6.00	5.50	19.50	11773		
2	Huỳnh Ngọc	Hùng	22/01/96	2744	A	2NT	5.50	6.25	5.50	18.50	11387		
3	Võ Sơn Bá	Linh	17/11/94	1070	A	2NT	6.00	4.50	6.50	18.00	11062		
4	Nguyễn Phú	Lộc	11/09/96	5166	A	2NT	5.00	5.75	6.00	18.00	2756		
5	Phạm Bảo	Trường	12/01/96	1760	A	2NT	5.50	5.50	4.75	17.00	11388		
6	Trần Ngọc	Minh	14/05/96	9906	A	1	6.50	5.00	3.75	17.00	12182		
7	Huỳnh Lê Văn	Phước	14/12/95	21441	A	2	5.25	6.00	5.00	17.00	13031		
8	Lê Thành	Long	02/10/95	5053	A	2	4.25	4.75	7.50	17.00	13428		
9	Trần Quang	Quang	24/06/96	12494	A1	2	5.50	6.00	4.75	17.00	1907		
10	Nguyễn Hà	Quang	03/11/92	7270	A	1	2.75	5.50	6.50	16.50	3687		
11	Trần Văn Bảo	Quốc	25/02/96	14487	A	2NT	4.00	5.50	5.25	16.00	1222		03/09/14
12	Đình Tiến	Sáng	23/12/96	23601	A	1	3.50	5.75	4.50	15.50	12574		
13	Nguyễn Văn	Bình	27/02/95	16915	A	2NT	5.75	3.25	5.50	15.50	3078		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
14	Nguyễn Tri	Nhân	11/04/96	6291	A	2	5.25	4.50	5.00	15.50	12201		
15	Võ Phúc	Thịnh	09/11/93	23719	A	2	3.50	5.25	6.00	15.50	12204		
16	Nguyễn Văn	Quân	06/09/96	7387	A	2NT	6.00	5.00	3.50	15.50	13539		
17	Trịnh Quang	Huy	24/06/96	19813	A1	3	5.50	5.25	4.75	15.50	3		
18	Nguyễn Văn	Tương	26/08/95	24119	A	2	5.50	5.25	3.50	15.00	3299		
19	Đặng Văn	Ngà	28/12/96	1125	A	2NT	5.25	4.25	3.75	14.50	11060		
20	Võ Thế	Nghĩa	14/04/95	12998	A	2NT	4.25	4.50	4.50	14.50	12803		
21	Trần Minh	Hùng	04/10/96	23282	A	2	4.75	6.00	3.00	14.50	13461		
22	Lê Văn	Sôi	18/07/96	16573	A	2	5.25	4.50	3.50	14.00	178		
23	Hà Văn	Luýt	17/01/96	19665	A	2	5.25	3.25	4.75	14.00	346		
24	Lê Văn	Võ	30/07/94	13427	A	2	5.25	4.25	3.75	14.00	581		
25	Nguyễn Hữu	Hải	18/11/96	23954	A	1	3.75	4.50	4.00	14.00	927		
26	Nguyễn Hồng	Sơn	16/12/96	10370	A	1	4.75	3.75	3.75	14.00	11199		
27	Phạm	Sơn	10/09/95	7926	A	2	5.25	3.75	4.50	14.00	1843		
28	Nguyễn Văn	Hoàng	05/02/96	12756	A	2	4.75	5.00	3.75	14.00	11553		
29	Lê Thuận	Tường	21/04/96	14777	A	1	3.25	5.75	3.25	14.00	11938		
30	Trương Gia	Lợi	12/11/95	23371	A	2NT	3.00	6.25	3.50	14.00	3136		
31	Hoàng Văn	Trí	10/12/94	24096	A	2NT	5.00	4.00	3.75	14.00	13090		
32	Nguyễn Văn	Hoàng	05/02/96	12756	A	2	4.75	5.00	3.75	14.00	12203		
33	Nguyễn Hữu Nhật	Quang	13/08/96	31126	A1	2	3.50	4.00	6.00	14.00	3607		
34	Nguyễn Văn	Lâm	19/10/96	12061	A	2	3.75	4.75	4.25	13.50	1288		
35	Trần Đình	Sự	10/08/95	17132	A	2	4.50	5.50	3.00	13.50	1432		
36	Trương Thành	Vinh	13/11/96	23874	A	2	5.75	4.25	2.75	13.50	11643		
37	Lê Quốc	Hùng	08/09/95	2828	A	1	4.50	4.50	3.00	13.50	12034		
38	Đỗ Thị Kim	Thái	01/03/96	31167	A1	2NT	3.25	4.50	4.50	13.50	1697		

Nhóm ngành 1. Chỉ tiêu: 91

(ĐHQ.D520201) - Ngành: Kỹ thuật điện, điện tử. Điểm sàn nộp hồ sơ A, A1: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
39	Lê Quang	Tú	27/08/95	18600	A	2	3.00	4.50	4.75	13.00	1425		
40	Phạm Ngọc	Hảo	20/09/96	30999	A1	2	5.25	4.25	3.00	13.00	12673		

Nhóm ngành 1. Chỉ tiêu: 91

(ĐHQ.D580201) - Ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng. Điểm sàn nộp hồ sơ A, A1: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hồ Văn	Thành	10/01/96	8633	A	2	3.75	6.25	7.00	17.50	1847		
2	Đình Xuân	Quý	19/04/96	7638	A	2	5.75	5.75	5.00	17.00	12575		
3	Trần Văn Bảo	Quốc	25/02/96	14487	A	2NT	4.00	5.50	5.25	16.00	2920		
4	Trương Đoàn	Tín	01/01/96	9748	A	2	6.25	4.50	4.00	15.50	11515		
5	Hồ Đức	Trung	10/10/96	31219	A1	2NT	5.00	5.75	3.50	15.50	3746		
6	Nguyễn Quang	Huy	23/03/95	12788	A	1	4.50	5.50	3.50	15.00	1685		
7	Hoàng Phước	Thanh	23/08/96	11113	A	2	6.00	5.00	3.50	15.00	11522		
8	Dương Hồng	Quang	01/11/95	13132	A	2	4.00	5.50	5.00	15.00	11827		
9	Phạm Văn	Tường	14/05/95	2045	A	1	4.50	5.50	3.00	14.50	2124		
10	Trịnh Hồng	Ân	08/01/96	312	A	2	4.25	5.00	4.50	14.50	2535		
11	Lê Văn	Võ	30/07/94	13427	A	2	5.25	4.25	3.75	14.00	583		
12	Nguyễn Minh	Thành	20/08/95	8575	A	2	3.75	5.50	4.00	14.00	10028		
13	Nguyễn Văn	Trịnh	08/05/95	12439	A	1	4.25	4.50	3.75	14.00	3108		
14	Nguyễn Hữu Nhật	Quang	13/08/96	31126	A1	2	3.50	4.00	6.00	14.00	3608		
15	Nguyễn Trọng	Bửu	01/10/96	637	A	1 03	2.75	3.75	3.25	13.50	11355		
16	Dương Văn	Cương	20/10/96	23034	A	1	4.25	3.25	4.50	13.50	2170		
17	Ngô Viết	Hải	19/01/96	18635	A	2NT	2.50	5.50	4.25	13.50	11630		
18	Hoàng Văn	Mạnh	25/10/95	3890	A	2NT	4.25	4.75	3.50	13.50	12637		
19	Trần Hoàng	Lân	07/12/96	31051	A1	2	5.00	5.50	2.50	13.50	1120		
20	Lê Minh	Tâm	26/01/96	29341	A1	1	3.25	4.25	4.50	13.50	13223		

Nhóm ngành 1. Chỉ tiêu: 91

(DHQ.D580201) - Ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng. Điểm sàn nộp hồ sơ A, A1: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
21	Nguyễn Quang	Đạt	06/12/95	12621	A	2	2.75	5.50	4.00	13.00	2026		
22	Nguyễn Việt	Nhật	08/05/95	18050	A	2NT	2.50	5.00	4.50	13.00	2529		
23	Mai Thị Thúy	Linh	25/09/95	29704	A1	2	4.00	4.50	4.00	13.00	2274		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

(DHS.D140205) - Ngành: Giáo dục Chính trị. Điểm sàn nộp hồ sơ C: 13,0

Chỉ tiêu: 11

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phạm Mỹ	Hạnh	26/02/95	16745	C	1	9.25	5.50	7.50	24.00	13224		
2	Trần Lê Hải	Hà	19/02/95	6072	C	2 01	7.00	7.00	6.25	23.00	2189		
3	Trần Thị Thu	Huyền	20/03/95	18464	C	1	9.00	6.25	6.00	23.00	12901		
4	Nguyễn Mạnh	Hùng	19/01/95	18707	C	1	8.00	7.00	5.50	22.00	12222		
5	Lê Nhật	Quang	29/04/96	23017	C	2	8.00	6.25	7.00	22.00	13474		
6	Thái Thị Hoàng	Diễm	02/08/95	19108	C	1 06	8.25	6.50	4.50	22.00	13499		
7	Đặng Thị Ngọc	Mai	12/03/96	5753	C	2	7.50	7.50	6.00	21.50	12023		
8	Trương Phương	Nam	27/07/96	21461	C	2NT	7.50	7.50	5.00	21.00	13013		
9	Nguyễn Thị	Hồng	14/09/96	20259	C	1	7.00	6.50	5.50	20.50	13083		
10	Hoàng Văn	Sỹ	02/09/95	1697	C	1	7.00	7.25	4.00	20.00	11736		
11	Lê Hoàng	Cúc	04/04/96	5017	C	2NT	7.00	5.75	6.00	20.00	12044		
12	Lại Lê Anh	Tú	20/06/96	24419	C	2	5.50	9.00	4.50	19.50	2188		
13	Đinh Thị Thu	Hiền	22/11/96	17412	C	1	6.75	6.25	5.00	19.50	12777		
14	Đào Thiện	Hải	10/04/95	19795	C	1	6.50	5.75	5.00	19.00	13458		
15	Hồ Thị	Nương	02/10/95	66238	C	1 01	6.00	4.00	5.00	18.50	52		
16	Huỳnh Ngọc	Phú	16/11/95	63883	C	2 06	6.50	4.00	6.50	18.50	98		
17	Trần Thị	Hằng	26/02/96	65700	C	1	6.75	5.25	5.00	18.50	1669		
18	A Vô	Yêm	10/07/96	66733	C	1 01	4.25	5.00	5.50	18.50	2214		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
19	Trần Thị Kim	Lành	09/01/96	64547	C	2	6.50	7.00	4.25	18.50	11698		
20	Lê Quốc	Việt	20/10/96	64760	C	2NT	7.25	5.50	4.50	18.50	12582		
21	Lê Thị Thuỳ	Trang	10/03/96	64194	C	1	7.00	6.00	4.00	18.50	12713		
22	Rơ Châm	Phyít	10/09/95	66314	C	1 01	4.50	5.50	5.00	18.50	12375		
23	Nguyễn Thị	Như	26/01/95	22109	C	1	6.50	5.25	5.00	18.50	13369		
24	Mai Thị Cẩm	Nhi	11/04/95	66458	C	1	7.25	3.00	6.00	18.00	172		
25	Dương Thị	Lệ	19/05/96	65941	C	2	7.75	4.00	5.75	18.00	253		
26	Nguyễn Thị	Hà	17/11/95	65636	C	1	6.50	4.75	5.00	18.00	320		
27	Nguyễn Thành	Công	30/09/94	63199	C	1	6.50	6.25	3.50	18.00	356		
28	Lê Thị Tú	Trinh	03/12/96	64230	C	2NT	7.25	3.75	5.75	18.00	437		
29	Nguyễn Thị Kim	Thảo	05/05/96	64047	C	2NT	6.25	5.00	5.50	18.00	1009		
30	Nguyễn Thị Thuý	Hàng	25/05/95	63384	C	2NT	6.25	6.00	4.75	18.00	1694		
31	Phạm Thị Nhung	Nhược	05/08/96	66224	C	2	6.75	4.75	6.00	18.00	1736		
32	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	20/04/96	66217	C	2	6.50	5.00	6.00	18.00	11445		
33	Bùi Thị Kim	Oanh	21/12/96	63856	C	1	6.00	5.00	5.50	18.00	11617		
34	Hoàng Lý Hoài	Thu	20/07/95	66479	C	2NT	8.50	4.75	3.50	18.00	11761		
35	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	20/01/96	6227	C	2NT	6.00	5.50	5.50	18.00	2421		
36	Đặng Văn	Lãm	10/06/93	1928	C	2NT	4.75	6.00	6.25	18.00	2499		
37	Nguyễn Đình	Tính	07/07/96	66573	C	1	8.00	6.25	2.00	18.00	11856		
38	Nguyễn Hải	Nam	24/05/95	21518	C	1	4.75	6.00	5.50	18.00	12431		
39	Đình Thị Hoàng	Anh	06/03/96	65453	C	1	5.50	4.75	6.00	18.00	12769		
40	Đình Thị Nhật	Sinh	31/05/96	63965	C	1	6.00	4.50	6.00	18.00	2915		
41	Trần Thị	Xuân	16/11/96	66730	C	2NT	6.50	5.25	5.00	18.00	3067		
42	Nguyễn Anh	Tuân	08/09/95	64261	C	2NT	5.25	4.75	7.00	18.00	3124		
43	Lê Thị Trường	Sinh	23/03/95	63962	C	2	7.25	5.00	5.00	18.00	3182		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
44	Nguyễn Thị	Nhàn	15/09/95	66150	C	2NT	6.25	6.00	4.75	18.00	13189		
45	Hoàng Phi	Hải	12/06/96	63349	C	2	5.75	6.75	5.00	18.00	3252		
46	Đoàn Tuấn	Anh	20/01/96	13159	C	1	8.00	3.00	5.50	18.00	12218		
47	Từ Thị	Nga	20/10/95	66118	C	1	7.00	4.25	4.50	17.50	54		
48	Hồ Thị Cẩm	Duy	05/04/96	63238	C	2	5.75	4.25	7.00	17.50	254		04/09/14
49	Võ Thị	Hiền	06/06/96	65738	C	2	6.00	6.00	5.00	17.50	1360		
50	Phan Thị Diễm	Ny	20/01/96	66244	C	1	5.75	5.00	5.00	17.50	1610		
51	Hồ Văn	Cườm	13/07/95	65512	C	1 01	6.25	3.75	4.00	17.50	1635		
52	Tôn Nữ Quỳnh	Anh	02/10/96	63134	C	1	5.50	5.50	5.00	17.50	1940		
53	Nguyễn Thị ý	Nhi	27/12/96	66174	C	1	6.00	4.00	6.00	17.50	2497		
54	Lê Thị	Hánh	22/08/95	65655	C	1	6.50	4.50	5.00	17.50	12552		
55	Nguyễn ánh	Ngọc	09/09/96	63761	C	2NT	7.25	4.25	4.75	17.50	12163		
56	Ngô Thị Lệ	Huyền	01/04/96	63480	C	2NT	4.00	6.75	5.50	17.50	12907		
57	Nguyễn Thị Khánh	Hoa	18/12/96	63424	C	2NT	4.50	7.25	4.50	17.50	3088		
58	Đào Thị Thanh	Loan	28/06/94	66010	C	2	6.75	6.00	4.00	17.50	13130		
59	Hoàng Văn	Nghĩa	22/05/95	2056	C	1 01	3.25	6.75	4.00	17.50	13167		
60	Nguyễn Thị	Hương	07/10/96	65862	C	2NT	5.75	5.25	5.50	17.50	13037		
61	Đoàn Thành	Đạt	18/12/96	63278	C	2NT	7.25	5.00	4.00	17.50	3349		
62	Lê Thị Ngọc	Châu	01/01/96	63177	C	2	6.00	5.75	5.00	17.50	13228		
63	Nguyễn Văn	Tài	16/04/96	2248	C	1	5.50	5.00	5.50	17.50	12219		
64	Nguyễn Thị	Nhon	19/05/93	66192	C	1 01	3.75	4.00	5.50	17.00	490		
65	Đặng Thị Bích	Ly	15/03/96	66044	C	2	6.00	6.25	4.00	17.00	11540		
66	Hồ Thị Thu	Hiền	12/05/96	63403	C	1	5.75	4.50	5.00	17.00	2344		
67	Lương Thị Phương	Liên	26/09/96	6590	C	1 01	4.50	3.25	5.75	17.00	2842		
68	Phạm Thị Hà	Vi	20/10/96	66703	C	1	5.25	5.75	4.50	17.00	2550		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
69	Nguyễn Thị	Tâm	18/10/94	66367	C	1	5.75	5.25	4.25	17.00	12616		
70	Trần Thị Hải	Sương	25/11/96	16269	C	1	5.50	2.75	7.25	17.00	12996		
71	Nguyễn Thị Như	Trang	17/01/95	66592	C	2NT	4.75	6.25	5.00	17.00	3221		
72	Ngô Thị ánh	Ngọc	13/03/96	21999	C	2NT	6.00	5.00	5.00	17.00	3467		
73	Đỗ Thị	Lệ	20/10/96	65938	C	2NT	6.25	5.50	3.50	16.50	1407		
74	Nguyễn Thị	Lệ	26/08/95	65945	C	1 06	7.00	3.00	3.75	16.50	2067		
75	Hồ Thị	Đâm	19/11/96	65587	C	1 01	4.75	4.75	3.50	16.50	2374		
76	Lê Thị Hồng	Cúc	20/12/95	63202	C	1	6.50	4.00	4.25	16.50	11925		
77	Hoàng Thị Diệu	Thuỳ	26/03/95	64116	C	2	5.00	4.75	6.00	16.50	10025		
78	Nguyễn Thị Nhật	Diệp	15/11/96	64409	C	1	6.25	4.00	4.75	16.50	2714		
79	Phạm Thị Kim	Tuyến	17/12/96	64275	C	1 01	5.75	3.50	3.50	16.50	12998		
80	Nguyễn Thị	Yến	20/04/95	64767	C	2NT	6.00	4.25	5.00	16.50	2991		
81	Nguyễn Thị	Hải	17/03/96	1770	C	2NT	5.00	5.00	5.50	16.50	13098		
82	Bùi Thị Mỹ	Hiên	20/06/96	65715	C	1	6.50	4.50	3.75	16.50	12249		
83	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	08/01/91	66565	C	1 01	4.25	5.75	3.00	16.50	12258		
84	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/06/96	63600	C	2NT	2.50	8.00	5.00	16.50	3650		
85	Hoàng Kim	Cúc	11/05/94	65510	C	1	6.00	5.00	3.50	16.00	273		
86	Văn Thị Thúy	Phương	23/10/96	67293	C	2	4.00	4.25	7.00	16.00	923		
87	Hồ Thị	Tơ	16/11/96	67440	C	1	4.50	5.25	4.75	16.00	1641		
88	Trần Thị Tô	Ny	20/08/93	67273	C	1 01	4.50	4.50	3.50	16.00	1800		
89	Huỳnh Ngọc	Trí	10/02/96	2857	C	1	6.00	4.75	3.50	16.00	11079		
90	Hồ Văn	Đề	20/04/95	63280	C	2 01	4.75	5.75	3.00	16.00	2039		
91	Lê Thị Phương	Như	05/03/95	67258	C	2NT	6.50	2.75	5.50	16.00	11564		
92	Lê Thị Mỹ	Hoài	24/07/96	67040	C	2NT	4.25	6.00	4.50	16.00	2394		
93	Võ Thị	Nhàn	26/10/96	12027	C	2NT	4.75	5.50	4.75	16.00	11819		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
94	Nguyễn Thị Quỳnh	Ly	18/12/95	67148	C	2NT	6.00	5.50	3.50	16.00	11913		
95	Nguyễn Thị	Nữ	04/08/96	66241	C	2NT	6.50	2.75	5.50	16.00	11954		
96	Đào Thị Thu	Hằng	20/02/96	63393	C	2	3.25	6.75	5.50	16.00	12100		
97	Nguyễn Thị	Thủy	01/05/95	64141	C	1	5.50	3.25	5.50	16.00	12619		
98	Nguyễn Thị	Hoài	30/10/94	67041	C	2NT	6.00	4.25	4.50	16.00	13011		
99	Trương Thị	Thanh	28/03/96	66395	C	1	4.50	5.25	4.75	16.00	3244		
100	Trần Trung	Quyết	25/01/96	22577	C	1	6.00	4.16	4.50	16.00	13222		
101	Phan Thị Thảo	Quỳnh	20/02/96	63943	C	1	5.00	5.00	4.50	16.00	12388		
102	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	09/07/94	6417	C	2	6.25	2.50	6.00	15.50	738		
103	Trần Văn	Lực	02/12/96	2457	C	1	5.25	3.00	5.50	15.50	11069		
104	Phan Nguyễn Thương	Huyền	14/01/96	64515	C	2	5.75	5.25	3.75	15.50	11694		
105	Phạm Thế	Hiển	20/01/96	2805	C	1	6.50	3.50	3.75	15.50	11769		
106	Trần Thị Thủy	Tiên	20/02/96	67433	C	1	5.25	2.75	5.75	15.50	11525		
107	Nguyễn Thị	Thảo	10/06/96	66422	C	1	4.25	4.75	5.00	15.50	2471		
108	Đình Tiên	Hoàng	06/03/95	63442	C	1	6.25	4.25	3.25	15.50	2473		
109	Nguyễn Thị	Sương	15/01/96	2703	C	2NT	6.25	1.75	6.50	15.50	12508		
110	Bùi Thị Bích	Lài	12/07/96	3488	C	2	6.25	5.50	3.00	15.50	12436		
111	Nguyễn Thị Diễm	Sương	11/06/96	22811	C	1	5.25	4.25	4.50	15.50	12848		
112	Nguyễn Thị	Ngân	16/02/95	63738	C	1	4.75	5.50	3.50	15.50	12261		
113	Thái Công	Tâm	04/04/95	68884	C	1	4.75	5.00	3.50	15.00	907		
114	Võ Thị Cẩm	Trúc	27/09/95	65076	C	2	6.00	2.25	6.00	15.00	1756		
115	Hoàng Thị	Thùy	25/07/96	66510	C	1	5.50	4.50	3.50	15.00	1767		
116	Nguyễn Ngọc	Biên	26/07/96	8242	C	2	5.75	4.25	4.50	15.00	11068		
117	Lê Thị Mỹ	Diên	29/02/96	14501	C	1	5.50	2.00	5.75	15.00	11080		
118	Mai Xuân	Hoài	15/04/94	2860	C	2	4.75	6.75	2.75	15.00	11114		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
119	Trần Thị Ngọc	Điệp	01/08/96	66977	C	1	5.75	2.00	5.50	15.00	1958		
120	Alăng Thị	Oanh	19/04/95	3634	C	1 01	3.25	5.00	3.25	15.00	11501		
121	Hiên Thị	Hòa	04/03/95	3412	C	1 01	3.50	3.25	4.75	15.00	11502		
122	Nguyễn Minh	Thùy	07/02/95	66513	C	2NT	6.25	4.00	3.75	15.00	11865		
123	Hà Thị Ngọc	Minh	21/01/96	64595	C	2	6.50	4.50	3.50	15.00	2775		
124	Trần Thị Vân	Anh	17/04/95	4806	C	1	3.50	4.50	5.50	15.00	12531		
125	Lê Mo Thị	Diệu	25/03/95	65529	C	1 01	3.00	3.50	5.00	15.00	12655		
126	Võ Thị	Lương	14/04/94	21254	C	1	4.50	4.25	4.50	15.00	3139		
127	Trần Thị Huyền	My	02/02/96	66090	C	1	4.50	4.00	5.00	15.00	3344		
128	Nguyễn Thị	Sáng	20/04/96	17930	C	2NT	5.75	1.75	6.50	15.00	12353		
129	Nguyễn Thị	Nhi	28/08/96	63799	C	1	3.75	3.50	6.00	15.00	12384		
130	Nguyễn Thị	Hạnh	13/03/95	68687	C	1	6.00	3.25	3.75	14.50	203		
131	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/02/95	66597	C	1	4.75	4.00	4.00	14.50	321		
132	Nguyễn Thị Thu	Hàng	24/06/95	67009	C	2	6.00	2.75	5.00	14.50	466		
133	Nguyễn Thị	Trang	23/06/95	64198	C	1	2.75	3.75	6.50	14.50	853		
134	Mai Thị	Thanh	18/09/96	64016	C	1	5.75	4.00	3.25	14.50	1024		
135	Ngô Quang	Trường	22/09/95	3762	C	1	3.25	5.75	4.00	14.50	11127		
136	Hoàng Thị Thu	Hà	12/11/96	14765	C	1	5.25	3.25	4.50	14.50	11139		
137	Lê Thị	Oanh	09/09/96	68187	C	2NT	5.00	3.50	5.00	14.50	2075		
138	Phan Thị	Hà	03/10/96	65643	C	1	4.00	4.00	4.75	14.50	2163		
139	Trần Duy	Đạt	17/02/96	63276	C	3	5.00	4.50	5.00	14.50	2809		
140	Nguyễn Thanh	Giang	03/01/95	6044	C	3	5.50	3.00	6.00	14.50	2877		
141	Hoàng Kim	Nguyên	11/08/95	64617	C	2NT	3.00	5.25	5.00	14.50	12670		
142	Bùi Xuân	Hậu	18/05/96	1142	C	1	4.50	3.25	5.00	14.50	12812		
143	Nguyễn Công	Tây	19/04/96	66380	C	1	5.25	3.50	4.00	14.50	3192		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
144	Nguyễn Văn	Tú	25/06/96	8567	C	1	5.75	3.00	4.00	14.50	13027		
145	Trần Thị	Thúy	16/06/95	66526	C	2NT 06	4.50	3.75	4.00	14.50	3407		
146	Nguyễn Thị Minh	Lưu	06/02/96	63665	C	1	6.75	3.25	3.00	14.50	12244		
147	Nguyễn Thị Mỹ	Tú	10/12/95	67489	C	2	5.25	3.25	4.75	14.00	1272		
148	Lý Thị ái	Như	09/05/95	68184	C	2NT	5.00	4.00	4.00	14.00	1456		
149	Ngô Thị Diễm	My	05/08/94	66086	C	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1524		
150	Lê Thanh	Huy	01/05/94	2928	C	1	4.25	4.00	4.25	14.00	11129		
151	Hồ Văn	Cuối	10/11/94	5742	C	1 01	5.75	2.75	2.00	14.00	2794		
152	Bùi Thị	Trang	12/01/96	67443	C	1	3.25	2.50	6.50	14.00	12912		
153	Nguyễn Văn	Tính	27/07/93	64179	C	1 03	3.25	4.25	3.00	14.00	3154		
154	Trần Thị	Thoa	14/01/96	66467	C	1	4.75	4.00	3.50	14.00	12385		
155	Lê Thị Thu	Hà	17/12/95	65631	C	2NT	3.25	5.25	4.50	14.00	13360		
156	Nguyễn Thị Thu	Lý	20/04/96	67683	C	2NT	4.75	3.50	4.00	13.50	625		
157	Đặng Thị Mỹ	Linh	30/06/96	64921	C	2	5.50	2.25	5.25	13.50	952		
158	Ngô Thị Thanh	Nhàn	29/08/96	63784	C	2NT	4.75	3.50	4.00	13.50	1321		
159	Đỗ Thị	Hà	08/12/96	65154	C	1	2.75	4.00	5.00	13.50	1325		
160	Phạm Thị	Ly	01/07/95	31978	C	1	5.00	3.75	3.00	13.50	11284		
161	Nguyễn Thị	Loan	13/03/96	66002	C	1	3.25	4.00	4.75	13.50	2195		
162	Hoàng Thị Diệu	Huyền	23/12/95	263	C	3	4.25	4.00	5.25	13.50	2417		
163	Đỗ Thị Thái	Lan	23/03/95	68051	C	1	4.25	4.50	3.25	13.50	2419		
164	Lý Thanh Mai	Như	12/11/96	63833	C	2	6.00	3.00	4.00	13.50	3673		
165	Trần Thị	Tình	04/10/96	66572	C	2NT	4.25	3.75	3.75	13.00	298		
166	Nguyễn Thị Nguyệt	Linh	31/07/94	65982	C	2	5.25	4.00	3.00	13.00	412		
167	Lê Thị	Vy	28/12/96	68364	C	1	3.50	3.75	4.00	13.00	11913		
168	Tống Minh	Thành	12/09/96	7382	C	1	4.00	3.25	4.25	13.00	10007		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
169	Lê Thị Thanh	Hải	05/09/96	31485	C	2NT	3.75	1.00	7.25	13.00	13450		
170	A King	Thu	18/03/96	68271	C	1 01	3.75	1.75	4.00	13.00	13464		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Đức	Trường	10/06/96	26584	C	1	7.75	5.00	6.00	20.50	3617		
2	Trần Văn	Long	17/07/95	20498	C	2NT	8.50	5.75	4.50	20.00	13232		
3	Chu Hải	Thượng	22/12/96	7753	C	1	7.00	5.50	5.75	20.00	13481		
4	Nguyễn Phong	Lan	01/10/95	19626	C	2NT	6.50	6.50	5.50	19.50	12778		
5	Nguyễn Bảo	Tùng	24/02/94	2249	C	1	8.25	5.75	3.75	19.50	3251		
6	Huỳnh Ngọc	Phú	16/11/95	63883	C	2 06	6.50	4.00	6.50	18.50	97		
7	Lê Trần Hạ	My	30/06/95	63704	C	2NT	7.00	7.00	3.25	18.50	170		
8	A Vô	Yêm	10/07/96	66733	C	1 01	4.25	5.00	5.50	18.50	2232		
9	Ngô Thanh	Hồng	02/08/96	63455	C	1	2.50	8.25	6.00	18.50	2236		
10	Lê Thị	Lan	02/09/94	65917	C	2NT	5.50	5.75	6.00	18.50	12860		
11	Lù Thị	Duyên	23/08/95	4347	C	1 01	5.50	4.50	5.00	18.50	13004		
12	Văn Thị	Nhi	10/02/96	66184	C	1	7.00	7.00	3.00	18.50	13049		
13	Nguyễn Đức	Anh	12/07/96	13313	C	2	5.75	6.50	5.50	18.50	13374		
14	Nguyễn Thành	Công	30/09/94	63199	C	1	6.50	6.25	3.50	18.00	358		
15	Nguyễn Quốc	Danh	20/08/95	314	C	2NT	6.25	4.50	6.00	18.00	1779		
16	Hoàng Phi	Hải	12/06/96	63349	C	2	5.75	6.75	5.00	18.00	3253		
17	Trần Mạnh	Hoàng	09/03/96	17730	C	2NT	7.00	4.25	5.50	18.00	13288		
18	Đoàn Tuấn	Anh	20/01/96	13159	C	1	8.00	3.00	5.50	18.00	12212		
19	Lê Tuấn	Anh	06/04/96	63122	C	1	5.25	6.50	4.50	18.00	12271		
20	Từ Thị	Nga	20/10/95	66118	C	1	7.00	4.25	4.50	17.50	58		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
21	Hồ Văn	Chia	27/07/91	63190	C	1 01	5.75	3.75	4.50	17.50	484		
22	Trần Thị	Oanh	20/06/95	63863	C	1	5.50	5.75	4.75	17.50	1105		
23	Nguyễn Thanh	Phong	20/06/95	3287	C	1	6.75	5.50	3.75	17.50	11454		
24	Hồ Thị Cẩm	Duy	05/04/96	63238	C	2	5.75	4.25	7.00	17.50	2716		
25	Tô Thị Thúy	Vân	23/03/95	27589	C	2NT	7.50	4.25	4.50	17.50	13193		
26	Cao Mạnh	Đức	20/02/96	15957	C	1	8.00	3.00	5.00	17.50	13245		
27	Hồ Xuân	Lý	26/09/96	5732	C	1	4.75	4.50	6.50	17.50	13401		
28	Hồ Văn	Bay	15/05/96	63146	C	1 01	5.00	4.75	4.00	17.50	3563		
29	Hồ Thị Thu	Hiền	12/05/96	63403	C	1	5.75	4.50	5.00	17.00	2343		
30	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23/01/96	66430	C	1	6.25	5.75	3.50	17.00	2404		
31	Tôn Thành	Dũng	17/07/96	5887	C	1	7.00	5.00	3.50	17.00	2829		
32	Hồ	Diệp	21/10/96	2627	C	1 06	5.00	3.75	5.50	17.00	12498		
33	Đình Xuân	Vệ	27/02/94	66694	C	1	5.50	6.00	4.00	17.00	12767		
34	Nguyễn Thị Như	Trang	17/01/95	66592	C	2NT	4.75	6.25	5.00	17.00	3226		
35	Phạm Thị Anh	Đào	20/02/96	65584	C	2	5.75	5.00	5.00	16.50	861		
36	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	30/05/94	14853	C	1	5.25	5.50	4.00	16.50	11093		
37	Hồ Thị	Đâm	19/11/96	65587	C	1 01	4.75	4.75	3.50	16.50	2375		
38	Phạm Duy	Phong	03/04/93	16029	C	1	5.50	4.75	4.75	16.50	11933		
39	Ngô Thị Thu	Thúy	02/06/96	66523	C	1	6.25	4.00	4.50	16.50	12832		
40	Hồ Thị	Trang	15/06/96	7850	C	1 06	4.00	5.50	4.25	16.50	13215		
41	Nguyễn Trần	Quốc	21/05/95	63923	C	2	6.25	6.50	3.00	16.50	3614		
42	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/06/96	63600	C	2NT	2.50	8.00	5.00	16.50	3649		
43	Trần Thị Tô	Ny	20/08/93	67273	C	1 01	4.50	4.50	3.50	16.00	1874		
44	Phan Thị	Nhung	19/07/96	66207	C	1	6.00	3.50	5.00	16.00	11682		
45	Lê Việt	Thịnh	23/04/95	64089	C	2	6.75	3.75	5.00	16.00	2481		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
46	Cao Thị Tú	Anh	07/09/96	66899	C	2NT	5.50	3.25	6.25	16.00	12784		
47	Trần Anh	Tuấn	25/11/96	26857	C	1	4.25	5.50	4.50	16.00	3415		
48	Cao ánh	Hồng	15/03/95	20245	C	1	3.75	5.00	5.50	16.00	12379		
49	Hà Thị Thu	Hương	28/07/96	65855	C	2	6.00	4.75	4.25	15.50	406		
50	Hồ Văn	Hôi	01/02/95	6283	C	1 01	6.25	2.25	3.25	15.50	2201		
51	Nguyễn Ngọc	Khánh	29/05/96	63534	C	2	4.25	6.50	4.00	15.50	11652		
52	Trần Thị Như	Phố	11/08/96	67286	C	1	4.75	3.50	5.50	15.50	2381		
53	Đình Tiên	Hoàng	06/03/95	63442	C	1	6.25	4.25	3.25	15.50	2472		
54	Phạm Thanh	Tú	12/06/96	64294	C	1	4.75	3.25	5.75	15.50	12926		
55	Phan Thanh	Hội	10/05/95	20265	C	2NT 06	5.75	4.00	3.75	15.50	12937		
56	Võ Thị Tố	Nữ	12/09/93	3633	C	1	4.50	4.50	4.75	15.50	13175		
57	Ngô Thị	Hiền	14/12/96	20088	C	2	5.50	4.75	4.50	15.50	13096		
58	Văn Hữu `	Hóa	26/04/94	20207	C	2NT	4.50	6.25	3.75	15.50	3334		
59	Hồ Văn	Anh	26/06/95	63115	C	1 01	5.00	4.25	2.50	15.50	3478		
60	Cao Thị	Hàng	20/04/96	63379	C	1	7.00	3.25	3.75	15.50	13491		
61	Phạm Văn	Đức	16/01/95	63303	C	2NT	5.75	3.25	5.00	15.00	63		
62	Nguyễn Văn	Thông	20/05/96	68915	C	2	6.00	4.25	4.25	15.00	271		
63	Thái Công	Tâm	04/04/95	68884	C	1	4.75	5.00	3.50	15.00	905		
64	Lê Hữu Hoài	Giang	10/04/96	66980	C	1	5.25	4.00	4.00	15.00	1022		
65	Trịnh Ngọc	Sơn	03/03/96	7399	C	1 06	4.25	3.00	5.25	15.00	2315		
66	Trịnh Ngọc	Sơn	03/03/96	7399	C	1 06	4.25	3.00	5.25	15.00	2755		
67	Nguyễn Tấn	Sỹ	20/09/94	63988	C	2	6.50	5.75	2.00	15.00	13152		
68	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	27/09/96	65561	C	1	3.25	4.00	6.00	15.00	13055		
69	Nguyễn Anh	Dũng	02/09/96	64423	C	2NT	3.25	6.25	4.50	15.00	3308		
70	Trần Chính Quốc	Thiện	01/02/95	64085	C	2NT	5.50	5.50	3.00	15.00	3550		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
71	Lê Kim	Thịnh	11/05/96	68263	C	2	5.00	5.50	3.50	14.50	880		
72	Mai Thị	Thanh	18/09/96	64016	C	1	5.75	4.00	3.25	14.50	1023		
73	Lê Văn	Long	20/07/96	68082	C	2NT 06	4.50	4.50	3.50	14.50	1108		
74	Nguyễn Tiến	Cường	29/06/96	288	C	2NT	4.75	3.50	5.25	14.50	11090		
75	Ngô Quang	Trường	22/09/95	3762	C	1	3.25	5.75	4.00	14.50	11128		
76	Nguyễn Thị Tường	Oanh	15/05/95	15992	C	1	2.50	5.00	5.50	14.50	11192		
77	Phan Thị Kiều	Linh	04/11/95	65985	C	2	7.25	2.25	4.25	14.50	2113		
78	Ngô Thị Mỹ	Nhung	16/10/95	68831	C	2	5.25	4.00	4.75	14.50	10033		
79	Trần Duy	Đạt	17/02/96	63276	C	3	5.00	4.50	5.00	14.50	2808		
80	Nguyễn Kim	Hiệu	24/04/94	23537	C	2NT	6.25	4.25	3.00	14.50	12757		
81	Nguyễn Công	Tây	19/04/96	66380	C	1	5.25	3.50	4.00	14.50	3191		
82	Nguyễn Kính	Trí	24/07/96	68324	C	2	5.75	4.50	3.00	14.00	218		
83	Hồ Lê Hoài	Nam	12/08/96	68791	C	2	4.75	3.75	5.00	14.00	588		
84	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	10/11/96	67884	C	1	3.00	4.25	5.25	14.00	1391		
85	Trần Thị Thanh	Thảo	30/06/95	2166	C	1	5.00	1.25	6.00	14.00	11459		
86	Phạm Thị Bảo	Trâm	10/02/96	5212	C	2NT	5.00	2.50	5.25	14.00	11642		
87	Lê Hữu	Tài	13/09/96	63991	C	2	6.50	3.00	3.75	14.00	2415		
88	Nguyễn Anh	Qui	12/08/95	23541	C	1	3.50	5.75	3.00	14.00	12610		
89	Dương Văn	Tuấn	28/09/96	64263	C	2	4.00	3.75	5.50	14.00	2908		
90	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	29/09/95	65242	C	2NT	4.50	4.00	3.75	13.50	69		
91	Đặng Thị Mỹ	Linh	30/06/96	64921	C	2	5.50	2.25	5.25	13.50	951		
92	Ngô Thị Thanh	Nhàn	29/08/96	63784	C	2NT	4.75	3.50	4.00	13.50	1320		
93	Hoàng Đức	Tuấn	12/03/90	64264	C	2	4.75	5.50	2.50	13.50	3396		
94	Trần Văn	Từ	01/06/95	67493	C	2NT	4.50	5.00	3.00	13.50	12238		
95	Võ Thị Minh	Hồng	16/06/96	68002	C	1	5.00	2.50	4.50	13.50	12300		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
96	Lý Thanh Mai	Như	12/11/96	63833	C	2	6.00	3.00	4.00	13.50	3674		
97	Trần Võ Đình	Văn	24/08/96	65361	C	1	5.00	3.25	3.25	13.00	398		
98	Lê Đức	Huy	26/11/96	68013	C	2	5.50	2.75	4.00	13.00	822		
99	Trần Văn	Thành	19/05/96	68893	C	2NT	4.50	4.00	3.50	13.00	12646		
100	Nguyễn Thị	Thư	26/06/94	32741	C	1	2.50	4.25	4.75	13.00	3540		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Thúy	Hàng	02/02/96	16917	C	2NT	7.25	8.50	6.50	23.50	12835		
2	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/06/96	6331	C	2	7.25	6.50	6.50	21.00	3716		
3	Hồ Thị	Thu	26/09/96	4481	D1	1	6.25	5.50	6.00	19.50	12507		
4	Trần Nữ Thoại	My	06/03/96	6238	C	2	6.75	5.00	6.75	19.00	1260		
5	Nguyễn Xuân	Thành	27/06/94	64684	C	1	7.50	5.25	4.00	18.50	2425		
6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/05/96	16389	C	1	5.50	4.50	6.75	18.50	12776		
7	Lê Thị	Lan	02/09/94	65917	C	2NT	5.50	5.75	6.00	18.50	12861		
8	Lê Nguyễn Khánh	Diệp	15/10/96	7827	C	1 06	5.25	4.00	6.50	18.50	13125		
9	Vũ Trần Tùng	Linh	13/05/96	41076	D1	3	6.75	6.25	5.25	18.50	1		
10	Dương Thị	Lệ	19/05/96	65941	C	2	7.75	4.00	5.75	18.00	251		
11	Nguyễn Thành	Công	30/09/94	63199	C	1	6.50	6.25	3.50	18.00	357		
12	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/09/95	66747	C	2	8.00	3.75	5.50	18.00	361		
13	Trần Thị Hồng	Gấm	27/05/96	63305	C	2NT	6.25	6.00	4.50	18.00	11902		
14	Hoàng Thị My	Ly	20/01/95	66036	C	1	6.00	5.50	5.00	18.00	11976		
15	Trương Thuỳ	Linh	02/06/96	63612	C	2	6.25	6.25	5.00	18.00	11994		
16	Nguyễn Hữu	Thắng	06/09/95	64071	C	1	5.25	6.75	4.25	18.00	2769		
17	Mai Thị Kim	Cúc	09/12/95	63203	C	1	4.75	7.75	4.00	18.00	13177		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
18	Lê Thị Yến Nhi	03/05/96	2099	C	2NT	4.50 6.50 5.75	18.00	3623		
19	Lê Thị Minh Tình	26/09/96	23858	D1	1	6.50 3.50 6.25	18.00	12817		
20	Bùi Thị Thùy	15/10/94	5461	D1	2NT	6.75 6.00 4.00	18.00	13381		
21	Võ Thị Hiền	06/06/96	65738	C	2	6.00 6.00 5.00	17.50	1361		
22	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/07/96	64051	C	1	5.75 4.50 5.75	17.50	11850		
23	Nguyễn Thị Yên	10/09/93	12917	C	2NT	6.00 5.50 4.75	17.50	12506		
24	Phạm Thị Mỹ	02/06/96	21312	C	2NT	5.75 4.50 6.00	17.50	12850		
25	Bùi Hải Yến	05/01/96	24775	C	1	5.75 5.00 5.00	17.50	13318		
26	Dương Nữ Kiều Oanh	02/10/96	76596	D1	2	3.50 5.50 8.00	17.50	653		
27	Nguyễn Thị Thanh	18/08/96	5647	D1	2NT	7.25 4.00 5.25	17.50	835		
28	Đặng Thị Phương Thùy	01/10/96	76766	D1	1 06	6.75 4.50 3.50	17.50	12657		
29	Phạm Phương Trinh	01/01/96	69639	D1	3	5.50 5.75 6.00	17.50	3502		
30	Đặng Thị Bích Ly	15/03/96	66044	C	2	6.00 6.25 4.00	17.00	11657		
31	Lê Văn Tú	25/01/96	8568	C	1	5.50 4.75 5.00	17.00	11868		
32	Lê Thị Lệ	08/03/96	65944	C	1	6.25 4.25 5.00	17.00	2601		
33	Nguyễn Thị Như Trang	17/01/95	66592	C	2NT	4.75 6.25 5.00	17.00	3227		
34	Phạm Thị Mỹ Nhung	03/10/96	76573	D1	1	5.25 3.00 7.00	17.00	1692		
35	Lê Đan Thanh	12/07/96	69576	D1	2	6.00 5.00 5.25	17.00	2246		
36	Phạm Thị Anh Đào	20/02/96	65584	C	2	5.75 5.00 5.00	16.50	862		
37	Lê Thị Hạnh	08/10/96	63365	C	1	6.00 4.25 4.50	16.50	1020		
38	Phạm Thị Mỹ Hạnh	30/05/94	14853	C	1	5.25 5.50 4.00	16.50	11091		
39	Trương Thị Nga	10/06/96	63733	C	1	6.00 6.00 3.00	16.50	11641		
40	Nguyễn Thị Thanh Tươi	28/12/96	64295	C	1	5.25 4.50 5.25	16.50	2548		
41	Nguyễn Thị Yến	20/04/95	64767	C	2NT	6.00 4.25 5.00	16.50	2979		
42	Đinh Thị Thanh Thương	19/04/96	66561	C	1	5.75 5.50 3.50	16.50	3199		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
43	Huỳnh Thị	Thương	31/10/94	64152	C	3	4.75	6.75	5.00	16.50	3390		
44	Nguyễn Xuân	Hoàng	10/11/94	12419	C	1	5.50	4.50	4.75	16.50	3404		
45	Trần Thị Kim	Phụng	01/08/96	71121	D1	1	6.75	3.50	4.50	16.50	2037		
46	Huỳnh Thị Uyên	Uyên	31/05/95	76906	D1	2	4.75	4.50	6.50	16.50	3059		
47	Huỳnh Thị Thu	Hàng	03/08/96	67008	C	2	5.00	5.50	4.75	16.00	1445		
48	Hồ Thị	Tơ	16/11/96	67440	C	1	4.50	5.25	4.75	16.00	1488		
49	Nguyễn Hà	Tiên	13/04/95	64167	C	2	7.75	3.25	4.50	16.00	1645		
50	Trần Thị Cẩm	Lai	08/09/96	65908	C	2	6.75	5.00	3.50	16.00	1950		
51	Lê Thị Phương	Thảo	20/01/96	23165	C	2	4.75	5.50	5.25	16.00	2069		
52	Trương Thị	Thanh	28/03/96	66395	C	1	4.50	5.25	4.75	16.00	13244		
53	Bùi Thị	Vân	11/11/96	69662	D1	2NT	5.75	4.00	5.25	16.00	12147		
54	Phạm Thị	Việt	10/10/96	73169	D1	2NT	5.25	3.50	6.25	16.00	13218		
55	Hồ Văn	Hồi	01/02/95	6283	C	1 01	6.25	2.25	3.25	15.50	2200		
56	Hoàng Thị	Hường	04/10/95	76342	D1	2NT	6.25	3.00	5.00	15.50	415		
57	Trần Thị Mỹ	Thiện	24/06/96	5811	D1	1	5.50	3.00	5.25	15.50	11138		
58	Trần Thị	Thắm	10/02/96	72819	D1	1	5.25	4.25	4.50	15.50	2526		
59	Trần Thị	Nguyệt	17/08/96	71042	D1	2NT	6.25	3.50	4.75	15.50	12533		
60	Từ Thị Thùy	Giang	19/05/96	7910	D1	2	4.50	4.50	6.00	15.50	13324		
61	Hồ Thị	Ngọc	02/03/96	64616	C	1	3.75	5.00	4.50	15.00	70		
62	Hà Nữ Bội	Ngọc	09/05/96	67203	C	2	6.00	3.75	4.75	15.00	441		
63	Tạ Thị Thủy	Tiên	02/01/95	66566	C	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	1049		
64	Lê Thị Thanh	Nhàn	12/10/96	66149	C	2	5.50	4.00	4.75	15.00	1789		
65	Trần Thị Thanh	Thảo	30/07/96	68906	C	2NT	3.50	5.25	5.00	15.00	2392		
66	Ung Thị Nho	Linh	23/04/96	68766	C	2	7.75	4.00	2.75	15.00	2436		
67	Trương Tiến	Dụng	28/02/86	63262	C	2NT	5.50	4.25	4.00	15.00	3009		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
68	Nguyễn Thị	Liên	24/04/96	65953	C	2NT	6.00	5.25	2.75	15.00	13035		
69	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	27/09/96	65561	C	1	3.25	4.00	6.00	15.00	13056		
70	Lê Thị	Thảo	07/04/95	64044	C	1	6.00	5.25	2.00	15.00	12359		
71	Nguyễn Thị	Tuyền	26/09/96	75756	D1	2	5.50	4.00	5.00	15.00	144		
72	Bùi Thị Thùy	Đông	01/01/95	70786	D1	1	4.00	4.00	5.25	15.00	181		
73	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	16/09/96	75184	D1	2	5.50	3.75	5.00	15.00	601		
74	Châu Thị	Đông	09/06/96	76166	D1	2	3.50	4.50	6.25	15.00	792		
75	Hoàng Ngọc	Nữ	02/07/96	71103	D1	2	4.00	6.00	4.50	15.00	914		
76	Lê Thị	Đào	11/08/95	71677	D1	1	4.50	4.50	4.50	15.00	1743		
77	Lê Thị Thúy	Hàng	21/10/96	70822	D1	2	6.75	3.50	4.25	15.00	2062		
78	Nguyễn Văn	Đông	13/07/96	77048	D1	1	3.75	3.50	6.00	15.00	2765		
79	Trần Thị Thu	Phượng	03/05/95	71141	D1	2	4.75	4.00	5.50	15.00	3137		
80	Nguyễn Thị Diệu	Anh	30/12/96	2184	C	1	4.25	3.75	5.00	14.50	27		
81	Nguyễn Ngọc	Quang	12/09/95	2607	C	1	5.75	3.50	3.50	14.50	124		
82	Phạm Thị Thu	Hiền	12/03/96	67026	C	1	3.75	4.25	5.00	14.50	2507		
83	Phôm Thị Minh	Lợi	13/09/96	12460	C	1	5.25	4.50	3.00	14.50	12609		
84	Đình Thị Diễm	Châu	19/09/95	12382	C	2NT	5.75	3.50	4.00	14.50	12611		
85	Hoàng Thị	An	20/08/93	65422	C	2NT	5.50	3.50	4.50	14.50	12862		
86	Nguyễn Đặng Phương	Anh	11/08/96	2098	C	1	4.25	2.50	6.00	14.50	13451		
87	Trần Thị Tịnh	Uyên	14/09/96	73131	D1	2	5.25	3.50	5.00	14.50	297		
88	Đặng Thị Kim	Oanh	23/09/96	69795	D1	1	3.75	2.50	6.50	14.50	1146		
89	Trần Hồng	Phúc	14/11/96	42499	D1	3	5.50	4.50	4.50	14.50	11269		
90	Nguyễn Thanh	Huyền	21/10/96	69740	D1	1	5.75	2.50	4.50	14.50	2087		
91	Phạm Thị Hải	Yến	26/12/96	76951	D1	1	2.25	3.50	7.00	14.50	11703		
92	Trương Thị Minh	Huyền	05/06/95	72003	D1	2	4.50	4.00	5.50	14.50	2863		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
93	Hồ Lê Hoài	Nam	12/08/96	68791	C	2	4.75	3.75	5.00	14.00	589		
94	Dương Thị Như	Quỳnh	11/10/96	63937	C	2	5.50	4.00	4.00	14.00	773		
95	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	10/11/96	67884	C	1	3.00	4.25	5.25	14.00	1390		
96	Huỳnh Thị	Thảo	16/10/95	67353	C	1	4.75	3.00	4.50	14.00	2514		
97	Phan Thị Thanh	Hàng	02/06/96	73434	D1	2	4.00	3.00	6.25	14.00	947		
98	Nguyễn Thị	Vân	12/06/94	35683	D1	2NT	5.00	2.50	5.50	14.00	2273		
99	Văn Thị	Vấn	08/02/95	75302	D1	1	5.75	2.50	4.00	14.00	2297		
100	Phan Thị Thanh	Ni	10/02/95	42344	D1	2	5.75	3.25	4.50	14.00	12685		
101	Huỳnh Thị Kim	Khánh	07/05/96	70905	D1	2	3.50	5.50	4.25	14.00	3451		
102	Hồ Thanh	Thanh	01/11/96	76692	D1	2	5.50	3.00	5.00	14.00	3708		
103	Đỗ Thị Thái	Lan	23/03/95	68051	C	1	4.25	4.50	3.25	13.50	2418		
104	Phạm Thị	Ly	01/07/95	31978	C	1	5.00	3.75	3.00	13.50	12557		
105	Phan Văn	Đức	13/11/93	31427	C	2NT	5.00	4.00	3.25	13.50	12440		
106	Phạm Xuân	Hoàng	21/11/94	64494	C	2NT 06	4.75	3.25	3.25	13.50	3186		
107	Trần Công Nữ Thục	Linh	26/11/95	31887	C	2	4.25	2.50	6.25	13.50	3438		
108	Trần Văn	Từ	01/06/95	67493	C	2NT	4.50	5.00	3.00	13.50	12231		
109	Võ Thị Minh	Hồng	16/06/96	68002	C	1	5.00	2.50	4.50	13.50	12299		
110	Trần Thị	Phượng	10/05/94	76638	D1	2	3.00	4.00	6.00	13.50	1133		
111	Võ Thị	Tuyết	17/11/96	76890	D1	2NT	5.00	3.25	4.25	13.50	2667		
112	Trần Thị Thảo	Hương	04/05/96	65875	C	2	3.50	4.50	4.25	13.00	1006		
113	Huỳnh Trọng	Nhân	26/08/95	67228	C	1	2.75	4.25	4.50	13.00	12180		
114	Trần Thị Bích	Thảo	12/04/95	64058	C	1	6.50	2.50	2.50	13.00	13420		
115	Trương Thị Thanh	Lan	05/04/96	76371	D1	1	4.50	2.50	4.50	13.00	1989		
116	Nguyễn Thị Hoài	Thương	22/10/96	76803	D1	2NT	3.75	3.00	5.25	13.00	13158		
117	Cao Thị	Xuân	01/05/96	73189	D1	2NT	2.50	4.75	4.50	13.00	3375		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị Ngọc	My	22/07/96	21437	C	1	5.00	6.00	5.25	18.00	13282		
2	Đặng Thị Mỹ	Linh	15/05/96	20238	C	2NT 06	5.75	4.25	6.00	18.00	13297		
3	Tôn Nữ Trà	My	26/12/96	66093	C	2	5.25	4.50	6.00	16.50	2818		
4	Nguyễn Thị	Thủy	09/08/96	4452	C	2NT	5.50	4.50	4.50	15.50	11476		
5	Võ Phương	Đông	/ /	15744	C	2NT	6.25	4.25	4.00	15.50	13122		
6	Nguyễn Kiều Diễm	My	06/04/92	3485	C	2	5.00	4.50	4.25	14.50	12191		
7	Đoàn Thị	Diệu	23/08/96	65533	C	1	2.75	4.00	6.00	14.50	13511		
8	Trương Thị Ngọc	Anh	04/10/96	71498	D1	2NT	4.75	3.75	5.00	14.50	2547		
9	Nguyễn Thị	Liễu	03/07/96	74068	D1	2NT	4.25	3.00	6.25	14.50	3616		
10	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/07/96	43319	D1	3	5.50	4.50	4.50	14.50	3754		
11	Phan Thị Minh	Hương	03/05/96	68738	C	2	6.25	3.50	3.50	14.00	3371		
12	Trần Thị Phương	Trinh	08/04/96	69640	D1	2NT	5.25	3.00	4.50	14.00	11919		
13	Trần Thị Phương	Trinh	08/04/96	69640	D1	2NT	5.25	3.00	4.50	14.00	12913		
14	Liêu Huy	Danh	30/08/96	73937	D1	2	5.00	3.00	5.50	14.00	3640		
15	Phan Văn	Quyết	11/07/96	67742	C	2	4.50	3.50	4.75	13.50	3485		
16	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	14/05/96	72368	D1	2	6.00	3.50	3.25	13.50	3670		
17	Nguyễn Phước Tâm	Nguyên	02/04/96	74137	D1	2	4.25	4.50	4.25	13.50	3706		
18	Lê Văn	Cường	18/06/95	19058	C	2	4.25	3.75	4.50	13.00	3346		
19	Trương Văn	Triền	20/03/96	23647	C	2NT	6.50	2.25	3.25	13.00	13457		
20	Đặng Thị	Nga	20/04/96	73607	D1	2NT	5.25	3.25	3.50	13.00	12694		
21	Lê Thị An	Khương	06/07/96	74048	D1	2	4.00	4.00	4.50	13.00	3465		
22	Lê Trần Uyên	Thi	18/05/95	25828	D1	2	4.50	3.75	4.00	13.00	3718		
23	Trần Thị Thanh	Huyền	11/08/96	73487	D1	2	3.50	4.50	4.25	13.00	3723		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Dương Bửu	Ngọc	19/07/96	8404	C	2	7.75	5.75	6.50	20.50	13468		
2	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20/10/96	14636	C	1	6.75	4.25	7.00	19.50	11141		
3	Huỳnh Ngọc	Niên	12/07/96	63851	C	2NT	5.25	6.75	5.50	18.50	2249		
4	Đoàn Quang	Lâm	19/02/96	63569	C	2	7.25	6.50	4.00	18.50	11996		
5	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	23/10/95	23468	C	2 06	6.00	5.75	5.00	18.50	13239		
6	Phạm Thị	Thâu	12/09/95	2924	A	1	5.25	5.75	5.50	18.00	12140		
7	Nguyễn Quốc	Danh	20/08/95	314	C	2NT	6.25	4.50	6.00	18.00	1780		
8	Lê Thị Trường	Sinh	23/03/95	63962	C	2	7.25	5.00	5.00	18.00	2089		
9	Nguyễn Hữu	Thắng	06/09/95	64071	C	1	5.25	6.75	4.25	18.00	2767		
10	Nguyễn Đức	An	05/11/96	4758	C	2NT	6.00	5.50	5.25	18.00	12439		
11	Lê Thị Thanh	Thi	18/11/96	23269	C	2	5.75	6.75	5.00	18.00	12754		
12	Phùng Thị Yến	Phương	20/06/96	21437	A	2NT	6.00	6.00	4.50	17.50	416		
13	Nguyễn Thanh	Tùng	06/07/95	1086	A	2NT	5.25	6.25	4.75	17.50	12461		
14	Huỳnh Ngọc	Trung	01/06/96	826	A	1	4.25	6.50	5.25	17.50	13338		
15	Hồ Văn	Chia	27/07/91	63190	C	1 01	5.75	3.75	4.50	17.50	483		
16	Tôn Nữ Quỳnh	Anh	02/10/96	63134	C	1	5.50	5.50	5.00	17.50	1922		
17	Ngô Công	Trường	12/02/96	64259	C	2	7.75	6.00	3.00	17.50	11651		
18	Nguyễn Thị	Nhon	19/05/93	66192	C	1 01	3.75	4.00	5.50	17.00	481		
19	Đặng Thị Bích	Ly	15/03/96	66044	C	2	6.00	6.25	4.00	17.00	11539		
20	Lê Thị	Huyền	11/08/95	65830	C	2	6.75	4.75	5.00	17.00	10024		
21	Lương Thị Phương	Liêm	26/09/96	6590	C	1 01	4.50	3.25	5.75	17.00	2845		
22	Lê Kim	Ngọc	30/08/94	66136	C	2NT	5.25	5.25	5.50	17.00	2853		
23	Lê Thị	Lệ	08/03/96	65944	C	1	6.25	4.25	5.00	17.00	2600		
24	Phan Thanh	Trường	03/04/96	10567	A	2NT	6.00	6.00	3.50	16.50	12058		
25	Văn Thị Quỳnh	Hương	01/04/96	12833	A	2	5.75	5.50	4.50	16.50	2662		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
26	Phan Thị Mỹ	Trang	03/08/96	10726	A	1	6.25	4.00	4.50	16.50	12689		
27	Nguyễn Đại	Phong	02/02/95	26808	A	2	5.25	4.50	6.00	16.50	13201		
28	Nguyễn Thị	Thương	30/03/95	16682	A	2	5.00	5.75	4.75	16.00	576		
29	Nguyễn Đình Sơn	Cát	27/10/96	10057	A	1	6.00	5.00	3.50	16.00	1588		
30	Phan Văn	Lộc	13/04/96	5198	A	1	6.50	3.50	4.50	16.00	11351		
31	Nguyễn Tấn	Tài	13/05/96	2688	C	1	9.00	3.00	2.50	16.00	11049		
32	Hồ Văn	Đê	20/04/95	63280	C	2 01	4.75	5.75	3.00	16.00	2040		
33	Dương Văn	Hùng	17/08/96	5188	C	1	4.50	4.75	5.00	16.00	12920		
34	Mai Thị Thu	Sương	16/05/96	22810	C	1	6.50	3.50	4.25	16.00	12995		
35	Võ Thị Thanh	Tâm	18/07/96	67340	C	1	6.00	2.75	5.50	16.00	3755		
36	Mai Thị Hữu	Nghĩa	10/07/96	41777	D1	1	4.50	5.00	4.75	16.00	12094		
37	Nguyễn Minh	Đức	05/06/96	75488	D1	2	5.75	5.00	4.75	16.00	3437		
38	Trần Thị	Xuân	05/05/96	10812	A	2NT	5.25	5.75	3.50	15.50	2672		
39	Phạm Trần Quỳnh	Mai	03/11/96	579	A	1	5.75	3.25	5.00	15.50	13394		
40	Đình Tiên	Hoàng	06/03/95	63442	C	1	6.25	4.25	3.25	15.50	1901		
41	Nguyễn Thị Phương	Linh	11/07/96	21098	C	2	4.25	5.50	5.41	15.50	2036		
42	Trương Như	Ngọc	07/03/96	67210	C	2	5.50	4.25	5.00	15.50	12559		
43	Bhling	Giáo	14/07/96	2741	C	1 01	3.25	4.75	4.00	15.50	13140		
44	Lê Hoàng Anh	Thy	16/03/96	64164	C	2	6.50	4.75	3.50	15.50	13419		
45	Lê Thị Thủy	Tiên	04/11/91	69617	D1	2NT	5.75	4.75	4.00	15.50	13034		
46	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	06/07/96	69674	D1	2NT	5.75	3.50	5.25	15.50	3741		
47	Trương Phương	Uyên	06/10/96	44848	D1	2	2.50	5.75	6.75	15.50	3742		
48	Lê Anh	Tuấn	25/09/96	11202	A	2	4.50	6.25	3.50	15.00	11363		
49	Nguyễn Hữu	Hậu	02/04/96	23163	A	2NT	5.50	4.25	4.25	15.00	2108		
50	Hoàng Ngọc Khải	Văn	01/01/96	13411	A	2	6.50	4.50	3.50	15.00	3529		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
51	Lê Phạm Kim	Chi	25/02/95	64394	C	2	4.75	3.25	6.50	15.00	733		
52	Phùng Đức	Phương	16/07/94	68856	C	2	4.75	6.50	3.25	15.00	1579		
53	Võ Thị Cẩm	Trúc	27/09/95	65076	C	2	6.00	2.25	6.00	15.00	1755		
54	Nguyễn Ngọc	Biên	26/07/96	8242	C	2	5.75	4.25	4.50	15.00	11067		
55	Trần Thị Ngọc	Diệp	01/08/96	66977	C	1	5.75	2.00	5.50	15.00	1957		
56	Lê Thị Thu	Trang	19/07/96	23851	C	2NT	5.75	4.00	4.00	15.00	2792		
57	Nguyễn Thanh	Châu	06/03/96	18917	C	2	5.00	4.50	5.00	15.00	2589		
58	Phạm Thị Phương	Phương	25/03/96	3654	C	2NT	5.50	2.75	5.75	15.00	13235		
59	Nguyễn Lâm	Oanh	28/02/96	69543	D1	2	3.75	4.00	6.50	15.00	1462		
60	Nguyễn Văn	Đông	13/07/96	77048	D1	1	3.75	3.50	6.00	15.00	2763		
61	Nguyễn Thị Tú	Linh	08/01/96	72162	D1	2	4.00	5.50	5.00	15.00	2871		
62	Trương Thị	Bông	06/10/96	33245	D1	2NT	5.00	3.50	5.50	15.00	13438		
63	Nguyễn Ngọc	Tri	19/02/96	10083	A	2NT	3.75	4.00	5.50	14.50	1290		
64	Trịnh Hồng	Ân	08/01/96	312	A	2	4.25	5.00	4.50	14.50	2710		
65	Ngô Thị Bích	Vân	07/10/96	13417	A	2	5.75	3.50	4.75	14.50	3692		
66	Đặng Lê Thành	Nhân	05/06/96	68815	C	2NT	5.00	5.75	2.50	14.50	11852		
67	Hồ Thị	Dung	15/10/94	19175	C	1	4.50	3.75	4.83	14.50	12327		
68	Trần Thị Tú	Linh	31/12/95	70947	D1	2NT	2.50	5.50	5.25	14.50	11755		
69	Ngô Thị Tuyết	Dung	24/12/95	76139	D1	1	4.75	3.50	4.75	14.50	3111		
70	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/07/96	43319	D1	3	5.50	4.50	4.50	14.50	3753		
71	Trần Thị Tịnh	Uyên	14/09/96	73131	D1	2	5.25	3.50	5.00	14.50	3573		
72	Trương Thị ái	Nhi	02/03/96	12200	A	2	4.25	5.50	3.50	14.00	2219		
73	Phan Văn	Mẫn	02/04/96	23389	A	1	2.00	5.50	4.75	14.00	2960		
74	Nguyễn Thị Hiếu	Nhi	01/10/96	13040	A	2NT	4.50	4.00	4.50	14.00	3017		
75	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	02/11/96	63740	C	2	5.00	2.25	6.00	14.00	2685		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
76	Trần Thị Hoài	Thương	02/02/96	68293	C	1	4.00	3.75	4.50	14.00	12744		
77	Nguyễn Thị	Trình	04/05/95	64243	C	2NT	4.00	4.00	5.00	14.00	13281		
78	Đỗ Văn	Tiến	28/10/95	16549	C	2NT	4.50	3.25	5.00	14.00	12274		
79	Phạm Văn	Thành	11/04/96	64029	C	1	5.75	2.25	4.25	14.00	3609		
80	Phan Thị Thanh	Hàng	02/06/96	73434	D1	2	4.00	3.00	6.25	14.00	946		
81	Đỗ Hoài	Thịnh	25/08/96	19110	D1	1	4.25	3.75	4.25	14.00	11025		
82	Trần Thị Hải	Lý	28/02/96	72232	D1	1	3.75	4.00	4.50	14.00	2288		
83	Trương Thành	Vinh	13/11/96	23874	A	2	5.75	4.25	2.75	13.50	11596		
84	Lê	Anh	02/10/96	50	C	2NT	5.25	2.00	5.00	13.50	11331		
85	Nguyễn Huỳnh Khánh	Băng	21/05/96	67856	C	1	3.25	4.75	3.75	13.50	2524		
86	Nguyễn Thị Thúy	Hương	25/08/96	11519	C	1	4.00	1.00	6.75	13.50	13525		
87	Lê Thị Thu	Hương	26/10/96	40695	D1	1	2.50	4.75	4.75	13.50	11205		
88	Ngô Thanh	Thảo	08/08/94	74838	D1	2	4.50	3.50	5.00	13.50	3442		
89	Nguyễn Thanh	San	25/10/95	10576	A	2NT	3.00	4.00	4.75	13.00	13137		
90	Phan Đình Hồng	Nam	04/07/94	12137	A	2	5.50	3.25	3.50	13.00	3260		
91	Hoàng Thị	Hội	13/11/95	67060	C	2NT	2.50	3.50	6.00	13.00	161		
92	Trương Mỹ	Oanh	19/05/96	32268	C	2NT	3.75	3.75	4.50	13.00	12063		
93	Lê Văn	Cường	18/06/95	19058	C	2	4.25	3.75	4.50	13.00	3347		
94	Nguyễn Thị	Thư	26/06/94	32741	C	1	2.50	4.25	4.75	13.00	3539		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Trang	Linh	10/03/96	2240	C	2	9.00	5.75	6.50	22.00	11957		
2	Nguyễn Trần Nguyên	Thảo	25/10/95	23058	C	3 06	7.00	7.75	6.00	22.00	13347		
3	Nguyễn Lê Phương	Hoài	06/01/95	17589	C	2NT	7.00	6.25	7.00	21.50	12843		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
4	Phạm Thị Thùy	Trang	15/03/96	23852	C	2NT	7.00	7.75	5.00	21.00	11584		
5	Lưu Thị Thanh	Huyền	19/01/96	18486	C	2	8.00	7.00	5.50	21.00	2451		
6	Trần Đức	Trường	10/06/96	26584	C	1	7.75	5.00	6.00	20.50	3618		
7	Nguyễn Thị Hồng	Đào	02/07/95	19429	C	2	8.00	7.00	4.25	20.00	12048		
8	Dương Thị	Dung	29/04/96	4280	C	2NT	5.50	6.25	6.50	19.50	12731		
9	Dương Thị Thảo	Nhi	10/11/96	6532	C	2NT	8.00	5.25	5.00	19.50	12837		
10	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	24/09/96	7721	C	2NT	6.00	5.75	6.00	19.00	13388		
11	Trần Thị Thanh	Thảo	23/11/95	64060	C	2NT	6.75	5.75	5.00	18.50	737		
12	Trần Thị Kim	Lành	09/01/96	64547	C	2	6.50	7.00	4.25	18.50	11699		
13	Nguyễn Văn	Cường	05/01/96	289	C	1 06	6.00	5.75	4.25	18.50	11766		
14	Lê Thị Thuỳ	Trang	10/03/96	64194	C	1	7.00	6.00	4.00	18.50	12714		
15	Nguyễn Thị	Hường	12/03/96	1880	C	2NT	6.50	6.25	4.50	18.50	12871		
16	Phạm Nguyên	Đông	11/07/95	63285	C	1	7.00	5.00	4.50	18.00	193		
17	Lê Thị Trường	Sinh	23/03/95	63962	C	2	7.25	5.00	5.00	18.00	2090		
18	Đặng Văn	Lãm	10/06/93	1928	C	2NT	4.75	6.00	6.25	18.00	2568		
19	Nguyễn Hải	Nam	24/05/95	21518	C	1	4.75	6.00	5.50	18.00	12422		
20	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	02/03/96	63409	C	1	5.00	6.50	5.00	18.00	12496		
21	Nguyễn Phương	Thảo	23/07/95	23061	C	3	6.75	7.00	4.00	18.00	3444		
22	Bùi Thị Kim	Oanh	21/12/96	63856	C	1	6.00	5.00	5.50	18.00	12272		
23	Trần Văn	Tý	10/09/95	64301	C	2	6.75	4.75	5.50	17.50	410		
24	Diệp Minh	Phú	10/05/95	3297	C	2 04	4.25	5.00	5.50	17.50	11044		
25	Bạch Thị	Niên	10/11/96	66229	C	2	7.75	7.25	1.75	17.50	1952		
26	Dương Văn	Hậu	19/06/96	64468	C	1	7.50	3.50	4.75	17.50	2786		
27	Tô Bảo	Ngọc	17/11/95	63765	C	1	6.75	5.00	4.00	17.50	12523		
28	Lê Thị	Hạnh	22/08/95	65655	C	1	6.50	4.50	5.00	17.50	12551		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
29	Nguyễn ánh	Ngọc	09/09/96	63761	C	2NT	7.25	4.25	4.75	17.50	12162		
30	Nguyễn Thị	Hiên	14/08/96	63408	C	1	6.00	6.00	3.75	17.50	12712		
31	Nguyễn Ngọc	Linh	10/04/94	3031	C	1	7.00	5.00	4.00	17.50	13191		
32	Hoàng Thị	Tình	10/09/96	64173	C	1	5.00	4.75	6.00	17.50	3223		
33	Nguyễn Văn	Bác	19/06/95	13542	C	2NT	7.00	5.25	4.00	17.50	13247		
34	Ngô Thị Ngọc	Thảo	28/09/96	64694	C	2NT	7.00	4.25	5.00	17.50	12304		
35	Nguyễn Thị	Thanh	18/08/96	5647	D1	2NT	7.25	4.00	5.25	17.50	833		
36	Nguyễn Thị Mỹ	Khánh	15/08/95	65890	C	2NT	6.00	4.50	5.50	17.00	38		
37	Ngô Thị	Huyền	30/10/96	6336	C	1	6.75	4.25	4.50	17.00	2320		
38	Đoàn Ngọc	Tuyết	04/05/96	64748	C	1	5.25	4.75	5.50	17.00	2592		
39	Nguyễn Thị Thanh	Thương	15/02/96	66557	C	1	6.25	5.25	4.00	17.00	12654		
40	Trần Đình	Văn	26/06/95	64314	C	2	6.75	5.00	4.50	17.00	13427		
41	Nguyễn Thị Hoài	Thương	20/10/95	23602	C	2NT	4.75	6.00	5.00	17.00	13351		
42	Lê Tiến	Vinh	31/12/94	2965	C	2NT	6.25	5.25	4.00	16.50	8		
43	Nguyễn Công Bảo	Chương	02/07/96	64401	C	2NT	6.00	6.50	3.00	16.50	1851		
44	Lê Trần Hồng	Quân	04/08/96	22543	C	2	6.75	3.50	5.50	16.50	2171		
45	Trương Thị	Nga	10/06/96	63733	C	1	6.00	6.00	3.00	16.50	11579		
46	Lê Thị Hồng	Cúc	20/12/95	63202	C	1	6.50	4.00	4.25	16.50	11922		
47	Trần Thị	Sa	05/11/96	16212	C	1 06	5.25	4.25	4.25	16.50	12847		
48	Bùi Thị Thu	Trang	08/11/96	7853	C	3	7.00	5.00	4.50	16.50	12315		
49	Nguyễn Trần	Quốc	21/05/95	63923	C	2	6.25	6.50	3.00	16.50	3613		
50	Tôn Nữ Trà	My	26/12/96	66093	C	2	5.25	4.50	6.00	16.50	3689		
51	Đình	Nhó	02/02/96	63814	C	1 01	2.75	5.50	4.50	16.50	13385		
52	Trương Đình	Thuần	26/01/96	64112	C	2	5.50	5.50	4.50	16.00	180		
53	Hoàng Kim	Cúc	11/05/94	65510	C	1	6.00	5.00	3.50	16.00	275		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
54	Hồ Xuân	Thành	15/11/96	3497	C	1	6.25	5.25	3.00	16.00	1640		
55	Phạm Văn Khánh	Đức	14/04/96	2716	C	1	6.75	3.75	3.75	16.00	11048		
56	Võ Đức	Cách	30/04/96	2072	C	2NT	5.75	5.25	4.00	16.00	11064		
57	Phan Tấn	Phước	15/03/96	1829	C	2NT	5.75	5.00	4.25	16.00	11175		
58	Nguyễn Thị Huyền	Trinh	28/06/96	120	C	2	5.25	4.25	6.00	16.00	11196		
59	Trần Thị Cẩm	Lai	08/09/96	65908	C	2	6.75	5.00	3.50	16.00	1951		
60	Nguyễn Sư	Thiện	07/07/95	23306	C	1	4.50	4.75	5.25	16.00	12867		
61	Phan Thị	Thanh	09/05/95	64019	C	2NT	6.00	5.75	3.25	16.00	13233		
62	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/04/96	64050	C	1	6.75	3.00	4.50	16.00	3683		
63	Trần Thị Trà	My	20/08/95	69491	D1	1	5.00	4.00	5.50	16.00	3201		
64	Đỗ Thị	Trang	05/06/96	66617	C	1	3.00	6.50	4.50	15.50	729		
65	Lê Văn	Phương	27/01/92	63896	C	1	3.25	6.75	3.75	15.50	1387		
66	Nguyễn Thị My	Ly	01/09/96	3401	C	1	4.50	5.50	3.75	15.50	11133		
67	Nguyễn Thị	Thu	20/05/96	1258	C	1	4.25	3.25	6.50	15.50	11329		
68	Nguyễn Thị	Thủy	09/08/96	4452	C	2NT	5.50	4.50	4.50	15.50	11477		
69	Trần Thị Diễm	Phúc	21/02/95	22346	C	2	5.25	4.50	5.25	15.50	2180		
70	Nguyễn Ngọc	Khánh	29/05/96	63534	C	2	4.25	6.50	4.00	15.50	11535		
71	Trần Thị Thùy	Vân	25/04/96	24534	C	2 04	5.50	3.41	4.25	15.50	2461		
72	Trình Bá	Lộc	27/01/96	63651	C	1	3.25	6.75	4.00	15.50	12031		
73	Trương Như	Ngọc	07/03/96	67210	C	2	5.50	4.25	5.00	15.50	12560		
74	Trần Đình	Thịnh	27/05/95	2768	C	2NT	6.00	4.00	4.50	15.50	12593		
75	Huỳnh Thịnh	Hưng	09/07/96	1731	C	2	6.75	5.50	2.75	15.50	12334		
76	Vũ Thị Vân	Hàng	31/10/96	63390	C	2NT	2.00	5.75	6.50	15.50	12372		
77	Nguyễn Thị	Dàn	07/01/95	66949	C	2	5.50	4.50	4.75	15.50	3589		
78	Dương Thị Thương	Thương	22/02/96	72925	D1	1	3.75	4.50	5.50	15.50	12919		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
79	Phan Nguyễn Tuấn	Xuân	15/02/96	26154	D1	1	6.00	3.75	4.25	15.50	13373		
80	Nguyễn Quang	Thái	06/07/95	3545	C	1	6.50	3.50	3.50	15.00	789		
81	Lê Thị Thanh	Mai	30/10/96	66054	C	2	5.00	5.25	4.00	15.00	852		
82	Lê Hữu Hoài	Giang	10/04/96	66980	C	1	5.25	4.00	4.00	15.00	1021		
83	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	10/10/96	65670	C	1	6.00	4.25	3.00	15.00	1486		
84	Alăng Thị	Oanh	19/04/95	3634	C	1 01	3.25	5.00	3.25	15.00	11503		
85	Hiên Thị	Hòa	04/03/95	3412	C	1 01	3.50	3.25	4.75	15.00	11504		
86	Ung Thị Nho	Linh	23/04/96	68766	C	2	7.75	4.00	2.75	15.00	2437		
87	Phan Thị Hồng	Vân	23/07/96	7892	C	2NT	6.00	5.00	3.00	15.00	11860		
88	Phan Thị	Phương	13/10/95	66290	C	1	3.25	6.50	3.75	15.00	11959		
89	Nguyễn Thanh	Châu	06/03/96	18917	C	2	5.00	4.50	5.00	15.00	2590		
90	Nguyễn Tấn	Sỹ	20/09/94	63988	C	2	6.50	5.75	2.00	15.00	12165		
91	Lê Thị	Nhiễm	07/07/96	64633	C	2NT	3.00	4.50	6.25	15.00	12939		
92	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	06/02/96	23857	C	2	5.50	4.75	4.00	15.00	12957		
93	Đoàn Văn	Hùng	10/01/96	63502	C	1	3.25	5.00	5.00	15.00	13165		
94	Lê Thị Thanh	Nhàn	12/10/96	66149	C	2	5.50	4.00	4.75	15.00	3461		
95	Lê Thị	Hiên	15/05/96	14924	C	1	4.50	2.75	6.25	15.00	13532		
96	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/02/95	77127	D1	1	4.75	4.75	4.00	15.00	3359		
97	Nguyễn Ngọc	Quang	12/09/95	2607	C	1	5.75	3.50	3.50	14.50	123		
98	Lê Kim	Thịnh	11/05/96	68263	C	2	5.00	5.50	3.50	14.50	881		
99	Mai Thị	Thanh	18/09/96	64016	C	1	5.75	4.00	3.25	14.50	1025		
100	Võ Thị Thanh	Trúc	02/01/96	64252	C	1	3.50	5.50	4.00	14.50	1377		
101	Ngô Quang	Trường	22/09/95	3762	C	1	3.25	5.75	4.00	14.50	11024		
102	Võ Thế	Vỹ	20/07/96	17147	C	2NT	3.50	4.25	5.50	14.50	11075		
103	Phạm Đình	Hà	09/10/95	7077	C	2NT	5.00	3.50	5.00	14.50	11135		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
104	Phan Thị Ngọc	Hiền	31/10/96	68701	C	2	4.00	5.50	4.50	14.50	11306		
105	Lê Thị	Oanh	09/09/96	68187	C	2NT	5.00	3.50	5.00	14.50	2074		
106	Đặng Lê Thành	Nhân	05/06/96	68815	C	2NT	5.00	5.75	2.50	14.50	11853		
107	Trần Thị Thanh	Tân	24/01/96	68886	C	1	1.75	5.50	5.75	14.50	11918		
108	Ngô Thị Mỹ	Nhung	16/10/95	68831	C	2	5.25	4.00	4.75	14.50	10029		
109	Lương Thị Thu	Lệ	10/11/96	67106	C	1	3.25	5.00	4.75	14.50	12598		
110	Trần Thị	Thúy	16/06/95	66526	C	2NT 06	4.50	3.75	4.00	14.50	12200		
111	Lê Thị	Tý	10/06/96	66674	C	2NT	5.00	3.50	5.00	14.50	12799		
112	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/10/96	23158	C	2NT	6.50	3.00	4.00	14.50	13142		
113	Bùi Xuân	Hậu	18/05/96	1142	C	1	4.50	3.25	5.00	14.50	12278		
114	Võ Thị Diệu	Trinh	05/12/96	66633	C	2	5.75	4.50	3.50	14.50	3697		
115	Bùi Thị	Thảo	23/09/96	73735	D1	1	3.25	3.25	6.25	14.50	2649		
116	Nguyễn Thị	Liểu	03/07/96	74068	D1	2NT	4.25	3.00	6.25	14.50	2821		
117	Trương Thị Minh	Huyền	05/06/95	72003	D1	2	4.50	4.00	5.50	14.50	2864		
118	Lê Đình Mai	Nhi	07/04/96	77106	D1	2	6.00	3.00	5.00	14.50	3278		
119	Trần Thị	Thu	16/09/95	68274	C	1	5.50	3.25	3.75	14.00	42		
120	Nguyễn Kính	Trí	24/07/96	68324	C	2	5.75	4.50	3.00	14.00	219		
121	Dương Thị Như	Quỳnh	11/10/96	63937	C	2	5.50	4.00	4.00	14.00	772		
122	Lý Thị ái	Như	09/05/95	68184	C	2NT	5.00	4.00	4.00	14.00	1457		
123	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	11/01/94	4184	C	2NT	4.75	3.00	5.00	14.00	1518		
124	Ngô Thị Diễm	My	05/08/94	66086	C	2	5.50	4.25	3.50	14.00	1523		
125	Lê Thanh	Huy	01/05/94	2928	C	1	4.25	4.00	4.25	14.00	11131		
126	Nguyễn Lê Hồng	Hạ	18/04/96	14825	C	2	6.00	2.25	5.25	14.00	11146		
127	Trần Văn	Nhã	10/10/96	68156	C	2	6.75	3.75	3.00	14.00	11988		
128	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	02/11/96	63740	C	2	5.00	2.25	6.00	14.00	2686		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
129	Đinh Thị Anh	Đào	11/03/96	64431	C	1	5.25	3.75	3.50	14.00	12818		
130	Phạm Thị	Hương	03/10/96	3098	C	2NT	2.25	5.50	5.00	14.00	3262		
131	Lê Thị Thu	Hà	17/12/95	65631	C	2NT	3.25	5.25	4.50	14.00	13379		
132	Lưu Văn	Bác	01/08/96	64380	C	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	3553		
133	Trần Thị Thu	Nguyễn	29/12/95	75630	D1	2	4.25	4.00	5.00	14.00	103		
134	Hồ Trương Hạ	Nhi	04/05/96	42068	D1	3	6.00	3.50	4.50	14.00	1976		
135	Trương Thị Cẩm	Giang	10/01/96	71731	D1	2NT	3.50	4.50	4.75	14.00	2724		
136	Mai Nguyễn Triệu	Bạch	01/01/96	71537	D1	2NT	5.25	4.50	3.00	14.00	3020		
137	Nguyễn Thị Kim	Anh	29/03/96	69300	D1	2NT	3.50	4.50	5.00	14.00	3156		
138	Trần Thị Kiều	Oanh	03/10/96	71112	D1	2	5.50	3.50	4.50	14.00	3430		
139	Phan Văn	Quyết	11/07/96	67742	C	2	4.50	3.50	4.75	13.50	1301		
140	Ngô Thị Thanh	Nhàn	29/08/96	63784	C	2NT	4.75	3.50	4.00	13.50	1322		
141	Nguyễn Thị Anh	Thư	31/07/95	68289	C	2NT	4.25	3.75	4.50	13.50	2527		
142	Nguyễn Thị Diệu	Thuý	11/01/95	65320	C	1	5.00	4.00	3.00	13.50	12470		
143	Võ Quốc	Công	25/01/94	63200	C	1 06	4.25	4.00	2.75	13.50	12720		
144	Nguyễn Thị	Hồng	26/08/96	69735	D1	1	5.00	3.00	4.00	13.50	1068		
145	Nguyễn Vũ Ngọc	Trâm	17/05/96	35453	D1	1	4.75	3.50	3.75	13.50	11429		
146	Nguyễn Đình	Ân	10/09/96	33216	D1	1	4.50	3.25	4.25	13.50	13108		
147	Lê Đức	Huy	26/11/96	68013	C	2	5.50	2.75	4.00	13.00	821		
148	Trần Thị Thảo	Hương	04/05/96	65875	C	2	3.50	4.50	4.25	13.00	1004		
149	Trần Tuấn	Cảnh	05/08/96	65120	C	2NT	4.50	3.75	3.50	13.00	11635		
150	Hoàng	Hải	18/04/91	15263	C	2	5.00	3.50	4.00	13.00	11817		
151	Trương Mỹ	Oanh	19/05/96	32268	C	2NT	3.75	3.75	4.50	13.00	12064		
152	Trần Văn	Thành	19/05/96	68893	C	2NT	4.50	4.00	3.50	13.00	12645		
153	Nguyễn Thị	Thương	12/08/96	23607	C	2NT	4.75	2.75	4.50	13.00	12697		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
154	Trần Thị	Hương	06/01/96	65873	C	2	5.25	4.50	2.50	13.00	12157		
155	Đỗ Thị Bích	Thảo	14/04/94	7390	C	2	5.75	2.00	4.50	13.00	12197		
156	Phạm Thị Thục	Trinh	14/09/96	68975	C	2	4.75	3.50	4.00	13.00	12971		
157	Phan Thị Kim	Lên	25/10/94	20892	C	2	2.50	4.25	5.50	13.00	3317		
158	Lê Văn	Cường	18/06/95	19058	C	2	4.25	3.75	4.50	13.00	3350		
159	Trương Ngọc Mỹ	Duyên	30/05/96	74568	D1	2	3.75	3.75	5.00	13.00	655		
160	Nguyễn Thị Thu	Ngân	01/08/96	70131	D1	2NT	4.50	2.50	5.00	13.00	985		
161	Nguyễn Thị Tâm	Thảo	27/09/95	75695	D1	2	2.75	4.25	5.50	13.00	3532		

Nhóm ngành: Nhân văn. Chỉ tiêu: 120

(DHT.D220320) - Ngành: Ngôn ngữ học. Điểm sàn nộp hồ sơ C, D1: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Hồ Thị Lâm	Oanh	02/01/96	4210	C	2NT	6.75	6.50	6.50	21.00	13531		
2	Nguyễn Văn	Chung	22/02/96	3514	C	2NT	7.25	4.75	7.50	20.50	11781		
3	Nguyễn Ngọc	Hải	10/02/95	11252	D1	1 06	6.75	3.75	5.25	18.50	3520		
4	Phan Diệp My	Li	10/02/96	63585	C	2	6.25	6.50	4.50	18.00	1189		
5	Nguyễn Hữu	Thắng	06/09/95	64071	C	1	5.25	6.75	4.25	18.00	2768		
6	Nguyễn Trung	Tín	28/02/95	6999	C	1 06	7.50	2.50	5.50	18.00	13060		
7	Hồ Thị	Dung	03/09/95	3695	D1	2NT	5.75	5.00	6.00	18.00	11107		
8	Phạm Phương	Trinh	01/01/96	69639	D1	3	5.50	5.75	6.00	17.50	3500		
9	Võ Thế	Cường	02/09/96	14471	C	2NT	5.75	6.00	4.00	17.00	12928		
10	Võ Thị Minh	Trang	16/10/95	44233	D1	1	4.25	5.00	6.00	17.00	12137		
11	Phạm Duy	Khánh	19/02/96	583	D1	1	2.75	6.00	6.50	17.00	13005		
12	Nguyễn Vĩnh Thu	Giang	16/11/96	8294	C	1	6.00	3.50	5.50	16.50	11464		
13	Vũ Thị Bích	Thúy	07/07/96	64133	C	2NT	6.50	4.25	4.50	16.50	2192		
14	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	18/09/96	6127	C	2NT	5.25	4.75	5.50	16.50	13080		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
15	Trần Thị Thanh	Huyền	27/12/96	63486	C	2	4.75	5.75	5.00	16.00	1178		
16	Lê Việt	Hung	03/02/96	3046	C	1	6.25	4.00	4.00	16.00	12597		
17	Nguyễn Thị Yến	Nhi	06/07/96	42100	D1	2	4.00	4.75	6.50	16.00	11389		
18	Đặng Thị	Khánh	02/09/96	19143	D1	2NT	6.75	3.00	5.00	16.00	11542		
19	Nguyễn Thị Hồng	Tinh	15/03/96	71245	D1	2	5.25	5.00	5.00	16.00	3075		
20	Trần Thị Anh	Thư	07/04/96	76799	D1	2	5.00	4.50	6.00	16.00	3429		
21	Lê Thị Vũ	Hảo	25/07/96	76199	D1	2	4.50	4.25	6.50	16.00	12216		
22	Huỳnh Thị Thu	Thảo	29/11/96	5786	D1	2NT	5.75	4.00	5.25	16.00	12296		
23	Đinh Thị Lệ	Hương	26/10/96	8506	D1	2NT	6.50	4.00	4.50	16.00	13466		
24	Nguyễn Minh	Đức	05/06/96	75488	D1	2	5.75	5.00	4.75	16.00	3672		
25	Nguyễn Hà Lệ	Quỳnh	18/05/96	72665	D1	2	5.50	4.50	5.50	16.00	3733		
26	Trịnh Thùy	Trinh	15/10/96	7916	C	1	4.75	4.75	4.25	15.50	11568		
27	Nguyễn Thị Hà	Yên	19/07/96	69675	D1	2	6.00	3.50	5.25	15.50	849		
28	Nguyễn Ngọc Như	ý	19/09/96	73219	D1	1	5.50	3.00	5.25	15.50	1503		
29	Trần Thị Mỹ	Thiện	24/06/96	5811	D1	1	5.50	3.00	5.25	15.50	11140		
30	Trần Thị Minh	Tâm	11/12/96	1538	D1	2	4.25	6.00	4.50	15.50	2470		
31	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	06/01/96	72542	D1	2	4.25	5.25	5.25	15.50	3302		
32	Nguyễn Ngọc Uyên	Phương	30/08/95	74212	D1	2	5.50	4.25	5.00	15.50	3386		
33	Phạm Thị	Thảo	20/08/96	5893	D1	2NT 06	6.25	3.00	4.25	15.50	12343		
34	Hồ Đắc Thái	Son	27/08/96	72700	D1	2	6.25	5.00	3.75	15.50	3749		
35	Trần Đình	Thông	06/06/95	68916	C	1	3.50	5.75	4.00	15.00	528		
36	Trần Thị Thanh	Thảo	30/07/96	68906	C	2NT	3.50	5.25	5.00	15.00	2393		
37	Lê Thị Thu	Trang	19/07/96	23851	C	2NT	5.75	4.00	4.00	15.00	2807		
38	Tôn Thất Bảo	Huy	22/12/96	71989	D1	2	4.75	4.75	5.00	15.00	261		
39	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	02/10/96	75036	D1	1	6.00	4.25	3.25	15.00	2431		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
40	Nguyễn Thị Thanh	Trà	02/02/95	77145	D1	2	6.25	2.25	6.00	15.00	2689		
41	Nguyễn Văn	Đồng	13/07/96	77048	D1	1	3.75	3.50	6.00	15.00	2764		
42	Phạm Thị Ngọc	Luyến	31/05/96	72210	D1	2NT	5.75	3.50	4.75	15.00	2850		
43	Đinh Thị Đăng	Hồng	01/02/95	77064	D1	1	3.75	3.50	6.25	15.00	2875		
44	Hoàng Văn	Trọng	08/01/95	74338	D1	1	5.75	3.00	4.75	15.00	2890		
45	Nguyễn Đăng	Khoa	29/10/96	40795	D1	3	5.75	4.00	5.00	15.00	3047		
46	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/02/95	77127	D1	1	4.75	4.75	4.00	15.00	3360		
47	Phạm Thị	Nhung	23/07/96	75654	D1	1	3.50	4.25	5.50	15.00	3632		
48	Lê Thư	Hiên	23/01/96	71866	D1	2	3.25	4.50	6.75	15.00	3667		
49	Phan Thị Thanh	Diệp	01/11/95	71618	D1	2	4.00	5.00	5.25	15.00	3549		
50	Nguyễn Đức	Nghĩa	12/01/96	64613	C	2	4.00	5.00	4.75	14.50	10038		
51	Nguyễn Thanh	Giang	03/01/95	6044	C	3	5.50	3.00	6.00	14.50	2878		
52	Ngô Thị Thanh	Thảo	18/10/96	68903	C	2NT	5.75	2.50	5.00	14.50	12145		
53	Nguyễn Thị Diệu	Vân	08/10/96	76919	D1	2	5.00	3.50	5.50	14.50	694		
54	Lê Ngọc Huyền	Oanh	27/12/94	69541	D1	2	6.25	4.00	3.50	14.50	1043		
55	Võ Thị Thanh	Huyền	25/06/96	40537	D1	3	6.25	4.75	3.50	14.50	11270		
56	Phạm Thùy	Dương	20/09/96	69349	D1	2	2.50	5.25	6.25	14.50	11380		
57	Dương Thị Bích	Thuận	10/08/95	75227	D1	2	5.00	3.50	5.25	14.50	2604		
58	Trần Thị	Thu	09/03/96	35120	D1	1	4.00	3.00	6.00	14.50	12522		
59	Đoàn Thị Quỳnh	Trang	08/03/96	77143	D1	2NT	4.25	3.50	5.50	14.50	12839		
60	Ngô Thị Tuyết	Dung	24/12/95	76139	D1	1	4.75	3.50	4.75	14.50	3112		
61	Châu Thị Cảo	Thơm	06/12/96	77133	D1	1	4.75	3.75	4.50	14.50	12338		
62	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/07/96	43319	D1	3	5.50	4.50	4.50	14.50	3752		
63	Trần Thị Tịnh	Uyên	14/09/96	73131	D1	2	5.25	3.50	5.00	14.50	3574		
64	Lê Thị	Nhàn	22/10/95	72396	D1	2NT	3.00	6.00	4.50	14.50	3575		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
65	Huyền Nguyễn Ngọc	Hân	22/07/96	63394	C	2	6.00	2.00	5.25	14.00	1279		
66	Bùi Thị Phương	Loan	26/11/96	76416	D1	2	3.00	3.50	7.00	14.00	223		
67	Âu Khánh	Ly	24/09/95	72229	D1	2NT	1.25	5.50	6.00	14.00	465		
68	Đặng Thị	Hằng	07/07/95	71851	D1	2NT	4.00	3.25	5.50	14.00	550		
69	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	01/03/96	76055	D1	2	4.50	4.50	4.50	14.00	648		
70	Hồ Khánh	Hà	06/06/95	74593	D1	2	4.25	3.50	5.50	14.00	739		
71	Hồ Thị Thanh	Trúc	14/11/96	76880	D1	2	4.75	3.50	5.00	14.00	743		
72	Phan Thị Thanh	Hằng	02/06/96	73434	D1	2	4.00	3.00	6.25	14.00	948		
73	Hồ Trương Hạ	Nhi	04/05/96	42068	D1	3	6.00	3.50	4.50	14.00	1992		
74	Phan Thị	Thảo	10/09/96	73752	D1	2NT	4.50	3.50	4.75	14.00	11878		
75	Võ Đỗ Lan	Hương	03/10/96	40717	D1	3	4.50	5.75	3.50	14.00	2862		
76	Nguyễn Minh	Hiếu	21/06/96	17745	D1	2 06	5.50	3.50	3.25	14.00	12635		
77	Vũ Thị Quỳnh	Như	06/06/96	42335	D1	1	0.75	6.00	5.50	14.00	12723		
78	Võ Thị Tuyết	Trang	13/03/95	73015	D1	1	4.75	2.50	5.00	14.00	12851		
79	Võ Văn	Phước	22/07/94	72618	D1	2	5.75	5.00	2.75	14.00	2913		
80	Trần Nguyễn Thanh	Thúy	09/02/95	43804	D1	2	5.50	5.50	2.50	14.00	13253		
81	Nguyễn Thảo	Uyên	18/11/96	44804	D1	3	4.75	6.00	3.00	14.00	13257		
82	Liêu Huy	Danh	30/08/96	73937	D1	2	5.00	3.00	5.50	14.00	3641		
83	Hoàng Thị	Hạnh	30/04/96	69371	D1	1	2.25	3.75	6.50	14.00	13530		
84	Trần Công Nữ Thục	Linh	26/11/95	31887	C	2	4.25	2.50	6.25	13.50	3439		
85	Nguyễn Thị	Hiếu	10/04/96	31577	C	2NT	4.50	1.50	6.50	13.50	12360		
86	Hồ Thị	Trang	15/09/94	68949	C	1	6.00	3.25	2.75	13.50	13402		
87	Trần Mỹ Uyên	Nhi	28/04/96	77112	D1	2	3.50	3.50	6.00	13.50	330		
88	Phan Thị Bảo	Trâm	02/08/96	73037	D1	2NT	3.75	3.50	5.00	13.50	1035		
89	Nguyễn Ngọc	Châu	20/12/96	6524	D1	2NT	4.00	2.75	5.50	13.50	11346		

Nhóm ngành: Nhân văn. Chỉ tiêu: 120

(DHT.D220320) - Ngành: Ngôn ngữ học. Điểm sàn nộp hồ sơ C, D1: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
90	Ngô Thanh	Thảo	08/08/94	74838	D1	2	4.50	3.50	5.00	13.50	2385		
91	Nguyễn Thị	Hồng	26/08/96	69735	D1	1	5.00	3.00	4.00	13.50	2841		
92	Võ Thị Kim	Thái	16/08/96	74829	D1	2NT	4.75	3.75	3.75	13.50	3323		
93	Trương Thị Quỳnh	Chi	18/08/95	76113	D1	2	3.75	3.50	5.50	13.50	3366		
94	Nguyễn Thanh	Sang	20/10/95	32429	C	2	4.50	3.25	4.50	13.00	12131		
95	Trần Phan Kiều	My	10/10/95	72281	D1	2	3.75	4.75	3.75	13.00	156		
96	Nguyễn Thị Tâm	Tú	08/06/96	73109	D1	2	5.25	2.75	4.25	13.00	159		
97	Nguyễn Cát Ngọc	Thùy	03/05/96	70279	D1	2	5.50	3.50	3.25	13.00	220		
98	Nguyễn Thị Văn	Khoa	18/05/96	72057	D1	2	5.75	2.75	4.00	13.00	825		
99	Trương Hoài	Nhi	01/10/96	69911	D1	2	2.75	2.75	6.75	13.00	980		
100	Trần Thị Sương	Sương	26/03/96	9248	D1	1	1.75	3.25	6.50	13.00	2308		
101	Ngô Thị Thùy	Diên	01/06/96	23819	D1	2NT	3.75	3.25	5.00	13.00	12103		
102	Bùi Thị Diễm	My	17/07/95	77088	D1	2	5.25	3.00	4.25	13.00	12176		
103	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/09/95	76625	D1	2NT	4.75	2.50	4.50	13.00	12809		
104	Nguyễn Hữu Nhật	Quang	13/08/96	74802	D1	2	5.00	4.25	3.00	13.00	3098		
105	Lâm Khánh	Nga	17/10/95	74442	D1	2	3.75	3.50	5.00	13.00	13200		
106	Trần Thị Huyền	Trâm	16/05/95	69636	D1	2	4.00	5.00	3.50	13.00	13079		
107	Lê Thị An	Khương	06/07/96	74048	D1	2	4.00	4.00	4.50	13.00	3464		

Nhóm ngành: Nhân văn. Chỉ tiêu: 120

(DHT.D220330) - Ngành: Văn học. Điểm sàn nộp hồ sơ C: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Thị Thu	Huyền	20/03/95	18464	C	1	9.00	6.25	6.00	23.00	13377		
2	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	14/08/96	21871	C	1	6.75	5.50	7.25	21.00	2401		
3	Nguyễn Phong	Lan	01/10/95	19626	C	2NT	6.50	6.50	5.50	19.50	2760		
4	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	02/01/96	8317	C	2	7.00	6.00	5.50	19.00	12075		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
5	Nguyễn Thị Kiều	Loan	23/10/95	21124	C	2	7.75	4.75	5.75	19.00	12866		
6	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	24/09/96	7721	C	2NT	6.00	5.75	6.00	19.00	13387		
7	Lê Thị Kim	Thanh	13/12/96	66390	C	2	6.75	5.75	5.25	18.50	94		
8	Hồ Văn	Tương	20/01/94	64296	C	1	6.50	5.75	4.50	18.50	232		
9	Đình Thị	Phấn	17/12/96	66261	C	2NT	4.50	7.00	6.00	18.50	1293		
10	Ngô Thanh	Hồng	02/08/96	63455	C	1	2.50	8.25	6.00	18.50	2235		
11	Nguyễn Thị Phước	Linh	02/02/96	20953	C	2	5.25	7.75	5.00	18.50	2380		
12	Ngô Thị Mai	Thảo	27/08/96	64052	C	2	7.00	6.00	5.00	18.50	12078		
13	Nguyễn Thị Thảo	An	08/02/95	18572	C	2NT	6.75	5.00	5.75	18.50	2501		
14	Lê Nguyễn ái	My	01/02/96	3481	C	1	6.00	4.75	6.25	18.50	13198		
15	Mạc Văn	Dũng	19/08/96	19340	C	1	7.25	5.25	4.50	18.50	13521		
16	Dương Thị	Lệ	19/05/96	65941	C	2	7.75	4.00	5.75	18.00	252		
17	Lê Thị Trà	My	20/03/96	64600	C	2	7.00	5.25	5.00	18.00	280		
18	Nguyễn Thái Thanh	Nhàn	18/06/96	64620	C	2	5.25	6.50	5.50	18.00	328		
19	Lê Thị Tú	Trinh	03/12/96	64230	C	2NT	7.25	3.75	5.75	18.00	438		
20	Hồ Thị	Khương	28/05/95	63546	C	2NT	6.00	4.75	6.00	18.00	515		
21	Phạm Thị Nhung	Nhược	05/08/96	66224	C	2	6.75	4.75	6.00	18.00	1737		
22	Nguyễn Thị Thuý	Hàng	25/05/95	63384	C	2NT	6.25	6.00	4.75	18.00	2500		
23	Nguyễn Anh	Tuân	08/09/95	64261	C	2NT	5.25	4.75	7.00	18.00	3123		
24	Trần Thị	Huyền	04/08/94	65844	C	1 06	6.50	3.75	5.00	18.00	3177		
25	Bùi Thị Kim	Oanh	21/12/96	63856	C	1	6.00	5.00	5.50	18.00	12213		
26	Đoàn Tuấn	Anh	20/01/96	13159	C	1	8.00	3.00	5.50	18.00	12214		
27	Phạm Thị	Tiến	15/11/86	66568	C	2NT	5.25	6.50	5.25	18.00	13460		
28	Trần Thị	Oanh	20/06/95	63863	C	1	5.50	5.75	4.75	17.50	1104		
29	Bạch Thị	Niên	10/11/96	66229	C	2	7.75	7.25	1.75	17.50	1953		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
30	Hồ Thị	Huyền	30/04/96	65829	C	1	7.00	5.25	3.50	17.50	11588		
31	Trần Thị Thuỷ	Tiên	22/03/95	64169	C	2NT	6.25	4.75	5.50	17.50	2342		
32	Nguyễn Thị ý	Nhi	27/12/96	66174	C	1	6.00	4.00	6.00	17.50	2496		
33	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/07/96	64051	C	1	5.75	4.50	5.75	17.50	11849		
34	Hồ Thị Cẩm	Duy	05/04/96	63238	C	2	5.75	4.25	7.00	17.50	2717		
35	Lê Thị	Hiền	18/12/96	63404	C	1	4.75	5.50	5.75	17.50	2553		
36	Mai Trần Niên	Thảo	08/08/96	23164	C	2	6.00	5.75	5.00	17.50	12124		
37	Hoàng Thị	Ngọc	26/05/96	64614	C	2NT	5.00	6.00	5.25	17.50	12423		
38	Nguyễn Thị Thùy	An	21/12/95	2213	C	2NT	6.00	3.50	7.00	17.50	12785		
39	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	12/04/96	64634	C	2NT	6.75	2.50	7.00	17.50	12884		
40	Nguyễn Thị	Nga	20/02/96	63732	C	1	4.75	5.25	5.75	17.50	12895		
41	Nguyễn Trần Thương	Thương	24/09/96	66559	C	1	6.75	5.50	3.50	17.50	3179		
42	Lê Thị	Hiền	18/12/96	63404	C	1	4.75	5.50	5.75	17.50	12263		
43	Ngô Thị Ngọc	Thảo	28/09/96	64694	C	2NT	7.00	4.25	5.00	17.50	12305		
44	Lê Thị	Hàng	20/08/95	65681	C	1	6.00	5.25	4.50	17.50	3523		
45	Nguyễn Thị Mỹ	Khánh	15/08/95	65890	C	2NT	6.00	4.50	5.50	17.00	800		
46	Trịnh Thanh	Nhàn	05/12/96	8420	C	2	6.75	5.00	4.50	17.00	11165		
47	Đoàn Ngọc	Tuyết	04/05/96	64748	C	1	5.25	4.75	5.50	17.00	2334		
48	Hồ Thị Thu	Hiền	12/05/96	63403	C	1	5.75	4.50	5.00	17.00	2345		
49	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23/01/96	66430	C	1	6.25	5.75	3.50	17.00	2403		
50	Trần Đình	Văn	26/06/95	64314	C	2	6.75	5.00	4.50	17.00	10040		
51	Trần Thị Thanh	Tú	16/10/96	16981	C	2NT	6.50	2.50	6.75	17.00	12066		
52	Lê Thị	Lệ	08/03/96	65944	C	1	6.25	4.25	5.00	17.00	2599		
53	Trần Thị	Yến	01/01/95	64360	C	2NT	5.25	5.00	5.50	17.00	12424		
54	Nguyễn Tiến	Phú	19/09/96	63885	C	2NT	5.75	6.00	4.25	17.00	12942		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
55	Võ Thị ánh	Tuyết	05/04/96	64747	C	2	5.50	5.75	5.00	17.00	3241		
56	Phạm Quốc	Việt	22/12/96	8157	C	2NT	4.00	5.50	6.25	17.00	3402		
57	Trần Thị Thu	Thảo	20/08/95	66439	C	1	3.75	7.00	4.50	17.00	3524		
58	Phạm Thị Anh	Đào	20/02/96	65584	C	2	5.75	5.00	5.00	16.50	863		
59	Trương Thị Quỳnh	Anh	27/03/96	65451	C	2NT	5.75	3.75	5.75	16.50	1330		
60	Vũ Thị Bích	Thúy	07/07/96	64133	C	2NT	6.50	4.25	4.50	16.50	2193		
61	Tôn Nữ Trà	My	26/12/96	66093	C	2	5.25	4.50	6.00	16.50	2433		
62	Đình Thị Thanh	Thương	19/04/96	66561	C	1	5.75	5.50	3.50	16.50	2687		
63	Lê Thị Hồng	Hà	22/05/96	65627	C	2NT	6.25	4.50	4.75	16.50	12613		
64	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	08/01/91	66565	C	1 01	4.25	5.75	3.00	16.50	12257		
65	Hoàng Kim	Cúc	11/05/94	65510	C	1	6.00	5.00	3.50	16.00	274		
66	Trần Thị Thanh	Huyền	27/12/96	63486	C	2	4.75	5.75	5.00	16.00	1179		
67	Nguyễn Hà	Tiên	13/04/95	64167	C	2	7.75	3.25	4.50	16.00	1644		
68	Hồ Thị Thu	Hà	20/06/96	66989	C	2NT	5.50	5.25	4.00	16.00	12020		
69	Lê Thị Diệu	Hà	14/01/96	5349	C	1	6.75	3.00	4.50	16.00	12088		
70	Bùi Thị	Phượng	03/05/96	63916	C	1	3.75	6.00	4.75	16.00	2885		
71	Lê Việt	Hưng	03/02/96	3046	C	1	6.25	4.00	4.00	16.00	12628		
72	Cao Thị Tú	Anh	07/09/96	66899	C	2NT	5.50	3.25	6.25	16.00	12783		
73	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	16/09/96	66677	C	1	5.25	5.00	4.25	16.00	12824		
74	Phạm Thủy	Tiên	09/07/96	23650	C	2	4.75	5.25	5.50	16.00	13039		
75	Lê Thị	Hương	17/04/96	67076	C	2NT	6.25	3.75	4.75	16.00	13248		
76	Thái Huỳnh	Thương	12/03/96	67425	C	1	6.25	3.50	4.75	16.00	12225		
77	Phan Thị Thảo	Quỳnh	20/02/96	63943	C	1	5.00	5.00	4.50	16.00	12389		
78	Nguyễn Thị	Dàn	07/01/95	66949	C	2	5.50	4.50	4.75	15.50	117		
79	Đỗ Thị	Trang	05/06/96	66617	C	1	3.00	6.50	4.50	15.50	730		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
80	Trần Thị Mỹ	Huệ	18/04/95	1723	C	2NT	4.75	2.75	7.00	15.50	11070		
81	Đặng Thị ái	Nhi	08/05/95	208	C	2NT	3.00	4.25	7.00	15.50	11176		
82	Nguyễn Thị Phương	Linh	11/07/96	21098	C	2	4.25	5.50	5.41	15.50	2034		
83	Võ Thị Kiều	Trinh	18/11/96	4758	C	2NT	4.00	4.75	5.50	15.50	12019		
84	Phan Thanh	Hội	10/05/95	20265	C	2NT 06	5.75	4.00	3.75	15.50	12936		
85	Trần Thị	Hoài	05/08/96	67045	C	1	4.50	4.50	5.00	15.50	3217		
86	Nguyễn Thị	Hương	29/07/96	3076	C	1	6.50	3.75	3.50	15.50	13289		
87	Tạ Linh	Tú	24/10/95	23586	C	2NT	5.25	5.00	4.00	15.50	12290		
88	Lê Hoàng Anh	Thy	16/03/96	64164	C	2	6.50	4.75	3.50	15.50	13408		
89	Trần Đình	Thông	06/06/95	68916	C	1	3.50	5.75	4.00	15.00	527		
90	Thái Công	Tâm	04/04/95	68884	C	1	4.75	5.00	3.50	15.00	906		
91	Võ Thị	Phượng	05/07/96	68860	C	1	4.00	5.25	4.25	15.00	1434		
92	Lê Thị Thanh	Nhàn	12/10/96	66149	C	2	5.50	4.00	4.75	15.00	1790		
93	Nguyễn Thị Kim	Oanh	20/01/95	66254	C	1	6.75	4.25	2.50	15.00	11583		
94	Dương Thùy	Linh	27/04/96	20221	C	2NT	6.50	2.25	5.00	15.00	2318		
95	Tạ Thị Thủy	Tiên	02/01/95	66566	C	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	11879		
96	Hà Thị Ngọc	Minh	21/01/96	64595	C	2	6.50	4.50	3.50	15.00	2774		
97	Trương Tiến	Dụng	28/02/86	63262	C	2NT	5.50	4.25	4.00	15.00	3008		
98	Lý Thị Thu	Trang	09/12/96	67450	C	1	4.50	4.00	5.00	15.00	3084		
99	Nguyễn Thị	Huyền	04/12/96	65836	C	1	5.25	4.25	3.75	15.00	12302		
100	Nguyễn Thị Thu	Hằng	24/06/95	67009	C	2	6.00	2.75	5.00	14.50	467		
101	Phạm Thị Đào	Nhi	03/10/95	68825	C	1	2.75	5.00	5.00	14.50	1347		
102	Trần Thị	Nhụy	10/05/96	67254	C	2NT	5.50	4.00	4.00	14.50	1536		
103	Trần Thị	Quỳnh	21/04/96	66338	C	1	4.00	4.50	4.25	14.50	2009		
104	Phan Thị	Hà	03/10/96	65643	C	1	4.00	4.00	4.75	14.50	2164		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
105	Trần Thị Thanh	Tân	24/01/96	68886	C	1	1.75	5.50	5.75	14.50	11871		
106	Phạm Thị Thu	Hiên	12/03/96	67026	C	1	3.75	4.25	5.00	14.50	2508		
107	Lê Thị	Tý	10/06/96	66674	C	2NT	5.00	3.50	5.00	14.50	12800		
108	Phan Thị Mỹ	Hảo	01/05/96	66997	C	2NT	5.00	3.75	4.50	14.50	3297		
109	Ngô Thị Mỹ	Nhung	16/10/95	68831	C	2	5.25	4.00	4.75	14.50	3395		
110	Nguyễn Thanh	Hậu	15/02/96	19929	C	2	6.00	3.50	4.50	14.50	3476		
111	Phan Thị Tú	Thảo	11/11/96	68905	C	1	4.25	3.75	4.75	14.50	3590		
112	Trần Thị	Thu	16/09/95	68274	C	1	5.50	3.25	3.75	14.00	41		
113	Trần Lê Thuỷ	Tiên	09/05/96	67432	C	2	4.50	4.00	4.75	14.00	359		
114	Hồ Lê Hoài	Nam	12/08/96	68791	C	2	4.75	3.75	5.00	14.00	590		
115	Dương Thị Như	Quỳnh	11/10/96	63937	C	2	5.50	4.00	4.00	14.00	771		
116	Nguyễn Thị Mỹ	Tú	10/12/95	67489	C	2	5.25	3.25	4.75	14.00	1271		
117	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	11/01/94	4184	C	2NT	4.75	3.00	5.00	14.00	1517		
118	Vũ Thị Tường	Vi	04/05/96	64326	C	1	4.50	5.25	2.75	14.00	2456		
119	Nguyễn Thị	Hạnh	12/03/96	65669	C	2NT	6.00	3.50	3.50	14.00	12844		
120	Lưu Văn	Bắc	01/08/96	64380	C	2NT	3.75	4.50	4.50	14.00	3554		
121	Phan Văn	Quyết	11/07/96	67742	C	2	4.50	3.50	4.75	13.50	1313		
122	Đỗ Thị	Hà	08/12/96	65154	C	1	2.75	4.00	5.00	13.50	1334		
123	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/02/96	68842	C	2	4.50	3.50	5.00	13.50	11435		
124	Hồ Thị Lệ	Xuân	10/02/96	65366	C	2NT	4.50	2.50	5.25	13.50	11639		
125	Hoàng Thị	Phương	10/10/95	66277	C	1	3.00	3.75	5.00	13.50	11760		
126	Đỗ Nguyễn Nhật	Trường	05/12/96	7992	C	2	3.00	4.00	5.75	13.50	2402		
127	Trần Thị Thùy	Trang	27/06/94	22577	C	2 04	3.50	2.75	4.50	13.50	2462		
128	Ngô Thị Lan	Phương	10/08/96	2261	C	2	4.25	3.75	5.00	13.50	2586		
129	Nguyễn Thị	Ty	06/06/93	68339	C	2NT	5.00	4.25	3.00	13.50	12588		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
130	Trần Thị Ngọc	Hạnh	13/09/95	30620	C	2NT	4.00	3.25	5.00	13.50	12104		
131	Hồ Thị Lệ	Xuân	10/02/96	65366	C	2NT	4.50	2.50	5.25	13.50	3203		
132	Trần Thị	Hương	10/10/95	65199	C	2NT	2.50	5.25	4.50	13.50	3228		
133	Nguyễn Thị	Khẩn	22/07/94	67085	C	2NT	4.50	2.50	5.50	13.50	3470		
134	Nguyễn Thị	Mạnh	23/03/95	66059	C	1	5.25	2.50	4.00	13.50	12215		
135	Trần Thị Tú	Tú	17/09/96	66668	C	2	3.75	4.75	4.50	13.50	12331		
136	Nguyễn Thị	Ngân	12/09/94	22871	C	2NT	3.50	6.00	3.00	13.50	13456		
137	Nguyễn Thị Nguyệt	Linh	31/07/94	65982	C	2	5.25	4.00	3.00	13.00	411		
138	Nguyễn Thị	Thơ	10/06/95	68920	C	1	4.00	2.25	5.00	13.00	1128		
139	Hoàng Thị	Hội	13/11/95	67060	C	2NT	2.50	3.50	6.00	13.00	11611		
140	Hoàng Thị	Huệ	20/05/96	68007	C	1	5.25	3.00	3.00	13.00	11706		
141	Nguyễn Thanh	Sang	20/10/95	32429	C	2	4.50	3.25	4.50	13.00	12134		
142	Nguyễn Thị	Thương	12/08/96	23607	C	2NT	4.75	2.75	4.50	13.00	12944		
143	Phạm Thị Thục	Trinh	14/09/96	68975	C	2	4.75	3.50	4.00	13.00	12365		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Thị	Thương	02/09/95	25530	C	1 06	6.75	6.00	7.00	22.50	13246		
2	Hồ Thị Hoài	Thương	17/10/96	3188	C	2	7.00	7.00	5.00	19.50	632		
3	Nguyễn Thị	Linh	01/11/96	2238	C	2NT	5.00	6.00	7.50	19.50	11058		
4	Phạm Thị Kim	Yến	20/02/96	8595	C	2NT	6.25	6.00	5.50	19.00	12065		
5	Đặng Thị Ngọc	Dung	20/09/95	5108	C	1	6.00	6.00	5.50	19.00	2680		
6	Trần Thảo	Linh	12/11/95	20974	C	1	6.25	6.50	4.75	19.00	13180		
7	Mai Hoàng	Long	21/04/96	6677	C	3	7.25	5.25	6.25	19.00	13345		
8	Trần	Hoàn	02/01/96	5586	C	1	6.25	4.75	5.75	18.50	11680		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
9	Nguyễn Xuân	Thành	27/06/94	64684	C	1	7.50	5.25	4.00	18.50	2749		
10	Trần Văn	Hội	02/09/95	17989	C	1	5.00	7.00	5.00	18.50	13113		
11	Trần Thị Kim	Lành	09/01/96	64547	C	2	6.50	7.00	4.25	18.50	13462		
12	Phan Thị Kiều	Oanh	09/05/95	22215	C	2	6.00	6.00	6.00	18.50	13305		
13	Nguyễn Thị	Như	26/01/95	22109	C	1	6.50	5.25	5.00	18.50	13371		
14	Phan Diệp My	Li	10/02/96	63585	C	2	6.25	6.50	4.50	18.00	1188		
15	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	20/01/96	6227	C	2NT	6.00	5.50	5.50	18.00	2422		
16	Hoàng Thị My	Ly	20/01/95	66036	C	1	6.00	5.50	5.00	18.00	11978		
17	Trương Thuỳ	Linh	02/06/96	63612	C	2	6.25	6.25	5.00	18.00	11987		
18	Lê Thị	Linh	13/07/95	2733	C	1	5.75	5.25	5.50	18.00	12578		
19	Nguyễn Thị	Nhàn	15/09/95	66150	C	2NT	6.25	6.00	4.75	18.00	13160		
20	Trần Thị Thùy	Linh	20/06/95	63622	C	1	7.75	4.00	4.75	18.00	13024		
21	Nguyễn Trung	Tín	28/02/95	6999	C	1 06	7.50	2.50	5.50	18.00	13061		
22	Lê Thị Yến	Nhi	03/05/96	2099	C	2NT	4.50	6.50	5.75	18.00	3622		
23	Đào Thị Như	Ngọc	08/04/96	9840	D1	2NT	7.25	5.75	4.00	18.00	11423		
24	Lê Thị Hương	Ly	09/09/96	4016	C	1	5.25	4.50	6.00	17.50	11039		
25	Hoàng Việt	Thanh	21/07/96	3524	C	1	8.00	4.75	3.25	17.50	11122		
26	Tôn Nữ Quỳnh	Anh	02/10/96	63134	C	1	5.50	5.50	5.00	17.50	1921		
27	Nguyễn Thị	Duyên	09/02/96	19285	C	1	5.50	6.50	3.75	17.50	2283		
28	Phạm Thị Huyền	Tâm	21/04/96	64003	C	2	5.00	7.25	4.50	17.50	11557		
29	Trần Thị Thuỷ	Tiên	22/03/95	64169	C	2NT	6.25	4.75	5.50	17.50	2341		
30	Lê Thị Kiến	Giang	14/07/96	64442	C	2NT 01	6.25	3.50	4.50	17.50	11939		
31	Dương Văn	Hậu	19/06/96	64468	C	1	7.50	3.50	4.75	17.50	2785		
32	Đoàn Thành	Đạt	18/12/96	63278	C	2NT	7.25	5.00	4.00	17.50	12903		
33	Nguyễn Văn	Bác	19/06/95	13542	C	2NT	7.00	5.25	4.00	17.50	12790		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
34	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/09/96	5793	D1	2NT	4.75	5.25	6.50	17.50	851		
35	Nguyễn Thị	Liên	19/07/96	63592	C	1	6.50	4.75	4.00	17.00	1165		
36	Nguyễn Văn	Quang	22/04/96	3341	C	1	5.00	5.50	4.75	17.00	11161		
37	Lê Văn	Tú	25/01/96	8568	C	1	5.50	4.75	5.00	17.00	11861		
38	Hồ Thị	Dương	20/02/95	65574	C	1 01	5.00	3.50	5.00	17.00	10035		
39	Lương Thị Phương	Liên	26/09/96	6590	C	1 01	4.50	3.25	5.75	17.00	2846		
40	Đoàn Ngọc	Tuyết	04/05/96	64748	C	1	5.25	4.75	5.50	17.00	2593		
41	Lê Thị Khánh	Linh	20/12/96	20225	C	2NT	5.75	5.00	5.00	17.00	12855		
42	Trần Đình	Văn	26/06/95	64314	C	2	6.75	5.00	4.50	17.00	13424		
43	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	07/11/96	2988	C	2NT	4.00	5.00	6.75	17.00	13459		
44	Lê Tiến	Vinh	31/12/94	2965	C	2NT	6.25	5.25	4.00	16.50	7		
45	Lại Phương	Nhi	15/12/96	77	C	2	4.25	5.50	6.00	16.50	11031		
46	Lê Văn	Tuấn	20/03/96	3798	C	1	6.00	5.50	3.50	16.50	11158		
47	Nguyễn Công Bảo	Chương	02/07/96	64401	C	2NT	6.00	6.50	3.00	16.50	1852		
48	Đỗ Gia	Bảo	06/11/96	63153	C	1	4.25	5.50	5.00	16.50	11626		
49	Thái Đình	Na	20/02/96	63718	C	2NT	6.50	3.00	5.75	16.50	2606		
50	Trần Thị	Thanh	06/07/95	2746	C	1	6.00	4.25	4.75	16.50	12692		
51	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	04/02/96	21306	C	1	6.50	4.00	4.50	16.50	12425		
52	Đỗ Thị	Lệ	20/10/96	65938	C	2NT	6.25	5.50	3.50	16.50	3210		
53	Nguyễn Đình	Nhuận	30/01/96	63817	C	2	5.50	5.00	5.50	16.50	12229		
54	Nguyễn Thị	Hải	17/03/96	1770	C	2NT	5.00	5.00	5.50	16.50	12235		
55	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	31/10/96	63604	C	2NT	4.50	5.75	5.00	16.50	13496		
56	Phạm Thị Thuý	Hàng	17/06/96	69719	D1	2	5.50	4.00	6.50	16.50	1766		
57	Hồ Thị	La	01/01/95	76360	D1	1 01	5.50	2.75	4.50	16.50	10043		
58	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/01/96	9650	D1	1	5.50	3.50	6.00	16.50	12206		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
59	Trương Đình	Thuân	26/01/96	64112	C	2	5.50	5.50	4.50	16.00	179		
60	Trần Thị Thanh	Huyền	27/12/96	63486	C	2	4.75	5.75	5.00	16.00	1180		
61	Nguyễn Hà	Tiên	13/04/95	64167	C	2	7.75	3.25	4.50	16.00	1646		
62	Thái Thị	Anh	06/06/95	2100	C	1	5.00	3.75	5.50	16.00	11285		
63	Hồ Văn	Đề	20/04/95	63280	C	2 01	4.75	5.75	3.00	16.00	2038		
64	Lê Thị Phương	Thảo	20/01/96	23165	C	2	4.75	5.50	5.25	16.00	2068		
65	Trần Mỹ	Vương	17/09/96	5048	C	2NT	5.50	4.50	5.00	16.00	2286		
66	Bùi Thị Bảo	Vi	20/04/95	64324	C	2NT	4.50	5.75	4.50	16.00	2400		
67	Lê Thị Mỹ	Hoài	24/07/96	67040	C	2NT	4.25	6.00	4.50	16.00	2407		
68	Bùi Thị	Phượng	03/05/96	63916	C	1	3.75	6.00	4.75	16.00	2884		
69	Nguyễn Thị Tú	Linh	27/04/96	64564	C	2NT	5.25	4.00	5.75	16.00	12579		
70	Hoàng Phi	Hải	17/07/96	63350	C	2	6.00	4.50	5.00	16.00	3406		
71	Đào Mạnh	Dương	25/08/94	5009	C	1	5.50	3.00	6.00	16.00	13367		
72	Hoàng Thị Hồng	Hà	19/09/96	39862	D1	2	4.75	4.00	6.50	16.00	11248		
73	Nguyễn Thị Hồng	Tĩnh	15/03/96	71245	D1	2	5.25	5.00	5.00	16.00	3076		
74	Trần Thị	Lương	14/10/96	75587	D1	1	4.75	2.50	7.25	16.00	3287		
75	Nguyễn Minh	Đức	05/06/96	75488	D1	2	5.75	5.00	4.75	16.00	3436		
76	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	28/02/96	75127	D1	2	6.50	3.75	5.25	16.00	3722		
77	Nguyễn Thị Như	Thúy	07/02/95	66522	C	2NT	5.75	4.00	4.50	15.50	29		
78	Tống Ngọc Tùng	Vy	06/06/95	1938	C	2	6.50	3.00	5.50	15.50	11147		
79	Nguyễn Thị Phương	Linh	11/07/96	21098	C	2	4.25	5.50	5.41	15.50	2035		
80	Phan Nguyễn Thương	Huyền	14/01/96	64515	C	2	5.75	5.25	3.75	15.50	11695		
81	Võ Thị Kiều	Trình	18/11/96	4758	C	2NT	4.00	4.75	5.50	15.50	12029		
82	Trần Thị	Ngọc	14/05/96	63763	C	2NT	6.50	1.75	6.00	15.50	12864		
83	Ngô Thị	Hiền	14/12/96	20088	C	2	5.50	4.75	4.50	15.50	13088		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
84	Hoàng Thị	Hường	04/10/95	76342	D1	2NT	6.25	3.00	5.00	15.50	414		
85	Lê Thị	Dung	12/07/95	39424	D1	2NT	4.25	4.75	5.50	15.50	11897		
86	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	06/01/96	72542	D1	2	4.25	5.25	5.25	15.50	3304		
87	Đình Như Hồng	Đức	01/01/96	71710	D1	2	6.00	4.00	4.75	15.50	3420		
88	Phạm Văn	Đức	16/01/95	63303	C	2NT	5.75	3.25	5.00	15.00	62		
89	Nguyễn Văn	Thông	20/05/96	68915	C	2	6.00	4.25	4.25	15.00	272		
90	Đặng Thị Dương	Nhi	16/06/96	64632	C	2	6.50	3.50	4.50	15.00	279		
91	Hà Nữ Bội	Ngọc	09/05/96	67203	C	2	6.00	3.75	4.75	15.00	440		
92	Lê Phạm Kim	Chi	25/02/95	64394	C	2	4.75	3.25	6.50	15.00	734		
93	Võ Thị	Phượng	05/07/96	68860	C	1	4.00	5.25	4.25	15.00	1497		
94	Võ Thị Cẩm	Trúc	27/09/95	65076	C	2	6.00	2.25	6.00	15.00	1757		
95	Lê Thị Mỹ	Diên	29/02/96	14501	C	1	5.50	2.00	5.75	15.00	11013		
96	Huỳnh Thị Như	ý	10/10/96	8039	C	2	6.50	2.75	5.00	15.00	11169		
97	Trần Chính Quốc	Thiện	01/02/95	64085	C	2NT	5.50	5.50	3.00	15.00	1864		
98	Nguyễn Ngọc	ánh	27/09/96	63139	C	2 06	5.00	4.25	4.00	15.00	1972		
99	Hoàng Việt	Son	01/06/96	63968	C	2	5.50	5.25	3.50	15.00	2217		
100	Ung Thị Nho	Linh	23/04/96	68766	C	2	7.75	4.00	2.75	15.00	2438		
101	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	06/02/96	23857	C	2	5.50	4.75	4.00	15.00	11984		
102	Lê Thị Thu	Trang	19/07/96	23851	C	2NT	5.75	4.00	4.00	15.00	2791		
103	Trần Quý	Ngọc	15/08/94	21935	C	2	4.50	4.00	6.00	15.00	2802		
104	Phan Thị	Mến	05/04/96	6770	C	1	2.50	4.25	6.50	15.00	12779		
105	Đỗ Văn	Cường	15/01/96	4180	C	1 06	5.25	1.50	5.50	15.00	2904		
106	Trương Tiến	Dụng	28/02/86	63262	C	2NT	5.50	4.25	4.00	15.00	3007		
107	Võ Thị	Lương	14/04/94	21254	C	1	4.50	4.25	4.50	15.00	3140		
108	Lê Văn	Minh	27/04/96	68784	C	2NT	5.00	3.75	5.25	15.00	13119		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
109	Đình Phan Đan	Thanh	10/07/96	66400	C	2	5.50	4.50	4.50	15.00	3261		
110	Trần Thị	Hồng	30/11/96	65799	C	1 01	3.25	4.00	4.00	15.00	3345		
111	Lê Tú	Ni	04/10/95	64640	C	2NT	7.25	3.25	3.50	15.00	3489		
112	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	28/08/95	68878	C	2NT	5.00	5.50	3.50	15.00	12345		
113	Võ Thị Thúy	Hàng	10/01/96	19947	C	1 06	5.25	2.75	4.50	15.00	13331		
114	Trần Thị Thu	Tâm	05/05/96	76688	D1	2NT	4.75	3.50	5.50	15.00	526		
115	Đình Thị Đăng	Hồng	01/02/95	77064	D1	1	3.75	3.50	6.25	15.00	1675		
116	Bùi Thị Thùy	Đông	01/01/95	70786	D1	1	4.00	4.00	5.25	15.00	1938		
117	Nguyễn Thị Thanh	Trà	02/02/95	77145	D1	2	6.25	2.25	6.00	15.00	2302		
118	Phan Thị Thanh	Nhàn	18/08/96	69789	D1	1	4.25	3.00	6.00	15.00	12478		
119	Võ Thị	Hiền	29/03/94	33763	D1	1	3.75	3.75	6.00	15.00	13184		
120	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/02/95	77127	D1	1	4.75	4.75	4.00	15.00	3361		
121	Nguyễn Thị	Hạnh	13/03/95	68687	C	1	6.00	3.25	3.75	14.50	202		
122	Võ Thị Thanh	Trúc	02/01/96	64252	C	1	3.50	5.50	4.00	14.50	1378		
123	Hoàng Thị Thu	Hà	12/11/96	14765	C	1	5.25	3.25	4.50	14.50	11142		
124	Phan Thị Kiều	Linh	04/11/95	65985	C	2	7.25	2.25	4.25	14.50	2112		
125	Phan Thị	Hà	03/10/96	65643	C	1	4.00	4.00	4.75	14.50	2165		
126	Trần Thị Thanh	Tân	24/01/96	68886	C	1	1.75	5.50	5.75	14.50	11872		
127	Trần Thị Thủy	Trinh	12/09/95	24048	C	1	2.50	5.00	5.25	14.50	11948		
128	Nguyễn Đức	Nghĩa	12/01/96	64613	C	2	4.00	5.00	4.75	14.50	10042		
129	Hoàng Kim	Nguyên	11/08/95	64617	C	2NT	3.00	5.25	5.00	14.50	12678		
130	Nguyễn Hoài	Thanh	19/02/96	64017	C	2NT	4.75	4.25	4.50	14.50	12699		
131	Nguyễn Thanh	Tùng	01/08/93	1864	C	2	6.00	2.25	5.50	14.50	12152		
132	Lê Thị	Tý	10/06/96	66674	C	2NT	5.00	3.50	5.00	14.50	12802		
133	Cao Thị Thu	Thảo	26/11/95	15534	C	1	5.00	2.75	5.00	14.50	13009		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
134	Nguyễn Thanh	Hậu	15/02/96	19929	C	2	6.00	3.50	4.50	14.50	3477		
135	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	18/03/96	65480	C	1	5.75	2.75	4.50	14.50	12392		
136	Phan Thị Bội	Ngọc	03/08/95	74741	D1	2NT	5.25	3.00	5.00	14.50	215		
137	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	14/02/95	72372	D1	2NT	3.75	5.00	4.75	14.50	941		
138	Lê Đình Mai	Nhi	07/04/96	77106	D1	2	6.00	3.00	5.00	14.50	1478		
139	Hoàng Thị Huyền	Như	06/02/95	6016	D1	2	5.50	3.00	5.25	14.50	11100		
140	Lê Ngọc Huyền	Oanh	27/12/94	69541	D1	2	6.25	4.00	3.50	14.50	2444		
141	Phạm Thị Kim	Tuyền	10/08/94	69857	D1	2NT	2.25	4.00	7.00	14.50	2750		
142	Trương Công Nhật	Trường	08/11/95	69649	D1	2	6.00	4.50	3.25	14.50	3211		
143	Hồ Thị Thúy	Kiều	25/07/96	76357	D1	2NT	5.50	3.00	5.00	14.50	3377		
144	Châu Thị Cảo	Thơm	06/12/96	77133	D1	1	4.75	3.75	4.50	14.50	12339		
145	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Hân	22/07/96	63394	C	2	6.00	2.00	5.25	14.00	1280		
146	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	10/11/96	67884	C	1	3.00	4.25	5.25	14.00	1409		
147	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	11/01/94	4184	C	2NT	4.75	3.00	5.00	14.00	1519		
148	Mai Văn	Quý	04/06/94	63946	C	1	4.25	4.00	4.00	14.00	2088		
149	Nguyễn Thị	Thương	20/05/96	68935	C	2NT	4.25	3.50	5.00	14.00	11729		
150	Trần Văn	Khuê	04/10/96	1398	C	2NT	3.75	4.75	4.25	14.00	11777		
151	Lê Minh	Hiếu	24/03/96	64482	C	2	6.50	2.25	4.50	14.00	10037		
152	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	02/11/96	63740	C	2	5.00	2.25	6.00	14.00	2684		
153	Hồ Văn	Cuối	10/11/94	5742	C	1 01	5.75	2.75	2.00	14.00	2793		
154	Huỳnh Thị	Thảo	16/10/95	67353	C	1	4.75	3.00	4.50	14.00	2513		
155	Trần Thị Thanh	Thảo	30/06/95	2166	C	1	5.00	1.25	6.00	14.00	12494		
156	Lê Thị	Xoan	02/09/96	2758	C	1	1.25	4.00	7.00	14.00	12730		
157	Hồ Thị	Hậu	25/03/96	63396	C	1 01	4.50	3.25	2.50	14.00	13271		
158	Kaphu Thị	Hàng	08/05/95	3377	C	1 01	4.75	2.00	3.75	14.00	12255		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
159	Phạm Văn	Thành	11/04/96	64029	C	1	5.75	2.25	4.25	14.00	3610		
160	Nguyễn Hữu Hoàng	Minh	13/05/96	74712	D1	2	4.00	4.50	5.00	14.00	74		
161	Võ Đỗ Lan	Hương	03/10/96	40717	D1	3	4.50	5.75	3.50	14.00	11150		03/09/14
162	Hồ Trương Hạ	Nhi	04/05/96	42068	D1	3	6.00	3.50	4.50	14.00	1993		
163	Nguyễn Thị Thanh	Vân	02/06/96	73878	D1	2NT	4.25	5.00	3.50	14.00	2279		
164	Võ Phương	Vi	06/02/95	35738	D1	2NT	5.75	3.50	3.50	14.00	11854		
165	Vũ Văn	Châu	09/05/95	70730	D1	2NT	5.00	4.00	4.00	14.00	2645		
166	Trần Thị Hải	Lý	28/02/96	72232	D1	1	3.75	4.00	4.50	14.00	2696		
167	Đỗ Thị	Hà	08/12/96	65154	C	1	2.75	4.00	5.00	13.50	1316		
168	Đỗ Thị	Thuyền	01/03/96	1879	C	1	3.75	2.75	5.50	13.50	11072		
169	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/02/96	68842	C	2	4.50	3.50	5.00	13.50	11398		
170	Võ Quang	Huy	25/01/96	63473	C	2	5.75	3.25	4.00	13.50	11561		
171	Hoàng Thị Diệu	Huyền	23/12/95	263	C	3	4.25	4.00	5.25	13.50	2416		
172	Nguyễn Thị	Ty	06/06/93	68339	C	2NT	5.00	4.25	3.00	13.50	12589		
173	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	23/06/95	32140	C	1	5.75	1.25	5.00	13.50	12196		
174	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	11/01/95	65320	C	1	5.00	4.00	3.00	13.50	12471		
175	Phạm Xuân	Hoàng	21/11/94	64494	C	2NT 06	4.75	3.25	3.25	13.50	3187		
176	Nguyễn Thị	Hiếu	10/04/96	31577	C	2NT	4.50	1.50	6.50	13.50	12357		
177	Nguyễn Thị	Ngân	12/09/94	22871	C	2NT	3.50	6.00	3.00	13.50	13399		
178	Ngô Kiều	Loan	11/09/95	74693	D1	2	4.00	3.50	5.25	13.50	256		
179	Lê Thị Kiều	Oanh	16/11/96	73295	D1	2	6.00	2.50	4.50	13.50	1649		
180	Ngô Thanh	Thảo	08/08/94	74838	D1	2	4.50	3.50	5.00	13.50	2386		
181	Nguyễn Phi	Tây	01/10/96	77124	D1	1	4.50	3.25	4.00	13.50	11981		
182	Hoàng Thị Ngọc	ánh	28/08/96	74393	D1	2	5.00	3.00	5.00	13.50	11989		
183	Huỳnh Thị Lê	Trang	01/04/95	35436	D1	1	2.75	4.75	4.50	13.50	12881		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
184	Bùi Thị	Ngát	19/05/95	69782	D1	2 06	2.50	3.50	6.00	13.50	2982		
185	Châu Thị	Bình	02/07/96	74534	D1	1	4.50	3.00	4.50	13.50	12298		
186	Huỳnh Thị	Vân	18/03/95	65364	C	2	5.00	2.75	4.75	13.00	214		
187	Trần Thị	Tình	04/10/96	66572	C	2NT	4.25	3.75	3.75	13.00	299		
188	Trần Võ Đình	Văn	24/08/96	65361	C	1	5.00	3.25	3.25	13.00	399		
189	Trần Tuấn	Cảnh	05/08/96	65120	C	2NT	4.50	3.75	3.50	13.00	11520		
190	Lê Thị	Vy	28/12/96	68364	C	1	3.50	3.75	4.00	13.00	11917		
191	Trần Thị	Von	16/05/95	67510	C	1 01	2.75	3.00	3.50	13.00	2795		
192	Nguyễn Thị	Thương	12/08/96	23607	C	2NT	4.75	2.75	4.50	13.00	12973		
193	Trần Thị Bích	Thảo	12/04/95	64058	C	1	6.50	2.50	2.50	13.00	13425		
194	Nguyễn Thị	Huệ	05/03/96	75537	D1	1	3.25	3.00	5.00	13.00	755		
195	Trương Thị Thanh	Lan	05/04/96	76371	D1	1	4.50	2.50	4.50	13.00	1988		
196	Nguyễn Hữu Nhật	Quang	13/08/96	74802	D1	2	5.00	4.25	3.00	13.00	3099		
197	Nguyễn Hoàng	Việt	02/10/96	24090	D1	3	6.50	4.50	2.00	13.00	13033		
198	Nguyễn Thị	Giang	20/08/95	71720	D1	2NT	4.00	3.00	5.00	13.00	13205		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phan Quang	Phúc	09/10/95	25770	A	2	7.00	6.50	8.50	22.50	13422		
2	Nguyễn Thanh	Tâm	04/11/96	835	A	2	8.00	6.25	6.75	21.50	11825		
3	Ngô Viết Gia	Hòa	20/02/96	673	A	2	7.25	6.50	6.50	21.00	114		
4	Lê Thị Hồng	Nguyên	20/05/96	25670	A	2NT	6.25	7.00	6.75	21.00	12752		
5	Phạm Thị Thanh	Hiền	09/08/96	1496	A	2NT	7.00	6.50	5.50	20.00	13150		
6	Lê Thị	Thủy	03/09/96	26028	A	1	7.00	5.75	5.25	19.50	13036		
7	Trần Văn	Cường	07/02/96	21738	A	2NT	6.00	6.50	5.75	19.50	13206		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
8	Nguyễn Sơn	14/07/96	5864	A	2NT	6.50 5.75 6.25	19.50	3566		
9	Nguyễn Thành Lộc	18/10/96	2092	A	2	5.50 6.25 6.75	19.00	13		
10	Nguyễn Đăng Khoa	23/01/96	20475	A	2	7.00 4.75 6.75	19.00	1926		
11	Võ Thị Ngọc Huyền	02/10/96	2511	A	2	6.75 5.00 6.50	19.00	12634		
12	Lê Thị Trinh	09/06/96	22101	A	2NT	6.00 6.50 5.50	19.00	12415		
13	Nguyễn Phước Bảo Định	27/12/95	307	A	2	7.00 6.00 5.50	19.00	3212		
14	Huỳnh Nguyễn Khánh Quỳnh	17/04/96	20686	A	2	6.75 5.50 5.75	18.50	446		
15	Phù Mỹ Ngọc ánh	16/04/96	21055	A	2	6.00 6.00 6.00	18.50	855		
16	Nguyễn Trí Cương	28/05/95	4718	A	2	6.50 6.00 5.50	18.50	1620		
17	Trần Văn Quyến	14/02/96	21462	A	2	5.50 6.00 6.25	18.50	1828		
18	Trần Quang Hiếu	12/03/96	25310	A	2	6.25 5.25 6.50	18.50	2155		
19	Dương Quốc Hưng	19/06/96	2102	A	2NT	6.00 5.50 6.00	18.50	11676		
20	Ngô Văn Phú	14/12/96	2238	A	1	6.50 5.75 4.50	18.50	12581		
21	Đình Hà	24/11/96	21138	A	3	6.25 6.50 5.75	18.50	12914		
22	Lê Thị Minh Thư	28/04/96	21568	A	2	6.00 5.00 6.75	18.50	3455		
23	Trần Thị My Nu	21/07/96	21403	A	1	6.75 5.50 4.25	18.00	285		
24	Phạm Đức Thành Nhân	14/02/96	6299	A	2	6.75 5.50 5.25	18.00	1278		
25	Dương Thị Hoài Trang	28/05/96	21586	A	2	6.00 5.50 5.75	18.00	1510		
26	Trần Thị Thủy Tiên	22/10/96	1830	A	1	6.00 6.00 4.50	18.00	11283		
27	Nguyễn Đức Dương	23/11/95	20327	A	2	6.25 5.00 6.25	18.00	1807		
28	Lê Thị Thu Hằng	20/11/96	21149	A	2NT	6.75 5.75 4.50	18.00	2003		
29	Hoàng Thị Yên	09/01/96	4109	A	1	6.00 5.25 5.00	18.00	3463		
30	Đặng Thị Cẩm Như	11/02/95	21399	A	2	5.00 5.25 6.50	17.50	391		
31	Hoàng Thị Hiệp	08/04/96	15105	A	2	5.75 5.75 5.50	17.50	1142		
32	Nguyễn Khánh Hiền	04/05/96	25758	A	2	5.50 6.25 5.25	17.50	1598		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
33	Nguyễn Thanh	Huy	22/10/95	3769	A	2	6.25	5.50	5.25	17.50	1782		
34	Trần Văn Nhật	Thanh	05/05/96	8420	A	2	5.50	5.50	5.75	17.50	1906		
35	Phạm Thị Ngọc	ánh	02/11/96	25065	A	3	6.50	5.50	5.50	17.50	1994		
36	Trần Châu	Sa	18/11/96	32661	A	2 06	5.75	5.75	4.25	17.50	11597		
37	Nguyễn Tuấn	Bính	06/03/96	244	A	1 04	4.75	4.50	4.75	17.50	2383		
38	Nguyễn Văn	Thuận	20/02/95	21541	A	2	7.50	5.50	3.75	17.50	11815		
39	Nguyễn Tấn	Pháp	25/01/96	6685	A	1	6.50	6.00	3.50	17.50	11969		
40	Bùi Duy	Phương	20/11/95	7081	A	2	6.50	4.75	5.50	17.50	10012		
41	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	01/11/95	26737	A	2NT	5.50	5.50	5.50	17.50	12991		
42	Nguyễn Thị	Xuân	17/08/95	21688	A	1	5.00	6.25	4.75	17.50	12865		
43	Nguyễn Việt Thành	Lưu	25/03/95	5375	A	1	5.75	5.50	4.75	17.50	13051		
44	Phan Trần	Thành	05/03/96	1537	A	2	6.25	5.75	5.00	17.50	3483		
45	Tăng Ngọc Tiến	Đạt	03/10/96	25423	A	2	6.75	4.75	5.25	17.50	12335		
46	Mai Thị Ngọc	Huyền	14/01/96	21214	A	2	7.00	4.75	5.25	17.50	3659		
47	Hoàng Đình	Tài	24/04/95	2447	A	2NT	5.50	5.50	5.50	17.50	13353		
48	Hồ Ngọc	Ba	14/06/96	2051	A	2NT	6.00	5.75	4.25	17.00	20		
49	Trần Phước	Hóa	20/06/96	21195	A	2	5.50	6.25	4.75	17.00	151		
50	Phan Thị ý	Nhi	18/02/95	21387	A	2	5.75	5.50	5.25	17.00	433		
51	Đoàn	Chinh	02/04/95	25178	A	2NT	3.75	5.75	6.25	17.00	645		
52	Hoàng Thị Dạ	Yến	16/12/96	22149	A	2	6.00	4.75	5.75	17.00	1268		
53	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	29/11/96	21386	A	2	5.75	6.00	4.75	17.00	1505		
54	Đặng Thị Thu	Hà	15/06/96	21774	A	2	4.00	6.50	6.00	17.00	1557		
55	Mai Thị Mỹ	Lệ	01/01/95	14180	A	1	5.00	5.75	4.50	17.00	1570		
56	Nguyễn Thị Nhật	Thùy	25/03/96	21553	A	1	4.75	6.00	4.50	17.00	1664		
57	Huỳnh Thị	Thuận	06/05/95	27452	A	3	5.00	6.00	6.00	17.00	11264		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
58	Nguyễn Thị Chung	03/09/95	21730	A	2NT	4.25 5.50 6.25	17.00	11333		
59	Trương Đình Bồn	12/04/96	10055	A	1	5.00 6.00 4.50	17.00	2482		
60	Nguyễn Thị Thảo	30/10/95	26223	A	2NT	6.50 5.00 4.50	17.00	12070		
61	Hồ Thị Kim Ngân	14/02/95	14284	A	2	6.00 5.50 4.75	17.00	3044		
62	Lê Đức Thúy Vy	25/08/95	28231	A	3	5.25 5.75 6.00	17.00	3266		
63	Phạm Thị ánh	26/04/95	21322	A	3	7.00 6.00 4.00	17.00	13435		
64	Trần Phúc Huy	10/12/96	20433	A	2	6.25 6.00 3.50	16.50	559		
65	Nguyễn Thị Thu Hà	15/09/96	16204	A	2	5.25 4.25 6.50	16.50	700		
66	Hồ Đắc Phong	01/12/96	16519	A	2NT	4.25 5.50 5.50	16.50	1738		
67	Hà Thị Kiều Oanh	20/03/96	5229	A	1	5.50 4.50 4.75	16.50	11037		
68	Nguyễn Thị Kim Thoa	30/06/96	1689	A	2NT	6.00 5.25 4.00	16.50	11172		
69	Huỳnh Thị Bích Ngọc	20/12/96	26557	A	3	5.25 5.50 5.50	16.50	11263		
70	Trần Thị Ngọc ánh	05/11/96	87	A	2NT	3.50 5.50 6.50	16.50	11440		
71	Trịnh Thị Kiều Trinh	06/01/96	22537	A	2	5.00 5.50 5.25	16.50	11609		
72	Trần Đình Đạo	03/12/96	1767	A	2NT	3.75 6.25 5.25	16.50	11720		
73	Nguyễn Thùy Trinh	11/01/96	26133	A	2	5.50 6.00 4.50	16.50	12079		
74	Nguyễn Thị Thanh Thương	31/03/96	10690	A	1	5.00 5.75 4.00	16.50	12930		
75	Vương Đình Hiếu	13/12/96	10913	A	1	2.75 5.50 6.50	16.50	12894		
76	Trương Thị Diễm Sang	20/11/96	2638	A	2	7.00 4.50 4.50	16.50	13092		
77	Nguyễn Ngọc Hải	20/01/87	21777	A	2NT	5.75 5.00 4.50	16.50	13361		
78	Lê Đức Anh	22/07/95	303	A	1	3.50 6.75 4.00	16.00	33		
79	Trần Thị Phượng	23/10/95	14478	A	2	5.00 6.25 4.25	16.00	457		
80	Lê Quang Vinh	11/04/94	21675	A	2	6.25 6.00 3.00	16.00	533		
81	Nguyễn Đình Sơn Cát	27/10/96	10057	A	1	6.00 5.00 3.50	16.00	1587		
82	Nguyễn Thị Kiều Oanh	24/10/95	21408	A	2	5.00 4.75 5.50	16.00	1629		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
83	Nguyễn Thị Lệ	Phương	29/03/96	21432	A	2NT	5.25	5.25	4.50	16.00	11707		
84	Tăng Phước	Mẫn	30/06/96	5496	A	2	4.00	5.75	5.50	16.00	11791		
85	Huỳnh Văn	Đạt	31/01/96	10874	A	2NT	6.00	4.50	4.50	16.00	11843		
86	Võ Thị Huyền	Trang	18/06/96	21599	A	2	4.00	5.00	6.50	16.00	2622		
87	Đặng Cao	Trí	19/05/95	7443	A	1	6.00	5.25	3.00	16.00	2847		
88	Nguyễn Thị	ánh	18/09/96	16078	A	2NT	7.00	4.50	3.50	16.00	12480		
89	Trần Văn	Luyện	22/09/95	12933	A	1	6.00	5.00	3.50	16.00	12716		
90	Trần Kim	Kin	01/12/96	21252	A	2NT	5.25	6.00	3.50	16.00	12765		
91	Dương Quốc	Thịnh	22/05/96	6596	A	2	5.25	5.50	4.50	16.00	3713		
92	Ngô Phan Hải	Đăng	14/12/96	10137	A	2	5.75	5.00	4.75	16.00	3735		
93	Trần Hữu	Hào	04/03/96	23136	A	2	4.50	5.75	4.50	15.50	370		
94	Trương Văn Tiến	Đạt	09/12/96	21114	A	2	6.00	4.50	4.50	15.50	463		
95	Tôn Nữ Đàm	San	14/10/94	25864	A	2	6.75	3.50	4.50	15.50	820		
96	Hồ Thị Cẩm	Hương	01/01/96	14120	A	2NT	5.25	5.25	4.00	15.50	1252		
97	Trần Thanh	Thư	12/10/96	1803	A	2NT	4.00	5.75	4.50	15.50	11098		
98	Nguyễn Phước Huy	Nam	20/09/95	22654	A	2	4.50	4.50	6.00	15.50	1803		
99	Nguyễn Thị	Hân	21/04/96	25643	A	1	6.00	4.00	3.75	15.50	11326		
100	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/11/95	25757	A	1	4.00	4.50	5.50	15.50	11461		
101	Lê Phụ Nguyên	Hoàng	17/11/96	3393	A	1	5.00	4.50	4.25	15.50	2153		
102	Trần Thị	Xuân	05/05/96	10812	A	2NT	5.25	5.75	3.50	15.50	2674		
103	Hồ Công	Hiếu	19/03/96	12724	A	2	5.00	5.50	4.50	15.50	2894		
104	Hồ Thị	Hàng	15/04/96	1783	A	1	4.50	4.50	5.00	15.50	12545		
105	Lê Dương Minh	Lâm	16/11/96	26128	A	2NT	5.75	6.00	2.50	15.50	12169		
106	Nguyễn	Lam	14/01/92	26091	A	1	4.00	7.00	2.75	15.50	13131		
107	Nguyễn	Quang	01/03/96	17045	A	2	2.50	6.75	5.50	15.50	13059		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
108	Nguyễn Tấn Hoàng	Vũ	20/01/96	22920	A	2	5.75	5.00	3.75	15.00	338		
109	Trần Kiên	Triển	24/11/96	23777	A	2	5.50	4.50	4.25	15.00	562		
110	Trần Văn	Hải	23/05/96	12687	A	2	5.50	5.00	3.75	15.00	763		
111	Trịnh Ngọc	Phước	02/12/95	13122	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	917		
112	Trương Quân	Bảo	05/07/95	12543	A	2	4.25	5.75	4.50	15.00	931		
113	Dương Văn	Minh	26/02/96	5588	A	2NT	5.50	4.25	4.25	15.00	1111		
114	Lê Viết Thái	Phong	13/09/96	6802	A	2	5.25	5.50	3.75	15.00	1135		
115	Nguyễn Bá Quang	Sang	28/11/96	19102	A	1	3.50	5.50	4.50	15.00	1247		
116	Trần Gia	Sang	25/03/95	10578	A	2NT	4.75	5.00	4.00	15.00	1482		
117	Nguyễn Quốc	Huy	19/07/96	23976	A	2	3.00	5.75	5.50	15.00	1496		
118	Nguyễn Thị	Lan	14/01/95	778	A	2	5.50	4.75	4.25	15.00	11144		
119	Nguyễn Đức	Phong	18/04/96	6808	A	2	5.50	4.00	5.00	15.00	2007		
120	Nguyễn Ngọc Nhật	Tân	17/11/95	8311	A	2	5.50	5.75	3.00	15.00	2198		
121	Lê Tiến	Hùng	25/08/96	23276	A	2	5.50	3.75	5.25	15.00	11664		
122	Trần Thị Mỹ	Duyên	21/08/95	740	A	2NT	5.50	4.50	4.00	15.00	12095		
123	Lương Thị Phương	Liêm	26/09/96	15808	A	1 01	4.50	3.50	3.25	15.00	2844		
124	Trần Thị Bích	Ngọc	04/02/95	22661	A	1	4.50	3.50	5.25	15.00	12641		
125	Nguyễn Quang	Thuận	17/04/95	11146	A	1	5.25	5.50	2.75	15.00	12112		
126	Hà Nguyễn Điền	Toàn	04/05/96	27694	A	2NT	5.25	4.00	4.50	15.00	12159		
127	Trần Thị	Huệ	24/12/96	16313	A	2NT	5.25	5.25	3.50	15.00	12932		
128	Lê Quang Quốc	Hưng	19/12/96	23285	A	2	4.75	5.50	3.50	14.50	610		
129	Võ Thị Thanh	Nhàn	07/11/94	12177	A	2	5.25	6.00	2.75	14.50	1046		
130	Lê Thị Bảo	Anh	01/05/96	12514	A	2	4.00	5.25	4.50	14.50	1060		
131	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	04/09/96	4542	A	1	4.00	5.50	3.50	14.50	1385		
132	Võ Tiến	Trung	11/01/93	24105	A	1	4.25	4.50	4.00	14.50	1578		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
133	Trần Nhật	Quý	18/12/95	21471	A	2	3.75	5.50	4.75	14.50	1706		
134	Huỳnh Thị	Thiện	21/04/96	27366	A	2	5.25	5.00	3.75	14.50	11182		
135	Lê Phú	Hương	25/09/96	16344	A	1	5.50	4.00	3.50	14.50	11209		
136	Đặng Thị Phương	Trâm	21/03/96	18214	A	2	4.25	4.75	4.75	14.50	11229		
137	Hồ Ngọc	Diễn	18/05/96	22756	A	2	4.50	6.25	3.25	14.50	1897		
138	Nguyễn Thị Lệ	Phượng	29/03/96	21446	A	2NT	3.75	5.50	4.00	14.50	11708		
139	Ngô Phi	An	06/12/96	13778	A	2	3.50	6.00	4.25	14.50	2378		
140	Trần Minh	Hùng	04/10/96	23282	A	2	4.75	6.00	3.00	14.50	11830		
141	Mai Phan Anh	Tú	13/08/96	8502	A	2	4.50	5.00	4.25	14.50	10000		11/09/14
142	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/03/96	20359	A	2	4.50	5.50	4.00	14.50	2522		
143	Hoàng Quốc	Huy	24/01/96	21206	A	2	5.75	4.50	3.50	14.50	3414		
144	Hoàng Ngọc	Huy	02/04/96	23239	A	2	4.00	4.50	5.00	14.00	234		
145	Trần Quốc	Nguyên	10/07/96	23449	A	2	4.25	4.75	4.50	14.00	345		
146	Hoàng Đình	Luân	30/12/96	22645	A	2	3.50	3.50	6.50	14.00	746		
147	Huỳnh Trung	Hòa	18/06/96	3525	A	2NT	4.25	5.50	3.25	14.00	1973		
148	Phạm Quang	Bảy	18/03/96	10046	A	1 06	3.75	5.00	2.75	14.00	11480		
149	Trương Thị ái	Nhi	02/03/96	12200	A	2	4.25	5.50	3.50	14.00	2218		
150	Nguyễn Thị Vân	Trang	11/03/96	13326	A	2NT	4.00	4.75	4.00	14.00	2747		
151	Phan Văn	Mẫn	02/04/96	23389	A	1	2.00	5.50	4.75	14.00	2962		
152	Phan Hiếu	Thảo	28/11/95	21516	A	3	4.50	5.75	3.50	14.00	3630		
153	Lê Châu Tất	Thắng	16/11/96	24079	A	2	4.25	4.50	4.00	13.50	155		
154	Trần Đình	Hiếu	20/08/95	25312	A	2	1.75	5.25	6.00	13.50	568		
155	Nguyễn Phúc Phước	Thành	30/04/96	12330	A	2	4.50	5.25	3.00	13.50	706		
156	Võ Văn	Linh	17/01/96	18344	A	1	3.75	5.50	2.75	13.50	1156		
157	Trần Thị	Nhung	13/12/96	6533	A	2	4.75	3.75	4.25	13.50	1441		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
158	Phan Nhật	Huy	23/02/96	3771	A	2NT	3.50	5.50	3.50	13.50	2263		
159	Trần Văn	Thịnh	10/12/96	27382	A	3	4.50	5.25	3.75	13.50	12666		
160	Nguyễn Đức	Hải	30/06/95	23147	A	2NT	4.50	4.25	3.50	13.50	13159		
161	Đậu Thị	Hương	20/07/96	18302	A	1	4.00	5.00	2.75	13.50	13094		
162	Nguyễn Thị	Diệu	25/03/95	816	A	1	4.00	4.50	3.50	13.50	13416		
163	Cao Minh	Khoa	31/08/96	22416	A	2	5.00	3.00	4.50	13.00	1028		
164	Nguyễn Thị	Duyên	08/10/95	16156	A	2NT	4.50	4.00	3.50	13.00	1865		
165	Trần Văn	Hải	20/06/96	2594	A	1	2.75	4.75	4.00	13.00	11455		
166	Đặng Hồng	Phong	16/09/94	18434	A	2	3.50	5.25	3.50	13.00	2578		
167	Đỗ Thị Ngọc	Hiển	18/10/96	21171	A	2NT	1.75	5.50	4.50	13.00	12446		
168	Phan Văn	Điệt	12/09/95	23097	A	1 06	4.50	4.50	1.50	13.00	12792		
169	Đình Thị	Hòa	15/10/96	11319	A	2	4.00	4.50	3.75	13.00	2981		
170	Lê Văn	Thắm	18/11/95	25948	A	1 01	1.25	3.50	4.50	13.00	3037		

Nhóm ngành: Kỹ thuật. Chỉ tiêu: 177

(DHT.D440201) - Ngành: Địa chất học. Điểm sàn nộp hồ sơ A: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Xuân	Hy	01/04/96	26006	A	2NT	5.75	6.50	4.50	18.00	1050		
2	Nguyễn Văn	Khoa	01/02/95	4455	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	3631		
3	Nguyễn Tất	Phong	17/08/95	21412	A	2	4.75	5.50	5.50	16.50	2063		
4	Vương Đình	Hiếu	13/12/96	10913	A	1	2.75	5.50	6.50	16.50	12915		
5	Lê Đức	Anh	22/07/95	303	A	1	3.50	6.75	4.00	16.00	127		
6	Trần Quốc Khánh	Huy	30/09/96	12790	A	2	5.50	5.50	4.50	16.00	776		
7	Lê Quang	Vinh	11/04/94	21675	A	2	6.25	6.00	3.00	16.00	1183		
8	Lê Phương	Thục	21/03/96	14652	A	2 06	5.50	4.25	4.50	16.00	3449		
9	Trương Bá	Thiện	03/11/96	13246	A	1	4.00	5.75	4.50	16.00	3457		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
10	Trương Đại Đông	30/08/96	12637	A	2	6.00 4.50 5.00	16.00	3588		
11	Nguyễn Văn Đạt	28/12/96	23085	A	2	4.00 5.50 5.50	15.50	867		
12	Cao Thị Sang	24/01/96	14510	A	2NT	5.00 4.50 4.75	15.50	878		
13	Nguyễn Thị Hồng Huệ	14/03/96	14884	A	1	4.25 5.00 4.50	15.50	1205		
14	Nguyễn Lam	14/01/92	26091	A	1	4.00 7.00 2.75	15.50	13162		
15	Đoàn Công Tuấn Vũ	04/06/96	1446	A	2	6.50 4.00 4.50	15.50	3685		
16	Lê Quốc Thọ	20/08/96	19172	A	1	2.50 5.25 5.50	15.00	1577		
17	Nguyễn Đức Phong	18/04/96	6808	A	2	5.50 4.00 5.00	15.00	2008		
18	Hồ Thị Thành Tú	02/09/96	21646	A	2	5.75 4.75 3.75	15.00	2058		
19	Trần Văn Hải	23/05/96	12687	A	2	5.50 5.00 3.75	15.00	3171		
20	Phan Thị Mỹ Thuận	15/07/96	13268	A	2	4.50 4.75 5.25	15.00	3665		
21	Trần Nhân Tâm Bình	10/10/96	23011	A	2NT	3.50 5.00 4.75	14.50	597		
22	Nguyễn Thị Thanh Hằng	26/02/96	11932	A	1	4.25 6.25 2.50	14.50	969		
23	Trần Ngọc Tuấn	31/08/96	23835	A	2NT	2.00 6.25 5.25	14.50	1144		
24	Nguyễn Lê Mạnh Cường	16/02/96	12579	A	2	3.00 5.50 5.25	14.50	1836		
25	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/12/95	14416	A	2	3.00 6.25 4.50	14.50	2745		
26	Trịnh Hồng Ân	08/01/96	312	A	2	4.25 5.00 4.50	14.50	2533		
27	Nguyễn Công Tuấn	01/01/95	10775	A	2	4.75 3.50 5.75	14.50	3330		
28	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/10/96	1001	A	2	6.00 3.50 4.50	14.50	3677		
29	Ngô Thị Bích Vân	07/10/96	13417	A	2	5.75 3.50 4.75	14.50	3693		
30	Nguyễn Lê Mạnh Cường	16/02/96	12579	A	2	3.00 5.50 5.25	14.50	3709		
31	Bạch Bảo Anh	19/04/96	11791	A	2	5.25 5.00 3.50	14.50	3594		
32	Ngô Đức Anh	25/09/96	20270	A	2	4.75 3.50 5.75	14.50	3597		
33	Lê Văn Sôi	18/07/96	16573	A	2	5.25 4.50 3.50	14.00	177		
34	Lê Văn Võ	30/07/94	13427	A	2	5.25 4.25 3.75	14.00	582		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
35	Nguyễn Tấn	Hải	10/07/95	22605	A	2	6.00	3.25	4.25	14.00	663		
36	Võ Văn	Thanh	02/02/90	19880	A	2	5.25	5.75	2.50	14.00	1122		
37	Võ Tiến	Long	12/04/96	14224	A	1	3.75	5.25	3.25	14.00	1567		
38	Đoàn Thị Như	ý	11/02/96	18628	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	2327		
39	Trương Công Hồng	Hải	08/08/96	10185	A	2	4.75	4.75	4.00	14.00	2670		
40	Đoàn	Long	10/11/96	23360	A	1	4.00	5.50	3.00	14.00	3184		
41	Nguyễn Văn	An	01/03/94	20	A	1 03	2.00	4.00	4.25	14.00	3358		
42	Nguyễn Nhật	Nam	18/11/95	23422	A	2	6.00	2.50	4.50	13.50	102		
43	Nguyễn Trọng	Hiếu	29/06/95	23962	A	1	3.00	5.50	3.50	13.50	183		
44	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	04/11/95	15005	A	2	3.75	3.25	6.00	13.50	1226		
45	Ngô Viết Khải	Văn	20/11/96	13413	A	2	4.50	5.00	3.50	13.50	2176		
46	Trần Thanh	Nhân	18/08/96	13035	A	2	2.75	4.75	5.25	13.50	3453		
47	Mai Thị	Lành	18/08/94	10327	A	1	3.50	4.75	3.75	13.50	3517		
48	Nguyễn Văn	Thông	14/07/96	23724	A	2	5.75	3.25	3.50	13.00	351		
49	Lê Văn	Công	15/10/96	18172	A	2NT	5.25	3.75	2.75	13.00	459		
50	Hồ Văn	Thống	11/09/94	19900	A	2	5.00	3.50	3.75	13.00	617		
51	Mai Tấn	Lưu	25/07/95	24005	A	2NT	2.75	4.25	4.75	13.00	3368		
52	Ngô Quang	Thắng	31/08/95	8904	A	2	3.50	5.25	3.75	13.00	3620		
53	Trương Công	Tín	21/10/95	17188	A	1	4.00	5.00	2.50	13.00	3656		
54	Nguyễn Lê Trường	Khánh	06/04/95	12845	A	2NT	3.00	6.50	2.50	13.00	13352		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn	Nhật	04/07/95	55377	B	1	7.00	8.00	7.50	24.00	12107		
2	Huỳnh Nhật	Hoàng	17/02/96	54146	B	2	7.00	9.00	6.75	23.50	1856		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng		Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
3	Ngô Thị Mỹ		10/02/96	55081	B	2	06	7.00	8.50	5.75	23.00	491		
4	Trần Văn Quốc		09/10/95	53300	B	2		5.50	8.25	7.50	22.00	2946		
5	Lê Thị Trà		05/10/96	55054	B	2		6.75	6.50	7.00	21.00	12000		
6	Nguyễn Trần Minh		20/04/96	55354	B	2		5.75	7.75	6.25	20.50	1010		
7	Nguyễn Thị Như ý		20/02/95	57522	B	2		6.50	7.25	6.25	20.50	3565		
8	Nguyễn Thị Thanh		01/07/95	48893	B	2NT		7.50	4.75	6.50	20.00	13370		
9	Lê Thị Thanh		06/03/96	56548	B	2		7.00	7.25	4.75	19.50	12555		
10	Vũ Thị Tú		07/09/95	2969	B	2NT		5.00	6.50	7.00	19.50	13006		
11	Hồ Thị Bích		25/09/96	62324	B	2		6.00	6.50	5.75	19.00	643		
12	Phạm Thị Bích		26/01/95	57663	B	3		6.25	7.25	5.50	19.00	12749		
13	Hoàng Đỗ		10/09/95	58765	B	1		6.50	4.25	6.75	19.00	3065		
14	Lê Thị Xuân		13/01/96	21151	A	2		6.00	6.50	5.25	18.50	2559		
15	Đỗ Minh		16/09/96	54059	B	2		5.75	4.50	7.50	18.50	1982		
16	Vũ Thị Thanh		06/02/95	61822	B	1		6.25	5.50	4.50	18.00	489		
17	Nguyễn Hoàng Anh		19/05/96	60726	B	2		7.00	6.50	3.75	18.00	518		
18	Nguyễn Xuân Thu		25/03/95	50288	B	2		6.25	5.75	5.50	18.00	2737		
19	Nguyễn Thị Phương		13/10/96	57543	B	2NT		5.75	5.50	5.75	18.00	2941		
20	Võ Thị Phương		04/07/96	56254	B	2NT		6.50	7.00	3.50	18.00	12352		
21	Nguyễn Ngọc Sơn		23/04/96	58414	B	2		5.50	6.25	5.50	18.00	13493		
22	Nguyễn Định		22/12/96	4433	A	2NT		6.75	5.25	4.25	17.50	12908		
23	Đoàn Thị Thu		30/10/96	31848	A	2NT		4.75	6.75	5.00	17.50	3570		
24	Nguyễn Ngọc Nhật		25/01/96	58447	B	2		6.50	6.50	4.00	17.50	567		
25	Lê Văn Việt		23/04/96	5866	B	2		6.50	4.50	5.75	17.50	1154		
26	Lê Thị Nam		07/04/95	5304	B	3		6.00	6.75	4.75	17.50	1718		
27	Lê Nam Vũ		25/09/95	40866	B	2NT		6.00	5.50	4.75	17.50	2254		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
28	Nguyễn Khánh	Linh	31/08/96	61620	B	2	5.50	5.00	6.50	17.50	2952		
29	Mai Thị Bảo	Tâm	02/09/96	6656	B	2	4.75	7.00	5.25	17.50	2995		
30	Hồ Thị	Mơ	03/02/96	14258	A	2	5.75	5.50	5.25	17.00	1501		
31	Hồ Quý	Nhân	13/12/96	4789	A	2	6.50	6.00	3.75	17.00	2650		
32	Phan Hữu	Hinh	09/02/96	60392	B	2	6.25	5.50	4.75	17.00	1349		
33	Phan Việt	Hùng	10/01/94	57934	B	2	5.50	7.50	3.50	17.00	1714		
34	Trần Xuân	Vũ	12/12/96	42102	B	1	3.00	6.50	6.00	17.00	1862		
35	Võ Quang	Hoà	21/06/94	57854	B	1	6.75	3.75	4.75	17.00	1877		
36	Nguyễn Thị Hàng	Mi	10/03/96	4437	B	2NT	5.50	6.00	4.50	17.00	2644		
37	Nguyễn Đình	Đức	28/09/95	53662	B	2	6.25	5.50	4.50	17.00	12504		
38	Hồ Phú	Sĩ	25/09/95	41580	B	3	6.00	6.25	4.50	17.00	3284		
39	Trần Thị Thương	Hoài	10/03/96	54134	B	2NT	6.50	5.50	3.75	17.00	3468		
40	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	01/11/95	5569	B	2NT	6.00	4.75	5.00	17.00	13236		
41	Nguyễn Minh	Hiếu	23/10/96	16272	A	2	4.25	5.50	6.25	16.50	2168		
42	Trần Văn	Đa	20/05/96	1710	A	2	5.00	5.25	5.50	16.50	2312		
43	Hoàng Phi	Hải	17/07/96	2571	A	2	6.00	4.75	5.25	16.50	3405		
44	Lê Thị	Duyên	02/02/96	50251	B	2	5.00	5.25	5.75	16.50	470		
45	Lê Thị Hảo	Ly	18/06/96	41165	B	2	6.50	5.75	3.50	16.50	517		
46	Phan Đình Quyền	Dương	10/03/95	40618	B	1	5.00	5.50	4.50	16.50	529		
47	Tôn Nữ Đàm	San	14/10/94	50713	B	2	6.50	4.75	4.50	16.50	817		
48	Trương Công	Thuấn	20/02/94	41790	B	1	4.50	4.75	5.50	16.50	1003		
49	Huỳnh Thị Kim	Anh	08/03/95	57535	B	2	5.75	5.00	5.25	16.50	1715		
50	Nguyễn Đức	Hòa	25/11/96	399	B	2NT	5.75	5.00	4.50	16.50	11126		
51	Lê Phụ Nguyên	Hoàng	17/11/96	61438	B	1	5.75	5.50	3.50	16.50	2152		
52	Dương Quang	Đức	02/10/96	42365	B	2NT	5.75	5.50	4.25	16.50	2699		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
53	Nguyễn Đình	Đông	04/01/96	40654	B	1	4.75	6.50	3.50	16.50	3090		
54	Trần Thị	Huê	06/11/96	50319	B	2NT	5.25	6.75	3.50	16.50	13025		
55	Nguyễn Thị Anh	My	31/12/95	50369	B	2	6.00	5.00	5.00	16.50	13528		
56	Hồ Văn	Anh	30/07/95	13793	A	2	5.00	5.25	5.00	16.00	3638		
57	Hồ Thị	Ni	17/04/94	61891	B	2	6.25	4.50	4.75	16.00	1148		
58	Hồ Văn	Toàn	01/12/95	42782	B	2	5.50	5.25	4.75	16.00	1401		
59	Hà	Quang	16/08/95	46831	B	2	4.75	5.75	5.00	16.00	1555		
60	Nguyễn Thị	Thuật	10/11/96	10323	B	1	5.25	5.75	3.50	16.00	11019		
61	Nguyễn Thành	Văn	19/02/96	30620	B	2	6.50	5.25	3.50	16.00	11286		
62	Ngô Đức	Tam	17/06/96	50437	B	1	3.50	6.50	4.50	16.00	2029		
63	Trần Văn	Quốc	06/05/96	41531	B	2	6.00	4.75	4.50	16.00	2179		
64	Nguyễn Thân	ái	01/06/96	46193	B	2	6.00	5.50	4.00	16.00	2215		
65	Phan Thị Thiên	Hằng	01/04/96	2183	B	2	6.50	5.50	3.50	16.00	11549		
66	Phan Lê Hoàng	Vy	26/09/96	49848	B	2NT	5.50	4.50	4.75	16.00	12377		
67	Võ Thị	Thủy	20/11/96	41830	B	2NT	5.50	5.00	4.25	16.00	3605		
68	Đoàn Thị Thu	Hằng	30/10/96	34400	B	2NT	6.00	4.25	4.50	16.00	3571		
69	Trần Quang	Lân	21/04/96	1974	A	2NT	4.75	5.75	3.75	15.50	3125		
70	Nguyễn Thị	Thu	12/07/96	7464	B	2	5.75	4.75	4.50	15.50	199		
71	Trần Thị Quỳnh	Trang	03/09/96	58637	B	2	5.25	6.00	3.50	15.50	982		
72	Hoàng Thị Ngọc	ánh	08/08/96	40438	B	2	6.25	4.75	4.00	15.50	1220		
73	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	03/01/96	51112	B	2	5.25	4.50	5.00	15.50	1393		
74	Lư Bá Quốc	Bảo	15/09/96	40454	B	2	5.50	5.00	4.25	15.50	1498		
75	Hoàng Cao	Thạch	10/10/94	50457	B	1 06	4.50	4.25	4.25	15.50	1717		
76	Hồ Ngọc	Thanh	24/06/96	42709	B	1	5.50	3.75	4.75	15.50	11201		
77	Nguyễn Đăng	Tuất	04/09/94	42831	B	1	2.25	6.50	5.00	15.50	11714		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
78	Trần Thị Tơ	24/01/96	41880	B	2NT	5.25 4.50 4.75	15.50	11526		
79	Phan Thị Thanh Lan	12/03/95	41025	B	2	5.50 5.00 4.25	15.50	12941		
80	Trương Tuấn Vũ	09/08/96	42871	B	2NT	4.00 4.75 5.50	15.50	3151		
81	Dương Phương Nam	08/03/96	46691	B	1	5.00 5.25 3.75	15.50	13141		
82	Trần Tiến Đạt	14/02/95	217	B	1	3.75 4.75 5.25	15.50	13062		
83	Nguyễn Sĩ Quý	13/11/96	42666	B	2	4.25 5.50 5.00	15.50	3234		
84	Nguyễn Quang Thuận	17/04/95	11146	A	1	5.25 5.50 2.75	15.00	12108		
85	Hồ Xuân Bảo	08/10/93	406	A	2	5.75 4.00 4.75	15.00	3270		
86	Hoàng Đức Anh	05/05/96	47251	B	2	5.75 5.00 3.75	15.00	91		
87	Trần Đức Pháp	08/01/95	48016	B	2	5.75 4.25 4.50	15.00	553		
88	Trần Phúc Huy	10/12/96	59126	B	2	5.25 4.50 4.50	15.00	560		
89	Dương Đức Nhật Trường	01/07/95	49806	B	2	5.50 5.50 3.25	15.00	752		
90	Tống Văn Hùng	02/10/95	47677	B	2	5.50 5.50 3.50	15.00	832		
91	Đỗ Ngọc Phan Anh	29/10/96	47272	B	2NT	5.25 4.50 4.00	15.00	841		
92	Nguyễn Thị Nhật Thùy	25/03/96	50473	B	1	5.25 4.00 4.00	15.00	1661		
93	Lê Pháp	26/09/95	41436	B	2NT	4.75 4.50 4.50	15.00	1695		
94	Hà Dữ Minh	09/06/95	45399	B	2	4.00 3.50 6.75	15.00	1739		
95	Nguyễn Hà Minh Hoàng	12/02/96	2583	B	2	5.75 4.25 4.50	15.00	11232		
96	Lê Phước Giang	23/09/96	8889	B	2NT	5.75 5.75 2.50	15.00	11582		
97	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	04/11/95	48386	B	2	4.25 5.00 5.00	15.00	2360		
98	Ngô Hoàng Phương	06/06/95	48053	B	2	5.00 4.75 4.75	15.00	2399		
99	Mai Thị Thúy Hồng	15/11/94	49444	B	2	5.00 5.75 3.75	15.00	11831		
100	Hồ Công Hiếu	19/03/96	45142	B	2	5.75 4.50 4.25	15.00	2896		
101	Nguyễn Công Phúc	20/08/96	48043	B	1	5.00 4.50 4.00	15.00	12653		
102	Huỳnh Thị Thu Hương	29/01/96	47692	B	1	5.75 4.50 3.00	15.00	12184		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
103	Nguyễn Trung	Hiếu	23/07/96	50596	B	2NT	6.00	4.00	3.75	15.00	12708		
104	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	28/03/96	59933	B	1	4.75	4.50	4.25	15.00	12745		
105	Hoàng Sỹ	Thái	12/05/94	41673	B	2NT	5.25	5.25	3.25	15.00	2972		
106	Hoàng Trọng	Thanh	20/10/93	50725	B	2	6.00	5.00	3.50	15.00	3002		
107	Thái Hoàn	Vĩ	26/01/95	49838	B	1	4.50	4.25	4.50	15.00	12237		
108	Trần Đại	An	22/01/96	50829	B	1	5.25	4.25	3.75	15.00	12284		
109	Bạch Bảo	Anh	19/04/96	50219	B	2	6.75	4.50	3.25	15.00	3633		
110	Dương Quốc	Thịnh	22/05/96	45739	B	2	6.25	4.50	3.75	15.00	3714		
111	Bùi Thị Hà	Nhị	28/06/95	14371	A	2NT	6.00	3.50	3.75	14.50	12892		
112	Ngô Đức	Anh	25/09/96	20270	A	2	4.75	3.50	5.75	14.50	3595		
113	Nguyễn Văn	Thiên	12/06/96	7283	B	2NT	5.25	5.50	2.75	14.50	535		
114	Cao Minh	Khoa	31/08/96	57971	B	2	5.75	4.50	3.50	14.50	992		
115	Phan Thị Thuỳ	Dung	07/05/95	60252	B	1	3.50	5.50	3.75	14.50	1176		
116	Ngô	Nhân	01/01/95	47959	B	2	5.50	5.50	3.00	14.50	1760		
117	Nguyễn Thị Thanh	Hà	16/06/96	1694	B	2	4.50	5.75	3.75	14.50	11017		
118	Trần Văn	Phước	27/09/96	45568	B	2	4.50	4.75	4.50	14.50	2294		
119	Trần Nguyễn Uyên	Nhi	22/12/96	49592	B	2	4.75	5.25	3.75	14.50	2664		
120	Huyền Trung	Hòa	18/06/96	54201	B	2NT	4.50	5.25	3.75	14.50	2840		
121	Nguyễn Anh	Tú	20/10/96	51395	B	2NT 06	4.50	4.25	3.50	14.50	2565		
122	Hoàng Đức	Việt	13/11/95	48513	B	2	6.00	5.00	2.75	14.50	12429		
123	Lâm Thị Mỹ	Diệu	19/06/96	49337	B	1	3.50	3.75	5.50	14.50	12722		
124	Đoàn Thị Hà	Giang	15/08/96	51220	B	2NT	4.50	4.75	4.25	14.50	12775		
125	Lê Thị	Phượng	07/04/95	55744	B	1	5.00	4.50	3.50	14.50	12833		
126	Phan Thị	Tuyết	15/05/96	42003	B	2NT	5.50	5.25	2.50	14.50	2998		
127	Ngô Phước	Nhân	22/08/94	46752	B	2	4.00	5.25	4.75	14.50	3319		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
128	Nguyễn Minh	Trung	05/10/96	41955	B	2	4.75	4.00	5.25	14.50	3428		
129	Trần Thị Thu	Trinh	20/10/94	17200	A	2	3.50	5.25	4.50	14.00	1708		
130	Huỳnh Tấn	Hiếu	06/02/95	25703	A	3	3.75	6.50	3.75	14.00	11203		
131	Lê Minh	Thông	14/02/94	50465	B	2	5.25	3.75	4.25	14.00	79		
132	Lê Văn	Hoàng	30/03/96	40868	B	2	6.00	4.25	3.25	14.00	119		
133	Nguyễn Tấn Hoàng	Vũ	20/01/96	46157	B	2	4.75	5.00	3.75	14.00	339		
134	Lê Bá	Quốc	24/12/95	45591	B	2	5.50	4.00	4.00	14.00	488		
135	Trần Văn	út	18/02/96	57266	B	2NT	3.75	4.25	5.00	14.00	544		
136	Huỳnh Hữu	Huy	17/01/96	49455	B	2	2.25	6.50	4.75	14.00	577		
137	Trương Văn Đại	Phong	23/12/90	42625	B	2	4.50	5.00	4.00	14.00	1261		
138	Phan Quốc	Huy	09/03/96	45219	B	2	4.25	4.00	5.25	14.00	1769		
139	Đoàn Quang	Dũng	12/02/96	45024	B	1	4.75	3.50	4.25	14.00	2130		
140	Huỳnh Văn	Bảo	12/09/95	47281	B	2NT 06	4.25	4.25	3.50	14.00	2265		
141	Nguyễn Thị	Liễn	18/06/96	46596	B	2NT	3.75	6.00	3.25	14.00	11719		
142	Hồ Thị	Bình	14/06/95	46209	B	2NT	5.25	4.00	3.50	14.00	10041		
143	Mai Thị	Dung	20/03/95	45994	B	1	3.75	4.50	4.00	14.00	3411		
144	Lê Văn	Việt	15/10/94	31038	B	1	4.25	3.75	4.25	14.00	13256		
145	Lê Thị	Na	26/11/96	43200	B	2NT	3.00	5.25	4.50	14.00	13441		
146	Hồ Thị Vân	Anh	20/03/96	51190	B	2	5.00	4.50	4.00	14.00	13319		
147	Nguyễn Thị Phương	Trang	19/09/96	19966	A	1	2.75	5.75	2.75	13.00	2466		
148	Đặng Thị Mai	Oanh	10/01/96	26789	A	2NT	4.25	5.25	2.50	13.00	12167		
149	Lê Dữ	Lạc	10/10/95	21262	A	2	5.00	3.50	4.00	13.00	3119		

Nhóm ngành: Toán và Thống kê. Chỉ tiêu: 103

(DHT.D460101) - Ngành: Toán học. Điểm sàn nộp hồ sơ A: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
-----	--------------------	--	-----------	-------------	------	---------------	----------	--	--	-------------------	-----------	-----------------	----------------

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Văn Thị Cẩm	Tú	01/05/96	26188	A	2	7.25	7.25	8.50	23.50	1617		
2	Trần Nguyễn Quỳnh	Trâm	06/02/96	26121	A	2	6.50	6.75	7.50	21.50	452		
3	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	08/04/96	25848	A	2NT	6.25	7.00	6.00	20.50	12565		
4	Nguyễn Thị Trang	Nhung	06/10/96	1672	A	1	6.75	6.25	6.00	20.50	12569		
5	Võ Quang	Hòa	21/06/94	2815	A	1	6.25	6.25	6.25	20.50	12386		
6	Lê Thị Quỳnh	Trang	20/11/96	20816	A	2	7.00	6.25	6.50	20.50	3636		
7	Trương Thị Thùy	Nhiên	21/04/96	20607	A	2	7.25	5.50	6.50	20.00	12175		
8	Trần Xuân	Tĩnh	22/02/96	1597	A	1 06	5.50	5.50	6.50	20.00	12474		
9	Trương Thùy	Dung	15/05/95	292	A	2NT	6.75	5.50	6.75	20.00	13017		
10	Lê Đình Quý	Thuấn	29/03/93	20763	A	2	6.75	6.75	5.75	20.00	3652		
11	Trần Phương	Thảo	22/01/96	20742	A	2	6.50	6.50	5.75	19.50	1651		
12	Vy Thị	ý	05/06/95	9215	A	2NT	6.50	5.25	6.50	19.50	11422		
13	Lê Thị Ngọc	ánh	09/12/96	306	A	1	6.50	6.00	5.25	19.50	11654		
14	Đặng Thị Mỹ	Phương	10/12/96	20663	A	2NT	6.50	5.50	6.50	19.50	12337		
15	Nguyễn Thành	Lộc	18/10/96	2092	A	2	5.50	6.25	6.75	19.00	14		
16	Nguyễn Đăng	Khoa	23/01/96	20475	A	2	7.00	4.75	6.75	19.00	1927		
17	Hoàng Ngọc	Thời	06/07/94	907	A	1	6.50	5.75	5.00	19.00	2682		
18	Phan Thanh	ý	06/07/95	20915	A	1	7.00	4.25	6.25	19.00	13284		
19	Huỳnh Nguyễn Khánh	Quỳnh	17/04/96	20686	A	2	6.75	5.50	5.75	18.50	445		
20	Nguyễn Trí	Cương	28/05/95	4718	A	2	6.50	6.00	5.50	18.50	1619		
21	Trần Quang	Hiếu	12/03/96	25310	A	2	6.25	5.25	6.50	18.50	2156		
22	Lê Thuận	Phong	08/02/95	21411	A	2NT	6.50	5.50	5.50	18.50	12259		
23	Trần Thị My	Nu	21/07/96	21403	A	1	6.75	5.50	4.25	18.00	284		
24	Nguyễn Thị	Nhi	03/01/96	14351	A	1	6.50	5.50	4.50	18.00	837		
25	Trần Hữu	Thành	10/01/95	8625	A	2	5.75	6.50	5.00	18.00	1340		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
26	Cao Phan Thanh	Vỹ	01/11/96	28236	A	2	6.50	5.75	5.00	18.00	11186		
27	Nguyễn Đức	Dương	23/11/95	20327	A	2	6.25	5.00	6.25	18.00	1808		
28	Nguyễn Bá	Cảnh	05/05/96	665	A	2	7.00	3.75	6.75	18.00	1876		
29	Phan Sỹ	Phú	17/05/96	6884	A	2	5.50	6.50	5.50	18.00	2337		
30	Lê Thị Kiều	My	13/12/94	14265	A	2	6.75	5.00	5.50	18.00	2656		
31	Đình Thị Thảo	Trúc	02/01/96	18392	A	3	5.75	5.75	6.50	18.00	12502		
32	Phan Thị Mỹ	Vân	11/03/96	20885	A	2NT	5.75	5.50	5.50	18.00	12853		
33	Lư Bá Quốc	Bảo	15/09/96	131	A	2	6.75	6.00	4.75	18.00	2980		
34	Hồ Thị	Xuyến	17/02/95	22148	A	1	5.25	3.50	7.50	18.00	13391		
35	Nguyễn Thanh	Thiện	23/10/96	9033	A	3	6.25	6.25	5.25	18.00	3542		
36	Đặng Thị Cẩm	Như	11/02/95	21399	A	2	5.00	5.25	6.50	17.50	110		
37	Nguyễn Khánh	Hiền	04/05/96	25758	A	2	5.50	6.25	5.25	17.50	1597		
38	Tăng Hiệp Hoàng Gia	Hân	06/07/96	25648	A	3	5.75	5.50	6.00	17.50	11295		
39	Trần Quang	Thuật	29/03/96	9403	A	2	6.50	6.00	4.50	17.50	1891		
40	Phạm Thị Ngọc	ánh	02/11/96	25065	A	3	6.50	5.50	5.50	17.50	1928		
41	Bùi	Lực	28/10/95	2512	A	1	5.75	4.50	5.50	17.50	1941		
42	Nguyễn Tuấn	Bính	06/03/96	244	A	1 04	4.75	4.50	4.75	17.50	2382		
43	Hoàng Thị	Nga	05/10/96	20560	A	2NT	5.00	5.25	6.00	17.50	2434		
44	Nguyễn Văn	Phương	23/10/95	5445	A	2	6.00	5.75	5.25	17.50	2594		
45	Nguyễn Thị	Thuấn	12/11/95	6740	A	1 06	5.75	5.50	3.75	17.50	12564		
46	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	01/11/95	26737	A	2NT	5.50	5.50	5.50	17.50	12990		
47	Lê Văn Ngọc	Thái	07/03/95	21504	A	2NT	5.75	5.50	5.00	17.50	12738		
48	Nguyễn Việt Thành	Lưu	25/03/95	5375	A	1	5.75	5.50	4.75	17.50	13023		
49	Huỳnh Thị Thu	Sang	02/01/96	14512	A	2	5.50	6.00	5.50	17.50	3408		
50	Trần Văn	Dũng	15/03/95	20325	A	1	1.50	5.75	8.50	17.50	12275		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
51	Nguyễn Văn	Mạnh	10/09/95	1043	A	1	7.00	5.00	3.25	17.00	9		
52	Phan Thị ý	Nhi	18/02/95	21387	A	2	5.75	5.50	5.25	17.00	434		
53	Đặng Thị Thu	Hà	15/06/96	21774	A	2	4.00	6.50	6.00	17.00	1558		
54	Võ Huỳnh Hải	Nghĩa	22/02/96	5905	A	3	6.25	4.50	6.25	17.00	1844		
55	Trần Hoàng	Oanh	01/09/96	14097	A	2NT	4.00	6.25	5.75	17.00	11319		
56	Nguyễn Thụy Thanh	Tâm	12/10/96	17330	A	1	6.00	5.50	4.00	17.00	11344		
57	Trần Thụy Ngọc	Châu	23/11/96	25155	A	3	7.00	3.25	6.50	17.00	11481		
58	Huỳnh Văn	Nguyên	25/12/96	6166	A	2	5.25	5.50	5.50	17.00	11649		
59	Phan Thị Thanh	Nhàn	18/08/95	21371	A	2NT	5.75	5.25	4.75	17.00	11837		
60	Nguyễn Hoàng Băng	Tâm	23/11/96	27107	A	3	6.00	6.00	4.75	17.00	2883		
61	Nguyễn Thị Thanh	Phương	14/01/96	14457	A	2NT	5.25	5.25	5.25	17.00	12428		
62	Nguyễn Ngọc	Thiện	25/09/96	9093	A	2NT	6.50	5.00	4.50	17.00	12813		
63	Hồ Nguyễn Thanh	Thuận	11/08/95	9340	A	3	5.25	6.25	5.50	17.00	3230		
64	Lê Vũ Thị ánh	Tín	13/02/95	9799	A	1	5.50	5.75	4.00	17.00	13230		
65	Nguyễn Thị	Toàn	02/02/96	20810	A	1	6.25	4.50	4.50	17.00	12270		
66	Phạm Thị ánh	Minh	26/04/95	21322	A	3	7.00	6.00	4.00	17.00	13403		
67	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	29/11/96	21386	A	2	5.75	6.00	4.75	17.00	3688		
68	Trương Thị Thanh	Diễm	14/01/96	25244	A	2	6.25	3.75	6.50	17.00	13504		
69	Hoàng Ngọc	Bảo	08/06/96	20281	A	2	5.25	5.00	5.50	16.50	368		
70	Trần Phúc	Huy	10/12/96	20433	A	2	6.25	6.00	3.50	16.50	557		
71	Hà Thị Kiều	Oanh	20/03/96	5229	A	1	5.50	4.50	4.75	16.50	11038		
72	Trần Thị Như	Thảo	22/10/96	10638	A	2	6.00	6.50	3.50	16.50	11485		
73	Nguyễn Thị	Hoài	03/07/96	10228	A	2NT	6.00	5.00	4.50	16.50	2647		
74	Phan Thị Trường	Thành	01/02/96	27199	A	2NT	6.25	4.50	4.50	16.50	12155		
75	Nguyễn Thị Phương	Nhi	29/02/96	21383	A	2	6.25	4.75	5.00	16.50	2922		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
76	Lê Văn	Trí	26/10/96	10233	A	1	5.50	4.50	5.00	16.50	12319		
77	Hồ Thị Hồng	Nga	13/04/96	2546	A	2NT	5.00	6.50	4.00	16.50	13409		
78	Trần Thị Thu	Huyền	28/11/96	21219	A	2NT	5.00	4.75	5.75	16.50	13336		
79	Võ Thị Hoài	Nhơn	08/09/96	5000	A	1	5.50	5.25	3.50	16.00	40		
80	Trần Xuân	Hoàng	16/03/96	12764	A	2	7.00	5.50	2.75	16.00	175		
81	Phạm Thị	Thúy	13/03/95	14641	A	2	5.50	3.50	6.50	16.00	1001		
82	Hồ Văn	Anh	30/07/95	13793	A	2	5.00	5.25	5.00	16.00	1196		
83	Phan Thị Ngọc	Anh	03/11/96	16072	A	2	7.00	4.25	4.00	16.00	1682		
84	Nguyễn Ngọc	Sơn	23/04/96	1407	A	2	5.50	5.50	4.50	16.00	1762		
85	Võ Thị Dung	Tú	25/02/96	2122	A	1	4.75	4.50	5.00	16.00	11152		
86	Nguyễn Thị Phương	Liên	19/05/96	4629	A	2	6.25	4.75	4.50	16.00	11194		
87	Lê Thị Thu	Thảo	12/08/96	13210	A	2	5.75	5.25	4.50	16.00	2116		
88	Nguyễn Thị	Hảo	24/04/96	13971	A	2NT	5.25	5.25	4.25	16.00	2439		
89	Võ Duy	Quang	14/08/95	7326	A	2NT	2.00	6.50	6.50	16.00	11804		
90	Nguyễn Thị Bé	út	20/02/96	2655	A	2NT	5.00	5.50	4.25	16.00	12074		
91	Hoàng Thị Như	Ngọc	28/02/96	25649	A	3	6.50	3.50	5.75	16.00	2788		
92	Đình Văn	Triều	22/03/95	10736	A	1 01	4.25	4.50	3.75	16.00	2849		
93	Trần Thị Hoài	Thương	24/09/94	9511	A	1	3.75	6.00	4.50	16.00	12546		
94	Cáp Kim	Quang	15/11/96	7262	A	1	5.00	4.75	4.75	16.00	12671		
95	Trương Thị	Linh	10/08/96	26208	A	1	5.25	4.50	4.50	16.00	12116		
96	Võ Lê Thị Tường	Vy	10/07/96	18792	A	1	6.00	5.50	3.00	16.00	12126		
97	Nguyễn Hằng	Khuyên	01/07/96	26050	A	1	4.75	5.50	4.00	16.00	12139		
98	Châu Thị Hồng	Thanh	01/08/96	14537	A	2	4.75	4.75	6.00	16.00	2964		
99	Nguyễn Thị Anh	Trang	24/03/95	21592	A	2	6.00	5.00	4.50	16.00	3248		
100	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	16/01/96	22548	A	2	5.75	3.25	6.50	16.00	13276		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
101	Ngô Hữu	Tuấn	22/02/96	13375	A	2	5.00	5.50	4.75	16.00	3680		
102	Võ Công	Tiến	29/03/96	3423	A	2 06	3.50	5.50	5.25	16.00	3700		
103	Trần Thị	Dung	01/01/94	201	A	2	4.50	4.25	6.75	16.00	13510		
104	Trần Hoài	Bảo	17/12/96	23002	A	2	5.75	3.50	5.50	15.50	1265		
105	Trương Hoài	Dương	19/10/96	12614	A	1	5.75	4.75	3.50	15.50	1447		
106	Trương Thị Thanh	Thảo	18/05/96	23680	A	2	5.50	4.00	5.50	15.50	1647		
107	Lê Thị	Tiền	08/10/96	1884	A	2NT	5.25	5.25	4.00	15.50	11028		
108	Đoàn Quang	Dũng	12/02/96	12609	A	1	5.75	4.50	3.50	15.50	2129		
109	Lê Phụ Nguyên	Hoàng	17/11/96	3393	A	1	5.00	4.50	4.25	15.50	11751		
110	Trần Thị	Xuân	05/05/96	10812	A	2NT	5.25	5.75	3.50	15.50	2673		
111	Hồ Thị	Hằng	15/04/96	1783	A	1	4.50	4.50	5.00	15.50	12656		
112	Trần Thị	Vân	03/10/96	1058	A	2	6.75	4.75	3.50	15.50	12690		
113	Cao Thanh	Ân	09/02/95	25090	A	3	5.00	5.25	5.00	15.50	12118		
114	Lê Dương Minh	Lâm	16/11/96	26128	A	2NT	5.75	6.00	2.50	15.50	12171		
115	Lê Hồng	Lan	26/02/96	23324	A	2NT	5.50	3.50	5.50	15.50	12452		
116	Nguyễn Tấn	Rin	18/08/94	16560	A	2	4.75	6.50	3.50	15.50	3087		
117	Nguyễn Thị Thu	Trinh	02/02/96	20846	A	3	5.50	4.50	5.25	15.50	3141		
118	Đỗ Tường	Hiếu	13/04/96	10215	A	2	5.25	5.50	4.25	15.50	3446		
119	Hoàng Hà Nhã	Uyên	01/06/96	22716	A	2	5.75	5.00	3.50	15.00	473		
120	Dương Văn	Minh	26/02/96	5588	A	2NT	5.50	4.25	4.25	15.00	1110		
121	Nguyễn Bá Quang	Sang	28/11/96	19102	A	1	3.50	5.50	4.50	15.00	1246		
122	Nguyễn Hà Minh	Hoàng	12/02/96	25819	A	2	4.50	5.75	4.25	15.00	11239		
123	Trần Thị Bích	Ngọc	04/02/95	22661	A	1	4.50	3.50	5.25	15.00	12639		
124	Phan Thị Mỹ	Thuận	15/07/96	13268	A	2	4.50	4.75	5.25	15.00	3277		
125	Huỳnh Văn	Mỹ	06/08/95	12127	A	1	5.50	4.50	3.00	14.50	504		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
126	Trần Thị	Na	18/08/95	12131	A	1	5.25	4.50	3.00	14.50	506		
127	Ngô Thanh	Hòa	25/01/96	16299	A	2	6.00	4.50	3.50	14.50	875		
128	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/10/96	12147	A	2	6.00	4.25	3.50	14.50	1655		
129	Trần Nhật	Quý	18/12/95	21471	A	2	3.75	5.50	4.75	14.50	1707		
130	Nguyễn Thị	Sương	09/09/95	23621	A	2	3.50	4.50	5.75	14.50	2449		
131	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/12/95	14416	A	2	3.00	6.25	4.50	14.50	2746		
132	Phạm Quế	Quân	18/01/93	26950	A	2NT	1.75	6.00	5.50	14.50	13183		
133	Hoàng Quốc	Huy	24/01/96	21206	A	2	5.75	4.50	3.50	14.50	3413		
134	Ngô Đức	Anh	25/09/96	20270	A	2	4.75	3.50	5.75	14.50	3596		
135	Nguyễn Văn	Danh	04/10/95	12582	A	1	5.25	4.50	2.75	14.00	365		
136	Võ Thị	Xoa	16/06/94	14813	A	2	6.00	3.25	4.25	14.00	1552		
137	Nguyễn Quốc	Phương	24/08/96	7082	A	1	2.00	4.50	6.00	14.00	2144		
138	Lê Thị	Na	26/11/96	26455	A	2NT	4.00	4.50	4.50	14.00	11563		
139	Nguyễn Thị Xuân	Hàng	25/01/95	12709	A	2	4.00	4.50	5.00	14.00	2837		
140	Nguyễn Văn	Tâm	05/03/95	17347	A	2	5.75	5.00	2.75	14.00	12109		
141	Phạm Thị Bích	Duyên	26/01/95	12601	A	3	5.00	2.50	6.50	14.00	12750		
142	Đặng Thị Như	Tín	01/10/96	3037	A	2NT	4.25	3.25	5.00	13.50	883		
143	Nguyễn Vĩnh	Thành	15/05/96	10615	A	2	4.50	4.75	3.75	13.50	899		
144	Hồ Nguyễn Văn	Minh	11/01/96	17064	A	2	4.25	5.25	3.50	13.50	1753		
145	Nguyễn Thị Thu	Phương	20/01/96	14458	A	1	3.25	4.75	3.75	13.50	11523		
146	Lưu Đức	Hoà	18/05/96	22787	A	2	2.25	5.25	5.50	13.50	2653		
147	Cao Hà	Bắc	03/01/96	463	A	1	3.50	4.75	3.50	13.50	12580		
148	Nguyễn Văn	Được	07/03/96	1119	A	2	3.75	4.50	4.50	13.50	2987		
149	Phạm Thị Hải	Yến	07/07/96	14829	A	2NT	2.25	5.00	5.25	13.50	3236		
150	Đàm Xuân	Hải	10/03/95	25251	A	1	2.50	4.25	4.50	13.00	12883		

Nhóm ngành: Toán và Thống kê. Chỉ tiêu: 103

(DHT.D460101) - Ngành: Toán học. Điểm sàn nộp hồ sơ A: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
151	Phạm Thị	Loan	01/01/96	12911	A	1	4.25	4.25	2.75	13.00	3045		
152	Lê Bá	Vỹ	04/08/96	24130	A	1	4.75	3.75	3.00	13.00	13149		

Nhóm ngành: Toán và Thống kê. Chỉ tiêu: 103

(DHT.D460112) - Ngành: Toán ứng dụng. Điểm sàn nộp hồ sơ A: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Trần Nhật	Phong	27/06/96	20637	A	2	8.25	3.50	8.25	20.50	1200		
2	Nguyễn Thị Yến	Ly	14/10/96	3927	A	2NT	6.50	5.50	7.25	20.50	11099		
3	Dương Thị Thanh	Hằng	28/02/96	3765	A	2	6.50	5.50	8.00	20.50	3129		
4	Phan Quang	Hùng	31/05/96	20449	A	2	6.25	6.50	5.75	19.00	407		
5	Nguyễn Anh	Đức	10/11/96	1120	A	2	6.00	6.75	5.50	19.00	1162		
6	Nguyễn Kim	Tú	24/12/96	20870	A	2	6.75	6.00	5.75	19.00	11390		
7	Trần Văn	Quyến	14/02/96	21462	A	2	5.50	6.00	6.25	18.50	1829		
8	Trương Ngọc	Lộc	10/10/96	2288	A	2NT	5.75	5.25	6.50	18.50	11894		
9	Trương Ngọc	Lộc	10/10/96	2288	A	2NT	5.75	5.25	6.50	18.50	3289		
10	Đặng Nguyễn Thuỳ	Trang	09/06/96	14712	A	2	4.00	6.75	6.50	18.00	572		
11	Ngô Phương	Thảo	20/11/96	27246	A	3	7.00	5.50	5.25	18.00	682		
12	Trần Thị Yến	Nhi	03/01/95	26694	A	3 06	6.75	5.50	4.75	18.00	11148		
13	Huỳnh Minh	Đức	02/03/96	2134	A	3	5.75	6.50	5.75	18.00	11268		
14	Hồ Thị Quỳnh	Như	02/01/96	6557	A	2	6.50	5.50	5.25	18.00	2577		
15	Nguyễn Thành	Long	04/08/96	5027	A	3	6.50	5.75	5.75	18.00	12684		
16	Ông Văn Thành	Đạt	11/06/96	835	A	2	5.75	6.50	5.25	18.00	13072		
17	Nguyễn Văn	Sang	10/02/96	7744	A	2	6.00	5.50	5.75	18.00	13443		
18	Hoàng Thị	Hiệp	08/04/96	15105	A	2	5.75	5.75	5.50	17.50	1143		
19	Hồ Thị	Ni	17/04/94	14421	A	2	7.00	4.25	5.50	17.50	1149		
20	Nguyễn Thanh	Huy	22/10/95	3769	A	2	6.25	5.50	5.25	17.50	1783		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
21	Ngô Xuân	Tùng	22/09/96	18532	A	3	6.75	6.25	4.50	17.50	11149		
22	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	13/07/96	10946	A	2	5.75	6.00	5.25	17.50	11240		
23	Trần Thị Thanh	Duyên	20/02/93	25338	A	2	5.00	7.25	4.75	17.50	11279		
24	Trần Xuân	Vũ	12/12/96	11670	A	1	1.25	5.50	9.00	17.50	1868		
25	Đặng Thị Hồng	Hiệp	08/05/96	25732	A	2	6.00	5.75	5.00	17.50	11660		
26	Nguyễn Văn	Thuận	20/02/95	21541	A	2	7.50	5.50	3.75	17.50	11832		
27	Trần Thị Thanh	Hà	29/06/96	14840	A	2	5.25	5.00	6.50	17.50	10019		
28	Đoàn	Chinh	02/04/95	25178	A	2NT	3.75	5.75	6.25	17.00	644		
29	Hoàng Thị Dạ	Yến	16/12/96	22149	A	2	6.00	4.75	5.75	17.00	1269		
30	Lê Thị Tố	Uyên	20/07/95	28056	A	3	6.50	5.50	5.00	17.00	11281		
31	Nguyễn Minh	Nhật	19/05/95	26671	A	2	5.75	6.50	4.00	17.00	2212		
32	Lê Quang	Hùng	18/04/96	12808	A	2NT	7.00	5.25	3.75	17.00	2260		
33	Nguyễn Thị Huyền	Ny	21/09/96	10493	A	1	6.75	4.00	4.50	17.00	11732		
34	Lê Thị Thùy	Dung	18/11/96	1327	A	3	5.75	6.50	4.75	17.00	10008		
35	Hồ Quý	Nhân	13/12/96	4789	A	2	6.50	6.00	3.75	17.00	2651		
36	Bùi Thị Mỹ	Hoa	16/03/95	15232	A	2	5.00	6.25	5.25	17.00	12647		
37	Bùi Công	Sỹ	06/05/95	2507	A	1	3.50	6.50	5.50	17.00	12782		
38	Nguyễn Văn	Khoa	01/02/95	4455	A	2	6.50	4.50	5.25	17.00	3061		
39	Phan Thị Lan	Anh	18/12/96	2675	A	2	7.50	4.00	4.75	17.00	13132		
40	Lê Đức Thúy	Vy	25/08/95	28231	A	3	5.25	5.75	6.00	17.00	3265		
41	Hoàng Thanh	Nhân	24/09/96	11047	A	2NT	5.50	5.50	4.75	17.00	3615		
42	Nguyễn Thanh	Phước	09/07/96	14471	A	2	6.00	5.00	4.75	16.50	1117		
43	Phan Xuân	Minh	29/02/96	26387	A	3	6.50	5.00	5.00	16.50	1547		
44	Huỳnh Bá Hải	Triều	08/04/96	10134	A	3	6.50	4.50	5.50	16.50	1986		
45	Hoàng Đức	Anh	05/05/96	12513	A	2	6.00	6.25	3.50	16.50	1991		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
46	Lê Phương	Thùy	09/11/96	17803	A	2	5.50	6.00	4.25	16.50	2094		
47	Lê Thị	Hằng	12/08/96	13990	A	2NT	6.25	4.50	4.50	16.50	2410		
48	Lê Thị	Hằng	12/08/96	13990	A	2NT	6.25	4.50	4.50	16.50	2799		
49	Mai Thị Phương	Dung	04/05/95	1429	A	2NT	5.50	5.25	4.75	16.50	13225		
50	Nguyễn Đại	Phong	02/02/95	26808	A	2	5.25	4.50	6.00	16.50	12398		
51	Ngô Thị Hồng	Như	10/04/96	2374	A	2NT	5.50	5.50	4.25	16.50	13467		
52	Đông Hữu Hoàng	Chung	04/10/96	1170	A	2NT	6.50	4.50	4.50	16.50	3612		
53	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	20/12/96	14754	A	2	5.25	6.00	4.50	16.50	3600		
54	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	05/10/95	13806	A	2	5.75	5.50	4.25	16.00	920		
55	Nguyễn Quốc	Mẫn	17/08/96	5495	A	2	3.50	6.50	5.25	16.00	959		
56	Lê Văn	Chánh	20/10/95	712	A	1	4.00	5.50	4.75	16.00	1089		
57	Lương Nguyễn Khánh	Vy	11/11/96	18811	A	3	6.50	5.50	4.00	16.00	11216		
58	Nguyễn Thị Thanh	Lan	15/07/95	26093	A	3	5.75	5.75	4.25	16.00	11656		
59	Võ Thị	Thủy	27/11/96	21567	A	1	4.25	5.25	4.75	16.00	2827		
60	Đặng Cao	Trí	19/05/95	7443	A	1	6.00	5.25	3.00	16.00	2848		
61	Nguyễn Thị	ánh	18/09/96	16078	A	2NT	7.00	4.50	3.50	16.00	12481		
62	Quang Thị Phương	Anh	10/07/96	14103	A	2NT	6.00	5.25	3.50	16.00	3000		
63	Hoàng Thị Kim	Anh	18/02/96	115	A	2	6.25	2.50	6.75	16.00	3056		
64	Trương Bá	Thiện	03/11/96	13246	A	1	4.00	5.75	4.50	16.00	3456		
65	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	16/06/96	11063	A	2NT	5.00	5.25	4.50	16.00	12252		
66	Nguyễn Phú	Hưng	27/10/96	4086	A	3	5.50	5.75	4.50	16.00	12323		
67	Ngô Hữu	Tuấn	22/02/96	13375	A	2	5.00	5.50	4.75	16.00	3679		
68	Dương Quốc	Thịnh	22/05/96	6596	A	2	5.25	5.50	4.50	16.00	3711		
69	Ngô Phan Hải	Đăng	14/12/96	10137	A	2	5.75	5.00	4.75	16.00	3734		
70	Lê Tiến	Đạt	03/04/95	23081	A	2 06	5.25	4.50	4.25	15.50	1152		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
71	Nguyễn Ngọc Nhật	Tân	25/01/96	8325	A	2	5.25	4.75	4.75	15.50	1479		
72	Phạm Thị Thu	Hà	20/04/95	10172	A	2NT	5.50	5.50	3.50	15.50	1704		
73	Huỳnh Tấn	Việt	28/11/96	2199	A	2NT	6.25	4.00	4.00	15.50	11367		
74	Mai Thị Mỹ	Lâm	10/09/96	3319	A	2	5.50	3.50	5.75	15.50	11512		
75	Phạm Thị Thùy	Linh	25/06/96	21279	A	2NT	6.75	4.00	3.75	15.50	2328		
76	Lê Thanh	Lân	01/06/96	23330	A	1	6.00	5.25	2.50	15.50	2665		
77	Lê Đình Quốc	Khánh	02/09/96	2233	A	2	5.75	4.00	5.00	15.50	2811		
78	Lê Dương Minh	Lâm	16/11/96	26128	A	2NT	5.75	6.00	2.50	15.50	12170		
79	Dương Thị	Hiền	06/08/95	160	A	2NT	5.00	5.00	4.50	15.50	12789		
80	Dương Ngọc	Hà	30/10/96	10886	A	2	6.75	3.75	4.25	15.50	3213		
81	Lê Thị	Thơm	28/05/96	17707	A	2NT	6.00	4.50	3.75	15.50	12364		
82	Hoàng Hữu	Nghĩa	22/12/96	5920	A	3	6.50	5.25	3.75	15.50	13472		
83	Võ Thị Thuý	Nga	09/12/96	12986	A	2	5.50	5.25	4.00	15.50	3522		
84	Nguyễn Thị Thu	Thủy	18/11/96	14648	A	2	5.25	6.00	3.25	15.00	162		
85	Lê Thái	Sơn	12/04/96	23610	A	2	4.75	4.75	4.75	15.00	190		
86	Trần Các	Tường	11/06/96	22550	A	2	4.50	5.50	4.50	15.00	394		
87	Phan Thiên	Hoàng	30/01/95	12758	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	1282		
88	Nguyễn Trần Quân	Sơn	02/12/95	17221	A	1	4.00	3.75	5.50	15.00	12660		
89	Đoàn Đức Sơn	Kỳ	23/06/95	1919	A	2	4.00	4.75	5.50	15.00	2992		
90	Lê Hoàng Nhật	Nam	05/09/96	12977	A	2	4.00	5.00	5.50	15.00	3704		
91	Hoàng Ngọc Khải	Văn	01/01/96	13411	A	2	6.50	4.50	3.50	15.00	3530		
92	Nguyễn Quốc	Huy	19/07/96	23976	A	2	3.00	5.75	5.50	15.00	3557		
93	Phan Việt Quý	Nhân	09/01/96	23461	A	2	4.75	5.00	4.00	14.50	209		
94	Nguyễn Hoàng Tài	Đức	04/11/96	12647	A	2	5.00	4.25	4.50	14.50	230		
95	Ngô Thanh	Hòa	25/01/96	16299	A	2	6.00	4.50	3.50	14.50	692		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
96	Lê Thị Bảo	Anh	01/05/96	12514	A	2	4.00	5.25	4.50	14.50	1061		
97	Trần Thị Ngọc	Hà	18/03/96	16210	A	2	5.50	3.75	4.50	14.50	1232		
98	Nguyễn Ngọc	Tri	19/02/96	10083	A	2NT	3.75	4.00	5.50	14.50	1291		
99	Lê Ngô Xuân	Trinh	21/09/96	27825	A	3	5.00	6.00	3.50	14.50	10006		
100	Bạch Bảo	Anh	19/04/96	11791	A	2	5.25	5.00	3.50	14.50	2635		
101	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/12/95	14416	A	2	3.00	6.25	4.50	14.50	2744		
102	Phan Thị Mỹ	Tịnh	20/08/95	9850	A	3	5.50	4.75	4.00	14.50	3133		
103	Nguyễn Văn	Biên	11/12/94	543	A	2NT	4.50	5.50	3.50	14.50	13021		
104	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/10/96	1001	A	2	6.00	3.50	4.50	14.50	3676		
105	Trần Đức	Pháp	08/01/95	13080	A	2	4.00	5.00	4.25	14.00	554		
106	Nguyễn Tấn	Hải	10/07/95	22605	A	2	6.00	3.25	4.25	14.00	664		
107	Hồ Tấn	Phát	28/08/94	16819	A	2	3.75	5.00	4.50	14.00	2123		
108	Nguyễn Thị Thương	Thương	22/07/96	13733	A	2NT	7.00	3.50	2.25	14.00	12570		
109	Huỳnh Lê Duy	Lợi	09/12/95	5252	A	2	3.50	5.50	4.25	14.00	3354		
110	Trần Nguyễn Thanh	Thúy	09/02/95	9424	A	2	2.75	5.00	5.50	14.00	13252		
111	Phan Hiếu	Thảo	28/11/95	21516	A	3	4.50	5.75	3.50	14.00	3629		
112	Lê Bảo	Lưu	12/10/94	5372	A	2NT	3.75	5.25	4.00	14.00	3585		
113	Hồ Thùy	Uyên	18/06/96	12477	A	2	4.25	5.50	3.25	13.50	304		
114	Nguyễn Hồ Bảo	Minh	27/07/96	23400	A	1	5.00	3.50	3.50	13.50	1130		
115	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	04/11/95	15005	A	2	3.75	3.25	6.00	13.50	1227		
116	Ngô Việt Phương	Đông	16/01/96	13926	A	2	5.50	3.50	4.00	13.50	1628		
117	Trần Thụy Tâm	Thanh	25/07/95	12325	A	2	5.00	3.75	4.25	13.50	2642		
118	Nguyễn Văn	Được	07/03/96	1119	A	2	3.75	4.50	4.50	13.50	2988		
119	Hoàng Thị Minh	Trí	28/07/96	13348	A	2	5.50	4.75	2.75	13.50	3011		
120	Ông Văn	Tân	04/01/96	12320	A	2	3.50	5.00	4.50	13.50	13067		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
121	Nguyễn Quang	Huy	16/10/96	11999	A	2	3.25	4.25	5.50	13.50	3342		
122	Nguyễn Văn	Tý	23/09/96	457	A	2	4.25	4.25	4.25	13.50	3537		
123	Nguyễn Thị Thi	Phượng	19/10/95	23555	A	2NT	4.75	3.50	4.00	13.50	13495		
124	Nguyễn Hoài	Thương	20/11/96	12398	A	2	4.25	4.50	3.75	13.00	331		
125	Nguyễn Quang	Khải	01/10/96	12041	A	2	3.75	6.00	2.75	13.00	373		
126	Cao Minh	Khoa	31/08/96	22416	A	2	5.00	3.00	4.50	13.00	1029		
127	Phạm Quốc	Đạt	02/08/95	23088	A	2NT	5.25	4.00	2.75	13.00	13016		
128	Nguyễn Thị	Thời	29/09/96	16644	A	2NT	4.50	3.50	3.75	13.00	12363		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Phan Quang	Hùng	31/05/96	20449	A	2	6.25	6.50	5.75	19.00	408		
2	Trần Xuân	Vũ	12/09/96	11297	A	2NT	6.00	6.25	5.50	19.00	1207		
3	Võ Đình	Huy	02/09/96	2096	A	2NT	6.25	5.50	5.75	18.50	1399		
4	Nguyễn Chánh	Trực	28/05/96	7637	A	2 06	5.50	4.00	7.25	18.50	2202		
5	Lê Quý	Thân	27/11/96	8803	A	2	5.50	5.50	6.50	18.00	1453		
6	Trần Thị Yến	Nhi	03/01/95	26694	A	3 06	6.75	5.50	4.75	18.00	2065		
7	Võ Sơn Bá	Linh	17/11/94	1070	A	2NT	6.00	4.50	6.50	18.00	12943		
8	Trương Thành	Dũng	10/04/95	1503	A	3	5.75	6.50	5.75	18.00	12804		
9	Nguyễn Tiến	Đạt	20/06/94	1821	A	2NT	5.50	6.25	5.25	18.00	3637		
10	Trần Thanh	Bằng	06/03/96	13831	A	2	6.00	5.50	5.50	17.50	622		
11	Đoàn Lê Thị	Hạnh	20/05/96	12702	A	1	5.75	6.00	4.00	17.50	1968		
12	Nguyễn Thị Lan	Hương	01/02/96	4175	A	2	6.75	5.50	4.75	17.50	11385		
13	Lê Thái	Duy	02/02/96	1409	A	2NT	5.50	5.75	5.00	17.50	3197		
14	Nguyễn Đình	Hoàng	06/06/96	3328	A	2NT	6.75	5.00	4.50	17.50	13330		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
15	Trần Quốc Kỳ	Văn	19/07/96	11267	A	2	6.25	5.75	4.25	17.00	1300		
16	Nguyễn Thị Nhật	Thùy	25/03/96	21553	A	1	4.75	6.00	4.50	17.00	1662		
17	Nguyễn Văn	Vũ	17/02/96	11679	A	1	4.00	4.00	7.50	17.00	2369		
18	Trương Đình	Bổn	12/04/96	10055	A	1	5.00	6.00	4.50	17.00	2484		
19	Nguyễn Thị	Uyên	07/02/96	21651	A	2	6.25	5.50	4.50	17.00	12558		
20	Nguyễn Ngọc	Thiện	25/09/96	9093	A	2NT	6.50	5.00	4.50	17.00	12815		
21	Hồ Thị Vân	Anh	20/03/96	105	A	2	4.75	5.50	6.00	17.00	13268		
22	Cái Lê Hoàng	Uy	23/01/95	28037	A	1	5.25	5.00	4.50	16.50	1215		
23	Trần Hữu	Nghĩa	19/05/96	5966	A	2	5.75	4.50	5.50	16.50	2101		
24	Lê Thị	Trinh	13/03/96	11192	A	1	5.75	6.00	3.25	16.50	12016		
25	Phạm Hữu	Hoàng	11/01/95	1775	A	1	5.50	5.50	3.75	16.50	2596		
26	Trần Thị Thùy	Trang	07/10/95	10024	A	2	4.25	6.00	5.75	16.50	12650		
27	Trương Phước	Trưởng	01/12/95	10578	A	2NT	6.25	5.25	4.00	16.50	12156		
28	Phạm Hồng	Hải	26/11/95	2518	A	2	5.75	4.50	5.50	16.50	13107		
29	Nguyễn Thị Kim	Nhung	24/02/96	21393	A	2	4.00	6.75	5.00	16.50	3237		
30	Nguyễn Bá	Quốc	30/04/96	7465	A	1	5.25	5.75	3.75	16.50	3274		
31	Đình Như Hồng	Đức	01/01/96	10878	A	2	5.00	7.00	3.75	16.50	3696		
32	Tôn Thất Thiện	Phúc	11/03/92	25772	A	2	4.50	5.75	5.50	16.50	3715		
33	Nguyễn Bá	Quốc	30/04/96	7465	A	1	5.25	5.75	3.75	16.50	3559		
34	Lê Đức	Anh	22/07/95	303	A	1	3.50	6.75	4.00	16.00	34		
35	Lê Quang	Vinh	11/04/94	21675	A	2	6.25	6.00	3.00	16.00	534		
36	Đào Bá	Linh	15/04/96	1541	A	2NT	6.25	5.50	3.00	16.00	1979		
37	Nguyễn Thị Tố	Quyên	25/12/95	26970	A	2NT	5.00	5.50	4.50	16.00	2091		
38	Nguyễn Xuân	Triều	25/03/96	18317	A	2	5.00	5.25	5.00	16.00	11570		
39	Nguyễn Mạnh	Công	08/10/96	911	A	3	5.50	4.00	6.50	16.00	12449		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
40	Trần Kim	Kin	01/12/96	21252	A	2NT	5.25	6.00	3.50	16.00	3440		
41	Ngô Hữu	Tuấn	22/02/96	13375	A	2	5.00	5.50	4.75	16.00	3681		
42	Võ Công	Tiến	29/03/96	3423	A	2 06	3.50	5.50	5.25	16.00	3701		
43	Dương Quốc	Thịnh	22/05/96	6596	A	2	5.25	5.50	4.50	16.00	3712		
44	Lê Phước Minh	Tùng	05/02/96	11205	A	2	5.25	5.50	4.75	16.00	3592		
45	Trần	Phước	21/11/96	10536	A	2	5.50	4.50	5.00	15.50	631		
46	Hoàng Công	Định	08/11/96	10139	A	2	5.25	6.00	3.75	15.50	633		
47	Nguyễn Văn	Đạt	28/12/96	23085	A	2	4.00	5.50	5.50	15.50	865		
48	Đặng Hoàng	Lệ	05/11/96	12872	A	2NT	5.00	5.00	4.25	15.50	1798		
49	Ngô Nhân	Tịnh	01/07/95	9848	A	2	4.50	5.75	4.50	15.50	1833		
50	Nguyễn Văn	Tráng	11/12/89	27768	A	2NT	3.00	6.50	5.00	15.50	11395		
51	Võ Thành	Danh	28/03/96	950	A	1	5.50	4.00	4.25	15.50	11458		
52	Phan Văn Duy	Quang	08/10/96	2867	A	1	5.50	4.75	3.75	15.50	11488		
53	Trần Đức	Toàn	15/10/96	9905	A	2NT	5.50	5.50	3.50	15.50	11904		
54	Lương Sơn	Hùng	18/10/96	23277	A	2	5.00	4.50	5.50	15.50	2879		
55	Hồ Công	Hiếu	19/03/96	12724	A	2	5.00	5.50	4.50	15.50	2893		
56	Phan Hữu	Toàn	17/02/95	822	A	1	4.75	4.50	4.50	15.50	12420		
57	Trần Văn	Hải	25/10/96	596	A	2NT	5.00	5.50	3.75	15.50	12836		
58	Phan Thị	Thanh	29/10/96	8790	A	2	5.75	5.50	3.50	15.50	3249		
59	Trần Bá Nhật	Hoàng	06/01/96	23224	A	2	6.50	5.00	3.50	15.50	3472		
60	Đoàn Công Tuấn	Vũ	04/06/96	1446	A	2	6.50	4.00	4.50	15.50	3686		
61	Lê Thái	Sơn	12/04/96	23610	A	2	4.75	4.75	4.75	15.00	188		
62	Nguyễn Trung	Phong	23/02/95	749	A	2	5.00	5.25	4.00	15.00	224		
63	Nguyễn Tấn Hoàng	Vũ	20/01/96	22920	A	2	5.75	5.00	3.75	15.00	337		
64	Hoàng Hà Nhã	Uyên	01/06/96	22716	A	2	5.75	5.00	3.50	15.00	474		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
65	Lê Văn	Huy	16/05/96	23974	A	2	4.00	4.75	5.50	15.00	783		
66	Nguyễn Quang	Huy	23/03/95	12788	A	1	4.50	5.50	3.50	15.00	955		
67	Phan Thiên	Hoàng	30/01/95	12758	A	2	4.75	5.50	4.25	15.00	1281		
68	Nguyễn Văn	Quốc	10/01/95	1584	A	2	5.00	5.75	3.50	15.00	11293		
69	Bùi Thị	Nhung	20/07/96	11055	A	2	5.50	4.75	4.00	15.00	11483		
70	Nguyễn Hữu	Hậu	02/04/96	23163	A	2NT	5.50	4.25	4.25	15.00	2109		
71	Nguyễn Ngọc Nhật	Tân	17/11/95	8311	A	2	5.50	5.75	3.00	15.00	2199		
72	Nguyễn Thanh	Bình	01/01/96	21061	A	1	5.75	4.25	3.50	15.00	2234		
73	Ngô Xuân	Hạ	07/10/95	14932	A	2	5.00	5.00	4.50	15.00	11866		
74	Hoàng Minh	Phú	16/07/96	13089	A	1	4.75	5.25	3.50	15.00	3094		
75	Trần Văn	Hải	23/05/96	12687	A	2	5.50	5.00	3.75	15.00	3172		
76	Nguyễn Đắc Tiến	Thanh	31/01/96	23653	A	2	2.25	6.25	5.25	14.50	152		
77	Trần Xuân	Trí	20/01/95	23790	A	2	4.00	4.50	5.50	14.50	387		
78	Lê Quang Quốc	Hưng	19/12/96	23285	A	2	4.75	5.50	3.50	14.50	611		
79	Nguyễn	Thành	20/11/92	27207	A	3	4.25	5.25	5.00	14.50	678		
80	Nguyễn Trương Ngọc	Thành	03/07/96	13202	A	2	4.25	5.00	4.75	14.50	943		
81	Huỳnh Văn	Mỹ	06/08/95	12127	A	1	5.50	4.50	3.00	14.50	981		
82	Hồ Nhật	Hoàng	05/06/95	23212	A	2	6.00	4.00	4.00	14.50	10026		
83	Đình Văn	Định	20/08/96	1843	A	2NT	4.00	6.00	3.50	14.50	12445		
84	Phan Thị Mỹ	Tịnh	20/08/95	9850	A	3	5.50	4.75	4.00	14.50	3132		
85	Nguyễn Văn	Hùng	26/09/92	12812	A	2NT	4.75	4.75	4.00	14.50	3269		
86	Ngô Phước	Nhân	22/08/94	13707	A	2	4.00	5.50	4.50	14.50	3318		
87	Lê Phụ	Hướng	25/09/96	16344	A	1	5.50	4.00	3.50	14.50	13254		
88	Hồ Việt	Đức	25/05/92	23109	A	1	2.75	5.00	5.00	14.50	3625		
89	Phan	Cát	21/05/96	133	A	2NT	5.50	5.25	2.50	14.50	13526		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
90	Trần Văn	Phanh	13/05/96	16515	A	1	4.50	4.50	3.50	14.00	269		
91	Nguyễn Hữu	Hải	18/11/96	23954	A	1	3.75	4.50	4.00	14.00	926		
92	Võ Văn	Thạnh	02/02/90	19880	A	2	5.25	5.75	2.50	14.00	1124		
93	Lê Đình Quốc	Huy	07/07/95	3770	A	2	4.75	5.50	3.25	14.00	1289		
94	Hoàng Ngọc	Thảo	23/04/96	18519	A	2	4.50	5.25	3.75	14.00	1607		
95	Hoàng Tuấn	Vũ	31/07/95	18615	A	2	5.75	4.75	3.00	14.00	1814		
96	Lê Đình	Đức	14/01/96	18211	A	1	3.50	5.00	3.75	14.00	2013		
97	Nguyễn Thị Thu	Thủy	14/06/95	21564	A	2	3.25	5.50	4.50	14.00	2044		
98	Nguyễn Tấn Thanh	Tùng	06/04/95	7930	A	2	4.00	5.00	4.25	14.00	2072		
99	Võ Phúc	Đoàn	09/02/96	23937	A	2	5.50	4.25	3.50	14.00	11806		
100	Võ Tiến	Long	12/04/96	14224	A	1	3.75	5.25	3.25	14.00	2926		
101	Lê Duy	Phước	28/05/96	743	A	1	3.00	4.75	4.50	14.00	2970		
102	Đoàn	Long	10/11/96	23360	A	1	4.00	5.50	3.00	14.00	3185		
103	Cao Bùi Lâm	Thông	07/09/95	23722	A	1	4.50	3.50	4.50	14.00	12311		
104	Nguyễn Dương Thanh	Hiền	21/08/96	11951	A	2	5.50	3.50	4.50	14.00	3644		
105	Lê Thành	Long	17/03/96	5081	A	2NT	3.25	4.25	5.50	14.00	3552		
106	Nguyễn Trọng	Hiếu	29/06/95	23962	A	1	3.00	5.50	3.50	13.50	182		
107	Nguyễn Văn	Giàu	02/03/95	11904	A	2NT	4.50	4.75	3.25	13.50	335		
108	Trịnh Hoàng	Khương	24/01/96	12048	A	2	3.75	4.25	4.75	13.50	386		
109	Nguyễn Phước Bảo	Hưng	25/04/96	23288	A	2	3.00	4.25	5.50	13.50	684		
110	Nguyễn Công	Hữu	07/12/95	18304	A	2	2.25	5.50	5.25	13.50	1032		
111	Võ Thị Mỹ	Tâm	13/12/95	27123	A	2	4.25	5.00	3.75	13.50	11217		
112	Ngô Viết Khải	Văn	20/11/96	13413	A	2	4.50	5.00	3.50	13.50	2175		
113	Ngô Khai Huệ	Minh	03/01/96	12963	A	2	3.50	4.50	5.00	13.50	2867		
114	Nguyễn Công	Phi	13/03/96	19757	A	2	4.25	4.25	4.25	13.50	12125		

Nhóm ngành: Kỹ thuật. Chỉ tiêu: 177

(DHT.D520501) - Ngành: Kỹ thuật địa chất. Điểm sàn nộp hồ sơ A: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
115	Đặng Hữu	Trí	24/06/96	24097	A	2NT	3.75	4.50	4.00	13.50	12168		
116	Ngô Việt	Hải	19/01/96	18635	A	2NT	2.50	5.50	4.25	13.50	2907		
117	Ông Văn	Tân	04/01/96	12320	A	2	3.50	5.00	4.50	13.50	13066		
118	Nguyễn Quang	Huy	16/10/96	11999	A	2	3.25	4.25	5.50	13.50	3341		
119	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	02/09/96	23303	A	2	3.25	5.50	4.25	13.50	3445		
120	Mai Thị	Lành	18/08/94	10327	A	1	3.50	4.75	3.75	13.50	3516		
121	Hoàng Thị Minh	Trí	28/07/96	13348	A	2	5.50	4.75	2.75	13.50	3558		
122	Lê Văn	Công	15/10/96	18172	A	2NT	5.25	3.75	2.75	13.00	461		
123	Hồ Văn	Thống	11/09/94	19900	A	2	5.00	3.50	3.75	13.00	619		
124	Ngô Văn	Tiến	15/09/94	19934	A	2	3.00	3.00	6.50	13.00	804		
125	Vũ Quốc	Khánh	29/11/96	11336	A	2	3.00	5.50	3.75	13.00	1849		
126	Hồ Quang	Sang	18/05/96	18476	A	1	4.25	3.50	3.50	13.00	2230		
127	Trần Thị	Linh	13/04/95	26185	A	2	5.50	3.25	3.50	13.00	11888		
128	Nguyễn Quang	Khải	01/10/96	12041	A	2	3.75	6.00	2.75	13.00	2855		
129	Lê Thị Hồng	Nhi	05/09/96	14346	A	2	2.50	3.50	6.50	13.00	3114		
130	Mai Tấn	Lưu	25/07/95	24005	A	2NT	2.75	4.25	4.75	13.00	3370		

Nhóm ngành: Kỹ thuật. Chỉ tiêu: 177

(DHT.D520503) - Ngành: Kỹ thuật trắc địa - bản đồ. Điểm sàn nộp hồ sơ A: 13,0

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
1	Nguyễn Quốc	Phương	30/11/96	20652	A	2	6.25	6.50	6.50	20.00	1244		
2	Phạm Phú	Toàn	04/05/96	962	A	2	6.25	5.50	5.00	17.50	13014		
3	Nguyễn Minh	Thắng	25/10/96	889	A	1	4.50	6.00	5.50	17.50	13440		
4	Hồ Thị Vân	Anh	20/03/96	105	A	2	4.75	5.50	6.00	17.00	13267		
5	Nguyễn Chí	Tiến	19/10/96	10706	A	2	4.50	6.00	5.25	16.50	12771		
6	Lê Phước Minh	Tùng	05/02/96	11205	A	2	5.25	5.50	4.75	16.00	1742		

Stt	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi			Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
7	Trần Đức	Toàn	15/10/96	9905	A	2NT	5.50	5.50	3.50	15.50	13127		
8	Trần Bá Nhật	Hoàng	06/01/96	23224	A	2	6.50	5.00	3.50	15.50	3739		
9	Phạm Khánh	Toàn	17/02/96	5110	A	2NT	5.25	4.75	3.75	15.00	665		
10	Lê Văn	Huy	16/05/96	23974	A	2	4.00	4.75	5.50	15.00	782		
11	Hoàng Em	Vũ	12/02/95	23879	A	2	4.50	5.50	4.25	15.00	12460		
12	Nguyễn Ngọc Nhật	Tân	17/11/95	8311	A	2	5.50	5.75	3.00	15.00	3621		
13	Nguyễn Hồng	Sơn	10/09/96	5788	A	2NT	4.00	5.50	4.50	15.00	3740		
14	Phan Việt Quý	Nhân	09/01/96	23461	A	2	4.75	5.00	4.00	14.50	210		
15	Hồ Ngọc	Diễn	18/05/96	22756	A	2	4.50	6.25	3.25	14.50	1896		
16	Nguyễn Tuấn	Nam	20/07/95	6731	A	2NT	5.00	4.00	4.25	14.50	11779		
17	Trần Hữu	Thiện	07/09/96	24083	A	1	3.50	4.25	5.00	14.50	11968		
18	Võ Thế	Nghĩa	14/04/95	12998	A	2NT	4.25	4.50	4.50	14.50	12852		
19	Võ Văn	Thanh	02/02/90	19880	A	2	5.25	5.75	2.50	14.00	1123		
20	Nguyễn Quang	Trường	26/07/92	10544	A	3	6.00	4.25	3.50	14.00	1805		
21	Nguyễn Cao	Cường	31/01/94	23037	A	2NT 03	1.00	5.50	4.50	14.00	11473		
22	Phạm	Sơn	13/06/93	19840	A	2 04	4.25	4.50	2.50	14.00	2371		
23	Nguyễn Khánh	Linh	31/08/96	22428	A	2	4.25	4.00	5.00	14.00	2949		
24	Phạm Bảo	Đức	17/04/93	14741	A	2	2.75	6.50	4.25	14.00	3200		
25	Nguyễn Đức	Hòa	25/11/96	1038	A	2NT	3.25	4.75	4.75	14.00	3663		
26	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	02/09/96	23303	A	2	3.25	5.50	4.25	13.50	43		
27	Lê Văn Quốc	Tuấn	09/01/96	14746	A	2	3.50	5.50	4.00	13.50	802		
28	Nguyễn Anh	Tú	20/10/96	20030	A	2NT	3.75	4.75	3.75	13.50	1913		
29	Hồ Đức	Hòa	03/09/95	31967	A	2	4.75	4.50	3.50	13.50	11803		
30	Lê Bảo	Việt	19/09/95	12493	A	2	2.25	5.25	5.50	13.50	12946		
31	Đào Hoàng	Tuấn	31/08/96	20016	A	2NT	4.25	2.75	5.00	13.00	1977		

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Số báo danh	Khối	K.vực Đ.tượng	Điểm thi	Tổng điểm ưu tiên	Stt hồ sơ	Ngày nhận hồ sơ	Ngày trả hồ sơ
32	Hoàng Văn Hồng Hải	15/11/95	18810	A	1	4.25 4.00 3.00	13.00	2428		
33	Lê Thị Hồng Nhi	05/09/96	14346	A	2	2.50 3.50 6.50	13.00	3113		
34	Mai Tấn Lưu	25/07/95	24005	A	2NT	2.75 4.25 4.75	13.00	3369		
35	Ngô Quang Thắng	31/08/95	8904	A	2	3.50 5.25 3.75	13.00	3619		
36	Trương Công Tín	21/10/95	17188	A	1	4.00 5.00 2.50	13.00	3658		
37	Nguyễn Lê Trường Khánh	06/04/95	12845	A	2NT	3.00 6.50 2.50	13.00	13348		
38	Huỳnh Văn Nhật	01/03/94	12186	A	2	5.00 3.50 3.75	13.00	3528		

Tổng cộng số đơn hợp lệ là: 6138.